

Số: ~~13809~~/BTC-PC  
V/v xin ý kiến thẩm định về đề  
nghị xây dựng Luật Tiết kiệm,  
chống lãng phí

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 của Quốc hội về tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 của Quốc hội về tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Bộ Tài chính đã thực hiện tổng kết thi hành Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013.

Trên cơ sở rà soát, tổng kết, Bộ Tài chính đã xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Tiết kiệm, chống lãng phí. Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã gửi hồ sơ đề nghị xây dựng Luật lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi của tổ chức, cá nhân (công văn số 10445/BTC-PC ngày 29/9/2023).

Căn cứ các chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm, của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thời gian qua về công tác phòng, chống lãng phí và tổng hợp ý kiến tham gia của các bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài chính đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi).

Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính gửi hồ sơ đề nghị xây dựng Luật để Bộ Tư pháp thẩm định (gửi kèm), gồm: (i) Tờ trình Chính phủ về đề nghị xây dựng Luật; (ii) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật; (iii) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; (iv) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật; (v) Dự kiến đề cương chi tiết dự thảo Luật; (vi) Bảng rà soát một số quy định pháp luật có liên quan đến dự án Luật Tiết kiệm, chống lãng phí; (vii) Phụ lục dự kiến một số hành vi gây lãng phí.

Bộ Tài chính trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý Bộ!.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phúc (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, PC. (04b) *ST*

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**  
  
**Lê Tân Cận**

Số: 360/TTr-BTC

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2024

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị xây dựng Luật Tiết kiệm, chống lãng phí**

(Phục vụ công tác thẩm định của Bộ Tư pháp)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Tài chính xin trình Chính phủ đề nghị xây dựng Luật Tiết kiệm, chống lãng phí (viết tắt là TK, CLP), như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

**1. Cơ sở pháp lý, chính trị**

- Tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng đã xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ Đại hội XIII là *"Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, "lợi ích nhóm", những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ."*

- Tại Thông báo kết luận của Bộ Chính trị số 12-TB/TW ngày 06/4/2022 về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã đặt ra nhiệm vụ trọng tâm là: *"sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật Thanh tra, Luật Thực hành dân chủ ở xã, phường, thị trấn, Luật Tiếp công dân và các dự án luật khác liên quan trực tiếp đến phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực."*

- Tại điểm 2 Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, trong đó có nhiệm vụ: *"Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo hướng lấy tiết kiệm là mục tiêu, chống lãng phí là nhiệm vụ, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi; tập trung xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu; quy định cụ thể hành vi vi phạm, hình thức xử lý; chú trọng các lĩnh vực dễ xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực như đấu thầu, đấu giá, quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, tín dụng, quản lý tài sản công, đầu tư công, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp."*

- Tại Bài viết “Chống lãng phí” của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Tô Lâm đã xác định một trong các giải pháp trọng tâm là: “*tập trung hoàn thiện và tổ chức triển khai có hiệu quả thể chế phòng, chống lãng phí; xử lý nghiêm các cá nhân, tập thể có hành vi, việc làm gây thất thoát, lãng phí tài sản công. Ban hành quy định của Đảng nhận diện cụ thể những biểu hiện lãng phí trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên; quy định vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác phòng, chống lãng phí; xây dựng và tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí. Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo hướng tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, đồng bộ cho giám sát, kiểm tra, phát hiện, xử lý mạnh, có tính răn đe cao đối với các hành vi lãng phí; xây dựng cơ chế thực sự hữu hiệu cho giám sát, phát hiện lãng phí của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân.*”

- Tại Nghị quyết số 74/2022/QH15 của Quốc hội về tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP đặt ra nhiệm vụ trước năm 2025 phải đề xuất sửa Luật THTK, CLP.

- Tại Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14/4/2023 về thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 của Quốc hội về tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP, Chính phủ đã giao Bộ Tài chính chủ trì rà soát, tổng kết và đề xuất sửa đổi Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với thời hạn thực hiện, hoàn thành là 2023-2025 (điểm 6.1 Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-CP).

Theo đó, việc nghiên cứu sửa đổi Luật THTK, CLP là cần thiết và đảm bảo chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước. Các nội dung chính sách thể chế hóa đường lối, chính sách chi tiết tại mục IV Tờ trình.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

Luật THTK, CLP được Quốc hội khoá XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2013, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2014. Qua hơn 10 năm thực hiện Luật, công tác THTK, CLP nhìn chung đã đạt được một số kết quả nhất định, tạo chuyên biến và nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và nhân dân trên các mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Hệ thống văn bản hướng dẫn Luật THTK, CLP đã được ban hành đầy đủ, kịp thời, tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai thực hiện hiệu quả, thống nhất từ trung ương đến địa phương.

Việc thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP trong các lĩnh vực đã có những chuyên biến cơ bản, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, ngân sách, huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, vật lực, tài lực cho phát triển kinh tế xã hội, phòng

chống thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội của đất nước. Việc xây dựng, thực hiện và báo cáo Chương trình TK, CLP ngày càng đi vào nề nếp; công tác thanh tra, kiểm tra, xử thông tin phát hiện lãng phí đã được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện theo quy định của Luật TK, CLP. Qua đó, có thể nói Luật TK, CLP ngày càng phát huy vai trò trong việc định hướng, khuyến khích, nâng cao nhận thức của các cơ quan, tổ chức cũng như các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân thực hiện có hiệu quả công tác TK, CLP, góp phần tăng cường hiệu quả huy động sử dụng các nguồn lực cho phát triển đất nước.

*(Kết quả cụ thể tại Báo cáo tổng kết thi hành Luật TK, CLP – kèm theo).*

Bên cạnh một số kết quả đã đạt được, công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên thực tế vẫn còn điểm tồn tại, hạn chế. Lãng phí còn diễn ra khá phổ biến, dưới nhiều dạng thức khác nhau, đã và đang gây ra nhiều hệ lụy cho phát triển. Trong đó, gây suy giảm nguồn lực con người, nguồn lực tài chính, giảm hiệu quả sản xuất, tăng gánh nặng chi phí, gây cạn kiệt tài nguyên, gia tăng khoảng cách giàu nghèo. Hơn thế, lãng phí còn gây suy giảm lòng tin của người dân với Đảng, Nhà nước, tạo rào cản vô hình trong phát triển kinh tế - xã hội, bỏ lỡ thời cơ phát triển của đất nước.

### **Một số tồn tại, hạn chế của các quy định tại Luật THTK, CLP**

**Thứ nhất**, các khái niệm "tiết kiệm", "lãng phí", "hành vi gây lãng phí" còn chưa rõ ràng, chưa bao quát hết các trường hợp, hành vi phát sinh trên thực tiễn.

Luật THTK, CLP 2013 đã đưa ra các khái niệm về "tiết kiệm"<sup>1</sup>, "lãng phí"<sup>2</sup> tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 của Luật. Tuy nhiên, nhiều ý kiến cho rằng các khái niệm này khó áp dụng trên thực tiễn để xác định từng trường hợp là tiết kiệm hay lãng phí, đặc biệt là trong các lĩnh vực không có tiêu chuẩn, định mức, chế độ. Đồng thời, bản thân nội hàm của từng khái niệm cũng chưa thật sự rõ ràng thống nhất, ví dụ: Khái niệm chung xác định tiết kiệm là giảm bớt hao phí trong sử dụng các nguồn lực nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã định nhưng trong một số lĩnh vực cụ thể thì kể cả trường hợp sử dụng đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ (không giảm bớt hao phí trong sử dụng nguồn lực) nhưng đạt cao hơn mục tiêu đã định cũng được xác định là tiết kiệm (về bản chất đây là đánh giá về hiệu quả).

<sup>1</sup> Tiết kiệm là việc giảm bớt hao phí trong sử dụng vốn, tài sản, lao động, thời gian lao động và tài nguyên nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã định. Đối với việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên ở những lĩnh vực đã có định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì tiết kiệm là việc sử dụng ở mức thấp hơn định mức, tiêu chuẩn, chế độ nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã định hoặc sử dụng đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ nhưng đạt cao hơn mục tiêu đã định.

<sup>2</sup> Lãng phí là việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản, lao động, thời gian lao động và tài nguyên không hiệu quả. Đối với lĩnh vực đã có định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì lãng phí là việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ hoặc không đạt mục tiêu đã định.

Luật THTK, CLP 2013 cũng đã có quy định cụ thể các hành vi gây lãng phí trong một số lĩnh vực bao gồm: (i) lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ, giao dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; (ii) mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại, phương tiện, thiết bị làm việc và phương tiện thông tin, liên lạc; (iii) đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng; (iv) quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên; (v) quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước; (vi) quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Tuy nhiên, chưa bao quát hết một số hành vi gây lãng phí trên thực tế như các hành vi gây lãng phí trong việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, hành vi gây lãng phí trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công...; chưa có sự phân biệt giữa hành vi gây lãng phí và hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí; một số hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí lại chưa được quy định tại Luật như hành vi không ban hành hoặc chậm ban hành tiêu chuẩn, định mức, chế độ trong từng lĩnh vực làm cơ sở để thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí; không rà soát để sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, định mức, chế độ thuộc ngành lĩnh vực không còn phù hợp với thực tế; chậm/không ban hành các Chương trình THTK, CLP trong từng lĩnh vực; không thực hiện việc đánh giá hiệu quả, đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí được giao...

Mặt khác, việc quy định quá cụ thể các hành vi gây lãng phí như tại Luật THTK, CLP hiện hành có thể dẫn đến việc chậm/không xử lý được các hành vi gây lãng phí mới phát sinh trên thực tế trong từng thời kỳ, thường xuyên phải sửa đổi Luật, không đảm bảo tính ổn định lâu dài của văn bản.

**Thứ hai**, còn thiếu các quy định về chế tài xử lý đủ mạnh để răn đe, phòng ngừa các trường hợp lãng phí có thể xảy ra. Chế tài xử lý đối với các trường hợp có hành vi vi phạm trong lĩnh vực TK, CLP tại Luật THTK, CLP hiện hành mới chỉ ở mức dẫn chiếu đến các quy định về xử phạt vi phạm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự và xử lý kỷ luật theo quy định pháp luật chuyên ngành. Theo đó, chưa có các quy định riêng về xử lý kỷ luật tương ứng với từng hành vi vi phạm, đặc biệt là vi phạm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

**Thứ ba** Luật TK, CLP hiện hành chưa có quy định về việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia công khai về tiết kiệm, chống lãng phí để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể, nhân dân thực hiện giám sát, kiểm tra phát hiện lãng phí.

Tại khoản 5 Điều 4 Luật TK, CLP hiện hành đã quy định cụ thể nguyên tắc tiết kiệm, chống lãng phí là “*bảo đảm vai trò giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Nhân dân trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí*”. Tuy nhiên, lại chưa có thêm các cơ chế để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và

Nhân dân có điều kiện tham gia giám sát tiết kiệm, chống lãng phí.

**Thứ tư**, còn thiếu các cơ chế khuyến khích tổ chức, cá nhân, người lao động sẵn sàng và thực sự tham gia có trách nhiệm đối với công tác tiết kiệm, chống lãng phí.

Luật THTK, CLP năm 2013 đã có một số quy định về khen thưởng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tuy nhiên, thực tế triển khai cho thấy các quy định này là chưa đủ mạnh để khuyến khích tổ chức, cá nhân thực sự tham gia vào công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chưa trở thành văn hóa, mong muốn của người lao động.

Bên cạnh đó, thực tế vẫn còn tình trạng một bộ phận cán bộ, công chức có tâm lý né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, sợ sai không dám làm do điềm nghề, nút thắt trong cơ chế, chính sách, tập trung vào những vấn đề chưa được quy định hoặc đã có quy định nhưng không phù hợp với thực tiễn dẫn tới lãng phí các nguồn lực của nền kinh tế, chậm triển khai nhiệm vụ, đề án, dự án làm mất cơ hội, chậm sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Luật THTK, CLP hiện hành chưa có các quy định để góp phần bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung theo Kết luận số 14-KL/TW ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Ban chấp hành Trung ương.

**Thứ năm**, việc xây dựng Chương trình TK, CLP theo quy định hiện hành đã phát sinh một số điềm chưa phù hợp, cụ thể:

+ Luật TK, CLP hiện hành còn thiếu các quy định để tổ chức triển khai TK, CLP trong dài hạn, tương xứng với mức độ quan trọng của công tác phòng, chống lãng phí (hiện hành mới chỉ quy định Chính phủ ban hành Chương trình TK, CLP theo giai đoạn 5 năm, chưa có quy định về việc ban hành Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí).

+ Việc quy định các Bộ, ngành, địa phương phải chờ Chương trình tổng thể về TK, CLP hàng năm của Chính phủ mới ban hành Chương trình TK, CLP của ngành, lĩnh vực, địa phương mình làm giảm tính chủ động của các Bộ ngành, địa phương đối với công tác này trong khi thực tế Chính phủ đã có Chương trình tổng thể về TK, CLP cho cả giai đoạn, từng Bộ, ngành, địa phương trên cơ sở theo dõi đã nắm bắt được các vấn đề bất cập, các điềm nóng về lãng phí của ngành, lĩnh vực của địa phương mình để có các giải pháp xử lý phù hợp.

**Thứ sáu**, một số quy định tại Luật TK, CLP không còn đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các quy định pháp luật chuyên ngành.

Kể từ khi Luật TK, CLP năm 2013 được ban hành và có hiệu lực (1/7/2014), Quốc hội đã ban hành nhiều Luật mới có liên quan, trong đó có nhiều luật chuyên ngành được ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung như Luật Ngân sách nhà nước (năm 2015), Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (năm 2017), Luật Đầu tư công (năm 2014 và năm 2019), Luật Tài nguyên môi trường

biển và hải đảo (năm 2015), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức (năm 2019) theo đó, đã có nhiều sự thay đổi cả về khái niệm cũng như chính sách trong từng lĩnh vực. Chính vì vậy đã làm cho một số quy định tại Luật TK, CLP không còn phù hợp, chưa đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các quy định pháp luật chuyên ngành.

Mặt khác, một số quy định hiện tại của Luật TK, CLP về tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực chủ yếu đưa ra một số nguyên tắc chung đối với việc quản lý, sử dụng các nguồn lực (vốn, tài sản, tài nguyên, nguồn nhân lực...) trùng lặp với quy định cụ thể tại các Luật chuyên ngành. Do đó, cần thiết phải rà soát với các Luật có liên quan để làm rõ mối quan hệ giữa Luật TK, CLP và các Luật này, đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp đồng thời đảm bảo hiệu quả của công tác TK, CLP.

### ***Một số tồn tại, hạn chế về công tác triển khai thi hành Luật***

*Thứ nhất*, một số bộ, ngành địa phương chưa thực sự tự giác trong việc xây dựng các giải pháp để triển khai việc TK, CLP trong lĩnh vực, phạm vi được giao quản lý. Công tác tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật về TK, CLP có nơi còn chưa được chú trọng, chủ yếu thực hiện lồng ghép với các hoạt động tuyên truyền khác, nên hiệu quả chưa cao. Trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các biện pháp TK, CLP có nơi, có lúc chưa được đề cao. Công tác giám sát của các cơ quan dân cử, của các tổ chức xã hội và hiệp hội nghề nghiệp, nhất là giám sát của nhân dân chưa được phát huy, hiệu quả thấp.

*Thứ hai*, một số bộ ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty chưa tuân thủ nghiêm quy định về thời hạn lập, gửi Chương trình và Báo cáo kết quả TK, CLP; nội dung một số báo cáo chưa đánh giá đầy đủ kết quả TK, CLP, chưa đánh giá so sánh với chỉ tiêu đề ra, một số đánh giá còn chung chung, ảnh hưởng đến công tác tổng hợp, báo cáo... Tại báo cáo số 330/BC-ĐGS của Đoàn Giám sát Quốc hội khóa XV đã cũng đã chỉ ra tồn tại, hạn chế trong công tác xây dựng Chương trình, báo cáo kết quả TK, CLP như sau: "*Công tác tham mưu, xây dựng, ban hành Chương trình tổng thể THPT,CLP của Chính phủ và Chương trình THPT,CLP 5 năm và hằng năm của các bộ, ngành, địa phương, các cấp, các ngành còn chậm theo quy định tại Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 8/4/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THPT,CLP; thậm chí một số bộ, ngành, địa phương không ban hành Chương trình một số năm theo quy định.*"

*Thứ ba*, việc thực hiện công khai TK, CLP tại một số cơ quan, đơn vị còn chưa đảm bảo về thời gian cũng như nội dung, hình thức theo quy định làm hạn chế hiệu quả công tác theo dõi, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền, các tổ chức và người dân; chưa kịp thời tuyên dương, khen thưởng người thực hiện tiết kiệm hoặc phát hiện lãng phí làm cho việc tuân thủ các quy định của pháp luật còn chưa nghiêm, ảnh hưởng lớn tới hiệu quả của công tác chống lãng phí.

*Thứ tư*, công tác thanh tra, kiểm tra về TK, CLP tại các cấp các ngành chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục và có hiệu quả; kết quả xử lý các hành vi vi phạm về TK, CLP chưa rõ nét.

### 2.2.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Qua đánh giá sau hơn 10 năm thực hiện Luật TK, CLP, kết quả thực hiện tiết kiệm đã khá rõ nét, song lãng phí vẫn còn bức xúc, chưa đáp ứng được yêu cầu thực thi Luật là do những nguyên nhân sau:

#### a) Nguyên nhân khách quan

Nền kinh tế ngày càng hội nhập sâu, rộng, độ mở của nền kinh tế lớn trong điều kiện kinh tế toàn cầu có nhiều biến động nhanh, khó lường, gây khó khăn cho khả năng phân tích, dự báo, khả năng cạnh tranh và tính tự chủ. Tác động của dịch bệnh, nhất là đại dịch Covid-19, thiên tai, biến đổi khí hậu có xu hướng ngày càng nghiêm trọng, xảy ra trên quy mô lớn. Do đó, cũng ảnh hưởng đến việc TK, CLP trong các lĩnh vực.

#### b) Nguyên nhân chủ quan

*Thứ nhất*, nhận thức, ý thức về TK, CLP có lúc, có nơi còn hình thức, chiếu lệ; chống lãng phí chưa được xác định là khâu trọng tâm, then chốt để có giải pháp quyết liệt nên hiệu quả phòng chống lãng phí không đáp ứng được yêu cầu.

*Thứ hai*, chính sách, pháp luật quản lý kinh tế xã hội trên nhiều lĩnh vực vẫn còn thiếu chặt chẽ, đồng bộ, chưa phù hợp với thực tiễn. Một số bất cập trong cơ chế, chính sách tuy đã được phát hiện nhưng còn chậm được sửa đổi, bổ sung, chưa đáp ứng yêu cầu. Hệ thống định mức kinh tế, kỹ thuật và tiêu chuẩn, chế độ trong việc sử dụng vốn và tài sản công đã được cập nhật, sửa đổi, bổ sung khá thường xuyên tuy nhiên vẫn còn chưa sát với thực tế dẫn đến ý thức chấp hành còn hạn chế, thực hiện chưa nghiêm, gây lãng phí vốn và tài sản nhà nước trong nhiều lĩnh vực.

*Thứ ba*, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đôn đốc thực hiện trong thực thi công vụ còn hạn chế, chưa phát huy hết hiệu quả, chưa gắn với việc xử lý, biểu dương, khen thưởng một cách kịp thời.

*Thứ tư*, sự phối hợp giữa các cơ quan ở cả trung ương, địa phương nhiều trường hợp còn chưa chặt chẽ, không kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh.

## II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

### 1. Mục đích ban hành văn bản

Xây dựng khung khổ pháp lý về TK, CLP rõ ràng, hiệu quả, đảm bảo các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng các nguồn lực của đất nước nhận thức rõ hơn vai trò, tầm quan trọng của công tác TK, CLP, thực sự tham gia có trách nhiệm vào công tác này. Từ đó, phát huy, nâng cao hiệu lực, hiệu



quả công tác TK, CLP, công tác quản lý, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế đưa đất nước tiến vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

## **2. Quan điểm chỉ đạo**

*Một là* bám sát chủ trương, đường lối, quan điểm đã được xác định trong Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về việc tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; Kết luận số 12-KL/TW ngày 6 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

*Hai là* bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất đồng bộ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL). Xác định rõ phạm vi, nguyên tắc áp dụng pháp luật trong Luật TK, CLP (sửa đổi) để tránh chồng chéo, mâu thuẫn, nâng cao hiệu quả công tác TK, CLP.

*Ba là* kế thừa, phát huy và hoàn thiện những quy định tại Luật TK, CLP còn phù hợp với thực tiễn. Đồng thời sửa đổi, bổ sung những quy định chưa rõ, còn bất cập, chưa thống nhất. Loại bỏ những quy định không còn phù hợp, chồng chéo, vướng mắc.

## **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN**

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Dự kiến phạm vi điều chỉnh cơ bản kế thừa quy định của Luật TK, CLP hiện hành như sau:

(i) Luật này quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực: quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước; quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên và các nguồn lực khác của nền kinh tế; hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

(ii) Nội dung về tiết kiệm, chống lãng phí đối với lĩnh vực năng lượng không được quy định tại Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả thì thực hiện theo quy định tại Luật này.

Theo đó, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật cơ bản kế thừa các lĩnh vực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của quy định hiện hành.

Đồng thời, có chỉnh sửa bổ sung để làm rõ thêm một số nội dung:

- Làm rõ việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư công thuộc phạm vi điều chỉnh

của Luật.

- Làm rõ việc tiết kiệm, chống lãng phí đối với việc quản lý, khai thác và sử dụng năng lượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật, trừ những nội dung đã được quy định cụ thể tại Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. Theo đó, đối với lĩnh vực năng lượng cũng phải thực hiện các quy định về chống lãng phí tương tự các lĩnh vực khác (phải quy định cụ thể về hành vi gây lãng phí, chế tài xử lý đối với hành vi gây lãng phí...).

- Bổ sung để đảm bảo quát việc quản lý, sử dụng các nguồn lực khác của nền kinh tế cũng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.

## **2. Đối tượng áp dụng**

Dự kiến quy định đối tượng áp dụng cơ bản kế thừa Luật hiện hành và điều chỉnh phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật bao gồm:

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước.

- Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên và các nguồn lực khác của nền kinh tế.

- Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước, quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên.

## **IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN**

**Chính sách 1:** Hoàn thiện các quy định liên quan đến nhận diện “*tiết kiệm*”, “*lãng phí*”, “*hành vi gây lãng phí*” và “*hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí*”.

### **1.1. Mục tiêu của chính sách**

- Xác định đúng bản chất và nội hàm của các khái niệm “*tiết kiệm*” và “*lãng phí*”, tạo cơ sở để Luật TK, CLP và các luật có liên quan xây dựng đồng bộ hệ thống các quy định, giải pháp phát huy hiệu quả tối đa các nguồn lực của nền kinh tế. Đồng thời, giúp các đối tượng áp dụng của Luật TK, CLP, đặc biệt là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận thức rõ ràng, chính xác hơn về trách nhiệm của mình đối với công tác TK, CLP.

- Xác định rõ ràng, thống nhất các khái niệm “*hành vi gây lãng phí*”, “*hành vi vi phạm về tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí*”, làm cơ sở để xử lý trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan, từ đó, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân, đặc biệt là người đứng đầu đối với công tác TK, CLP.

## **1.2. Nội dung của chính sách**

- Cụ thể hóa khái niệm “*tiết kiệm*”, “*lãng phí*” làm căn cứ định hướng xây dựng các quy định có liên quan tại Luật TK, CLP, đặc biệt là các quy định liên quan đến xác định “*hành vi gây lãng phí*”.

- Quy định cụ thể các nhóm “*hành vi gây lãng phí*”, “*hành vi vi phạm về tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí*” đảm bảo bao quát các lĩnh vực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thống nhất với khái niệm về lãng phí. Trong đó, bổ sung quy định một số hành vi vi phạm về TK, CLP để đảm bảo bao quát hết các trường hợp có thể phát sinh trong thực tiễn. Đồng thời, Chính phủ quy định chi tiết hành vi gây lãng phí trong từng lĩnh vực. Các Bộ, ngành chịu trách nhiệm quy định cụ thể về phương pháp xác định, nhận diện các hành vi gây lãng phí phù hợp thực tiễn.

Tại dự thảo Luật không có quy định về “*hành vi không tiết kiệm*” và chế tài xử lý đối với “*hành vi không tiết kiệm*” vì về bản chất các giải pháp, biện pháp tiết kiệm được đưa ra để khuyến khích các các bộ, công chức, tổ chức khu vực nhà nước, doanh nghiệp, người dân cùng tham gia thực hiện. Mặt khác, nếu việc tiết kiệm quá mức của xã hội cũng sẽ tương ứng làm giảm tổng cầu về hàng hóa và dịch vụ và giảm tốc độ tăng trưởng GDP.

## **1.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn**

### **a) Giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn**

**Giải pháp 1:** Sửa đổi lại khái niệm “*tiết kiệm*”, “*lãng phí*” theo hướng:

+ “*Tiết kiệm là việc sử dụng ở mức thấp hơn định mức, tiêu chuẩn, chế độ nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã định trong các lĩnh vực quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên, năng lượng, các nguồn lực khác của nền kinh tế*”.

+ “*Lãng phí là việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên, năng lượng, các nguồn lực khác của nền kinh tế vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc việc quản lý, sử dụng không hiệu quả, không đạt được mục tiêu đã định hoặc tạo rào cản phát triển kinh tế, xã hội, bỏ lỡ thời cơ phát triển của đất nước*”.

### **b) Lý do lựa chọn giải pháp**

Nội dung sửa đổi khái niệm vừa đảm bảo xác định rõ ràng các tiêu chí để xác định “*tiết kiệm*”, “*lãng phí*”, vừa đảm bảo tính bao quát, phù hợp với cả trường hợp lĩnh vực có hoặc không có quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ.

Trên cơ sở khái niệm “*lãng phí*” nêu trên, Luật sẽ quy định cụ thể các nhóm “*hành vi gây lãng phí*”. Chính phủ quy định chi tiết hành vi gây lãng phí

trong từng lĩnh vực. Các Bộ, ngành chịu trách nhiệm quy định cụ thể về phương pháp xác định, nhận diện các hành vi gây lãng phí phù hợp thực tiễn.

**Giải pháp 2:** Quy định cụ thể tại Luật các nhóm “hành vi gây lãng phí” và các “hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí”. Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết các hành vi gây lãng phí trong từng lĩnh vực; giao các Bộ ngành theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm ban hành các quy định cụ thể về xác định hành vi gây lãng phí (về tiêu chí, mức độ của hành vi) đảm bảo rõ ràng, rõ tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm đối với từng hành vi.

- Hành vi gây lãng phí dự kiến bao gồm các nhóm hành vi sau:

(1) Hành vi gây lãng phí trong lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ, giao dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước;

(2) Hành vi gây lãng phí trong đầu tư xây dựng, mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công, nhà ở thuộc tài sản công;

(3) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, năng lượng;

(4) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước;

(5) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

(6) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công (*hành vi bổ sung mới*).

(7) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước trong các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (*hành vi bổ sung mới*).

(8) Hành vi gây lãng phí các nguồn lực khác của nền kinh tế theo quy định của Chính phủ (*hành vi bổ sung mới*).

Giao Chính phủ quy định chi tiết các hành vi gây lãng phí trong từng lĩnh vực. (*Phụ lục dự kiến hành vi gây lãng phí trong từng lĩnh vực trình kèm, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành hoàn thiện danh mục hành vi gây lãng phí trong quá trình xây dựng Luật*).

Giao các Bộ ngành theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm ban hành các quy định cụ thể để xác định hành vi gây lãng phí (tiêu chí, mức độ của hành vi).

- Hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí dự kiến bao gồm:

(1) Hành vi vi phạm trong ban hành, thực hiện và kiểm tra định mức, tiêu chuẩn, chế độ;

(2) Hành vi vi phạm trong ban hành các Chương trình TK, CLP (*hành vi bổ sung mới*);

(3) Hành vi vi phạm trong thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ, chỉ tiêu, yêu cầu TK, CLP đã ban hành (*hành vi bổ sung mới*);

(4) Hành vi vi phạm trong báo cáo kết quả công tác TK, CLP (*hành vi bổ sung mới*);

(5) Hành vi vi phạm trong công khai về tiết kiệm, chống lãng phí (*hành vi bổ sung mới*);

(6) Hành vi vi phạm trong việc lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trước khi quyết định đối với các biện pháp TK, CLP tại cơ quan, đơn vị (*hành vi bổ sung mới*);

(7) Hành vi cản trở việc thanh tra, kiểm tra, giám sát TK, CLP của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (*hành vi bổ sung mới*);

(8) Hành vi bao che, cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong xử lý khiếu nại, tố cáo, xử lý người vi phạm pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí;

#### **b) Lý do lựa chọn giải pháp**

Tại Chỉ thị 27-CT/TW ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã đặt ra nhiệm vụ, giải pháp đối với việc hoàn thiện thể chế pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là “*tập trung xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu; quy định cụ thể hành vi vi phạm, hình thức xử lý*”. Theo đó, việc rà soát lại để phân định, quy định cụ thể các “*hành vi gây lãng phí*”, “*hành vi vi phạm về tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí*” là hết sức cần thiết.

Nội dung sửa đổi đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc Luật được xây dựng là Luật khung, quy định cụ thể rõ ràng nhóm hành vi gây lãng phí để đảm bảo tính ổn định của Luật trong thời gian dài. Trên cơ sở nhóm hành vi quy định tại Luật, Chính phủ sẽ quy định chi tiết danh sách các hành vi gây lãng phí trong từng lĩnh vực và có thể bổ sung thêm để kịp thời điều chỉnh các hành vi gây lãng phí mới phát sinh từng thời kỳ. Các Bộ, ngành chịu trách nhiệm quy định chi tiết cụ thể hóa các tiêu chí, điều kiện để xác định hành vi gây lãng phí dựa trên cơ sở các nguyên tắc, quy định cơ bản tại Luật và Nghị định đảm bảo rõ ràng, rõ tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm đối với từng hành vi.

Đồng thời, tại dự thảo Luật đã bổ sung thêm một số hành vi vi phạm trong thực tiễn tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí để làm cơ sở xem xét, xử lý trách nhiệm của các tổ chức cá nhân có liên quan đối với công tác này như là: (i) Hành vi vi phạm trong ban hành các Chương trình TK, CLP; (ii) Hành vi vi phạm trong thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ, chỉ tiêu, yêu cầu TK, CLP đã ban

hành; (iii) Hành vi vi phạm trong báo cáo kết quả công tác TK, CLP; (iv) Hành vi vi phạm trong công khai về tiết kiệm, chống lãng phí; (v) Hành vi vi phạm trong việc lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trước khi quyết định đối với các biện pháp TK, CLP tại cơ quan, đơn vị; (vi) Hành vi cản trở việc thanh tra, kiểm tra, giám sát TK, CLP của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

**Chính sách 2:** Tiếp tục hoàn thiện quy định về chế tài xử lý đối với “hành vi gây lãng phí” và “hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí”.

### **2.1. Mục tiêu của chính sách**

Đảm bảo rõ ràng, tính răn đe, xác định rõ trách nhiệm của cán bộ, công chức, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp có hành vi gây lãng phí hoặc có hành vi vi phạm các quy định về tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí.

### **2.2. Nội dung của chính sách**

Kế thừa các quy định hiện hành về việc tùy thuộc vào hành vi vi phạm mà tổ chức, cá nhân thực hiện mà có thể áp dụng các chế tài về xử phạt vi phạm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự và xử lý kỷ luật theo pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức tương ứng.

Bổ sung quy định giao Chính phủ quy định cụ thể việc áp dụng các hình thức kỷ luật trong trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người đứng đầu cơ quan tổ chức đơn vị có các “hành vi gây lãng phí” và “hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí”.

### **2.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn**

#### **a) Giải pháp**

Bổ sung quy định về việc giao: “*Chính phủ quy định chi tiết việc áp dụng hình thức kỷ luật đối với từng hành vi gây lãng phí và hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí*” tại dự thảo Luật.

#### **b) Lý do lựa chọn giải pháp**

Tại điểm 2 Chỉ thị số 27-CT/TW đặt ra yêu cầu đối với việc hoàn thiện pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là “*tập trung xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu*”.

Thực tế, hiện nay Bộ Luật hình sự, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành đã cơ bản có các quy định đầy đủ, đồng bộ về việc xử lý đối với các trường hợp có hành vi vi phạm (*Bảng rà soát các quy định pháp luật có liên quan kèm theo*).

Tuy nhiên, việc xử lý kỷ luật với cán bộ, công chức, viên chức trong trường hợp có hành vi vi phạm về tiết kiệm, chống lãng phí quy định tại Nghị định 112/2020/NĐ-CP hiện đang quy định theo nguyên tắc chung như đối với trường hợp có các hành vi vi phạm khác. Cụ thể:

- Tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm mà cán bộ, công chức, viên chức, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có thể bị xử lý theo các hình thức: (i) Khiển trách; (ii) Cảnh cáo; (iii) Giáng chức; (iv) Cách chức; (v) Buộc thôi việc.

- Việc xác định mức độ của hành vi vi phạm đối với tất cả các hành vi như sau:

+ Vi phạm gây hậu quả ít nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ tác hại không lớn, tác động trong phạm vi nội bộ, làm ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác.

+ Vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, tác động ngoài phạm vi nội bộ, gây dư luận xấu trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, làm giảm uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác.

+ Vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại rất lớn, phạm vi tác động đến toàn xã hội, gây dư luận rất bức xúc trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, làm mất uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác.

+ Vi phạm gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại đặc biệt lớn, phạm vi tác động sâu rộng đến toàn xã hội, gây dư luận đặc biệt bức xúc trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, làm mất uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác.

Quy định nêu trên tại Nghị định 112/2020/NĐ-CP đảm bảo tính bao quát, phù hợp sử dụng làm nguyên tắc chung đối với nhiều nhóm hành vi vi phạm nhưng lại chưa thật sự rõ ràng cụ thể đối với trường hợp có hành vi vi phạm trong tiết kiệm, chống lãng phí. Do vậy, cần có quy định cụ thể về hình thức xử lý kỷ luật theo từng hành vi vi phạm cụ thể để đảm bảo rõ ràng, công khai, minh bạch khi áp dụng trên thực tiễn. Việc giao Chính phủ quy định cụ thể nội dung này cũng đảm bảo đồng bộ, thống nhất về thẩm quyền theo pháp luật về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, tương đồng với quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng.

**Chính sách 3:** Bổ sung cơ sở để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể, nhân dân thực hiện giám sát, kiểm tra, phát hiện lãng phí thông qua việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia công khai về tiết kiệm, chống lãng phí.

### **3.1. Mục tiêu của chính sách**

Tạo cơ sở tốt nhất để các tổ chức, cá nhân thực hiện quyền kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện các hành vi lãng phí và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền có các biện pháp xử lý sớm và hiệu quả nhất.

### **3.2. Nội dung của chính sách**

Bổ sung quy định về việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí công khai với đầy đủ thông tin, thường xuyên cập nhật.

### **3.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn**

#### **Giải pháp**

Bổ sung tại Luật TK, CLP quy định nguyên tắc về việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP công khai làm cơ sở theo dõi, quản lý, kiểm tra, giám sát chặt chẽ các nguồn lực của nền kinh tế.

Trên cơ sở nguyên tắc cho phép xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP được quy định tại Luật, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông đề trình Chính phủ bổ sung các quy định cụ thể về cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP cho phù hợp (Cơ quan chủ quản, Mục tiêu xây dựng;...)

#### **Lý do lựa chọn giải pháp**

Thông tin liên quan đến tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực được công khai, cập nhật thường xuyên, thống nhất đảm bảo cho các tổ chức cá nhân thực hiện quyền giám sát, các cơ quan quản lý nhà nước kịp thời đưa ra các biện pháp phù hợp đảm bảo thực hiện thống nhất, có hiệu quả việc TK, CLP trên cả nước.

Tại Bài viết “Chống lãng phí” của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Tô Lâm đã xác định một trong các giải pháp trọng tâm là “...*Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo hướng tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, đồng bộ cho giám sát, kiểm tra, phát hiện, xử lý mạnh, có tính răn đe cao đối với các hành vi lãng phí*”.

Tại Nghị quyết số 74/2022/QH15 cũng đã giao Chính phủ chỉ đạo các Bộ ngành, địa phương thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là “*Chậm nhất năm 2025 hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí*”.

Theo đó, việc bổ sung chính sách cho phép xây dựng cơ sở dữ liệu về TK, CLP công khai là công cụ hữu hiệu, nhanh nhất để các tổ chức cá nhân thực hiện quyền giám sát, kiểm tra và phát hiện lãng phí hiệu quả nhất bên cạnh các phương thức thực hiện giám sát, kiểm tra đã có theo quy định pháp luật hiện hành.

**Chính sách 4:** Tiếp tục hoàn thiện chính sách khuyến khích các tổ chức,



cá nhân có liên quan tham gia có trách nhiệm vào công tác tiết kiệm chống lãng phí, trong đó có người lao động, người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý, viên chức quản lý, người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có tư duy đổi mới, sáng tạo, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

#### **4.1. Mục tiêu của chính sách**

- Khuyến khích khuyến khích người lao động, người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực sự tham gia tiết kiệm, chống lãng phí;

- Bên cạnh đó, việc bổ sung việc quy định về miễn trừ, loại trừ hoặc giảm nhẹ trách nhiệm đối với trường hợp cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung góp phần tạo động lực, niềm tin cho các cán bộ, công chức trong quá trình thực thi công vụ, phục vụ đất nước, nhân dân.

#### **4.2. Nội dung của chính sách**

- Kế thừa các quy định hiện hành về khen thưởng trong trường hợp các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích về: (i) Hoàn thành, hoàn thành vượt mức mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí được giao; (ii) Có giải pháp, sáng kiến trong tiết kiệm, chống lãng phí mang lại kết quả cụ thể; (iii) Phát hiện, có thông tin phát hiện, ngăn chặn kịp thời không để lãng phí xảy ra.

- Bổ sung quy định cho phép doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được trích lại một tỷ lệ % nhất định phần lợi nhuận vượt mức kế hoạch để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp và trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên. Chính phủ quy định chi tiết việc trích lại để lập các Quỹ.

- Bổ sung các quy định cho phép về quyền được đề xuất đổi mới, sáng tạo và có thể không bị xử lý trách nhiệm, được loại trừ, miễn hoặc giảm nhẹ trách nhiệm trong trường hợp cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; viên chức quản lý trong các đơn vị sự nghiệp công lập; người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ đề xuất đổi mới, sáng tạo trong quá trình thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn nhằm tháo gỡ, giải quyết những điểm nghẽn, nút thắt trong cơ chế, chính sách theo quy định pháp luật.

#### **4.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn**

##### **Giải pháp**

- Kế thừa các quy định hiện hành về khen thưởng đối với trường hợp có thành tích về: (i) Hoàn thành, hoàn thành vượt mức mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm

và yêu cầu chống lãng phí được giao; (ii) Có giải pháp, sáng kiến trong tiết kiệm, chống lãng phí mang lại kết quả cụ thể; (iii) Phát hiện, có thông tin phát hiện, ngăn chặn kịp thời không để lãng phí xảy ra.

- Đồng thời, sửa đổi, bổ sung Luật TK, CLP theo hướng:

*Thứ nhất*, bổ sung quy định cho phép doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được trích lại một tỷ lệ % nhất định phần lợi nhuận vượt mức kế hoạch để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp và trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên. Chính phủ quy định chi tiết việc trích lại để lập các Quỹ.

*Thứ hai*, bổ sung các quy định cho phép: (i) Cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; viên chức quản lý trong các đơn vị sự nghiệp công lập; người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ **được đề xuất đổi mới, sáng tạo** trong quá trình thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn nhằm tháo gỡ, giải quyết những điểm nghẽn, nút thắt trong cơ chế, chính sách theo quy định pháp luật; (ii) Cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý, viên chức quản lý, người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ có tư duy đổi mới, sáng tạo, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao trong các lĩnh vực có liên quan đến tiết kiệm, chống lãng phí, xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn đề xuất giải pháp nhằm tháo gỡ, giải quyết những điểm nghẽn, nút thắt trong cơ chế, chính sách chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, mang lại giá trị, hiệu quả thiết thực, tạo được chuyên biến mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung, vì lợi ích chung thì **có thể không bị xử lý trách nhiệm, được loại trừ, miễn hoặc giảm nhẹ trách nhiệm theo quy định pháp luật có liên quan.**

### Lý do lựa chọn giải pháp

- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp hiện hành cho phép doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trích một phần lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của người lao động và quỹ thưởng của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên trên cơ sở hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ được Nhà nước giao. Và giao Chính phủ quy định việc phân phối lợi nhuận sau thuế, trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp.

Nghị định 91/2015/NĐ-CP quy định việc trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp và Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên dựa trên mức độ xếp loại doanh nghiệp với mức trích 1

hoặc 1,5 hoặc 3 tháng lương thực hiện của đối tượng được khen thưởng.

Do đó, đề xuất thay đổi quy định trích quỹ khen thưởng dựa theo tỷ lệ % nhất định tính trên phần lợi nhuận vượt mức kế hoạch để trích các Quỹ khen thưởng sẽ tạo động lực lớn hơn để người lao động, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên tham gia vào tiết kiệm, chống lãng phí, trở thành văn hóa, thói quen của người lao động.

- Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung. Theo đó, đã thể hiện rất rõ quan điểm về việc "*cần đặc biệt quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, có bản lĩnh chính trị, trí tuệ, gương mẫu, quyết tâm đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, sẵn sàng đương đầu với khó khăn, thử thách, luôn nỗ lực hành động vì lợi ích chung*".

Tại buổi gặp mặt cán bộ lãnh đạo các cơ quan nội chính Trung ương, Tổng bí thư Tô Lâm đã có ý kiến chỉ đạo về việc "*vừa phải chú trọng tham mưu đầy mạnh, quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả công tác phòng, chống lãng phí; xử lý mạnh, có tính răn đe cao đối với các hành vi lãng phí; gắn phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực với phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc; kiên quyết thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí; kịp thời xử lý, thay thế cán bộ lãnh đạo, quản lý khi có biểu hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đồng thời phải kiên quyết bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, vì lợi ích chung, với động cơ trong sáng.*"

Theo đó, việc bổ sung các quy định về quyền được đề xuất đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và nguyên tắc có thể không bị có thể không bị xử lý trách nhiệm, được loại trừ, miễn hoặc giảm nhẹ trách nhiệm theo quy định pháp luật là nội dung ghi nhận, thể hiện đúng quan điểm của Đảng, Nhà nước về việc xây dựng, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung, với động cơ trong sáng, khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, sợ sai, không dám làm của một bộ phận cán bộ.

Nội dung cụ thể về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung đã được quy định tại Nghị định 73/2023/NĐ-CP của Chính phủ, không Luật hóa đưa lên Luật này.

**Chính sách 5:** Tiếp tục hoàn thiện các quy định để thực hiện phòng, chống lãng phí, tiêu cực từ cơ sở, trong đó tập trung tăng tính chủ động, tự chịu trách nhiệm các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức đối với việc xây dựng, ban hành Chương trình TK, CLP hàng năm của đơn vị mình.

### **5.1. Mục tiêu của chính sách**

- Tăng tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan tổ chức trong việc xây dựng Chương trình TK, CLP hàng năm trong

ngành, lĩnh vực, cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

- Thủ tướng Chính phủ chỉ ban hành Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí của đất nước với tầm nhìn dài hạn 10 năm (thay cho Chương trình tổng thể về TK, CLP của Chính phủ giai đoạn 5 năm và hàng năm), trong đó, đặt ra mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đồng bộ cả về hoàn thiện thể chế và tổ chức thực hiện cho các Bộ, ngành, địa phương thực hiện.

### **5.2. Nội dung của chính sách**

- Bổ sung quy định về việc Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí (thay thế cho các quy định về việc Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể về TK, CLP của Chính phủ theo giai đoạn và hàng năm).

- Các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức chủ động đối chiếu với Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí và thực tiễn các hoạt động, nhiệm vụ, vấn đề phát sinh trong ngành, lĩnh vực, địa phương, cơ quan, đơn vị mình để xây dựng Chương trình TK, CLP hàng năm của ngành, lĩnh vực, địa phương, đơn vị mình.

### **5.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn**

#### **Giải pháp**

- Kế thừa một số quy định hiện hành tại Luật THTK, CLP về việc thực hiện chống lãng phí từ cơ sở (cơ sở chủ động ban hành, thực hiện, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện chương trình, kế hoạch TK, CLP của đơn vị mình), cụ thể: (i) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm xây dựng, chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gắn với nhiệm vụ cải cách hành chính, xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong phạm vi lĩnh vực, trong cơ quan, tổ chức được giao quản lý; (ii) xây dựng các giải pháp để thực hiện nhằm đạt được mục tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; (iii) cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được quyền tham gia ý kiến về các biện pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trước khi người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định; (iv) Các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm xây dựng và thực hiện Chương trình THTK, CLP hàng năm và dài hạn, trong đó xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá tiết kiệm cho ngành, lĩnh vực và cho các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý; (v) Khi nhận được phản ánh về các hành vi lãng phí xảy ra, người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải chỉ đạo kiểm tra, xem xét để có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời và trả lời bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã phát hiện...

- Sửa đổi quy định tại Luật TK, CLP hiện hành theo hướng tăng tính chủ động đối với Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức trong việc ban hành Chương trình TK, CLP của đơn vị mình, Cụ thể:

+ Bổ sung quy định Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí (bỏ các quy định về việc Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về TK, CLP theo giai đoạn và hàng năm).

+ Các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức tự chủ động ban hành Chương trình TK, CLP hàng năm của Bộ, ngành, địa phương, đơn vị mình trên cơ sở Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí, và thực tế diễn biến bối cảnh công tác tiết kiệm, chống lãng phí của ngành, lĩnh vực, địa phương, cơ quan đơn vị mình để ban hành Chương trình TK, CLP của ngành, lĩnh vực, địa phương, cơ quan, đơn vị mình).

### ***Lý do lựa chọn giải pháp***

Tại Cuộc họp Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, Tổng Bí thư Tô Lâm đã chỉ đạo: *"yêu cầu, tiếp tục tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ở địa phương, cơ sở theo đúng phương châm phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực từ cơ sở, từ chi bộ;"*

Tại Bài viết "Chống lãng phí" của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Tô Lâm đã xác định một trong các giải pháp trọng tâm là *"xây dựng và tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí"*.

Bên cạnh đó, một trong những tồn tại, hạn chế trong công tác xây dựng Chương trình, báo cáo kết quả TK, CLP mà Đoàn Giám sát Quốc hội khóa XV đã chỉ ra tại báo cáo số 330/BC-ĐGS là: *"Công tác tham mưu, xây dựng, ban hành Chương trình tổng thể THPT,CLP của Chính phủ và Chương trình THPT,CLP 5 năm và hằng năm của các bộ, ngành, địa phương, các cấp, các ngành còn chậm theo quy định tại Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 8/4/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THPT,CLP; thậm chí một số bộ, ngành, địa phương không ban hành Chương trình một số năm theo quy định"*. Trong đó, có nguyên nhân là từ tâm lý chờ đợi Chương trình tổng thể TK, CLP của Chính phủ được ban hành rồi mới ban hành Chương trình TK, CLP của ngành, địa phương, đơn vị mình trong khi thực tế các Bộ, ngành, địa phương hoàn toàn có thể dựa trên Chiến lược quốc gia về chống lãng phí, dự báo bối cảnh kinh tế xã hội cũng như dự kiến các vấn đề lãng phí cần tập trung phòng, chống của ngành, lĩnh vực, địa phương, đơn vị mình để xây dựng Chương trình TK, CLP hàng năm.

Bên cạnh đó, việc bỏ Chương trình tổng thể TK, CLP hàng năm của Chính phủ sẽ giúp các Bộ, ngành, địa phương chủ động, có thêm thời gian để đề xuất các giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm phù hợp với thực tiễn ngành, lĩnh vực, địa phương mình.

**Chính sách 6:** Tiếp tục hoàn thiện các quy định đảm bảo đồng bộ, thống nhất giữa Luật Tiết kiệm, chống lãng phí với các văn bản quy phạm pháp luật trong từng lĩnh vực có liên quan.

### **6.1. Mục tiêu của chính sách**

- Đảm bảo đồng bộ, thống nhất, không trùng lặp về mặt nội dung với các Luật chuyên ngành trong từng lĩnh vực.

- Đảm bảo đầy đủ cơ sở để đánh giá tiết kiệm, lãng phí trong từng lĩnh vực.

### **6.2. Nội dung của chính sách**

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Luật TK, CLP lược bỏ các quy định về biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí trong một số lĩnh vực cụ thể (trùng lặp với quy định pháp luật chuyên ngành trong từng lĩnh vực).

- Chính lý các thuật ngữ tại dự thảo Luật không còn phù hợp với quy định pháp luật chuyên ngành.

### **6.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn**

#### **Giải pháp**

- Bổ sung vào Điều 1 về phạm vi điều chỉnh của Luật theo hướng loại nội dung về TK, CLP đối với lĩnh vực năng lượng chưa được quy định tại Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả thì thực hiện theo quy định tại Luật này.

- Bỏ 7 Mục (từ Mục 1 đến Mục 7) Chương II của Luật về TK, CLP trong một số lĩnh vực cụ thể.

- Chính lý các thuật ngữ tại dự thảo Luật đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các quy định pháp luật chuyên ngành như thuật ngữ “*tài sản công*”, “*tài nguyên*” ... (*chi tiết các thuật ngữ chưa đồng bộ, thống nhất theo Bảng so sánh chi tiết kèm theo*).

#### **Lý do lựa chọn giải pháp**

- Thực tế hiện nay các Luật chuyên ngành đều đã có quy định về các biện pháp để tiết kiệm, chống lãng phí trong từng lĩnh vực (*chi tiết theo Bảng rà soát Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định pháp luật có liên quan trình kèm*). Việc tiếp tục quy định các biện pháp cụ thể để tiết kiệm, chống lãng phí của tất cả các Luật chuyên ngành vào Luật này dẫn đến trùng lặp về mặt nội dung; Mặt khác, các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí đối với từng lĩnh vực đòi hỏi hệ thống các quy định cụ thể có liên quan để thực hiện (gồm nội dung chính sách, trình tự thủ tục, thẩm quyền...) nên việc tổng hợp lại vào Luật Tiết kiệm, chống lãng phí là không cần thiết, có thể liên tục phải sửa đổi khi từng Luật chuyên ngành phải sửa đổi.

- Đảm bảo đồng bộ, thống nhất về mặt thuật ngữ so với các quy định pháp luật chuyên ngành.

## V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

### 1. Dự kiến nguồn lực để thi hành Luật

- Về nguồn nhân lực: Các chính sách đề xuất không làm phát sinh thêm tổ chức, bộ máy để bảo đảm việc thi hành Luật sau khi được thông qua.

- Về dự kiến nguồn kinh phí để thi hành Luật, cơ bản thực hiện như sau:

+ Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương;

+ Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

### 2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật Tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi) bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo, đôn đốc thi hành: Các cơ quan có thẩm quyền ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật.

- Tuyên truyền, phổ biến Luật: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, tuyên truyền Luật và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Luật đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Bộ Tài chính có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Luật.

+ Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Luật, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu và thực hiện Luật sau khi được Quốc hội thông qua.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện: các cơ quan có liên quan thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Luật và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật theo quy định.

## VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN.

Bộ Tài chính kiến nghị Chính phủ đề xuất xây dựng Luật Tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi) vào Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội năm 2025, dự kiến trình Quốc hội xem xét cho ý kiến và thông qua dự thảo luật tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV (tháng 5 năm 2025)

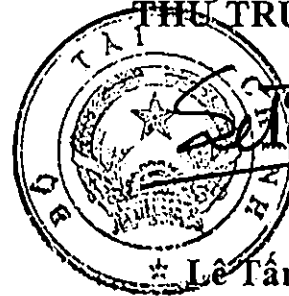
Tài liệu gửi kèm theo: (1) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật; (2) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật; (3) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và ý kiến của các cơ quan, tổ chức khác; bản chụp ý kiến góp ý; (4) Dự kiến đề cương chi tiết dự thảo luật; (5) Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; (6) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Luật Tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi), Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định. //

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/cáo);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ban Nội chính TW;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ;
- VPCP: BTCN, các PCN
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC (PCNS) (04b) //

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TƯỚNG**



*Lê Tấn Cận*



**BÁO CÁO****Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Dự án Luật Tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi)**

*(Phục vụ công tác thẩm định của Bộ Tư pháp)*

Luật THPT, CLP năm 2013 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2013, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 (đã được sửa đổi, bổ sung 02 lần bởi Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 và Luật số 35/2018/QH14 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch).

Việc thực hiện chính sách, pháp luật về THPT, CLP (viết tắt là THPT, CLP) từ khi Luật THPT, CLP được ban hành và có hiệu lực pháp luật (ngày 01 tháng 7 năm 2014) đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Tại Nghị quyết số 74/2022/QH15 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về THPT, CLP của Quốc hội cũng đã đánh giá chính sách THPT, CLP giai đoạn 2016-2021 đã đạt được những kết quả rất quan trọng, tích cực, song hành với kết quả to lớn của cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, ngân sách, huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, vật lực, tài lực, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội của đất nước. Cụ thể như: (1) Khung khổ pháp lý liên quan đến công tác THPT, CLP từng bước được hoàn thiện, chất lượng được nâng cao, đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Tiêu chuẩn, định mức chế độ trong các lĩnh vực tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện, đồng bộ hơn theo hướng minh bạch, dễ tiếp cận, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Mức độ hài hòa với các tiêu chuẩn quốc tế được nâng lên, đến năm 2020 có khoảng 13.000 tiêu chuẩn Việt Nam, tỷ lệ hài hòa khoảng 60%; (2) Quản lý thu, chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả hơn. Cơ cấu chi ngân sách chuyển biến tích cực, tập trung nhiều nguồn lực cho chi đầu tư phát triển. Bước đầu đã khắc phục được tình trạng đầu tư dàn trải; bảo đảm các khoản chi an sinh xã hội và các lĩnh vực quan trọng. Tổng số tiết kiệm kinh phí ngân sách, vốn nhà nước giai đoạn 2016-2021 là 350,54 nghìn tỷ đồng. Bội chi ngân sách nhà nước bình quân giai đoạn 2016-2020 khoảng 3,37% GDP. Nợ công giảm mạnh từ 63,7% GDP năm 2016 xuống còn 55,9% GDP cuối năm 2020 và được cơ cấu lại bền vững, an toàn; (3) Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công dân được hoàn thiện và từng bước cập nhật các thông tin, số liệu tài sản công; (4) Quản lý, khai thác, sử dụng đất, tài nguyên, khoáng sản được tăng cường, từng bước khắc phục tình trạng thất thoát, lãng phí; (5) Sắp xếp tinh gọn

bộ máy, tinh giản biên chế, cải cách thủ tục hành chính đạt được nhiều kết quả tích cực, là một thành tựu và kết quả nổi bật nhất giai đoạn 2016-2021; (6) Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán được tăng cường và đạt nhiều kết quả quan trọng, tích cực. Nhiều vụ án kinh tế gây thất thoát nghiêm trọng vốn, tài sản nhà nước được điều tra, truy tố, xét xử, thu hồi số vốn, tài sản nhà nước lớn; có tác dụng cảnh báo, răn đe, hạn chế các hành vi vi phạm pháp luật, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí trong quản lý, sử dụng các nguồn lực của đất nước.

Tuy nhiên, qua hơn 10 năm thực hiện, một số quy định của Luật THTK, CLP đã không còn đảm bảo đồng bộ, thống nhất với một số quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan, chưa phát huy hết hiệu quả của công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Do đó, việc xây dựng Luật THTK, CLP (sửa đổi) đã được đề xuất đưa vào dự kiến chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV.

## **I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

### **1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Tại Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội đã đánh giá cụ thể kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP giai đoạn 2016-2021.

Theo đó, bên cạnh nhiều kết quả đạt được, việc thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP nói chung vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế; việc chấp hành pháp luật còn chưa nghiêm; trong một số trường hợp thất thoát, lãng phí là rất lớn, nghiêm trọng, làm mất đi cơ hội phát triển. Cụ thể như: (1) Việc xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình THTK, CLP 5 năm và hằng năm của các cấp, các ngành còn chậm, nặng về hình thức, thiếu trọng tâm, trọng điểm; tổ chức triển khai, sơ kết, tổng kết, đánh giá, nhân rộng mô hình tiên tiến còn nhiều hạn chế; (2) Một số văn bản quy phạm pháp luật và quy chuẩn, tiêu chuẩn, đơn giá, định mức kinh tế - kỹ thuật chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, chưa đầy đủ, chậm được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, thiếu chặt chẽ, có trường hợp còn sơ hở, dẫn đến lãng phí, thất thoát; (3) Lập, thẩm định dự toán ngân sách nhà nước chưa sát thực tế. Nợ đọng thuế, thất thu, chậm nộp, thu không đúng, không đủ; vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ còn diễn ra tương đối phổ biến. Hàng nghìn dự án chậm tiến độ, điều chỉnh nhiều lần, có thất thoát, lãng phí và đầu tư không hiệu quả. Số vốn không sử dụng hết, hủy dự toán và chuyển nguồn hằng năm còn lớn và có xu hướng gia tăng; (4) Công tác cổ phần hóa, thoái vốn rất chậm. Vốn nhà nước đầu tư tại một số doanh nghiệp chưa được bảo toàn. Nhiều dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước tại các doanh nghiệp còn thua lỗ, thất thoát, lãng phí. Một số quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hoạt động không hiệu quả, sắp xếp lại còn chậm, còn dễ xảy ra thất thoát, lãng phí; (5) Quản lý, sử dụng trụ sở làm việc;

nhà công vụ và công trình phúc lợi công cộng tại một số Bộ, ngành, địa phương không đúng quy định, chưa hiệu quả, sử dụng sai mục đích, lãng phí; sắp xếp chậm, chưa xử lý dứt điểm tình trạng bị lấn chiếm, tranh chấp kéo dài nhiều năm; (6) Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch còn nhiều hạn chế. Các quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, 5/6 quy hoạch vùng, hầu hết quy hoạch cấp tỉnh đến nay vẫn chưa được phê duyệt. Quy hoạch treo, dự án treo còn khá phổ biến. Nhiều vi phạm trong quản lý, sử dụng đất kéo dài, nhưng chậm được khắc phục, xử lý. Diện tích đất chưa sử dụng, để hoang hóa tại nhiều dự án khá lớn. Công tác thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư còn nhiều vướng mắc, chưa kịp thời tháo gỡ, dẫn đến chậm triển khai dự án không chỉ làm ảnh hưởng đến quyền lợi, đời sống và sinh kế của người có đất bị thu hồi, còn gây thất thu ngân sách nhà nước và lãng phí trong sử dụng đất. Quản lý, khai thác tài nguyên, khoáng sản, tài nguyên nước chưa thật sự bền vững và hiệu quả, còn tình trạng khai thác quá mức, ảnh hưởng lớn đến yếu tố bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; (7) Hiệu quả, hiệu lực hoạt động của bộ máy hành chính chưa đạt yêu cầu đề ra. Cơ cấu tổ chức bên trong Bộ, cơ quan ngang Bộ và một số chính quyền địa phương còn công kênh, nhiều tầng nấc trung gian; chồng chéo, chưa hợp lý trong chức năng, nhiệm vụ. Việc chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện thành công ty cổ phần còn chậm. Tinh giản biên chế mới chủ yếu giảm về số lượng, chưa gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức. Việc quản lý, sử dụng biên chế, thời gian lao động ở nhiều Bộ, ngành, địa phương còn bất cập; cải cách hành chính chưa đạt kết quả như yêu cầu; (8) Nhiều vụ việc sai phạm trong đầu tư, đấu thầu, thẩm định giá, quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản, tài chính công, tài sản công gây thất thoát, lãng phí rất lớn. Việc triển khai thực hiện các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước còn chậm. Tỷ lệ thu hồi tiền, tài sản cho Nhà nước phát hiện qua thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án chưa cao. Nhiều vụ việc thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án kéo dài nhiều năm, gây thất thoát, lãng phí, ách tắc, cản trở việc đưa các nguồn lực, tài nguyên vào khai thác, sử dụng hiệu quả.

Các vấn đề bất cập nêu trên chủ yếu liên quan đến việc tổ chức thực hiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan đến công tác THTK, CLP. Theo đó, mặc dù tại báo cáo giám sát của Quốc hội không chỉ ra vấn đề tồn tại, hạn chế cụ thể tại Luật THTK, CLP nhưng qua rà soát, Bộ Tài chính thấy rằng một số quy định của Luật THTK, CLP cũng không còn đảm bảo đồng bộ, thống nhất với pháp luật chuyên ngành có liên quan tại thời điểm hiện nay, chưa phát huy hết hiệu quả của công tác THTK, CLP.

## 2. Mục tiêu xây dựng chính sách

**2.1.** Tiếp tục bám sát chủ trương, đường lối, quan điểm đã được xác định trong Nghị quyết của 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; Kết luận số 12-KL/TW ngày 6/4/2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

**2.2.** Xây dựng Luật THTK, CLP (sửa đổi) phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các văn bản pháp luật có liên quan và bảo đảm sự phù hợp với các chủ trương, định hướng lớn của Đảng, Chính phủ đối với công tác THTK, CLP.

**2.3.** Xây dựng khung khổ pháp lý về THTK, CLP đơn giản, hiệu quả đảm bảo các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng các nguồn lực của đất nước thực sự tham gia vào công tác này, thực sự phấn đấu nỗ lực để thực hành tiết kiệm, không để xảy ra lãng phí. Từ đó, phát huy tối đa hiệu lực công tác THTK, CLP và hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế.

**2.4.** Việc xây dựng Luật THTK, CLP phải gắn với việc thanh tra, giám sát chặt chẽ việc quản lý, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế nhưng vẫn đảm bảo khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung theo Kết luận số 14-KL/TW ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Ban Chấp hành trung ương.

## II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH

Đề nghị xây dựng dự án Luật THTK, CLP có 07 chính sách cơ bản, cụ thể là:

**Chính sách 1.** Hoàn thiện các quy định liên quan đến nhận diện “*tiết kiệm*”, “*lãng phí*”, “*hành vi gây lãng phí*” và “*hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí*”.

**Chính sách 2.** Tiếp tục hoàn thiện quy định về chế tài xử lý đối với “*hành vi gây lãng phí*” và “*hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí*”.

**Chính sách 3.** Bổ sung cơ sở để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể, nhân dân thực hiện giám sát, kiểm tra, phát hiện lãng phí thông qua việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia công khai về tiết kiệm, chống lãng phí.

**Chính sách 4.** Tiếp tục hoàn thiện chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia có trách nhiệm vào công tác tiết kiệm chống lãng phí, trong đó có người lao động, người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; cán bộ, công chức lãnh

đạo, quản lý, viên chức quản lý, người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có tư duy đổi mới, sáng tạo, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

**Chính sách 5.** Tiếp tục hoàn thiện các quy định để thực hiện phòng, chống lãng phí, tiêu cực từ cơ sở, trong đó tập trung tăng tính chủ động, tự chịu trách nhiệm các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức đối với việc xây dựng, ban hành Chương trình TK, CLP hàng năm của đơn vị mình.

**Chính sách 6.** Tiếp tục hoàn thiện các quy định đảm bảo đồng bộ, thống nhất giữa Luật Tiết kiệm, chống lãng phí với các văn bản quy phạm pháp luật trong từng lĩnh vực có liên quan.

Mỗi nhóm chính sách này sẽ bao gồm các chính sách cụ thể, có chính sách kế thừa, cụ thể hóa quy định hiện hành và có chính sách mới cụ thể như sau:

**1. Chính sách 1.** Hoàn thiện các quy định liên quan đến nhận diện “*tiết kiệm*”, “*lãng phí*”, “*hành vi gây lãng phí*” và “*hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí*”.

### **1.1 Xác định vấn đề**

Luật THPT, CLP 2013 đã đưa ra các khái niệm về “*tiết kiệm*”<sup>1</sup>, “*lãng phí*”<sup>2</sup> tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 của Luật. Tuy nhiên, nhiều ý kiến cho rằng các khái niệm này khó áp dụng trên thực tiễn để xác định từng trường hợp là tiết kiệm hay lãng phí, đặc biệt là trong các lĩnh vực không có tiêu chuẩn, định mức, chế độ. Đồng thời, bản thân nội hàm của từng khái niệm cũng chưa thật sự rõ ràng thống nhất, ví dụ: Khái niệm chung xác định tiết kiệm là giảm bớt hao phí trong sử dụng các nguồn lực nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã định nhưng trong một số lĩnh vực cụ thể thì kể cả trường hợp sử dụng đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ (không giảm bớt hao phí trong sử dụng nguồn lực) nhưng đạt cao hơn mục tiêu đã định cũng được xác định là tiết kiệm (về bản chất đây là đánh giá về hiệu quả).

Luật THPT, CLP 2013 cũng đã có quy định cụ thể các hành vi gây lãng phí trong một số lĩnh vực bao gồm: (i) lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ, giao dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; (ii) mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại, phương tiện, thiết bị làm việc

<sup>1</sup> Tiết kiệm là việc giảm bớt hao phí trong sử dụng vốn, tài sản, lao động, thời gian lao động và tài nguyên nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã định. Đối với việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên ở những lĩnh vực đã có định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì tiết kiệm là việc sử dụng ở mức thấp hơn định mức, tiêu chuẩn, chế độ nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã định hoặc sử dụng đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ nhưng đạt cao hơn mục tiêu đã định.

<sup>2</sup> Lãng phí là việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản, lao động, thời gian lao động và tài nguyên không hiệu quả. Đối với lĩnh vực đã có định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì lãng phí là việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ hoặc không đạt mục tiêu đã định.

và phương tiện thông tin, liên lạc; (iii) đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng; (iv) quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên; (v) quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước; (vi) quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Tuy nhiên, chưa bao quát hết một số hành vi gây lãng phí trên thực tế như các hành vi gây lãng phí trong việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, hành vi gây lãng phí trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công...; chưa có sự phân biệt giữa hành vi gây lãng phí và hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí; một số hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí lại chưa được quy định tại Luật như hành vi không ban hành hoặc chậm ban hành tiêu chuẩn, định mức, chế độ trong từng lĩnh vực làm cơ sở để thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí; không rà soát để sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, định mức, chế độ thuộc ngành lĩnh vực không còn phù hợp với thực tế; chậm/không ban hành các Chương trình THPT, CLP trong từng lĩnh vực; không thực hiện việc đánh giá hiệu quả, đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí được giao...

Mặt khác, việc quy định cụ thể các hành vi gây lãng phí tại dự thảo Luật có thể dẫn đến việc Luật không đảm bảo tính ổn định lâu dài, chậm xử lý các hành vi gây lãng phí phát sinh trên thực tế từng thời kỳ.

### **1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

- Xác định đúng bản chất và nội hàm của các khái niệm “*tiết kiệm*” và “*lãng phí*”, tạo cơ sở để Luật TK, CLP và các luật có liên quan xây dựng đồng bộ hệ thống các quy định, giải pháp phát huy hiệu quả tối đa các nguồn lực của nền kinh tế. Đồng thời, giúp các đối tượng áp dụng của Luật TK, CLP, đặc biệt là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận thức rõ ràng, chính xác hơn về trách nhiệm của mình đối với công tác TK, CLP.

- Xác định rõ ràng, thống nhất các khái niệm “*hành vi gây lãng phí*”, “*hành vi vi phạm về tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí*”, làm cơ sở để xử lý trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan, từ đó, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân, đặc biệt là người đứng đầu đối với công tác TK, CLP.

### **1.3. Các giải pháp đề xuất**

#### **Giải pháp 1:**

- Sửa đổi lại khái niệm “*tiết kiệm*”, “*lãng phí*” theo hướng:

+ “*Tiết kiệm là việc sử dụng ở mức thấp hơn định mức, tiêu chuẩn, chế độ nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã định trong các lĩnh vực quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên, năng lượng, các nguồn lực khác của nền kinh tế*”.

+ “*Lãng phí là việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên, năng lượng, các nguồn lực khác của nền kinh tế vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc việc quản lý, sử dụng không hiệu quả, không đạt được mục tiêu đã định hoặc tạo rào cản phát triển kinh tế, xã hội, bỏ lỡ thời cơ phát triển của đất nước*”.

- Quy định cụ thể tại Luật các nhóm “*hành vi gây lãng phí*” và các “*hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí*”. Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết các hành vi gây lãng phí trong từng lĩnh vực; giao các Bộ ngành theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm ban hành các quy định cụ thể về xác định hành vi gây lãng phí (về tiêu chí, mức độ của hành vi) đảm bảo rõ ràng, rõ tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm đối với từng hành vi.

+ Hành vi gây lãng phí dự kiến bao gồm các nhóm hành vi sau:

(1) Hành vi gây lãng phí trong lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ, giao dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước;

(2) Hành vi gây lãng phí trong đầu tư xây dựng, mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công, nhà ở thuộc tài sản công;

(3) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, năng lượng;

(4) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước;

(5) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

(6) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công (*hành vi bổ sung mới*).

(7) Hành vi gây lãng phí các nguồn lực khác của nền kinh tế theo quy định của Chính phủ (*hành vi bổ sung mới*).

Giao Chính phủ quy định chi tiết các hành vi gây lãng phí trong từng lĩnh vực.

Giao các Bộ ngành theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm ban hành các quy định cụ thể để xác định hành vi gây lãng phí (tiêu chí, mức độ của hành vi).

+ Hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng chống lãng phí dự kiến bao gồm:

(1) Hành vi vi phạm trong ban hành, thực hiện và kiểm tra định mức, tiêu chuẩn, chế độ;

(2) Hành vi vi phạm trong ban hành các Chương trình TK, CLP (*hành vi*

*bổ sung mới*);

(3) Hành vi vi phạm trong thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ, chỉ tiêu, yêu cầu TK, CLP đã ban hành (*hành vi bổ sung mới*);

(4) Hành vi vi phạm trong báo cáo kết quả công tác TK, CLP (*hành vi bổ sung mới*);

(5) Hành vi vi phạm trong công khai về tiết kiệm, chống lãng phí (*hành vi bổ sung mới*);

(6) Hành vi vi phạm trong việc lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trước khi quyết định đối với các biện pháp TK, CLP tại cơ quan, đơn vị (*hành vi bổ sung mới*);

(7) Hành vi cản trở việc thanh tra, kiểm tra, giám sát TK, CLP của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (*hành vi bổ sung mới*);

(8) Hành vi bao che, cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong xử lý khiếu nại, tố cáo, xử lý người vi phạm pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí;

**Giải pháp 2:** Giữ nguyên các quy định hiện nay

#### **1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp**

**Giải pháp 1:**

*a) Tác động đối với hệ thống pháp luật*

\* Tác động tích cực:

+ Khái niệm "*tiết kiệm*", "*lãng phí*", "*hành vi gây lãng phí*", "*hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí*" đảm bảo rõ ràng, thống nhất làm cơ sở để quy định các chính sách có liên quan và áp dụng pháp luật được thuận lợi.

+ Việc xây dựng đảm bảo đúng nguyên tắc Luật chỉ quy định các vấn đề khung (khái niệm, nhóm hành vi), các quy định cụ thể chi tiết giao lại cho Chính phủ, các Bộ ngành quy định để đảm bảo phù hợp với thực tiễn phát sinh, biến động từng thời kỳ, Luật được ban hành có tính ổn định.

\* Tác động tiêu cực: Giải pháp không có các tác động mang tính tiêu cực.

*b) Tác động về kinh tế - xã hội*

\* Tác động tích cực: Việc xác định rõ ràng các khái niệm, cụ thể hóa đầy đủ hành vi gây lãng phí và hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí sẽ tạo cơ sở rõ ràng để xem xét xử lý các trường hợp có hành vi gây lãng phí, kịp thời phát hiện, ngăn chặn lãng phí các nguồn lực của nền kinh tế, đồng thời có tinh thần đề đối với các trường hợp khác, giảm nguy cơ thất thoát, lãng phí tài sản, nguồn lực của đất nước.



\* Tác động tiêu cực: Giải pháp không có các tác động mang tính tiêu cực.

c) *Tác động về giới (nếu có)*: Giải pháp không có tác động về giới.

d) *Tác động của thủ tục hành chính (nếu có)*: Giải pháp không phát sinh thủ tục hành chính.

### **Giải pháp 2:**

a) *Tác động đối với hệ thống pháp luật*

\* Tác động tích cực: Giải pháp không mang lại tác động tích cực.

\* Tác động tiêu cực: Giải pháp không thể giải quyết được những vướng mắc, bất cập đã phát sinh.

b) *Tác động về kinh tế - xã hội*

\* Tác động tích cực: Giải pháp không mang lại tác động tích cực.

\* Tác động tiêu cực: Giải pháp không thể giải quyết được những vướng mắc, bất cập đã phát sinh trên thực tế.

c) *Tác động về giới (nếu có)*: Giải pháp không có tác động về giới.

d) *Tác động của thủ tục hành chính (nếu có)*: Giải pháp không phát sinh thủ tục hành chính.

### **1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

- Từ các cơ sở trên, Bộ Tài chính lựa chọn Giải pháp 1.

**2. Chính sách 2.** Tiếp tục hoàn thiện quy định về chế tài xử lý đối với “hành vi gây lãng phí” và “hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí”.

#### **2.1 Xác định vấn đề**

Tại điểm 2 Chi thị số 27-CT/TW đặt ra yêu cầu đối với việc hoàn thiện pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là “*tập trung xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu*”.

Thực tế, hiện nay Bộ Luật hình sự, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành đã cơ bản có các quy định đầy đủ, đồng bộ về việc xử lý đối với các trường hợp có hành vi vi phạm về tiết kiệm, chống lãng phí.

Tuy nhiên, việc xử lý kỷ luật với cán bộ, công chức, viên chức trong trường hợp có hành vi vi phạm về tiết kiệm, chống lãng phí tại Nghị định 112/2020/NĐ-CP hiện đang quy định theo nguyên tắc chung như đối với trường hợp có các hành vi vi phạm khác. Cụ thể:

- Tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm mà cán bộ,

công chức, viên chức, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có thể bị xử lý theo các hình thức: (i) Khiên trách; (ii) Cảnh cáo; (iii) Giáng chức; (iv) Cách chức; (v) Buộc thôi việc.

- Việc xác định mức độ của hành vi vi phạm đối với tất cả các hành vi như sau:

+ Vi phạm gây hậu quả ít nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ tác hại không lớn, tác động trong phạm vi nội bộ, làm ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác.

+ Vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, tác động ngoài phạm vi nội bộ, gây dư luận xấu trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, làm giảm uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác.

+ Vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại rất lớn, phạm vi tác động đến toàn xã hội, gây dư luận rất bức xúc trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, làm mất uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác.

+ Vi phạm gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại đặc biệt lớn, phạm vi tác động sâu rộng đến toàn xã hội, gây dư luận đặc biệt bức xúc trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, làm mất uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác.

Quy định nêu trên tại Nghị định 112/2020/NĐ-CP đảm bảo tính bao quát, phù hợp sử dụng làm nguyên tắc chung để xử lý kỷ luật nhiều nhóm hành vi vi phạm nhưng lại chưa thật sự rõ ràng cụ thể đối với trường hợp có hành vi vi phạm trong tiết kiệm, chống lãng phí. Do vậy, cần có quy định cụ thể về hình thức xử lý kỷ luật theo từng hành vi vi phạm cụ thể để đảm bảo rõ ràng, công khai, minh bạch khi áp dụng trên thực tiễn.

## ***2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Đảm bảo rõ ràng, tính răn đe, xác định rõ trách nhiệm của cán bộ, công chức, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp có hành vi gây lãng phí hoặc có hành vi vi phạm các quy định về tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí.

## ***2.3. Các giải pháp đề xuất***

### **Giải pháp 1:**

Kế thừa các quy định hiện hành về việc tùy thuộc vào hành vi vi phạm mà tổ chức, cá nhân thực hiện mà có thể áp dụng các chế tài về xử phạt vi phạm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự và xử lý kỷ luật theo pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức tương ứng.

Bổ sung quy định về việc giao: “*Chính phủ quy định chi tiết việc áp dụng hình thức kỷ luật đối với từng hành vi gây lãng phí và hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí*” tại dự thảo Luật.

**Giải pháp 2:** Giữ nguyên các quy định hiện nay

#### **2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp**

**Giải pháp 1:**

*a) Tác động đối với hệ thống pháp luật*

\* Tác động tích cực:

+ Việc giao Chính phủ quy định chi tiết hình thức xử lý kỷ luật tương ứng với từng hành vi vi phạm về tiết kiệm, chống lãng phí bảo đảm rõ ràng trong áp dụng pháp luật khi thực hiện việc xử lý kỷ luật, đảm bảo công khai, minh bạch, tránh phát sinh các vướng mắc đối với việc xác định các yếu tố, chỉ tiêu mang tính chất định tính theo quy định chung tại Nghị định 112/2020/NĐ-CP (tính chất, mức độ tác hại, tác ủa hành vi, phạm vi ảnh hưởng là trong phạm vi nội bộ hay không, có làm ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan, tổ chức hay không).

+ Giải pháp này cũng đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với các lĩnh vực khác (ví dụ khoản 4 Điều 94 Luật Phòng, chống tham nhũng hiện hành cũng giao Chính phủ quy định chi tiết việc xử lý kỷ luật đối với các trường hợp có hành vi vi phạm về phòng, chống tham nhũng, trên cơ sở đó, Chính phủ đã quy định cụ thể tại Nghị định số 59/2019/NĐ-CP).

\* Tác động tiêu cực: Giải pháp không có các tác động mang tính tiêu cực.

*b) Tác động về kinh tế - xã hội*

\* Tác động tích cực: Giải pháp đưa ra tạo khuôn khổ pháp lý rõ ràng, đầy đủ đối với việc xử lý kỷ luật cá nhân có hành vi vi phạm về phòng, chống lãng phí. Từ đó, có tính răn đe, hạn chế các hành vi lãng phí các nguồn lực của đất nước có thể phát sinh.

\* Tác động tiêu cực: Giải pháp không có các tác động mang tính tiêu cực.

*c) Tác động về giới (nếu có):* Giải pháp không có tác động về giới.

*d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):* Giải pháp không phát sinh thủ tục hành chính.

**Giải pháp 2:**

*a) Tác động đối với hệ thống pháp luật*

\* Tác động tích cực: Giải pháp không mang lại tác động tích cực.

\* Tác động tiêu cực: Giải pháp không thể giải quyết được những vướng mắc, bất cập đã phát sinh trên thực tế.

*b) Tác động về kinh tế - xã hội*

\* Tác động tích cực: Giải pháp không mang lại tác động tích cực.

\* Tác động tiêu cực: Giải pháp không thể giải quyết được những vướng mắc, bất cập đã phát sinh trên thực tế.

*c) Tác động về giới (nếu có):* Giải pháp không có tác động về giới.

*d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):* Giải pháp không phát sinh thủ tục hành chính.

### **2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

- Từ các cơ sở trên, Bộ Tài chính lựa chọn Giải pháp 1.

**3. Chính sách 3.** Bổ sung cơ sở để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể, nhân dân thực hiện giám sát, kiểm tra, phát hiện lãng phí thông qua việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia công khai về tiết kiệm, chống lãng phí.

#### **3.1 Xác định vấn đề**

Luật TK, CLP hiện hành chưa có quy định về việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia công khai về tiết kiệm, chống lãng phí để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể, nhân dân thực hiện giám sát, kiểm tra phát hiện lãng phí.

Tại khoản 5 Điều 4 Luật TK, CLP hiện hành đã quy định cụ thể nguyên tắc tiết kiệm, chống lãng phí là “*bảo đảm vai trò giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Nhân dân trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí*”. Tuy nhiên, lại chưa có thêm các cơ chế để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Nhân dân có điều kiện tham gia giám sát tiết kiệm, chống lãng phí.

#### **3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Tạo cơ sở tốt nhất để các tổ chức, cá nhân thực hiện quyền kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện các hành vi lãng phí và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền có các biện pháp xử lý sớm và hiệu quả nhất.

#### **3.3. Các giải pháp đề xuất**

**Giải pháp 1:** Bổ sung tại Luật TK, CLP quy định nguyên tắc về việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP công khai làm cơ sở theo dõi, quản lý, kiểm tra, giám sát chặt chẽ các nguồn lực của nền kinh tế.

Trên cơ sở nguyên tắc cho phép xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP được quy định tại Luật, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông để trình Chính phủ bổ sung các quy định cụ thể về cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP cho phù hợp (Cơ quan chủ quản, phạm vi dữ liệu, nguồn

thông tin...)

**Giải pháp 2:** Giữ nguyên các quy định hiện nay

### **3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp**

**Giải pháp 1:**

*a) Tác động đối với hệ thống pháp luật*

\* Tác động tích cực:

Tạo cơ sở pháp lý rõ ràng đối với việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí (hiện nay việc xây dựng cơ sở dữ liệu mới chỉ được giao nhiệm vụ tại Nghị quyết số 74/2022/QH15 của Quốc hội mà chưa có các quy định pháp luật cụ thể mang tính bắt buộc để triển khai bao gồm trách nhiệm nhập dữ liệu của các Bộ ngành, địa phương; phạm vi dữ liệu, nguồn thông tin...).

\* Tác động tiêu cực: Giải pháp không có các tác động mang tính tiêu cực.

*b) Tác động về kinh tế - xã hội*

\* Tác động tích cực: Các nguồn lực của nền kinh tế được thống kê, theo dõi rõ ràng, tình hình thực hiện công tác tiết kiệm, chống lãng phí của các Bộ ngành, địa phương được cập nhật liên tục, đầy đủ đảm bảo theo dõi, quản lý chặt chẽ các nguồn lực.

\* Tác động tiêu cực: Giải pháp sẽ phát sinh chi phí đối với việc xây dựng, cập nhật, nâng cấp... cơ sở dữ liệu quốc gia.

*c) Tác động về giới (nếu có):* Giải pháp không có tác động về giới.

*d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):* Giải pháp không phát sinh thủ tục hành chính.

**Giải pháp 2:**

*a) Tác động đối với hệ thống pháp luật*

\* Tác động tích cực: Giải pháp không mang lại tác động tích cực.

\* Tác động tiêu cực: Giải pháp không thể giải quyết được những vướng mắc, bất cập đã phát sinh trên thực tế.

*b) Tác động về kinh tế - xã hội*

\* Tác động tích cực: Giải pháp không mang lại tác động tích cực.

\* Tác động tiêu cực: Giải pháp không thể giải quyết được những vướng mắc, bất cập đã phát sinh trên thực tế.

*c) Tác động về giới (nếu có):* Giải pháp không có tác động về giới.

*d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):* Giải pháp không phát sinh

thủ tục hành chính.

### **3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

- Từ các cơ sở trên, Bộ Tài chính lựa chọn Giải pháp 1.

**4. Chính sách 4:** Tiếp tục hoàn thiện chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia có trách nhiệm vào công tác tiết kiệm chống lãng phí, trong đó có người lao động, người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý, viên chức quản lý, người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có tư duy đổi mới, sáng tạo, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

#### **4.1 Xác định vấn đề**

Luật THTK, CLP năm 2013 đã có một số quy định về khen thưởng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tuy nhiên, thực tế triển khai cho thấy các quy định này là chưa đủ mạnh để khuyến khích tổ chức, cá nhân thực sự tham gia vào công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chưa trở thành văn hóa, mong muốn của người lao động, còn thiếu các cơ chế khuyến khích tổ chức, cá nhân, người lao động sẵn sàng và thực sự tham gia có trách nhiệm đối với công tác tiết kiệm, chống lãng phí.

Bên cạnh đó, thực tế vẫn còn tình trạng một bộ phận cán bộ, công chức có tâm lý né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, sơ sai không dám làm do điểm nghẽn, nút thắt trong cơ chế, chính sách, tập trung vào những vấn đề chưa được quy định hoặc đã có quy định nhưng không phù hợp với thực tiễn dẫn tới lãng phí các nguồn lực của nền kinh tế, chậm triển khai nhiệm vụ, đề án, dự án làm mất cơ hội, chậm sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Luật THTK, CLP hiện hành chưa có các quy định để góp phần bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung theo Kết luận số 14-KL/TW ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Ban chấp hành Trung ương.

#### **4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

- Khuyến khích khuyến khích người lao động, người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực sự tham gia tiết kiệm, chống lãng phí;

- Bên cạnh đó, việc bổ sung việc quy định về miễn trừ, loại trừ hoặc giảm nhẹ trách nhiệm đối với trường hợp cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung góp phần tạo động lực, niềm tin cho các cán bộ, công chức trong quá trình thực thi công vụ, phục vụ đất nước, nhân dân.

#### **4.3. Các giải pháp đề xuất**

**Giải pháp 1:**

- Kế thừa các quy định hiện hành về khen thưởng trong trường hợp các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích về: (i) Hoàn thành, hoàn thành vượt mức mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí được giao; (ii) Có giải pháp, sáng kiến trong tiết kiệm, chống lãng phí mang lại kết quả cụ thể; (iii) Phát hiện, có thông tin phát hiện, ngăn chặn kịp thời không để lãng phí xảy ra.

- Sửa đổi, bổ sung Luật TK, CLP theo hướng:

*Thứ nhất*, bổ sung quy định cho phép doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được trích lại một tỷ lệ % nhất định phần lợi nhuận vượt mức kế hoạch để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp và trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên. Chính phủ quy định chi tiết việc trích lại để lập các Quỹ.

*Thứ hai*, bổ sung các quy định cho phép: (i) Cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; viên chức quản lý trong các đơn vị sự nghiệp công lập; người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ **được đề xuất đổi mới, sáng tạo** trong quá trình thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn nhằm tháo gỡ, giải quyết những điểm nghẽn, nút thắt trong cơ chế, chính sách theo quy định pháp luật; (ii) Cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý, viên chức quản lý, người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ có tư duy đổi mới, sáng tạo, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao trong các lĩnh vực có liên quan đến tiết kiệm, chống lãng phí, xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn đề xuất giải pháp nhằm tháo gỡ, giải quyết những điểm nghẽn, nút thắt trong cơ chế, chính sách chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, mang lại giá trị, hiệu quả thiết thực, tạo được chuyển biến mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung, vì lợi ích chung thì **có thể không bị xử lý trách nhiệm, được loại trừ, miễn hoặc giảm nhẹ trách nhiệm theo quy định pháp luật có liên quan.**

**Giải pháp 2:** Giữ nguyên các quy định hiện nay

#### **4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp**

**Giải pháp 1:**

a) *Tác động đối với hệ thống pháp luật*

\* Tác động tích cực:

- Bổ sung thêm cơ sở pháp lý để khuyến khích người lao động, người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực sự tham gia tiết kiệm, chống lãng phí đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thể chế hóa đầy đủ chủ trương về bảo vệ cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý, viên chức quản lý, người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ có tư duy đổi mới, sáng tạo, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao theo Kết luận số 14-KL/TW ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Ban chấp hành Trung ương.

\* Tác động tiêu cực: Giải pháp không có các tác động mang tính tiêu cực.

*b) Tác động về kinh tế - xã hội*

\* Tác động tích cực: người lao động, người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ tích cực tham gia thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn, góp phần tăng tỷ lệ nộp ngân sách nhà nước đối với phần lợi nhuận còn lại.

\* Tác động tiêu cực: Giải pháp không có các tác động mang tính tiêu cực.

*c) Tác động về giới (nếu có):* Giải pháp không có tác động về giới.

*d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):* Giải pháp không phát sinh thủ tục hành chính.

**Giải pháp 2:**

*a) Tác động đối với hệ thống pháp luật*

\* Tác động tích cực: Giải pháp không mang lại tác động tích cực.

\* Tác động tiêu cực: Giải pháp không thể giải quyết được những vướng mắc, bất cập đã phát sinh trên thực tế.

*b) Tác động về kinh tế - xã hội*

\* Tác động tích cực: Giải pháp không mang lại tác động tích cực.

\* Tác động tiêu cực: Giải pháp không thể giải quyết được những vướng mắc, bất cập đã phát sinh trên thực tế.

*c) Tác động về giới (nếu có):* Giải pháp không có tác động về giới.

*d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):* Giải pháp không phát sinh thủ tục hành chính.

**4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

- Từ các cơ sở trên, Bộ Tài chính lựa chọn Giải pháp 1.

**5. Chính sách 5:** Tiếp tục hoàn thiện các quy định để thực hiện phòng, chống lãng phí, tiêu cực từ cơ sở, trong đó tập trung tăng tính chủ động, tự chịu trách nhiệm các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức đối với việc xây dựng, ban hành Chương trình TK, CLP hàng năm của đơn vị mình.



### **5.1 Xác định vấn đề**

Quy định hiện hành tại Luật THTK, CLP về việc các Bộ, ngành, địa phương phải chờ Chương trình tổng thể về TK, CLP hàng năm của Chính phủ mới ban hành Chương trình TK, CLP của ngành, lĩnh vực, địa phương mình làm giảm tính chủ động của các Bộ ngành, địa phương đối với công tác này trong khi thực tế các Bộ, ngành, địa phương hoàn toàn có thể dựa trên Chiến lược quốc gia về chống lãng phí, dự báo bối cảnh kinh tế xã hội cũng như dự kiến các vấn đề lãng phí cần tập trung phòng, chống của ngành, lĩnh vực, địa phương, đơn vị mình để xây dựng Chương trình TK, CLP hàng năm.

### **5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

- Tăng tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan tổ chức trong việc xây dựng Chương trình TK, CLP hàng năm trong ngành, lĩnh vực, cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

- Thủ tướng Chính phủ chỉ ban hành Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí của đất nước với tầm nhìn dài hạn 10 năm (thay cho Chương trình tổng thể về TK, CLP của Chính phủ giai đoạn 5 năm và hàng năm), trong đó, đặt ra mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đồng bộ cả về hoàn thiện thể chế và tổ chức thực hiện cho các Bộ, ngành, địa phương thực hiện.

### **5.3. Các giải pháp đề xuất**

#### **Giải pháp 1:**

- Kế thừa một số quy định hiện hành tại Luật THTK, CLP về việc thực hiện chống lãng phí từ cơ sở (cơ sở chủ động ban hành, thực hiện, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện chương trình, kế hoạch TK, CLP của đơn vị mình), cụ thể: (i) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm xây dựng, chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gắn với nhiệm vụ cải cách hành chính, xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong phạm vi lĩnh vực, trong cơ quan, tổ chức được giao quản lý; (ii) xây dựng các giải pháp để thực hiện nhằm đạt được mục tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; (iii) cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được quyền tham gia ý kiến về các biện pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trước khi người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định; (iv) Các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm xây dựng và thực hiện Chương trình THTK, CLP hàng năm và dài hạn, trong đó xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá tiết kiệm cho ngành, lĩnh vực và cho các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý; (v) Khi nhận được phản ánh về các hành vi lãng phí xảy ra, người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải chỉ đạo kiểm tra, xem xét để có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời và trả lời bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã phát hiện...

- Sửa đổi quy định tại Luật TK, CLP hiện hành theo hướng tăng tính chủ

động đối với Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức trong việc ban hành Chương trình TK, CLP của đơn vị mình, Cụ thể:

+ Bổ sung quy định Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí (bỏ các quy định về việc Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về TK, CLP theo giai đoạn và hàng năm)

+ Các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức tự chủ động ban hành Chương trình TK, CLP hàng năm của Bộ, ngành, địa phương, đơn vị mình trên cơ sở Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí, và thực tế diễn biến bối cảnh công tác tiết kiệm, chống lãng phí của ngành, lĩnh vực, địa phương, cơ quan đơn vị mình để ban hành Chương trình TK, CLP của ngành, lĩnh vực, địa phương, cơ quan, đơn vị mình).

**Giải pháp 2:** Giữ nguyên các quy định hiện nay

#### **5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp**

**Giải pháp 1:**

##### *a) Tác động đối với hệ thống pháp luật*

\* Tác động tích cực: Đảm bảo rõ ràng, đồng bộ hệ thống pháp luật đối với việc ban hành Chiến lược quốc gia về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan tổ chức đơn vị. Đồng thời, phù hợp với tính chất mức độ, tầm quan trọng của từng loại văn bản và cơ quan ban hành văn bản (ở tầm quốc gia chỉ ban hành Chiến lược với tầm nhìn dài hạn, trong tổ chức thực hiện từng ngành, lĩnh vực, địa phương ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm bám sát diễn biến, bối cảnh của ngành, lĩnh vực và địa phương mình).

\* Tác động tiêu cực: Giải pháp không có các tác động mang tính tiêu cực.

##### *b) Tác động về kinh tế - xã hội*

\* Tác động tích cực: Giải pháp đưa ra khuôn khổ pháp lý rõ ràng, tạo thuận lợi cho các Bộ ngành địa phương chủ động xây dựng thực hiện có hiệu quả Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của ngành, lĩnh vực, địa phương mình. Từ đó, mang lại hiệu quả kinh tế xã hội cao hơn.

\* Tác động tiêu cực: Giải pháp không có các tác động mang tính tiêu cực.

##### *c) Tác động về giới (nếu có):* Giải pháp không có tác động về giới.

*d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):* Giải pháp không phát sinh thủ tục hành chính.

**Giải pháp 2:**

*a) Tác động đối với hệ thống pháp luật*

\* Tác động tích cực: Giải pháp không mang lại tác động tích cực.

\* Tác động tiêu cực: Giải pháp không thể giải quyết được những vướng mắc, bất cập đã phát sinh trên thực tế.

*b) Tác động về kinh tế - xã hội*

\* Tác động tích cực: Giải pháp không mang lại tác động tích cực.

\* Tác động tiêu cực: Giải pháp không thể giải quyết được những vướng mắc, bất cập đã phát sinh trên thực tế.

*c) Tác động về giới (nếu có):* Giải pháp không có tác động về giới.

*d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):* Giải pháp không phát sinh thủ tục hành chính.

**5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

- Từ các cơ sở trên, Bộ Tài chính lựa chọn Giải pháp 1.

**6. Chính sách 6:** Tiếp tục hoàn thiện các quy định đảm bảo đồng bộ, thống nhất giữa Luật Tiết kiệm, chống lãng phí với các văn bản quy phạm pháp luật trong từng lĩnh vực có liên quan.

**6.1 Xác định vấn đề**

Kể từ khi Luật TK, CLP năm 2013 được ban hành và có hiệu lực (1/7/2014), Quốc hội đã ban hành nhiều Luật mới có liên quan, trong đó có nhiều luật chuyên ngành được ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung như Luật Ngân sách nhà nước (năm 2015), Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (năm 2017), Luật Đầu tư công (năm 2014 và năm 2019), Luật Tài nguyên môi trường biển và hải đảo (năm 2015), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức (năm 2019) theo đó, đã có nhiều sự thay đổi cả về khái niệm cũng như chính sách trong từng lĩnh vực. Chính vì vậy đã làm cho một số quy định tại Luật TK, CLP không còn phù hợp, chưa đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các quy định pháp luật chuyên ngành.

Mặt khác, một số quy định hiện tại của Luật TK, CLP về tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực chủ yếu đưa ra một số nguyên tắc chung đối với việc quản lý, sử dụng các nguồn lực (vốn, tài sản, tài nguyên, nguồn nhân lực...) trùng lặp với quy định cụ thể tại các Luật chuyên ngành. Do đó, cần thiết phải rà soát với các Luật có liên quan để làm rõ mối quan hệ giữa Luật TK, CLP và các Luật này, đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp đồng thời đảm bảo hiệu quả của công tác TK, CLP.

**6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

- Đảm bảo đồng bộ, thống nhất, không trùng lặp về mặt nội dung với các

Luật chuyên ngành trong từng lĩnh vực.

- Đảm bảo đầy đủ cơ sở để đánh giá tiết kiệm, lãng phí trong từng lĩnh vực.

### **6.3. Các giải pháp đề xuất**

#### **Giải pháp 1:**

- Bổ sung vào Điều 1 về phạm vi điều chỉnh của Luật theo hướng loại nội dung về TK, CLP đối với lĩnh vực năng lượng chưa được quy định tại Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả thì thực hiện theo quy định tại Luật này.

- Bỏ 7 Mục (từ Mục 1 đến Mục 7) Chương II của Luật về TK, CLP trong một số lĩnh vực cụ thể.

- Chinh lý các thuật ngữ tại dự thảo Luật đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các quy định pháp luật chuyên ngành như thuật ngữ “*tài sản công*”, “*tài nguyên*” ... (*chi tiết các thuật ngữ chưa đồng bộ, thống nhất theo Bảng so sánh chi tiết kèm theo*).

**Giải pháp 2:** Giữ nguyên các quy định hiện nay

### **6.4. Đánh giá tác động của các giải pháp**

#### **Giải pháp 1:**

##### *a) Tác động đối với hệ thống pháp luật*

\* Tác động tích cực:

Giải pháp góp phần đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất giữa hệ thống pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và hệ thống pháp luật chuyên ngành. Đảm bảo tính ổn định của Luật tiết kiệm, chống lãng phí sau khi được Quốc hội ban hành (ít phải sửa đổi, bổ sung khi có sự thay đổi của các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan).

Tạo thuận lợi cho đối tượng chịu sự điều chỉnh của văn bản trong quá trình áp dụng văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện đối với các lĩnh vực có liên quan đến công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

\* Tác động tiêu cực: Giải pháp không có các tác động mang tính tiêu cực.

##### *b) Tác động về kinh tế - xã hội*

\* Tác động tích cực: Giải pháp cơ bản được đưa ra để đảm bảo đồng bộ, thống nhất về hệ thống pháp luật.

\* Tác động tiêu cực: Giải pháp không có các tác động mang tính tiêu cực.

##### *c) Tác động về giới (nếu có):* Giải pháp không có tác động về giới.

*d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):* Giải pháp không phát sinh thủ tục hành chính.

**Giải pháp 2:***a) Tác động đối với hệ thống pháp luật*

\* Tác động tích cực: Giải pháp không mang lại tác động tích cực.

\* Tác động tiêu cực: Giải pháp không thể giải quyết được những vướng mắc, bất cập đã phát sinh trên thực tế.

*b) Tác động về kinh tế - xã hội*

\* Tác động tích cực: Giải pháp không mang lại tác động tích cực.

\* Tác động tiêu cực: Giải pháp không thể giải quyết được những vướng mắc, bất cập đã phát sinh trên thực tế.

*c) Tác động về giới (nếu có):* Giải pháp không có tác động về giới.

*d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):* Giải pháp không phát sinh thủ tục hành chính.

**6.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

- Từ các cơ sở trên, Bộ Tài chính lựa chọn Giải pháp 1.

Trên đây là nội dung Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật TK, CLP (sửa đổi)./.

**Nơi nhận:**

- Ban Chi đạo TW về PCTN (để b/c);
- Ban Bí Thư (để b/c);
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTg Trương Hòa Bình (để b/c);
- Ban Nội chính Trung ương (để b/c);
- Văn phòng TW Đảng
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, Vụ PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỦ TRƯỞNG**



**Lê Tấn Cận**





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2024.

**BẢN TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH**  
**Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG VỀ ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT TIẾT KIỆM,**  
**CHỐNG LÃNG PHÍ (SỬA ĐỔI)**

*(Kèm theo Tờ trình số 360/TTr-BTC ngày 16/12/2024 của Bộ Tài chính)*

1. Căn cứ xây dựng Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân: Thực hiện quy định tại Điều 57 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về việc lấy ý kiến đối với hồ sơ dự án Luật.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân lấy ý kiến:

Bộ Tài chính đã có công văn số 10445/BTC-PC ngày 29/9/2023 gửi các Bộ, ngành, địa phương về đề nghị xây dựng Luật THPT, CLP (sửa đổi). Tính đến ngày 09/12/2024, Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến tham gia của 92 Bộ, ngành, địa phương, công ty trong đó có 57 cơ quan nhất trí với dự thảo do Bộ Tài chính xây dựng và 35 cơ quan, địa phương, công ty có ý kiến tham gia. Bộ Tài chính xin tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia như sau:

**2.1. Các Bộ, ngành, địa phương nhất trí toàn bộ (57 cơ quan, địa phương, công ty), bao gồm:**

- 42 địa phương bao gồm: Tiền Giang, Bắc Kạn, Quảng Ngãi, Kiên Giang, Ninh Thuận, Cao Bằng, Long An, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Thái Bình, Sóc Trăng, Đắk Nông, Quảng Ninh, Bình Dương, Nam Định, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Đồng Tháp, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Hưng Yên, Phú Thọ, Lâm Đồng, Sơn La, Phú Yên, Hà Nam, Bình Phước, Bạc Liêu, An Giang, Kon Tum, Lạng Sơn, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Thuận, Gia Lai, Đà Nẵng, Đắk Lắk, Tây Ninh, Cà Mau, Quảng Bình, Hà Nội.

- 9 Bộ, ngành bao gồm: Đài tiếng nói Việt Nam, Bộ Quốc phòng, Thông tấn xã Việt Nam, Đài truyền hình Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Xây dựng; Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp.

- 7 công ty: Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Tổng công ty Cà phê Việt Nam, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước, Tổng công ty Lương thực miền Bắc, Tập đoàn hóa chất Việt Nam, Tổng công ty công nghiệp tàu thủy, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam.

## 2.2. Các ý kiến tham gia, Bộ Tài chính tiếp thu, giải trình (35 cơ quan)

- 14 địa phương bao gồm: Bình Định, Quảng Nam, Hà Giang, Tuyên Quang, Khánh Hòa, Yên Bái, Hải Phòng, Đồng Nai, Điện Biên, Lào Cai, Ninh Bình, Lai Châu, Nghệ An, TP Hồ Chí Minh.

- 16 Bộ, ngành bao gồm: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Văn hóa, Thể thao – Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ, Kiểm toán nhà nước, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ NN&PTNT, Bộ GTVT, Bộ KH&ĐT, Bộ Tư pháp; UBQLVNN tại doanh nghiệp.

- 05 công ty: Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội, Tập đoàn dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam, Tổng công ty xi măng Việt Nam.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, Bộ Tài chính đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

Tên loại hồ sơ	Nội dung tham gia ý kiến cụ thể	Giải trình, tiếp thu
<p><b>Dự thảo Tờ trình Chính phủ</b></p>	<p><b>Viện kiểm sát nhân dân tối cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị bổ sung chính sách hoàn thiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiết kiệm và bổ sung quy định cụ thể về trách nhiệm ban hành các tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK,CLP) trong các lĩnh vực để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc mà Báo cáo tổng kết thực hiện Luật đã tổng hợp.</li> <li>- Tên Chính sách 4: Hoàn thiện các quy định về xử lý đối với tổ chức cá nhân có hành vi vi phạm về</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đây là tồn tại hạn chế trong tổ chức thực hiện, Luật THTK, CLP hiện hành đã có quy định cụ thể về trách nhiệm ban hành các tiêu chí đánh giá kết quả THTK, CLP trong các lĩnh vực. Tại hồ sơ đề nghị xây dựng đã bổ sung quy định về hành vi vi phạm trong tổ chức THTK, CLP là không ban hành các tiêu chí đánh giá kết quả THTK, CLP trong từng lĩnh vực để xử lý đối với hành vi này.</li> <li>- Tiếp thu ý kiến này, Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại tên của các chính sách tại hồ sơ đề nghị xây dựng Luật cho phù hợp.</li> </ul>



	<p>THTK,CLP, trong đó tập trung về việc xử lý trách nhiệm người đứng đầu và bổ sung quy định các trường hợp miễn trừ việc xử lý đối với cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung theo Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của BCH Trung ương, chưa bao hàm nội dung và giải pháp “xây dựng cơ sở dữ liệu về THTK,CLP...” (nêu tại tiểu mục Thứ tư, mục IV.4.3, trang 14). Vì vậy, đề nghị chỉnh lý tên chính sách để bảo đảm bao quát nội dung chính sách.</p> <p>- Tại trang 10, mục 2.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn: Đề nghị quy định bổ sung nội hàm của khái niệm tiết kiệm, lãng phí.</p> <p><i>Lý do:</i> Đối với các trường hợp chưa có quy định cụ thể (của cơ quan nhà nước có thẩm quyền) về tiêu chuẩn định mức, chế độ thì vẫn gặp khó khăn trong việc xác định thế nào là lãng phí hay tiết kiệm, mức độ tiết kiệm; hoặc bỏ lọt hành vi lãng phí trong trường hợp để thất thoát tiền, tài sản của ngân sách nhưng chưa tới mức xem xét xử lý theo quy định của pháp luật về hình sự.</p>	<p>- Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính đã chỉnh lý làm rõ nội hàm khái niệm “<i>tiết kiệm</i>” “<i>lãng phí</i>”, cụ thể:</p> <p>- “<i>Tiết kiệm</i>” là việc sử dụng ở mức thấp hơn định mức, tiêu chuẩn, chế độ nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã định trong các lĩnh vực quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên, năng lượng, các nguồn lực khác của nền kinh tế.</p> <p>- “<i>Lãng phí</i>” là việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên, năng lượng, các nguồn lực khác của nền kinh tế vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc việc quản lý, sử dụng không hiệu quả, không đạt được mục tiêu đã định hoặc tạo rào cản phát triển kinh tế, xã hội, bỏ lỡ thời cơ phát triển của đất nước.</p>
	<p><b>Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:</b></p> <p><b>1. Về chính sách 1: Hoàn thiện các quy định về phạm vi điều chỉnh của Luật THTK, CLP</b></p>	

- Tại dự thảo hồ sơ sửa đổi Luật THTK, CLP có bổ sung quy định nguyên tắc xây dựng hệ thống VBQPPL chuyên ngành có liên quan đến THTK, CLP theo hướng:

*(i) Luật THTK, CLP chỉ là Luật khung, quy định các nguyên tắc về THTK, CLP nói chung. Luật chuyên ngành theo từng lĩnh vực quy định cụ thể các biện pháp THTK, CLP làm cơ sở áp dụng cho phù hợp đặc thù ngành lĩnh vực.*

Thực hiện nguyên tắc này, trong trường hợp Luật chuyên ngành đã được ban hành thì sau khi Luật sửa đổi Luật THTK, CLP được ban hành mới có phải rà soát để sửa đổi, bổ sung các quy định cụ thể về biện pháp THTK, CLP tại các Luật chuyên ngành hay không trong khi các Luật chuyên ngành vẫn đang được triển khai áp dụng bình thường, không có vướng mắc phát sinh? Ngoài ra, dự thảo cũng cần xem xét, đánh giá tính hiệu quả của việc sửa đổi các luật chuyên ngành do việc sửa đổi luật sẽ mất rất nhiều thời gian, có thể không đồng bộ, gây khó khăn trong đánh giá hiệu quả THTK, CLP.

*(ii) Tại các Luật chuyên ngành phải quy định cụ thể hoặc giao thẩm quyền cho Chính phủ, các Bộ ngành địa phương ban hành các quy định để đánh giá hiệu quả của từng hoạt động nghiệp vụ làm cơ sở đánh giá có phát sinh lãng phí trong từng hoạt động nghiệp vụ hay không*

Dự thảo hồ sơ xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung các khái niệm “tiết kiệm” và “lãng phí”, tuy nhiên theo nguyên tắc trên thì Luật chuyên ngành phải ban hành các quy định làm cơ sở đánh giá có phát sinh lãng phí trong

Tiếp thu ý kiến này, Bộ Tài chính đã điều chỉnh lại nội dung chính sách tại hồ sơ đề nghị xây dựng chính sách, cụ thể:

(i) Luật này quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực: quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước; quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên và các nguồn lực khác của nền kinh tế; hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

(ii) Nội dung về tiết kiệm, chống lãng phí đối với lĩnh vực năng lượng không được quy định tại Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả thì thực hiện theo quy định tại Luật này.

- Tại hồ sơ đề nghị xây dựng Luật đã bỏ nội dung này. Theo đó, khái niệm, tiết kiệm, lãng phí được xây dựng theo hướng tổng quát còn hành vi gây lãng phí sẽ được quy định cụ thể để có cơ sở áp dụng rõ ràng.

từng hoạt động nghiệp vụ, mà không đề cập đến việc đánh giá có tiết kiệm trong các hoạt động này hay không? Do vậy, đề nghị dự thảo xem xét, sửa đổi như sau: “...*ban hành các quy định để đánh giá hiệu quả của từng hoạt động nghiệp vụ làm cơ sở đánh giá có tiết kiệm/phát sinh lãng phí trong từng hoạt động nghiệp vụ hay không.*”

- Về mặt khái niệm thuật ngữ (nêu tại trang 7 Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật THPT, CLP), theo quan điểm của NHNN, một số khái niệm của Luật chuyên ngành cũng còn chưa rõ ràng. Vì vậy, trong quá trình sửa đổi Luật THPT, CLP, ngoài việc đồng nhất các khái niệm với Luật chuyên ngành, cần rà soát, quy định những nội dung gì được loại trừ, bổ sung so với Luật chuyên ngành để tạo điều kiện cho các đơn vị thực hiện.

## **2. Về chính sách 2: Hoàn thiện các quy định về khái niệm “tiết kiệm”, “lãng phí” làm cơ sở định hướng xây dựng các quy định có liên quan tại Luật**

Dự thảo đưa ra khái niệm “tiết kiệm”. Tuy nhiên, đối với một số lĩnh vực mà nhà nước chưa/không ban hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ cụ thể để THPT, CLP thì sẽ gây ra khó khăn trong việc xác định thế nào là tiết kiệm, lãng phí, đặc biệt là việc xác định, đánh giá tiết kiệm, lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp. Do vậy, đề nghị dự thảo bổ sung đánh giá tác động của chính sách này đối với các lĩnh vực chưa có định mức, tiêu chuẩn, chế độ và việc xác định khái niệm tiết kiệm, lãng phí tại các doanh nghiệp nhà nước.

## **3. Về chính sách 3: Hoàn thiện các quy định để tạo**

- Tiếp thu ý kiến, trong quá trình soạn thảo Luật sau khi được Quốc hội thông qua đề nghị xây dựng Luật, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục rà soát, nghiên cứu để đề xuất các quy định cho phù hợp.

- Tiếp thu ý kiến này để đảm bảo rõ ràng nhất trong áp dụng pháp luật, Bộ Tài chính đã điều chỉnh nội dung chính sách theo hướng quy định khái niệm “tiết kiệm”, “lãng phí” mang tính tổng quát và quy định cụ thể “hành vi gây lãng phí”. Theo đó, việc xác định có lãng phí hay không được xác định theo hành vi.

**cơ chế khuyến khích các tổ chức, cá nhân THPT, CLP; khuyến khích các tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin phát hiện lãng phí**

Chính sách này cần phải được xây dựng phù hợp trong phạm vi nguồn lực tài chính ngân sách của các đơn vị; đồng thời đề nghị dự thảo nghiên cứu, bổ sung cơ chế bảo vệ cá nhân, tổ chức trong việc cung cấp thông tin phát hiện hành vi lãng phí nhằm khuyến khích cá nhân, tổ chức tích cực tham gia.

**4. Về chính sách 4: Hoàn thiện các quy định về xử lý một số quy định về việc kiểm tra giám sát, xử lý đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm về THPT, CLP trong đó tập trung về việc xử lý trách nhiệm người đứng đầu và bổ sung quy định các trường hợp miễn trừ xử lý đối với cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung theo Kết luận số 14-KL/TW**

Tại Đề cương Luật THPT, CLP, điều về trách nhiệm ban hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi nêu chủ yếu kế thừa quy định hiện hành, có chỉnh sửa về kỹ thuật để đảm bảo phù hợp. Vì vậy, khi sửa Luật THPT, CLP cần xem xét quy định cụ thể các nội dung liên quan đến trách nhiệm ban hành định mức, chế độ, tiêu chuẩn trên cơ sở phù hợp với Luật chuyên ngành để bảo đảm đánh giá việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí theo khái niệm đã đề ra tại chính sách 2.

Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 73/2023/NĐ-CP. Đề nghị dự thảo nghiên cứu Nghị định này để đề xuất nội dung miễn trừ xử lý đối với cán bộ năng động, sáng tạo dám nghĩ dám làm vì lợi

- Tiếp thu ý kiến này, Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại chính sách này tại dự thảo Tờ trình Chính phủ. Bộ Tài chính sẽ tiếp tục hoàn thiện các định về bảo vệ cá nhân, tổ chức trong việc cung cấp thông tin phát hiện hành vi lãng phí tại dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 84/2014/NĐ-CP.

Tiếp thu ý kiến của NHNN, để đảm bảo đồng bộ thống nhất không chồng chéo trong quy định, áp dụng pháp luật, Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại nội dung chính sách theo hướng bỏ mục 1 Chương II Luật THPT, CLP về THPT, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ.

- Tiếp thu ý kiến, nội dung chính sách 4 liên quan đến bảo vệ đối với cán bộ năng động, dám nghĩ, dám làm, Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại nội dung chính sách cho phù hợp.

	<p>ích chung phù hợp với quy định.</p> <p><b>5. Về chính sách 5: Hoàn thiện các quy định về xây dựng Chương trình THPT, CLP và báo cáo kết quả THPT, CLP</b></p> <p>Tại dự thảo có nêu tác động tiêu cực của Phương án 1, trong khi Phương án 2 lại không có tác động tiêu cực nào. Để đảm bảo tính thuyết phục, đề nghị dự thảo xem xét, bổ sung thêm lý do lựa chọn Phương án 1.</p> <p>Về thời hạn lập và gửi Báo cáo THPT, CLP, trong trường hợp quy định như tại Phương án 2 (vào kỳ họp cuối năm thực hiện – thường là tháng 10) thay vì quy định như hiện nay (tháng 2 hàng năm), đề nghị dự thảo rà soát kỹ đảm bảo thời hạn gửi báo cáo THPT, CLP phù hợp với thời hạn lấy số liệu và lập các báo cáo đánh giá hiệu quả đối với các lĩnh vực quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư công, quản lý và sử dụng vốn nhà nước, tổ chức cán bộ... theo các Luật chuyên ngành do theo chính sách 1 thì Luật sửa đổi Luật THPT, CLP chỉ là Luật khung, các Luật chuyên ngành ban hành các quy định về đánh giá kết quả, hiệu quả của từng hoạt động nghiệp vụ.</p>	<p>- Tiếp thu ý kiến này, sau khi rà soát, Bộ Tài chính đã bỏ nội dung đề xuất chính sách về thời hạn nộp báo cáo kết quả THPT, CLP.</p>
	<p><b>UBND tỉnh Điện Biên:</b></p> <p>- Tại mục 1 về sự cần thiết ban hành VB: Đề nghị xem xét trình bày 02 nội dung: (1) Cơ sở pháp lý; (2) Cơ sở thực tiễn của việc ban hành Luật.</p> <p>- Tại điểm 2 về kết quả tổng kết thi hành Luật THPT, CLP:</p> <p>+ Đề nghị chi đánh giá ngắn gọn những tồn tại, hạn chế, bất cập trong quá trình thi hành Luật, không xây</p>	<p>- Nội dung tại dự thảo Tờ trình Chính phủ đã đảm bảo theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đồng thời, các nội dung hiện tại của Mục I dự thảo Tờ trình Chính phủ đã thể hiện rõ cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của việc xây dựng Luật.</p> <p>- Tiếp thu, Bộ Tài chính đã rà soát để chỉnh lý cho phù hợp.</p>

	<p>dụng cụ thể như dự thảo vì nội dung này đã được trình bày tại Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật.</p> <p>+ Đề nghị đánh giá lại nội dung tại điểm 2.2.2 một số tồn tại, hạn chế về công tác triển khai thi hành Luật (“Thứ tư, công tác thanh tra...”) và ý b điểm 2.2.3 nguyên nhân chủ quan (“Thứ ba, công tác thanh tra...”) vì các nội dung này chưa thống nhất với đánh giá và số liệu chứng minh tại điểm 2.4 (trang 16 dự thảo)</p> <p>- Tại điểm 1 phần III phạm vi điều chỉnh (gạch đầu dòng thứ 2: Đề nghị xem xét sửa đổi thành “Các quy định về biện pháp, giải pháp THPT, CLP trong các lĩnh vực cụ thể <u>được áp dụng theo pháp luật chuyên ngành</u>” để tránh trùng lặp.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến này, tại hồ sơ đề nghị xây dựng Luật hiện nay đã bỏ nội dung này.</p>
	<p><b>UBND tỉnh Nghệ An:</b></p> <p>Phạm vi điều chỉnh của dự thảo hiện bao gồm: “...<i>quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước; quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên; hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân...</i>”; tuy nhiên khái niệm “tiết kiệm”, “lãng phí” được định nghĩa là việc quản lý/sử dụng: ... “<i>quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản công, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên</i>”</p> <p>Như vậy, chưa có sự thống nhất về các nội dung trên. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, hoàn thiện</p>	<p>Việc thực hiện công tác THPT, CLP tại Luật THPT, CLP năm 2013 và dự kiến trong Luật THPT, CLP (sửa đổi) chủ yếu tập trung trong các lĩnh vực quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước; quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên. Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chủ yếu mang tính chất khuyến khích. Do đó, khái niệm “tiết kiệm”, “lãng phí” không bao hàm đến các lĩnh vực này.</p>

	<p><b>Bộ GTVT, Bộ KH&amp;ĐT</b></p> <p>- Đề nghị cơ quan soạn thảo cần nêu chi tiết, cụ thể hơn về những điểm chưa phù hợp, chưa đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất giữa các Luật liên quan với Luật THTK, CLP.</p> <p>- Về phạm vi điều chỉnh: Quá trình thực hiện cho thấy Luật THTK, CLP có thể coi như luật khung, có phạm vi khá rộng và chỉ mang tính nguyên tắc, việc triển khai thực tế trên các mặt công tác còn thông qua các quy định riêng, vì vậy cần nghiên cứu sửa đổi theo hướng áp dụng Luật như là một điều kiện xem xét, đánh giá tác động khi thẩm định, ban hành các VBQPPL hoặc ban hành chính sách...tránh bị chồng chéo và thuận lợi hơn khi áp dụng.</p>	<p>- Bộ Tài chính đã tiếp thu, bổ sung làm rõ một số điểm chưa phù hợp, chưa đảm bảo tính thống nhất giữa các Luật liên quan với Luật THTK, CLP tại dự thảo Tờ trình Chính phủ.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến này, tại hồ sơ đề nghị xây dựng chính sách đã đưa ra giải pháp bỏ những nội chồng chéo, chưa đảm bảo đồng bộ, thống nhất giữa Luật THTK, CLP với các Luật chuyên ngành có liên quan.</p>
	<p><b>UBND Lào Cai:</b></p> <p>- Tại điểm 4.3 mục 4 phần IV: Đề nghị quy định việc xây dựng cơ sở quốc gia về THTK, CLP theo hướng tích hợp vào phần mềm tổng hợp số liệu về THTK, CLP.</p> <p>Lý do: Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chủ động trong công tác theo dõi, báo cáo công tác THTK, CLP.</p> <p>- Tại điểm 5.3 mục 5 phần IV: Đối với chế độ báo cáo, đề nghị quy định việc các cơ quan chủ trì báo cáo theo ngành, lĩnh vực.</p> <p>Lý do: Dự thảo dự kiến đưa ra các quy định cụ thể cho từng ngành, lĩnh vực do đó công tác báo cáo giao cho các bộ, ngành tổng hợp (các bộ, ngành chủ động xây dựng đề cương, biểu mẫu để tổng hợp báo cáo nội dung của toàn ngành).</p>	<p>- Việc xây dựng CSDL quốc gia về THTK, CLP được xem là một trong các biện pháp để thực hiện chính sách về tăng cường tính công khai trong THTK, CLP theo chỉ đạo của Quốc hội tại Nghị quyết số 74/2022/QH15. Nội dung chi tiết đối với cơ sở dữ liệu về THTK, CLP sẽ được quy định tại Nghị định của Chính phủ.</p> <p>- Đối với việc báo cáo kết quả THTK, CLP ngoài việc báo cáo theo ngành, lĩnh vực còn có báo cáo theo từng địa phương, cơ quan, đơn vị. Do đó, việc giao cho từng ngành, lĩnh vực có mẫu báo cáo riêng là chưa phù hợp và không cần thiết.</p>

	<p><b>BỘ VH, TT-DL</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại phần “1. Sự cần thiết ban hành văn bản” cần nhắc kết cấu thành 2 mục gồm: 1. Cơ sở pháp lý, 2 Cơ sở thực tiễn.</li> <li>- Đề nghị rà soát lại đoạn 1 trang 4 và đưa ra dẫn chứng cụ thể về “<i>những hành vi về bản chất là vi phạm quy định pháp luật chuyên ngành theo từng lĩnh vực</i>”</li> <li>- Tại phần IV mục 2 tiểu mục 2.3 đề nghị chỉnh sửa khái niệm “Tiết kiệm” và “lãng phí” đảm bảo thống nhất.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung tại dự thảo Tờ trình Chính phủ đã đảm bảo theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đồng thời, các nội dung hiện tại của Mục I dự thảo Tờ trình Chính phủ đã thể hiện rõ cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của việc xây dựng Luật.</li> <li>- Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính đã rà soát, bổ sung dẫn chứng làm rõ nội dung “<i>những hành vi về bản chất là vi phạm quy định pháp luật chuyên ngành theo từng lĩnh vực</i>” tại dự thảo Tờ trình Chính phủ.</li> <li>- Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính đã chỉnh lý làm rõ nội hàm khái niệm “tiết kiệm” “lãng phí” đảm bảo thống nhất.</li> </ul>
	<p><b>BỘ KH-CN:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại ý kiến “<i>thứ ba</i>” Mục I.2.2 trang 3, Mục I.2.2.2 trang 6, Mục I.2.2.3 trang 7 đều là tồn tại, hạn chế” của nội dung quy định về tuyên dương, khen thưởng bị trùng lặp nhau. Vì vậy, đề nghị Tổ soạn thảo cần nhắc viết ngắn gọn và mang tính khả thi hơn đối với quy định về tuyên dương, khen thưởng kịp thời người thực hiện tiết kiệm hoặc phát hiện lãng phí.</li> <li>- Tại Mục IV.1.3 trang 10 đề nghị chỉnh sửa lại như sau: “<i>Sửa đổi các thuật ngữ tại phạm vi điều chỉnh của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hiện hành đảm bảo thống nhất với quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và các Luật khác có liên quan</i>”. Việc rà soát các luật liên quan nhằm bảo đảm tính thống nhất trong xây dựng pháp luật.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính đã rà soát để chỉnh lý lại tránh trùng lặp.</li> <li>- Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính đã chỉnh lý tại dự thảo Tờ trình Chính phủ cho phù hợp.</li> </ul>



	<p><b>Bộ Nội vụ:</b></p> <p><b>1. Về sự cần thiết:</b></p> <p>- Thống nhất với BTC trình CP Hồ sơ xây dựng Luật THPT,CLP (sửa đổi). Tuy nhiên, cần làm rõ và đầy đủ hơn; đồng thời biên soạn lại các mục: cơ sở chính trị, cơ sở thực tiễn, sự cần thiết theo hướng rõ ràng và mạch lạc hơn.</p> <p>Đề nghị hoàn thiện các nội dung chính sách đề xuất tại dự thảo Luật, bảo đảm thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, khắc phục 02 nhóm tồn tại, hạn chế đã được nêu tại phần III Báo cáo Tổng kết thi hành Luật THPT, CLP năm 2013. Đồng thời rà soát, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với các quy định của pháp luật chuyên ngành</p> <p><b>2. Về nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành sau khi Luật được thông qua:</b></p> <p>- Đề nghị báo cáo rõ về nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành Luật sau khi được thông qua để không làm tăng thêm đầu mối tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ NSNN) theo đúng chỉ đạo tại NQ số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.</p>	<p>- Bộ Tài chính đã rà soát, hoàn thiện các nội dung về sự cần thiết xây dựng Luật THPT, CLP (sửa đổi).</p> <p>- Nội dung các chính sách đã được Bộ Tài chính hoàn thiện trên cơ sở rà soát các văn bản của Đảng, tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương và đảm bảo đồng bộ, thống nhất với quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>- Bộ Tài chính đã trình bày về nguồn lực, điều kiện đảm bảo thi hành sau khi Luật được thông qua tại dự thảo Tờ trình Chính phủ, đảm bảo không làm phát sinh thêm tổ chức bộ máy.</p>
	<p><b>Bộ Tư pháp:</b></p> <p>- Về phạm vi điều chỉnh, đề nghị xây dựng Luật này dự kiến sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện về phạm vi điều chỉnh và đã được thể hiện cụ thể tại chính sách 1 (hoàn</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã rà soát làm rõ phạm vi điều chỉnh của Luật tại dự thảo Tờ trình Chính</p>

thiện các quy định về phạm vi điều chỉnh của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí). Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ việc hoàn thiện các quy định về phạm vi điều chỉnh của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có mở rộng hơn hay vẫn giữ nguyên phạm vi điều chỉnh và chỉ hoàn thiện hơn so với quy định hiện hành tại dự thảo Tờ trình (cũng như Báo cáo đánh giá tác động).

- Theo thông tin nêu tại dự thảo Tờ trình, cơ quan chủ trì soạn thảo dự kiến quy định đối tượng áp dụng theo hướng kế thừa Luật hiện hành. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khẳng định rõ đề nghị xây dựng Luật bổ sung thêm đối tượng mới hay không.

- Tại dự thảo Tờ trình có nêu các chính sách, nội dung trong dự thảo Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi) không làm phát sinh thêm tổ chức, bộ máy để bảo đảm việc thi hành Luật sau khi được thông qua (trang 5). Tuy nhiên, cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật mới chỉ nêu vấn đề mà chưa đánh giá cụ thể về nguồn lực, điều kiện bảo đảm về nguồn lực, điều kiện bảo đảm trong các chính sách mới được bổ sung, nhất là việc phải sửa đổi, bổ sung các Luật chuyên ngành để thực hiện theo chính sách 1 (bổ sung quy định nguyên tắc xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan đến thực hành tiết kiệm, chống lãng phí) là chưa phù hợp. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì đề nghị xây dựng Luật bổ sung đánh giá nguồn lực, điều kiện bảo đảm đối với các chính sách dự kiến trong đề nghị xây dựng Luật.

Bên cạnh đó, dự thảo Tờ trình chưa đánh giá tính tương thích của nội dung chính sách trong đề nghị xây

phù cũng như Báo cáo đánh giá tác động.

Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã hoàn thiện lại dự thảo Tờ trình Chính phủ làm rõ: dự kiến quy định đối tượng áp dụng cơ bản kế thừa Luật hiện hành và điều chỉnh phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật.

- Bộ Tài chính đã sửa đổi nội dung chính sách về phạm vi điều chỉnh của Luật THPT, CLP (sửa đổi), theo đó, không đặt ra vấn đề bổ sung quy định nguyên tắc xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan đến thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, do đó không có nội dung về điều kiện đảm bảo thực hiện chính sách này tại dự thảo Tờ trình Chính phủ.

Hiện nay, tại dự thảo Bộ Tài chính đã trình bày về nguồn lực, điều kiện đảm bảo thi hành sau khi Luật được thông qua, trong đó đã phân tích cụ thể nguồn lực và điều kiện đảm bảo thi hành Luật đảm bảo bám sát các chính sách được đề xuất.

Các nội dung chính sách Bộ Tài chính đề xuất không liên quan đến các Điều ước quốc tế và CHXHCN Việt Nam là thành

	<p>dựng Luật với Điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Thành viên. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật bổ sung đánh giá tính tương thích của nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng Luật với Điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (nếu có).</p>	<p>viên. Do đó, tại dự thảo Tờ trình Chính phủ hiện không đưa nội dung đánh giá tính tương thích của nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng Luật với Điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p>
	<p><b>Kiểm toán Nhà nước:</b></p> <p>Tại trang 11, mục 2.3a, đề nghị biên tập bổ sung cụm từ “khai thác” và “vốn đầu tư công” vào khái niệm “tiết kiệm” và “lãng phí” cho phù hợp với đối tượng áp dụng đề cập tại mục 2 (trang 8).</p>	<p>Bộ Tài chính đã hoàn thiện lại nội hàm khái niệm “tiết kiệm”, “lãng phí” để phù hợp, thống nhất.</p>
	<p><b>Tòa án nhân dân tối cao:</b></p> <p>- Mục I của dự thảo Tờ trình có tựa đề là “Sự cần thiết ban hành văn bản”, tuy nhiên nội dung trong mục I chỉ bao gồm: đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; kết quả tổng kết thi hành Luật THTK,CLP mà chưa có nội dung về sự cần thiết ban hành văn bản. Vì vậy, đề nghị bổ sung nội dung này vào mục I của dự thảo Tờ trình.</p>	<p>Nội dung tại Mục I dự thảo Tờ trình Chính phủ đã thể hiện rõ quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng và kết quả thi hành Luật THTK, CLP trong thời gian qua. Các nội dung này chính là sự cần thiết phải xây dựng Luật THTK, CLP (sửa đổi).</p>
	<p><b>Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội:</b></p> <p>- Về quy định về xây dựng, ban hành Chương trình THTK,CLP; báo cáo về THTK, CLP hàng năm (về nội dung và thời hạn báo cáo): đề xuất sửa đổi thời hạn nộp báo cáo THTK,CLP hàng năm từ 28/02 về cùng với kỳ nộp BCTC năm theo quy định để đảm bảo tính chính xác về mặt số liệu giữa BCTC với số liệu trên báo cáo THTK,CLP đồng thời đảm bảo thời gian để đơn vị tổng hợp báo cáo</p>	<p>- Thời điểm nộp báo cáo THTK, CLP hàng năm sẽ được Bộ Tài chính nghiên cứu cụ thể trong quá trình xây dựng Luật và dự kiến đưa vào quy định tại văn bản hướng dẫn sau khi được Quốc hội thông qua đề nghị xây dựng Luật để đảm bảo phù hợp.</p>

	<p>Lý do: hiện tại, theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư 188/2014/TT-BTC đơn vị phải thực hiện hoàn thành Báo cáo kết quả THPT,CLP hàng năm gửi về Bộ Tài chính trước ngày 28/02 năm liền kề năm báo cáo. Do phạm vi hoạt động rộng, nhiều ngành nghề, lĩnh vực, bao gồm cả trong và nước ngoài nên việc tổng hợp Báo cáo trên phạm vi toàn Tập đoàn khó hoàn thành theo đúng tiến độ quy định trong TT số 188/2014/TT-BTC.</p> <p>- Về khái niệm tiết kiệm: “Tiết kiệm là việc sử dụng ở mức thấp hơn định mức, tiêu chuẩn, chế độ <u>do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành</u> nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã định trong các lĩnh vực quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, <u>nâng cao hiệu quả, giảm bớt hao phí</u> trong việc sử dụng vốn nhà nước, tài sản công, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên.</p>	<p>- Bộ Tài chính đã hoàn thiện lại nội hàm khái niệm “tiết kiệm”, “lãng phí” để phù hợp, thống nhất.</p>
	<p><b>Tập đoàn dầu khí Việt Nam:</b></p> <p>- Mục I.2. Kết quả tổng kết thi hành Luật THPT, CLP:  + Điểm 2.2.a. Hạn chế, tồn tại trong các nội dung quy định của Luật THPT,CLP: Đối với nội dung <i>Thứ năm</i>: Đề nghị xem xét bổ sung các tiêu chí đánh giá cụ thể mang tính định lượng đối với các lĩnh vực khác, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư. Việc chậm xem xét xử lý các vướng mắc của các cơ quan chức năng có thẩm quyền dẫn tới chậm tiến độ triển khai của dự án do sự thiếu đồng bộ đối với các dự án liên quan đến nhiều lĩnh vực và doanh nghiệp, đặc biệt khi có sự xung đột về lợi ích.</p> <p>- Mục III.2. Đối tượng áp dụng:</p>	<p>- Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính đã bổ sung quy định giao trách nhiệm cho các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức trong việc xây dựng Chương trình THPT, CLP là phải đảm bảo nội dung: “<i>Mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí, trong đó có mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm</i>”. Qua đó sẽ có các tiêu chí đánh giá mang tính định lượng đối với công tác THPT, CLP.</p>

+ Đối với nội dung “*Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên*”: Đề nghị xem xét bổ sung thành: “*Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên, tài sản công*”.

+ Đối với nội dung “*tổ chức, hộ gia đình và cá nhân khác*”: Đề nghị xem xét bỏ nội dung “*hộ gia đình và cá nhân khác*” do là tài sản thuộc sở hữu và quyền định đoạt của hộ gia đình, cá nhân nên không có cơ sở để đánh giá hay xem xét xử lý trách nhiệm.

- Mục IV. Mục tiêu, nội dung của chính sách, giải pháp thực hiện chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản:

+ Điểm 2.3.a. Chính sách 2 – Giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn: Đối với khái niệm Lãng phí: Đề nghị xem xét đối với các trường hợp doanh nghiệp sử dụng công nghệ lạc hậu, không đủ chi phí đầu tư công nghệ mới trong khi định mức THPT, CLP mới ban hành đã được cập nhật và xây dựng trên cơ sở công nghệ mới.

+ Điểm 4.3.a Chính sách 1 – Giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn: Đối với nội dung Thứ hai: Khi xem xét trách nhiệm của người đứng đầu cần xem xét cả nguyên nhân chủ quan và khách quan. Theo đó, chỉ đánh giá và xử lý trách nhiệm do các nguyên nhân chủ quan.

+ Điểm 5.3.a. Chính sách 5 – Giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn: Đối với nội dung Thứ hai “*Về nội dung báo cáo kết quả THPT,CLP: kết quả THPT, CLP 6 tháng đầu năm thực hiện và của cả năm trước*”: Đề nghị xem xét quy định báo cáo theo năm để đảm bảo tính tương thích khi xây dựng các chỉ tiêu

- Tiếp thu các ý kiến này, Bộ Tài chính đã bổ sung, sửa lại đối tượng áp dụng như sau

“*2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên và các nguồn lực khác của nền kinh tế.*”

3. *Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước, quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên.*”

- Bộ Tài chính đã rà soát, hoàn thiện nội hàm khái niệm “*tiết kiệm, lãng phí*” đảm bảo phù hợp, thống nhất.

- Nội dung cụ thể về việc xem xét trách nhiệm của người đứng đầu sẽ được nghiên cứu trong quá trình soạn thảo Luật và văn bản hướng dẫn sau khi đề nghị xây dựng Luật được thông qua.

- Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính đã sửa lại theo hướng vẫn giữ báo cáo năm như quy định hiện hành.

	<p>TK,CLP phù hợp với các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của doanh nghiệp, nhất là đối với các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực đặc thù, có tính chất thời vụ.</p>	
	<p><b>Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam</b></p> <p><b>1/Chính sách 1:</b></p> <p>- Kiến nghị Bộ Tài chính xem xét bổ sung tổng hợp các trích dẫn nội dung cụ thể về những quy định trùng lặp đã được nêu tại các hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan để đảm bảo rằng các nội dung lược bỏ đã được quy định đầy đủ tại các luật chuyên ngành, tránh bị bỏ sót với bất kỳ lĩnh vực chuyên môn nào.</p> <p><b>2/Chính sách 4:</b></p> <p>- Đối với đề xuất giải pháp bổ sung quy định về việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về THPT,CLP. Đây là nội dung mới và cần có đánh giá về thực trạng và tính khả thi của việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về THPT,CLP để có cơ sở bổ sung vào Luật và đảm bảo tính ứng dụng khi ban hành Luật sửa đổi. Cùng với đó, TKV cho rằng để triển khai được giải pháp cân bố trí cả về nhân lực và nguồn lực, kinh phí để tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, tại phần V của dự thảo Tờ trình, nhân lực và nguồn lực cho giải pháp này không được bố trí, đề cập nên đề nghị cân nhắc thêm.</p>	<p>- Bộ Tài chính đã thực hiện rà soát để tránh việc bỏ sót đối tượng điều chỉnh của Luật.</p> <p>Việc xây dựng CSDL về THPT, CLP là nhiệm vụ đã được Quốc hội giao tại NQ 74/2022/QH15. Hiện nay Bộ Tài chính đang nghiên cứu để triển khai thực hiện nhiệm vụ này. Nội dung này dự kiến sẽ giao cho Chính phủ quy định cụ thể. Tại dự thảo Tờ trình Chính phủ cũng đã bổ sung nội dung đảm bảo nguồn lực thực hiện đối với việc xây dựng CSDL về THPT, CLP.</p>
	<p><b>Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam</b></p> <p>- Về khái niệm lãng phí: kiến nghị cần xem xét thêm yếu tố loại trừ khách quan như thiên tai, dịch bệnh. Vì</p>	<p>Bộ Tài chính đã rà soát, hoàn thiện lại nội hàm khái niệm “tiết kiệm, lãng phí” đảm bảo phù hợp hơn.</p>

	<p>dụ như dịch Covid 19, các đơn vị sản xuất thuốc lá trong Vinataba vừa phải tăng gia sản xuất để đúng tiến độ kế hoạch, giữ vững thị trường, đảm bảo thu nhập người lao động vừa phải đảm bảo sức khỏe toàn bộ cán bộ công nhân viên trong mùa dịch, đã có nhiều hoạt động được triển khai như sản xuất "ba tại chỗ", thực hiện quy trình 5K theo khuyến cáo Bộ Y tế, thường xuyên test virus Covid trong quá trình làm việc... điều này đã làm chi phí hoạt động tăng rất cao, có nhiều chỉ tiêu vượt định mức, tiêu chuẩn. Vì vậy, yếu tố "loại trừ khách quan" cần được xem xét và đưa vào khái niệm "lãng phí".</p>	
	<p><b>UBND tỉnh Ninh Bình</b></p> <p>Đối với nội dung Hoàn thiện các quy định về xây dựng báo cáo kết quả THTK, CLP trong chính sách 5, có ý kiến như sau:</p> <p>Về thời điểm, nội dung báo cáo kết quả THTK, CLP: (Luật hóa từ Nghị định 84/2014/NĐ-CP và có sửa đổi, bổ sung theo định hướng chính sách đã nêu tại báo cáo đánh giá tác động mà tỉnh Ninh Bình đề nghị sửa đổi nêu tại phần 1 Văn bản này).</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính đã rà soát lại để chỉnh lý cho phù hợp theo hướng giao Chính phủ hướng dẫn cụ thể về việc thực hiện báo cáo kết quả công tác THTK, CLP.</p>
	<p><b>Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Để đảm bảo áp dụng đúng đối tượng, Ủy ban đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định về khái niệm doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi điều chỉnh của luật.</li> <li>- Đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra hành vi vi phạm quy định về công khai và kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp thu ý kiến này, tại dự thảo Luật sẽ bổ sung khái niệm "doanh nghiệp nhà nước" đảm bảo thống nhất với quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020.</li> <li>- Tiếp thu ý kiến này, Bộ Tài chính đã bổ sung quy định cụ thể các hành vi lãng phí và biện pháp xử lý hành vi lãng phí. Đồng thời, bổ sung quy định giao Chính phủ quy định chi tiết việc áp dụng hình thức kỷ luật đối với từng hành vi gây</li> </ul>

		lãng phí và hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí.
<b>Dự thảo báo cáo tổng kết</b>	<p><b>UBND TP. Hải Phòng:</b></p> <p>- Tại mục 2.6 có nêu "<i>Cụ thể như: tại thành phố Hải Phòng... 357.925.000 triệu đồng</i>". Do nhầm lẫn về đơn vị tính tại Báo cáo số 336/BC-UBND ngày 18/11/2022, UBND TP. Hải Phòng đề nghị sửa thông tin trên thành: <i>Cụ thể như:... 357.925.000 đồng.</i>"</p>	- Tiếp thu, đã chỉnh lý tại Báo cáo tổng kết thi hành Luật.
	<p><b>Tòa án nhân dân tối cao</b></p> <p>- Tại mục 2.6 phần II của báo cáo về "<i>phát hiện lãng phí và trách nhiệm xử lý thông tin phát hiện lãng phí</i>": đề nghị bổ sung số liệu cụ thể trên 63 tỉnh thành về việc phát hiện lãng phí và trách nhiệm xử lý thông tin phát hiện lãng phí.</p> <p>- Tại mục 2 phần III của báo cáo "Một số tồn tại, hạn chế về công tác triển khai thi hành Luật" còn chung chung, ví dụ như: "một số Bộ, ngành địa phương chưa thực sự tự giác trong việc xây dựng các giải pháp để triển khai việc THPT,CLP trong lĩnh vực, phạm vi được giao quản lý...", "việc thực hiện công khai THPT,CLP tại một số cơ quan, đơn vị còn chưa đảm bảo về thời gian cũng như nội dung...". Đề nghị báo cáo có thuyết minh, số liệu cụ thể để đảm bảo tính thuyết phục hơn.</p>	<p>- Tại mục 2.6 phần II báo cáo đã tổng hợp trên các báo cáo tổng kết mà các bộ, ngành, địa phương gửi về Bộ Tài chính.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến của TANDTC, Bộ Tài chính cũng đã bổ sung vào báo cáo tổng kết cho đầy đủ, cụ thể hơn.</p>
	<p><b>Bộ Tài nguyên và môi trường</b></p> <p>- Đề nghị bổ sung đánh giá cụ thể hơn về những mặt còn hạn chế, tồn tại trong việc thực hiện Luật THPT,CLP hiện hành để làm rõ sự cần thiết và định</p>	Tại điểm 1 Mục III Báo cáo tổng kết thi hành Luật đã thể hiện các nội dung tồn tại, hạn chế trong các quy định của Luật THPT, CLP năm 2013.



	<p>hướng các nội dung dự kiến sửa đổi.</p>	
	<p><b>Bộ Tư pháp</b></p> <p>- Đề nghị cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật có tổng kết đầy đủ quá trình tổ chức thi hành Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, xác định đúng và trúng các vướng mắc, bất cập (do quy định của pháp luật hay do tổ chức thi hành pháp luật); rà soát toàn bộ các quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí...; để từ đó hoàn thiện các chính sách trong đề nghị xây dựng Luật; đảm bảo thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước có liên quan; xử lý đầy đủ, toàn diện các bất cập, vướng mắc (cả do quy định của pháp luật và do tổ chức thi hành pháp luật); từ đó hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật theo quy định của Luật Ban hành quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ).</p> <p>- Đề đảm bảo tính ngắn gọn, khái quát trong tên gọi của báo cáo, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc sửa đổi tên của "Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí" thành "Báo cáo tổng kết thi hành Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí". Bên cạnh việc đề cập những kết quả đạt được trong thi hành Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, bổ sung phần đánh giá những tác động tích cực trong thi hành Luật tại phần II của dự thảo Báo cáo</p>	<p>Bộ Tài chính đã xây dựng Báo cáo tổng kết thi hành Luật THTK, CLP năm 2013, qua đó đánh giá cụ thể các kết quả đã đạt được, tồn tại hạn chế trong các quy định của Luật và việc tổ chức thi hành. Trên cơ sở đó đã đề xuất việc hoàn thiện Luật THTK, CLP bám sát theo chủ trương, định hướng của Đảng, Quốc hội về hoàn thiện pháp luật về THTK, CLP.</p> <p>Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã sửa lại tên báo cáo cho phù hợp; đồng thời bổ sung các nội dung làm rõ những tác động tích cực trong thi hành Luật và các vướng mắc, bất cập trong các quy định của Luật cũng như trong công tác thi hành.</p>

	<p>tổng kết để làm nổi bật kết quả thi hành Luật này; đồng thời, xác định đúng là trùng các vướng mắc, bất cập (do quy định của pháp luật hay do tổ chức thi hành pháp luật); từ đó đề xuất chính sách trong đề nghị xây dựng Luật cho phù hợp, toàn diện, khả thi.</p>	
<p><b>Dự thảo báo cáo đánh giá tác động</b></p>	<p><b>UBND TP. Hải Phòng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với chính sách 1 về hoàn thiện các quy định về phạm vi điều chỉnh Luật THTK, CLP: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đề nghị sửa đổi Luật THTK, CLP theo hướng giữ nguyên các mục từ mục 2 đến mục 7 tại Chương II Luật THTK, CLP.</li> <li>+ Đề nghị bổ sung chỉ tiêu để đánh giá hiệu quả của hoạt động nghiệp vụ làm cơ sở đánh giá việc thực hiện THTK, CLP.</li> </ul> </li> <li>- Đối với chính sách 2 về hoàn thiện các quy định về khái niệm “<i>tiết kiệm</i>”, “<i>lãng phí</i>” làm cơ sở định hướng xây dựng các quy định có liên quan tại Luật</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với phạm vi điều chỉnh của Luật, tại dự thảo Tờ trình Chính phủ, Bộ Tài chính đã báo cáo rõ: phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật cơ bản kế thừa các lĩnh vực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của quy định hiện hành. Đồng thời, có chỉnh sửa bổ sung để làm rõ thêm một số nội dung: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Làm rõ việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư công thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật.</li> <li>+ Làm rõ việc tiết kiệm, chống lãng phí đối với việc quản lý, khai thác và sử dụng năng lượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật, trừ những nội dung đã được quy định cụ thể tại Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. Theo đó, đối với lĩnh vực năng lượng cũng phải thực hiện các quy định về chống lãng phí tương tự các lĩnh vực khác (phải quy định cụ thể về hành vi gây lãng phí, chế tài xử lý đối với hành vi gây lãng phí...).</li> <li>+ Bổ sung để đảm bảo quát việc quản lý, sử dụng các nguồn lực khác của nền kinh tế cũng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.</li> </ul> </li> </ul> <p>Theo đó, phạm vi điều chỉnh của Luật không đưa thành 01 nội dung chính sách mới mà được báo cáo cụ thể trong Tờ trình Chính phủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ Tài chính đã rà soát, hoàn thiện khái niệm “<i>tiết kiệm, lãng phí</i>” cho phù hợp, cụ thể: <p>“<i>Tiết kiệm</i>” là việc sử dụng ở mức thấp hơn định mức,</p> </li> </ul>

	<p>+ Đề nghị cân nhắc bổ sung định nghĩa về tiết kiệm, lãng phí đối với các lĩnh vực chưa có tiêu chuẩn, định mức.</p>	<p><i>tiêu chuẩn, chế độ nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã định trong các lĩnh vực quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên, năng lượng, các nguồn lực khác của nền kinh tế.</i></p> <p><i>“Lãng phí” là việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên, năng lượng, các nguồn lực khác của nền kinh tế vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc việc quản lý, sử dụng không hiệu quả, không đạt được mục tiêu đã định hoặc tạo rào cản phát triển kinh tế, xã hội, bỏ lỡ thời cơ phát triển của đất nước.</i></p>
	<p><b>UBND tỉnh Điện Biên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại Chính sách 4, Mục II (trang 5) có nêu: <i>“Hoàn thiện các quy định về kiểm tra, giám sát... của Ban Chấp hành Trung ương”</i>. Tuy nhiên, tại khoản 4 Mục II Chính sách 4 (trang 14) lại nêu: <i>“Hoàn thiện các quy định về xử lý... của Ban Chấp hành Trung ương”</i>. Do đó, đề nghị thống nhất các nội dung này và bổ sung nội dung thanh tra vào chính sách để bảo đảm “kế thừa một số quy định về xử lý vi phạm, xử lý trách nhiệm người đứng đầu tại Luật THTK, CLP hiện hành” tại mục 4.3.2 phương án 2: Sửa đổi Luật THTK, CLP (trang 16) của dự thảo báo cáo.</li> <li>- Tại điểm b khoản 4.3.1 mục II (trang 17), chưa thể hiện nội dung đánh giá tác động đến cá nhân, tổ chức trong xã hội, Do đó, đề nghị bổ sung để văn bản được đầy đủ.</li> <li>- Tại khoản 1 mục IV (trang 20): Đề nghị xác định rõ</li> </ul>	<p>Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính đã rà soát để đảm bảo chính xác, thống nhất và hoàn thiện tại Báo cáo đánh giá tác động.</p>

	<p>nội dung “các chủ thể quản lý, sử dụng nguồn của nền kinh tế” để tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện.</p>	
	<p><b>UBND tỉnh Đồng Nai:</b></p> <p>- Tại đoạn thứ 2 phần mở đầu vào đoạn thứ nhất khoản 1 mục I dự thảo: Đề nghị xem xét, tổng hợp những kết quả đã đạt được trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP từ khi Luật THTK, CLP năm 2013 có hiệu lực thi hành cho đến nay.</p>	<p>Việc thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP từ khi Luật THTK, CLP năm 2013 có hiệu lực thi hành cho đến nay đã được thể hiện tại Báo cáo tổng kết thi hành luật. Các nội dung tại Báo cáo đánh giá tác động chỉ tóm lược một số nội dung cơ bản.</p>
	<p><b>UBND tỉnh Quảng Nam:</b></p> <p>Tại mục 5, phần IV dự thảo Tờ trình, Bộ Tài chính đề nghị chọn phương án 2 (kế thừa và sửa đổi một số quy định tại Luật THTK, CLP hiện hành) nhưng tại điểm 5.4, mục 5, phần II dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách, Bộ Tài chính lại đề nghị chọn phương án 1 (giữ nguyên như hiện nay): Đề nghị Bộ Tài chính điều chỉnh lại phương án lựa chọn (từ phương án 1 thành phương án 2) trong dự thảo Báo cáo đánh giá tác động.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính đã rà soát để sửa lại cho thống nhất.</p>
	<p><b>Sở Tài chính tỉnh Yên Bái, Bộ NN&amp;PTNT:</b></p> <p>- Tại điểm a mục 2.3 phần 2 Chính sách 2 trong phần IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP, đề nghị nghiên cứu, xem xét bổ sung thành: <i>“Tiết kiệm là việc sử dụng ở mức thấp hơn định mức, tiêu chuẩn, chế độ nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã định hoặc sử dụng đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ nhưng đạt cao hơn mục tiêu đã định trong các</i></p>	<p>Việc sử dụng đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ là trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân trong việc quản lý quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên. Do đó, không thể coi việc sử dụng đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ nhưng đạt cao hơn mục tiêu đã định là căn cứ để xác định tiết kiệm. Do đó, Bộ Tài chính xin không tiếp thu ý kiến này.</p>

	<p><i>lĩnh vực quản lý... và tài nguyên."</i></p>	
	<p><b>Sở Tài chính tỉnh Bình Định:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại mục I.2 về mục tiêu xây dựng chính sách: Đề nghị rà soát và phân tách mục I.2 thành mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể nhằm đảm bảo phù hợp với mẫu số 01 Báo cáo đánh giá tác động chính sách tại phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.</li> <li>- Đối với 05 chính sách trong mục II: Đề nghị rà soát và sửa lại cho phù hợp theo quy định tại mẫu số 01 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đối với nội dung xác định vấn đề bất cập, cần phân tích và thể hiện cụ thể nội dung bất cập, hậu quả, nguyên nhân.</li> <li>+ Đề nghị tách giải pháp đề xuất và đánh giá tác động của các giải pháp thành 02 phần độc lập. Trong đó, cần làm rõ nội dung đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan, bao gồm: Đánh giá tác động của giải pháp đề xuất (bao gồm tác động tích cực (lợi ích), tiêu cực (chi phí) của từng giải pháp đối với Nhà nước, người dân và doanh nghiệp. Hiện tại mục này trong Báo cáo mới chỉ đánh giá chung mà chưa đánh giá được tác động tích cực, tiêu cực của từng giải pháp chính sách đối với các đối tượng độc lập để có cơ sở phân tích, so sánh những tác động đó, từ đó kiến nghị lựa chọn giải pháp thực hiện.</li> <li>+ Tại mục III lấy ý kiến: Đề nghị sửa nội dung mục III theo đúng quy định tại mẫu số 01 phụ lục 5 ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP (nêu rõ việc</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính đã tách nội dung "Mục tiêu xây dựng chính sách" thành 02 phần: Mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể.</li> <li>- Bộ Tài chính đã rà soát, hoàn thiện lại Báo cáo đánh giá tác động chính sách theo mẫu số 01 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được thay thế theo quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).</li> </ul>

	lấy ý kiến về dự thảo báo cáo đánh giá tác động của chính sách, mô tả các phương pháp lấy ý kiến, phản hồi, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý).	
	<b>Bộ KH-CN</b> - Đề nghị Ban soạn thảo xem xét, bổ sung Báo cáo đánh giá tác động chính sách vào hồ sơ để bảo đảm tuân thủ quy định của Khoản 1 Điều 37 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Hồ sơ gửi xin ý kiến của Bộ Tài chính đã bao gồm Báo cáo đánh giá tác động của chính sách. Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài chính đã hoàn thiện lại Báo cáo đánh giá tác động chính sách theo đúng mẫu quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được thay thế theo quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).
	<b>Bộ GTVT, Bộ NN&amp;PTNT:</b> Đề nghị cân nhắc việc lựa chọn chính sách 1 “hoàn thiện quy định về phạm vi điều chỉnh của Luật THTK, CLP”, chính sách 2 “hoàn thiện các quy định về khái niệm “tiết kiệm”, “lãng phí” để đánh giá tác động. Các chính sách được lựa chọn nên là các chính sách lớn, mang tính bao quát	Tiếp thu ý kiến này, Bộ Tài chính đã hoàn thiện, chỉnh lý hồ sơ xây dựng Luật cho phù hợp, cụ thể: - Đối với phạm vi điều chỉnh của Luật, Bộ Tài chính không đưa thành 01 nội dung chính sách mới mà báo cáo cụ thể trong Tờ trình Chính phủ. - Đối với chính sách 2 về việc khái niệm “tiết kiệm” và “lãng phí”, để đảm bảo tính bao quát, Bộ Tài chính đã sửa lại đề xuất chính sách là: “ <i>Hoàn thiện các quy định liên quan đến nhận diện “tiết kiệm”, “lãng phí”, “hành vi gây lãng phí” và “hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí”</i> (nay là chính sách 1).
	<b>Viện kiểm sát nhân dân tối cao</b> - Tại trang 10, tiểu mục 1.3.2. Phương án 2: Đề nghị quy định bổ sung nội hàm của khái niệm tiết kiệm, lãng phí để thống nhất với mục 2.3. của Tờ trình.	Bộ Tài chính đã rà soát, chỉnh lý để đảm bảo thống nhất.
	<b>Bộ Công an:</b> 1. Mỗi chính sách tại dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách đều xây dựng 02 giải pháp để giải	- Bộ Tài chính đã rà soát, hoàn thiện lại Báo cáo đánh giá

quyết vấn đề bất cập, vướng mắc; tuy nhiên, tại phương án 1 (giải pháp giữ nguyên như quy định hiện hành) của các chính sách chỉ đánh giá chung về tác động tích cực và tiêu cực là chưa phù hợp. Do đó, đề nghị chỉnh lý nội dung giải pháp 1 tại các chính sách theo hướng đánh giá cụ thể tác động về kinh tế, về xã hội, tác động về giới, tác động về thủ tục hành chính và tác động đối với hệ thống pháp luật; trong đó, cần đánh giá tác động tích cực (lợi ích), tiêu cực (chi phí) đối với từng nội dung của mỗi giải pháp chính sách đối với Nhà nước, người dân, doanh nghiệp để bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 35 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; các điều 6, 8 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) và mẫu báo cáo ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách mới chỉ xây dựng 02 phương án giải quyết, trong đó có 01 phương án là giữ nguyên như quy định hiện hành; tuy nhiên, việc chỉ xây dựng 01 phương án sửa đổi, bổ sung là chưa đầy đủ, không có các phương án khác nhau để so sánh, đánh giá. Do đó đề nghị cần xây dựng 03 giải pháp để giải quyết vấn đề bất cập, vướng mắc

3. Đề nghị cần nhắc việc xây dựng nội dung về hoàn thiện quy định về khái niệm Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được thay thế theo quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) “tiết kiệm” và “lãng phí” thành 01 chính sách tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách (Chính sách số 2). Chính sách là những vấn đề lớn, mang tính định hướng, trong khi đó, hoàn thiện quy

tác động chính sách.

- Trên cơ sở tồn tại, hạn chế phát sinh, Bộ Tài chính đã nghiên cứu, đề xuất phương án giải quyết phù hợp nhất. Trong quá trình tổng hợp ý kiến của cơ quan, tổ chức, đơn vị cũng không có ý kiến đề xuất phương án khác. Do đó, đề nghị trước mắt cho giữ như dự thảo Báo cáo đánh giá tác động.

- Đối với chính sách 2 về việc khái niệm “tiết kiệm” và “lãng phí”, để đảm bảo tính bao quát, Bộ Tài chính đã sửa lại đề xuất chính sách là: “*Hoàn thiện các quy định liên quan đến nhận diện “tiết kiệm”, “lãng phí”, “hành vi gây lãng phí” và “hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí” (nay là chính sách 1).*

định pháp luật là những nội dung đề cụ thể hóa chính sách chứ không phải là chính sách.

4. Tại nội dung thứ 2, phương án 2 Chính sách số 3 dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách có quy định giải pháp theo hướng “bổ sung quy định cho phép không xử lý vi phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với cán bộ năng động sáng tạo vì lợi ích chung trong một số trường hợp”. Tuy nhiên, đề nghị quy định cụ thể các trường hợp sẽ được miễn trách nhiệm để có cơ sở lựa chọn giải pháp phù hợp.

Đồng thời đối với quy định “đã đề xuất, báo cáo với cơ quan có thẩm quyền thực hiện hoặc thí điểm để thực hiện vượt tiêu chuẩn, định mức hiện hành do tiêu chuẩn, định mức hiện hành không còn phù hợp nhưng chưa kịp thời sửa đổi” thì cần bổ sung xác định cụ thể căn cứ xác định thế nào là tiêu chuẩn, định mức hiện hành không còn phù hợp với thẩm quyền xác định nội dung này để bảo đảm áp dụng chính xác.

Bên cạnh đó, đề nghị bổ sung tại giải pháp này các nội dung sau:

- Thứ nhất, bổ sung theo hướng kế thừa các quy định tại Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung;

- Thứ hai, nghiên cứu bổ sung cơ chế, chính sách bảo vệ, khuyến khích, khen thưởng người phát hiện và cung cấp thông tin về lãng phí;

- Thứ ba, nghiên cứu, chỉnh lý giải pháp thực hiện việc khen thưởng; bởi vì, giải pháp như tại Chính sách số 3 là thiếu tính khả thi do việc xác định được số tiền bị

- Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính đã hoàn thiện lại nội dung Chính sách 3 trên cơ sở rà soát với Nghị định số 73/2023/NĐ-CP quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung và sửa lại tên chính sách là: “*Tiếp tục hoàn thiện chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia có trách nhiệm vào công tác tiết kiệm chống lãng phí, trong đó có người lao động, người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý, viên chức quản lý, người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có tư duy đổi mới, sáng tạo, dám làm, dám chịu trách nhiệm.*” (nay là chính sách 4), cụ thể:

*Thứ nhất*, bổ sung quy định cho phép doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được trích lại một tỷ lệ % nhất định phần lợi nhuận vượt mức kế hoạch để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp và trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên. Chính phủ quy định chi tiết việc trích lại để lập các Quỹ.

*Thứ hai*, bổ sung các quy định cho phép: (i) Cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; viên chức quản lý trong các đơn vị sự nghiệp công lập; người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ **được đề xuất đổi mới, sáng tạo** trong quá trình thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn nhằm tháo gỡ, giải quyết những điểm nghẽn, nút thắt trong cơ chế, chính sách theo quy định pháp luật; (ii) Cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý, viên chức quản lý, người giữ



	<p>lãng phí đã ngăn chặn kịp thời để trích phân trăm cho việc khen thưởng là rất khó thực hiện.</p> <p>5. Tại nội dung thứ tư, phương án 2 Chính sách số 3 dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách, nếu thực hiện giải pháp này thì các bộ, ngành, quản lý nhà nước về lĩnh vực chuyên ngành có yêu cầu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí sẽ đều phải xây dựng cơ sở dữ liệu nêu trên. Việc này gây ra lãng phí, kém hiệu quả và không tập trung thông nhất. Do đó, đề nghị thiết kế nội dung này theo hướng giao 01 cơ quan chủ trì xây dựng, quản lý, cập nhật; việc cập nhật sẽ do các cơ quan, bộ, ngành được giao quản lý nhà nước về các lĩnh vực chuyên ngành thực hiện.</p>	<p>chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ có tư duy đổi mới, sáng tạo, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao trong các lĩnh vực có liên quan đến tiết kiệm, chống lãng phí, xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn đề xuất giải pháp nhằm tháo gỡ, giải quyết những điểm nghẽn, nút thắt trong cơ chế, chính sách chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, mang lại giá trị, hiệu quả thiết thực, tạo được chuyển biến mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung, vì lợi ích chung thì <b><u>có thể không bị xử lý trách nhiệm, được loại trừ, miễn hoặc giảm nhẹ trách nhiệm theo quy định pháp luật có liên quan.</u></b></p> <p>Việc xây dựng CSDL về THPT, CLP là nhiệm vụ đã được Quốc hội giao tại NQ 74/2022/QH15. Hiện nay Bộ Tài chính đang nghiên cứu để triển khai thực hiện nhiệm vụ này. Nội dung này dự kiến sẽ giao cho Chính phủ quy định cụ thể.</p>
	<p><b>Bộ Tư pháp:</b></p> <p>Một số nội dung đánh giá tác động chính sách còn chung chung, chưa rõ ràng, chưa đánh giá tác động đầy đủ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã rà soát và hoàn thiện lại Báo cáo đánh giá tác động, cụ thể:</p> <p>- Chính sách 1: Đối với phạm vi điều chỉnh của Luật, Bộ Tài chính không đưa thành 01 nội dung chính sách mới mà báo cáo cụ thể trong Tờ trình Chính phủ.</p>

định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ), cụ thể: mới chỉ nêu được các giải pháp và tác động tích cực, tiêu cực mà chưa so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp; chưa đưa ra lý do của việc lựa chọn giải pháp... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát để hoàn thiện cho đầy đủ, phù hợp. Ví dụ:

- Chính sách 1: Hoàn thiện các quy định về phạm vi điều chỉnh của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Về chính sách này, cơ quan lập đề nghị xây dựng Luật đã lựa chọn theo Phương án 2, theo đó phạm vi điều chỉnh sẽ được sửa đổi, bổ sung theo hướng Luật (sửa đổi) này chỉ là Luật khung, quy định các vấn đề nguyên tắc về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nói chung, các cơ chế có liên quan để tổ chức thực hiện, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nói chung và bổ sung quy định nguyên tắc xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan đến thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (theo đó, các Luật chuyên ngành theo từng lĩnh vực sẽ quy định cụ thể về các biện pháp để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí làm cơ sở áp dụng cho phù hợp với đặc thù ngành, lĩnh vực hoặc giao thẩm quyền cho Chính phủ, các Bộ ngành địa phương ban hành các quy định để đánh giá hiệu quả của từng hoạt động nghiệp vụ làm cơ sở đánh giá có phát sinh lãng phí trong từng hoạt động nghiệp vụ).

- Đối với chính sách 2 về việc khái niệm “tiết kiệm” và “lãng phí”, để đảm bảo tính bao quát, Bộ Tài chính đã sửa lại đề xuất chính sách là: “*Hoàn thiện các quy định liên quan đến nhận diện “tiết kiệm”, “lãng phí”, “hành vi gây lãng phí” và “hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí”* (nay là chính sách 1).

- Đối với Chính sách 3, Chính sách 4, Bộ Tài chính đã nghiên cứu gộp 2 chính sách này và sửa lại tên chính sách là: “*Tiếp tục hoàn thiện chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia có trách nhiệm vào công tác tiết kiệm chống lãng phí, trong đó có người lao động, người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý, viên chức quản lý, người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có tư duy đổi mới, sáng tạo, dám làm, dám chịu trách nhiệm.*” (nay là chính sách 4), cụ thể:

*Thứ nhất*, bổ sung quy định cho phép doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được trích lại một tỷ lệ % nhất định phần lợi nhuận vượt mức kế hoạch để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp và trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên. Chính phủ quy định chi tiết việc trích lại để lập các Quỹ.

*Thứ hai*, bổ sung các quy định cho phép: (i) Cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; viên chức quản lý trong các đơn vị sự nghiệp công lập; người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ được đề xuất đổi mới, sáng tạo trong quá trình thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn nhằm tháo gỡ, giải quyết những điểm nghẽn, nút thắt

Tuy nhiên, qua rà soát, Bộ Tư pháp nhận thấy, dự thảo Báo cáo đánh giá tác động mới chỉ đánh giá về khía cạnh sửa đổi, bổ sung một số khái niệm, thuật ngữ để phù hợp, đồng bộ, thống nhất với một số Luật chuyên ngành được ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung, như: Luật Ngân sách nhà nước (2015), Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (năm 2017), Luật Đầu tư công (năm 2014 và năm 2019), Luật Tài nguyên môi trường biển và hải đảo (năm 2015), Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức (năm 2019)... nhưng chưa làm rõ việc bổ sung quy định nguyên tắc xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan đến thực hành tiết kiệm, chống lãng phí sẽ tác động như thế nào đến hệ thống pháp luật, phải sửa đổi, bổ sung bao nhiêu Luật chuyên ngành và mối liên quan giữa các Luật chuyên ngành sẽ phải sửa đổi, bổ sung với các Luật chưa sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật; chưa đánh giá tác động, xác định rõ các tiêu chí, nguyên tắc chung để xây dựng các biện pháp chống lãng phí trong quy định tại Luật hay Nghị định hay Thông tư của các Bộ (dự thảo Báo cáo đánh giá mới chỉ nêu vấn đề quy định tại Luật chuyên ngành hoặc giao thẩm quyền cho Chính phủ, các Bộ ngành); chưa phân tích về các chi phí, lợi ích đối với từng nội dung bổ sung nêu trên và cân định lượng cụ thể là chưa có đầy đủ cơ sở đề xuất. Do đó, đề nghị cơ quan lập đề nghị xây dựng Luật làm rõ hơn và đánh giá tác động thật kỹ (định lượng) đối với nội dung bổ sung nêu trên.

- Chính sách 2: Hoàn thiện các quy định về khái niệm "tiết kiệm", "lãng phí" làm cơ sở định hướng xây dựng các quy định có liên quan tại Luật

trong cơ chế, chính sách theo quy định pháp luật; (ii) Cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý, viên chức quản lý, người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ có tư duy đổi mới, sáng tạo, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao trong các lĩnh vực có liên quan đến tiết kiệm, chống lãng phí, xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn đề xuất giải pháp nhằm tháo gỡ, giải quyết những điểm nghẽn, nút thắt trong cơ chế, chính sách chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, mang lại giá trị, hiệu quả thiết thực, tạo được chuyển biến mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung, vì lợi ích chung thì có thể không bị xử lý trách nhiệm, được loại trừ, miễn hoặc giảm nhẹ trách nhiệm theo quy định pháp luật có liên quan.

- Chính sách 5, trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, Bộ Tài chính đã hoàn thiện lại chính sách và sửa lại tên là "*Tiếp tục hoàn thiện các quy định để thực hiện phòng, chống lãng phí, tiêu cực từ cơ sở, trong đó tập trung tăng tính chủ động, tự chịu trách nhiệm các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức đối với việc xây dựng, ban hành Chương trình TK, CLP hàng năm của đơn vị mình*" cho phù hợp, đảm bảo tính bao quát.

Chính sách này đã được quy định tại Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hiện hành, không phải chính sách mới. Cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật vẫn đánh giá tác động chính sách này, nhằm cụ thể hóa hơn các quy định về khái niệm "tiết kiệm", "lãng phí". Tuy nhiên, đề nghị Cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật làm rõ khái niệm "thời gian lao động" với thời gian làm việc là cùng bản chất hay khác nhau? Trường hợp thời gian lao động là thời gian làm việc thì cần sửa lại thành thời gian làm việc cho thống nhất với pháp luật hiện hành (như Bộ luật Lao động).

- Chính sách 3: Hoàn thiện các quy định để tạo cơ chế khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; khuyến khích các tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin phát hiện lãng phí

Chính sách này đã được quy định tại Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hiện hành, không phải chính sách mới. Cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật vẫn đánh giá tác động chính sách này, nhằm cụ thể hóa hơn các quy định về cơ chế khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; khuyến khích các tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin phát hiện lãng phí. Cơ quan lập đề nghị xây dựng Luật đã lựa chọn phương án 2. Tuy nhiên, một số nội dung đánh giá tác động còn chung chung; chưa rõ ràng, phù hợp, như:

a) Cơ quan lập đề nghị xây dựng Luật đề xuất bổ sung quy định khuyến khích cán bộ, công chức, cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo hướng: (i) Đối với cá nhân có giải pháp, sáng kiến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thì được

khen thưởng (ngoài các hình thức khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng), mức khen thưởng căn cứ vào số kinh phí tiết kiệm được trong thực tế (có quy định mức tối đa). Tuy nhiên, khoản 1 Điều 81 Luật Thi đua khen thưởng đã quy định: "Ngoài các hình thức khen thưởng được quy định tại Luật này, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có thể thực hiện các hình thức khen thưởng khác nhằm động viên đối với cá nhân, tập thể có thành tích để kịp thời nêu gương trong lao động, sản xuất, công tác và động viên phong trào thi đua, phù hợp với các nguyên tắc do Luật này quy định". Do đó, đề nghị cơ quan lập đề nghị xây dựng Luật làm rõ việc bổ sung nội dung khen thưởng ngoài các hình thức khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng có trùng lặp, chồng chéo với quy định nêu trên của Luật Thi đua khen thưởng hay không? Trường hợp trùng lặp đề nghị thực hiện theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng; đảm bảo cùng một vấn đề không quy định tại các văn bản khác nhau.

b) Tại dự thảo Báo cáo đánh giá tác động có nêu: "*Bổ sung các Quỹ theo quy định của pháp luật. Thực chất đây là việc Luật hóa các quy định về tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập đã được thực hiện ổn định, có hiệu quả theo quy định của Chính phủ trong thời gian qua*". Tuy nhiên, dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chưa đánh giá đầy đủ theo các yếu tố tác động; chưa phân tích về các chi phí, lợi ích đối với nội dung bổ sung; việc nhận định các quy định về tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập đã được thực hiện ổn định,

có hiệu quả theo quy định của Chính phủ trong thời gian qua là chưa chính xác; vì hiện nay, trên cơ sở những vướng mắc, bất cập khi thực hiện về cơ chế tự chủ về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (Bộ Tư pháp đã thẩm định dự thảo Nghị định này).

Bên cạnh đó, cơ quan lập đề nghị xây dựng Luật cũng chưa làm rõ những vướng mắc, bất cập, cơ sở, sự cần thiết phải Luật hóa các quy định về tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (trong khi nội dung này đang được quy định tại Nghị định của Chính phủ). Do đó, để có cơ sở đề xuất, đề nghị cơ quan lập đề nghị xây dựng Luật làm rõ hơn vấn đề nêu trên.

- Chính sách 4: Hoàn thiện các quy định về xử lý đối với tổ chức cá nhân có hành vi vi phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, trong đó tập trung về việc xử lý trách nhiệm người đứng đầu và bổ sung quy định các trường hợp miễn trừ việc xử lý đối với cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung theo Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Ban Chấp hành Trung ương.

Chính sách này đã được quy định tại Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hiện hành, không phải là chính sách mới. Cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật vẫn đánh giá tác động chính sách này, nhằm cụ thể hóa hơn các quy định về xử lý đối tổ chức cá nhân có hành vi vi phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng

phí, trong đó tập trung về việc xử lý trách nhiệm người đứng đầu và bổ sung quy định các trường hợp miễn trừ việc xử lý trách nhiệm người đứng đầu và bổ sung quy định các trường hợp miễn trừ việc xử lý đối với cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung theo Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Ban Chấp hành Trung ương. Cơ quan lập đề nghị xây dựng Luật đã lựa chọn phương án 2 và đề xuất 03 nội dung bổ sung (trang 14, 15 dự thảo Báo cáo đánh giá tác động). Tuy nhiên, dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chưa đánh giá đầy đủ các yếu tố tác động; phân tích về các chi phí, lợi ích đối với từng nội dung bổ sung nêu trên. Do đó, đề nghị cơ quan lập đề nghị xây dựng Luật đánh giá tác động thật kỹ đối với từng nội dung bổ sung theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (và có định lượng cụ thể).

- Chính sách 5: Hoàn thiện các quy định về xây dựng Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Nội dung này đã được quy định tại Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hiện hành, không phải là chính sách mới. Cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng Luật vẫn đánh giá tác động chính sách này nhằm sửa đổi, bổ sung theo hướng bỏ Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm (Thủ tướng Chính phủ chỉ ban hành Chương trình tổng thể chung cho giai đoạn 5 năm). Các bộ, ngành, địa phương tự chủ động ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm của bộ, ngành, địa phương mình và sửa thời hạn xây dựng Báo cáo; không bổ sung thêm nội dung, chính sách mới. Do đó, Bộ Tư pháp cho rằng, đây không phải là chính sách nên không

	cần thiết phải lập đề nghị xây dựng chính sách.	
	<p><b>STC thành phố Hồ Chí Minh:</b></p> <p>- Đối với điểm 5.4, mục 5, Phần II (trang 20) Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách, BTC dự kiến lựa chọn phương án 1. Tuy nhiên, dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng Luật (trang 15-16) thể hiện lựa chọn theo phương án 2 đề nghị BTC rà soát, cân nhắc điều chỉnh các nội dung để tạo sự thống nhất trong Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật</p> <p>Đồng thời, nội dung này cần nghiên cứu lựa chọn phương án phù hợp nhằm xác định rõ mối quan hệ giữa Luật THTK,CLP và các Luật chuyên ngành trong lĩnh vực có liên quan để điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn, cũng như đảm bảo tính kịp thời, sát với thực tiễn công tác thực hành TK, CLP, tăng hiệu lực, hiệu quả của công tác thực hành TK, CLP theo ý kiến chỉ đạo của Quốc hội.</p>	<p>- Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính đã rà soát để chỉnh lý cho thống nhất.</p>
	<p><b>UBND tỉnh Ninh Bình:</b></p> <p>Đối với nội dung Hoàn thiện các quy định về xây dựng báo cáo kết quả THTK, CLP trong chính sách 5, có ý kiến bổ sung như sau:</p> <p><b>1. Tại mục 5.1.2 Về việc báo cáo kết quả THTK, CLP trang 18, đề nghị như sau:</b></p> <p><i>1.1 Bổ sung thêm đối tượng để đánh giá tác động của chính sách:</i></p> <p>* Tại gạch đầu dòng “-” thứ nhất của mục 5.1.2 có dự thảo:</p> <p>“Về thời hạn báo cáo kết quả thực hành TK, CLP, tại</p>	<p>Đối với việc thực hiện chế độ báo cáo công tác THTK, CLP ở địa phương, Bộ Tài chính thấy rằng thời điểm, nội dung báo cáo trong nội bộ của địa phương do địa phương quyết định trên cơ sở các quy định chung tại Luật THTK, CLP và văn bản hướng dẫn. Do đó, dự kiến sẽ không đưa vào điều chỉnh tại Luật để tạo chủ động cho địa phương. Luật chỉ quy định một số nội dung cơ bản về việc thực hiện việc báo cáo kết quả THTK, CLP, đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.</p>



*khoản 4 Điều 67 Luật THTK, CLP hiện hành quy định Chính phủ có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Quốc hội kết quả THTK, CLP hàng năm tại kỳ họp đầu năm sau”*

**\* Đề nghị bổ sung thêm và sửa thành như sau:**

- Về thời hạn báo cáo kết quả THTK, CLP: Tại khoản 4 Điều 67 Luật THTK, CLP hiện hành quy định Chính phủ có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Quốc hội kết quả THTK, CLP hàng năm tại kỳ họp đầu năm sau; **tại khoản 2 Điều 71 Luật THTK, CLP quy định UBND cấp tỉnh** Tổ chức, triển khai thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi địa phương; tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan tài chính cấp trên kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý hành vi lãng phí ở địa phương”.

**\*Lý do đề nghị bổ sung thêm:** Nhằm đánh giá tác động của chính sách một cách tổng thể từ trung ương đến địa phương.

**1.2. Báo cáo bổ sung thêm về tác động của chính sách đối với địa phương (hiện phần chính sách thứ 5 liên quan đến báo cáo THTK, CLP mới đánh giá tác động của chính sách với Chính phủ, chưa đánh giá tác động của chính sách đối với địa phương)**

**\* Lý do đề nghị bổ sung thêm:** để báo cáo thêm việc tác động của chính sách đối với địa phương.

**2. Đề nghị bổ sung thêm mục tiêu giải quyết vấn đề nêu tại mục 5.2 (trang 19), cụ thể**

**5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Nghiên cứu quy định thời điểm báo cáo, nội dung báo cáo, Chính phủ báo cáo Quốc hội và UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, HĐND tỉnh về kết quả THTK, CLP để việc chỉ đạo của Quốc hội, HĐND tỉnh đối với công tác này đảm bảo tính kịp thời *đồng thời phù hợp với thực tế quy trình ngân sách và Luật Ngân sách Nhà nước, cụ thể: quy định rõ "thời điểm báo cáo của UBND tỉnh trình HĐND cùng cấp kết quả THTK, CLP hàng năm tại kỳ họp đầu năm sau" như Luật quy định "Chính phủ báo cáo Quốc hội kết quả THTK, CLP hàng năm tại kỳ họp đầu năm sau"*

*\* Lý do đề nghị bổ sung thêm mục tiêu "đồng thời phù hợp với thực tế quy trình ngân sách và Luật NSNN" vào mục 5.2: Nhằm đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất giữa quy định pháp luật về THTK, CLP với hệ thống các quy định pháp luật chuyên ngành.*

**3. Đề nghị sửa đổi đánh giá tác động nêu tại mục 5.3.1 (trang 19), cụ thể:**

**+ Tại mục 5.3.1 có dự thảo:**

5.3.1. Phương án 1: Giữ nguyên như hiện nay.....

**+ Đề nghị sửa thành:**

*5.3.1. Phương án 1: Giữ nguyên như hiện nay và bổ sung thời điểm báo cáo kết quả THTK, CLP của UBND tỉnh trình HĐND cùng cấp như thời điểm "Chính phủ báo cáo Quốc hội kết quả THTK, CLP hàng năm tại kỳ họp đầu năm sau" tại khoản 4 Điều 67 Luật THTK, CLP hiện hành.*

*\*Tác động tiêu cực: Không có*

*\* Tác động tích cực:*

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số liệu THPT, CLP của năm thực hiện đảm bảo đầy đủ; đánh giá đúng, đủ, chính xác các chỉ tiêu tiết kiệm nêu tại báo cáo kết quả THPT, CLP và phù hợp với mục tiêu tiết kiệm, chống lãng phí mà Luật THPT, CLP hiện hành đã đề ra;</li> <li>- Không làm xáo trộn việc thực hiện báo cáo và tổng hợp báo cáo đã thực hiện nhiều năm qua;</li> <li>- Phù hợp với Luật NSNN 2015 và phù hợp với thực tế và quy trình ngân sách. Do đó, đảm bảo tính thống nhất đồng bộ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật;</li> <li>- Đảm bảo tính thống nhất với điều 59 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.</li> </ul>	
<p><b>Dự thảo đề cương Luật</b></p>	<p><b>UBND tỉnh Khánh Hòa:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị nghiên cứu hướng dẫn và giao chỉ tiêu tiết kiệm chi tiết theo từng lĩnh vực quản lý gắn với lập kế hoạch ngân sách hàng năm; tổ chức triển khai thực hiện, chịu trách nhiệm về kết quả THPT, CLP trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.</li> <li>- Đề nghị nghiên cứu hướng dẫn về định mức, tiêu chuẩn, chế độ để làm căn cứ THPT, CLP; THPT, CLP trong quản lý, sử dụng kinh phí NSNN, tài sản NN của cơ quan, tổ chức; THPT, CLP trong sử dụng mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung này hiện đang được lồng ghép trong quy định về nội dung Chương trình THPT, CLP của các Bộ, ngành, địa phương, theo đó, các Bộ, ngành, địa phương khi xây dựng Chương trình THPT, CLP phải xác định mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí, trong đó có mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm.</li> <li>- Đề cương Luật đã dự kiến quy định chung về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc ban hành, định mức, tiêu chuẩn, chế độ, cụ thể: <i>"7. Chỉ đạo xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, định mức, chế độ trong ngành, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách theo đúng thẩm quyền, thời hạn, nội dung theo quy định pháp luật và chịu trách nhiệm đối với việc để xảy ra việc chậm ban hành các văn bản này."</i> (khoản 7 Điều 5).</li> </ul> <p>Đối với từng lĩnh vực cụ thể (trong quản lý, sử dụng</p>

	<p>- Đề nghị nghiên cứu hướng dẫn cụ thể hóa Chương trình THPT, CLP trên cơ sở lượng hóa mục tiêu, tiêu chí, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu CLP, theo đó, xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá thực hành tiết kiệm CLP trên các lĩnh vực quản lý.</p>	<p>kinh phí NSNN, tài sản NN của cơ quan, tổ chức; THPT, CLP trong sử dụng mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước), do đã có quy định tại pháp luật chuyên ngành quy định nên không quy định tại Luật này để tránh trùng lặp.</p> <p>- Tại Đề cương luật đã hoàn thiện lại các nội dung về Chương trình THPT, CLP trên cơ sở luật hóa các quy định tại Nghị định số 84/2014/NĐ-CP và sẽ tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện trong quá trình xây dựng Luật và văn bản hướng dẫn sau khi được Quốc hội thông qua đề nghị xây dựng luật.</p>
	<p><b>STC thành phố Hồ Chí Minh:</b></p> <p><i>1. Về nội dung tại Chương II về Thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:</i></p> <p>a) Đối với nội dung tại mục 1.Chương II:</p> <p>- Đối với những khoản chi chưa có quy định cụ thể về tiêu chuẩn, định mức: Trường hợp cơ quan, đơn vị lập dự toán là số ước tính trên cơ sở các bản báo giá: tuy nhiên, kết quả thực hiện thấp hơn dự toán thì số dư còn lại được tính là tiết kiệm hay lãng phí (do lập dự toán không chính xác).</p> <p>- Đối với khoản chi có quy định cụ thể về tiêu chuẩn, định mức: Trường hợp cơ quan, đơn vị lập dự toán trên cơ sở định mức, tiêu chuẩn; đến cuối năm số tiết kiệm chi được sử dụng để chi các khoản thu nhập tăng thêm. Tuy nhiên, cơ quan, đơn vị lập dự toán cao hơn số thực tế phát sinh thì số dư được tính là tiết kiệm hay</p>	<p>Đối với các ý kiến của STC TP Hồ Chí Minh, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:</p> <p>- Hiện khái niệm “tiết kiệm” Bộ Tài chính đề xuất trên cơ sở gắn với việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ. Đồng thời, theo quy định của Luật NSNN (khoản 3 Điều 41) thì việc dự toán của các đơn vị dự toán NSNN cũng phải đảm bảo trên cơ sở định mức, tiêu chuẩn, chế độ, do đó, nội dung này đề nghị thực hiện theo quy định chung của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn.</p> <p>- Đối với việc xác định số tiết kiệm chi sẽ căn cứ trên cơ sở các quy định có liên quan về cơ chế tự chủ của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Trên cơ sở đó cơ quan, tổ chức, đơn vị xác định được thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động từ nguồn tiết kiệm chi hay không. Do đó, nội dung này không đưa vào quy định cụ thể tại Luật.</p>

lãng phí (do lập dự toán không chính xác)

- Đối với khoản chi có quy định cụ thể về tiêu chuẩn, định mức: Trường hợp cơ quan, đơn vị lập dự toán theo tiêu chuẩn, định mức (sử dụng mức quy định tối đa để lập dự toán) hoặc lập dự toán cao hơn tiêu chuẩn, định mức đã quy định; kết quả thực hiện thấp hơn dự toán thì số dư còn lại được tính là tiết kiệm hay là lãng phí (do lập dự toán không chính xác).

b) đối với nội dung tại mục 7 Chương II

Qua rà soát, quy định thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với Hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong dự thảo Đề cương Luật chưa thấy điểm khác biệt so với quy định tại Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hiện hành; do đó, cần quy định chi tiết hơn để đảm bảo tính thực tiễn.

*2. Đối với Chương III về Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:*

a) Đối với “**Điều. Trách nhiệm của cơ quan thanh tra**”: đề nghị bổ sung từ “*các cấp*”; điều chỉnh thành: “**Điều. Trách nhiệm của cơ quan thanh tra các cấp**”.

b) Đối với “**Điều. Trách nhiệm của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân**”: đề nghị bổ sung từ “*Các cấp*”; điều chỉnh thành “**Điều.**

Ngoài ra, trên cơ sở nghiên cứu và tổng hợp ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài chính đã hoàn thiện lại dự thảo Đề cương Luật theo hướng quy định chung về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc ban hành, định mức, tiêu chuẩn, chế độ, cụ thể: “7. *Chỉ đạo xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, định mức, chế độ trong ngành, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách theo đúng thẩm quyền, thời hạn, nội dung theo quy định pháp luật và chịu trách nhiệm đối với việc để xảy ra việc chậm ban hành các văn bản này.*” (khoản 7 Điều 5). Đối với từng lĩnh vực cụ thể (trong quản lý, sử dụng kinh phí NSNN, tài sản NN của cơ quan, tổ chức...), do đã có quy định tại pháp luật chuyên ngành quy định nên không quy định tại Luật này để tránh trùng lặp.

- Bộ Tài chính dự kiến tiếp tục kế thừa các quy định tại Luật THTK, CLP hiện hành về THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của tổ chức, hộ gia đình cá nhân theo hướng mang tính chất khuyến khích, đảm bảo quyền tự định đoạt tài sản của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo pháp luật có liên quan.

- Nội dung tại Đề cương Luật đã đảm bảo đầy đủ, rõ nghĩa, do đó, Bộ Tài chính thấy rằng không cần bổ sung như ý kiến của địa phương.

	<p><b>Trách nhiệm của cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân các cấp”.</b></p> <p>c) Bên cạnh đó, đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm đối với cơ quan chuyên môn (Hội đồng dân tộc và các Ủy ban) của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội trong Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi)</p> <p>3. Ngoài ra, tại mục 1.3 (trang 9) dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng Luật, đối với giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn, Bộ Tài chính dự kiến: “<i>Bổ sung quy định nguyên tắc xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan đến THTK, CLP...</i>”. Tuy nhiên trong dự thảo Đề cương Luật chưa thể hiện quy định này.</p>	<p>Nội dung này sẽ tiếp tục được Bộ Tài chính nghiên cứu, hoàn thiện trong quá trình soạn thảo Luật sau khi được Quốc hội thông qua.</p> <p>- Bộ Tài chính đã rà soát lại để đảm bảo thống nhất giữa Tờ trình Chính phủ và Đề cương Luật.</p>
	<p><b>UBND tỉnh Điện Biên:</b></p> <p>- Tại Mục 1 Chương II Điều về trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ và Mục 2 Chương II Điều về trách nhiệm kiểm tra việc xây dựng ban hành và thực hiện Chương trình thực hành, tiết kiệm chống lãng phí: Đề nghị rà soát để tránh trùng lặp, chồng chéo với Mục 6 Điều về Kiểm tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.</p>	<p>Bộ Tài chính đã thực hiện rà soát, hoàn thiện lại Đề cương Luật để tránh chồng chéo, trùng lặp.</p>
	<p><b>UBND tỉnh Đồng Nai, Bộ GTVT</b></p> <p>- Tại chương V điều khoản thi hành: Đề nghị bỏ cụm từ “sửa đổi” tại tên gọi của dự thảo Luật và trong toàn</p>	<p>Việc đề từ “sửa đổi” để hiểu là để phân biệt với Luật THTK, CLP hiện hành, không mang ý nghĩa đây là Luật sửa đổi, bổ sung. Do đó, đề nghị giữ như dự thảo.</p>

	<p>bộ nội dung dự thảo để đảm bảo mục đích của dự thảo Luật nhằm thay thế Luật THPT, CLP năm 2013. Đồng thời, đề nghị chỉnh sửa thống nhất tại dự thảo Tờ trình, dự thảo Báo cáo đánh giá tác động...</p>	
	<p><b>Bộ GTVT:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị chuyển các nội dung tại mục 5 của chương II lên quy định tại Chương I về “Quy định chung” cho phù hợp với nội dung quy định về công khai THPT, CLP.</li> <li>- Đề nghị bỏ Chương IV và kết cấu thành điều khoản riêng vì: theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Ban hành VQBBL: không quy định chương riêng về thanh tra, khiếu nại, tố cáo khen thưởng, xử lý vi phạm trong VBQPPL nếu không có nội dung mới.</li> <li>- Đề nghị bổ sung thêm điều khoản về hiệu lực thi hành như sau: “3. Bãi bỏ khoản 8 Điều 57 Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017”.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị giữ như dự thảo Đề cương vì nội dung công khai THPT, CLP được xem là một trong những giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác THPT, CLP nên cần đề trong phần quy định cụ thể (nay là mục 3 Chương II).</li> <li>- Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính đã sửa lại thành mục 4 Chương II Đề cương luật là “Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát và xử lý vi phạm về tiết kiệm, chống lãng phí”</li> <li>- Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính đã chỉnh lý tại Đề cương luật quy định về bãi bỏ khoản 8 Điều 57 Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017</li> </ul>
	<p><b>Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang:</b></p> <p>Đề nghị xem xét, bổ sung chương I: Quy định chung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại Điều quy định về đối tượng áp dụng: Đề nghị bổ sung cụm từ “đơn vị” sau các cụm từ “cơ quan, tổ chức”.</li> <li>- Tại Điều quy định về quyền và trách nhiệm của</li> </ul>	<p>Đề cương Luật chỉ dự kiến những nội dung cơ bản, chính yếu nhất của Luật. Trong quá trình soạn thảo Luật sau khi được Quốc hội thông qua đề nghị xây dựng Luật, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục hoàn thiện các quy định cụ thể để đảm bảo bao quát</p>

	<p>người đứng đầu cơ quan, tổ chức: Đề nghị bổ sung cụm từ “đơn vị” sau các cụm từ “cơ quan, tổ chức”.</p> <p>- Tại Điều quy định về quyền và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức: Đề nghị bổ sung đối tượng “và người lao động” sau các cụm từ “cán bộ, công chức, viên chức”.</p>	<p>các đối tượng có liên quan.</p>
	<p><b>Sở Tài chính tỉnh Hà Giang:</b></p> <p>- Tại chương V quy định “Điều. Quy định chi tiết”: Đề nghị nghiên cứu giao luôn Chính phủ quy định chi tiết tại từng điều có nội dung cần quy định chi tiết, không quy định riêng một điều như đề cương dự thảo.</p> <p>- Đề nghị xem xét bổ sung quy định về điều khoản chuyên tiếp (nếu có).</p> <p>- Về thời gian gửi báo cáo THPT, CLP hàng năm: Đề nghị xem xét thời gian nộp báo cáo (trước ngày 28/02 hằng năm) với lý do: Thời gian chính lý quyết toán NSNN kết thúc vào ngày 31/01 năm sau, khó khăn cho việc tổng hợp kết quả tiết kiệm, CLP của các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện (đặc biệt là đơn vị dự toán cấp I).</p>	<p>- Tiếp thu ý kiến này, Bộ Tài chính đã thể hiện rõ một số nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết tại từng điều có nội dung cần quy định chi tiết (như quy định tại điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 33, khoản 2 Điều 34, khoản 6 Điều 36). Trong quá trình soạn thảo dự án Luật, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục rà soát, bổ sung những nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết (nếu có).</p> <p>- Tiếp thu, nội dung này sẽ được Bộ Tài chính nghiên cứu trong quá trình soạn thảo Luật sau khi Quốc hội thông qua đề nghị xây dựng Luật.</p> <p>- Ghi nhận ý kiến này, Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu trong quá trình xây dựng văn bản quy định chi tiết Luật sau khi Quốc hội thông qua đề nghị xây dựng Luật</p>



	<p><b>Bộ KH-CN:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại chương III về “Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”, cần bổ sung quy định điều khoản riêng về vai trò, trách nhiệm giám sát của người dân, của cộng đồng cùng với các cơ quan của QH về giám sát THPT, CLP trong việc sử dụng NSNN, để góp phần ngăn chặn, phát hiện kịp thời các sai phạm. Trong phần giải trình Đề cương Luật chưa làm rõ dẫn tới khó phát huy được quyền giám sát của người dân.</li> <li>- Tại chương IV về “Khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm” đã có quy định về khen thưởng đối với những tổ chức, cá nhân phát hiện thông tin lãng phí có giá trị, tuy nhiên cần bổ sung quy định về biện pháp bảo vệ cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin; đồng thời có quy định để loại trừ các trường hợp lợi dụng để gây mâu thuẫn nội bộ, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức.</li> <li>- Xem xét bổ sung điều khoản quy định công tác tuyên truyền thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cho người dân, cán bộ, công chức, viên chức để bảo đảm hiệu quả hơn, không chỉ quy định chế tài xử lý vi phạm.</li> </ul>	<p>Ghi nhận ý kiến này, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục nghiên cứu để bổ sung trong quá trình soạn thảo Luật sau khi Quốc hội thông qua đề nghị xây dựng Luật.</p> <p style="text-align: center;">- Tiếp thu ý kiến, nội dung này đã được đề cập tại Điều 38 Đề cương Luật về <i>“Phát hiện lãng phí và trách nhiệm xử lý thông tin phát hiện lãng phí, bảo vệ người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí”</i></p> <p>- Tại Đề cương Luật đã có dự kiến nhiều nội dung liên quan đến công tác tuyên truyền về THPT, CLP (khoản 4 Điều 23, khoản 5 Điều 24, khoản 2 Điều 29).</p>
	<p><b>Bảo hiểm xã hội Việt Nam:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm chống lãng phí: Đề nghị bổ sung quy định cụ thể trách nhiệm của các đơn vị trong việc thực hiện báo cáo và tổng hợp báo cáo kết quả THPT, CLP giai đoạn 05 năm để</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo quy định hiện hành, việc báo cáo kết quả THPT, CLP hàng năm thực hiện 01 lần và gửi về Bộ Tài chính để tổng hợp trình Chính phủ để trình Quốc hội. Quy định hiện hành tại Luật THPT, CLP năm 2013 và Nghị định số 84/2014/NĐ-CP đã đảm bảo thống nhất về đầu mối xây dựng, tổng hợp báo cáo. Trường hợp cần thiết, các cơ quan có thẩm</li> </ul>

	<p>thống nhất một cơ quan đầu mối tổng hợp báo cáo.</p> <p>(Lý do: đề báo cáo kết quả THPT, CLP giai đoạn 2016-2021, BHXH Việt Nam đã xây dựng 05 báo cáo, công văn gửi tới các cơ quan khác nhau, là UBTC, NS của QH; Thanh tra CP; BTC; Bộ KHĐT)</p> <p>- <b>Đề nghị bổ sung quy định về nguyên tắc xác định số liệu tiết kiệm để thống nhất trong tổ chức thực hiện.</b> Lý do: Việc xác định số liệu THPT, CLP để đưa vào báo cáo THPT, CLP còn lúng túng, khó khăn, thiếu sự thống nhất. Ví dụ: Số liệu tiết kiệm trong năm chưa rõ là số tiết kiệm so với kế hoạch tiết kiệm xây dựng đầu năm hay số tiết kiệm là chênh lệch giữa số dự toán và quyết toán.</p> <p>- <b>Đề nghị rà soát, thống nhất giải pháp lựa chọn thực hành Chính sách 5 "Hoàn thiện các quy định về xây dựng Chương trình THPT, CLP và báo cáo kết quả THPT, CLP" giữa các dự thảo.</b></p> <p>(Lý do: Tại mục 5.4 (trang 20) dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật THPT, CLP (sửa đổi): Lựa chọn phương án 1. Tại mục 3.5 (trang 30) dự thảo Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật THPT, CLP và mục 5 (trang 15) dự thảo Tờ trình: Nêu nội dung của phương án 2.</p>	<p>quyền có thể yêu cầu việc thực hiện báo cáo đột xuất theo thẩm quyền và quy định pháp luật có liên quan.</p> <p>- Ghi nhận ý kiến của BHXHVN, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục nghiên cứu trong quá trình xây dựng Luật và các văn bản hướng dẫn sau khi Quốc hội thông qua đề nghị xây dựng Luật.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính đã rà soát lại để đảm bảo thống nhất.</p>
--	--	--

	<p><b>Bộ Nội vụ:</b></p> <p>- Đề nghị rà soát bảo đảm không lồng ghép các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế vào dự thảo Luật để thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 2 NQ 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017</p>	<p>Bộ Tài chính đã rà soát, đảm bảo không lồng ghép các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế vào dự thảo Luật.</p>
	<p><b>Bộ GDĐT:</b></p> <p>- Về nội dung tại Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật THPT, CLP (sửa đổi) về “Nghiên cứu đổi mới thời điểm báo cáo, nội dung báo cáo QH kết quả THPT, CLP để việc chỉ đạo của QH đối với công tác này đảm bảo tính kịp thời”: đề nghị giữ nguyên theo Luật 2013, về thời điểm, nội dung báo cáo kết quả THPT, CLP theo các tiêu chí THPT, CLP đã quy định về THPT, CLP trong một số lĩnh vực.</p> <p>Đồng thời đề nghị bổ sung các Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật THPT, CLP và nêu rõ trong Tờ trình đề nghị xây dựng Luật THPT, CLP các nội dung cụ thể: Mục tiêu xây dựng chính sách, nội dung của chính sách, giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn để các Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ động hơn trong việc xây dựng các biện pháp chống lãng phí trong chính lĩnh vực của mình</p>	<p>Tại Đề cương Luật chỉ dự kiến những nội dung cơ bản về việc thực hiện công tác báo cáo kết quả THPT, CLP và dự kiến giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này. Các nội dung cụ thể (thời điểm báo cáo, nội dung báo cáo) sẽ được nghiên cứu khi xây dựng Nghị định của Chính phủ.</p> <p>Hồ sơ gửi xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương đã có Báo cáo tổng kết thi hành Luật THPT, CLP. Đồng thời, tại Tờ trình Chính phủ đã thể hiện rõ các nội dung như ý kiến của Bộ GD&amp;ĐT có ý kiến.</p>
	<p><b>Kiểm toán nhà nước:</b></p> <p>- Dự thảo Luật chỉ có 02 Điều quy định quyền và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức và cán bộ,</p>	<p>Tiếp thu ý kiến này, Bộ Tài chính đã bổ sung vào Đề cương dự thảo Luật quy định về phát hiện lãng phí và trách nhiệm xử lý</p>

	<p>công chức, viên chức. Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu không lược bỏ “Điều 9. Phát hiện lãng phí và trách nhiệm xử lý thông tin phát hiện lãng phí” của Luật THTK, CLP 2013 do đối tượng áp dụng của Luật sửa đổi bao gồm cả các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân.</p> <p>- Tại Chương III: Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong THTK, CLP: Điều. Trách nhiệm của Kiểm toán nhà nước: <i>(cơ bản kế thừa quy định hiện hành, có chỉnh sửa về kỹ thuật để đảm bảo phù hợp)</i></p> <p>Đối với nội dung trên, đề nghị kế thừa và không chỉnh sửa do Điều 74 Luật 2013 đã quy định đầy đủ.</p> <p>- Tại Chương V: Điều khoản thi hành: Điều. Hiệu lực thi hành. Đối với nội dung “Luật THTK,CLP số 44/2013/QH13 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành”, đề nghị lược bỏ nội dung này do đây là Luật sửa đổi.</p>	<p>thông tin phát hiện lãng phí (Điều 37).</p> <p>Tiếp thu ý kiến của Kiểm toán NN, đối với nội dung này, Bộ Tài chính cơ bản giữ nguyên như quy định hiện hành.</p> <p>Đề nghị giữ như dự thảo đề cương vì Luật này dự kiến thay thế Luật THTK, CLP năm 2013.</p>
	<p><b>Tòa án nhân dân tối cao:</b></p> <p>Tại mục 6 chương II của dự thảo đề cương về “Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát về THTK,CLP”: đề nghị bổ sung điều về kiểm soát chi trên cơ sở kế thừa quy định hiện hành (k3 Điều 10 Luật 2013), cụ thể như sau: “Kho bạc nhà nước thực hiện kiểm tra, kiểm soát các khoản chi ngân sách nhà nước theo chính sách, định mức, tiêu chuẩn, chế độ do Nhà nước quy định để bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, chống</p>	<p>Tiếp thu ý kiến này, tại Đề cương Luật đã có quy định riêng về kiểm soát chi các khoản chi NSNN (Điều 17): “<i>Kho bạc nhà nước thực hiện kiểm tra, kiểm soát các khoản chi ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan do Nhà nước quy định để bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí.</i>”</p>

	lãng phí.	
	<p><b>Viện kiểm sát nhân dân tối cao:</b></p> <p>- Tại Mục 5 Chương II, đề nghị tách “Điều. Nội dung, nguyên tắc thực hiện công khai” thành 02 điều, gồm 01 điều “Điều. Nội dung thực hiện công khai” và 01 điều “Điều. Về nguyên tắc thực hiện công khai” để bảo đảm tính đồng bộ với các điều quy định tại các mục 2, 3 và 7 của dự thảo Luật. Đồng thời, bổ sung việc rà soát, sửa đổi, bổ sung bảo đảm phù hợp với Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đầu tư công, Luật Đấu thầu, Luật Ngân sách,...</p>	<p>Dự thảo Đề cương Luật đã sửa lại quy định về nội dung thực hiện công khai cho phù hợp, thống nhất với các nội dung khác.</p> <p>Trong quá trình xây dựng đề nghị xây dựng Luật, Bộ Tài chính đã thực hiện rà soát với các Luật có liên quan (Luật NSNN, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Luật Đầu tư công...) để đảm bảo phù hợp, thống nhất.</p>
	<p><b>UBND tỉnh Ninh Bình:</b></p> <p>Đề nghị sửa mục 3 của dự thảo như sau:</p> <p>Điều . Hình thức, kỳ báo cáo, thời hạn gửi báo cáo</p> <p><i>(Luật hóa từ Nghị định 84/2014/NĐ-CP và bổ sung thêm quy định về hình thức, kỳ báo cáo, thời hạn báo cáo đối với UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính và HĐND tỉnh theo hướng giống như chế độ báo cáo của Chính phủ)</i></p> <p>Điều . Nội dung báo cáo</p> <p><i>(Luật hóa từ Nghị định 84/2014/NĐ-CP và bổ sung thêm quy định về hình thức, kỳ báo cáo, thời hạn báo cáo đối với UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính và</i></p>	<p>Bộ Tài chính đã chỉnh lý lại nội dung về việc thực hiện báo cáo kết quả THPT, CLP theo hướng: tại Đề cương Luật chỉ quy định một số nội dung cơ bản liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo kết quả THPT, CLP và dự kiến giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này. Bộ Tài chính ghi nhận ý kiến của UBND tỉnh Ninh Bình để xây dựng các quy định cụ thể về việc thực hiện chế độ báo cáo kết quả THPT, CLP khi xây dựng văn bản quy định chi tiết Luật sau khi được Quốc hội thông qua đề nghị xây dựng Luật.</p>

	<p><b><i>HĐND tỉnh theo hướng giống như chế độ báo cáo của Chính phủ)</i></b></p> <p><b><i>* Lý do đề nghị sửa đổi mục 3:</i></b> Vì những quy định về hình thức, nội dung kỳ báo cáo, thời hạn gửi báo cáo tại Nghị định số 84/2014/NĐ-CP là phù hợp với Luật NSNN năm 2015 và phù hợp với thực tế và quy trình ngân sách. Và cùng ý kiến, kiến nghị giải pháp nêu tại mục 5.4 (trang 20) của Dự thảo.</p>	
<b>Tài liệu khác</b>	<p><b>Sở Tài chính tỉnh Bình Định:</b></p> <p>Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật THPT, CLP còn thiếu tài liệu Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và ý kiến của các cơ quan, tổ chức khác; bản chụp ý kiến góp ý. Do đó, đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trước khi trình Chính phủ.</p>	<p>Bản tổng hợp ý kiến góp ý Bộ Tài chính sẽ hoàn thiện sau khi nhận được ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương.</p>
	<p><b>Kiểm toán nhà nước:</b></p> <p>Đề nghị bổ sung báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của BTC, BNV, BNG, BTP và ý kiến của các cơ quan, tổ chức khác; bản chụp ý kiến góp ý đảm bảo đúng với quy định tại điểm c và điểm d Điều 37 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp</p>	<p>Hồ sơ gửi xin ý kiến đã có Báo cáo tổng kết thi hành Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Bản tổng hợp ý kiến góp ý Bộ Tài chính sẽ hoàn thiện sau khi nhận được ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương.</p>

	luật 2015.	
<b>Ý kiến khác</b>	<p><b>Kiểm toán nhà nước</b></p> <p>- Đề xuất chính sách mới: Đề nghị bổ sung thêm quy định về “giải ngân chậm” vì đây là vấn đề các chuyên gia cho rằng trong bối cảnh nguồn ngân sách eo hẹp, muốn có vốn cho một dự án phải huy động từ nhiều nguồn và hy sinh cơ hội của những dự án khác, nhưng nhiều dự án đầu tư công đã được cấp vốn lại nằm “đắp chiếu” gây nên lãng phí gấp đôi cho nền kinh tế.</p>	Việc “giải ngân chậm” là một trong những nội dung thuộc phạm vi quản lý, sử dụng NSNN, vốn đầu tư công. Do đó, theo phạm vi điều chỉnh dự kiến của Luật đã bao gồm nội dung này.
	<p><b>STC thành phố Hồ Chí Minh:</b></p> <p>1. Đối với thời hạn gửi báo cáo cho Bộ Tài chính, đề xuất điều chỉnh thời gian báo cáo, số liệu báo cáo tính đến hết thời gian chính lý để đảm bảo số liệu được chính xác, đáp ứng yêu cầu của báo cáo thực hành TK, CLP hàng năm</p> <p>2. Đề xuất bổ sung trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại mục 1 Điều 25 Luật THTK, CLP hiện hành đối với trường hợp là cước phí thông tin liên lạc; tiết kiệm nhiên liệu như xăng, dầu; tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức</p> <p>3. Đề xuất xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên phù hợp với đặc thù của từng đơn vị dự toán, các cấp ngân sách như Bảng chỉ tiêu đánh giá kết quả thực</p>	<p>- Bộ Tài chính ghi nhận ý kiến của UBND tỉnh Ninh Bình để xây dựng các quy định cụ thể về việc thực hiện chế độ báo cáo kết quả THTK, CLP khi xây dựng văn bản quy định chi tiết Luật sau khi được Quốc hội thông qua đề nghị xây dựng Luật.</p> <p>- Đề cương Luật dự kiến không tiếp tục đưa quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật THTK, CLP hiện hành vào dự thảo để đảm bảo phù hợp với các đề xuất chính sách mới. Do đó, Bộ Tài chính không tiếp thu ý kiến của STC TP HCM</p> <p>- Ghi nhận ý kiến của STC TP Hồ Chí Minh, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục nghiên cứu trong quá trình hoàn thiện các quy định về bộ chỉ tiêu khi rà soát, sửa đổi Thông tư số 129/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hành</p>

	<p>hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên dùng cho đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng NSNN.</p> <p>4. Đề xuất bổ sung quy định về biểu mẫu để tiến hành công khai theo quy định</p> <p>Đối với các nội dung về công khai thực hành TK,CLP tại Điều 5 của Luật THTK,CLP hiện hành, đề xuất điều chỉnh theo hướng quy định chung việc thực hiện công khai phải theo các quy định về công khai đối với từng lĩnh vực thực hiện công khai phải theo các quy định về công khai đối với từng lĩnh vực chuyên ngành do mỗi lĩnh vực chuyên ngành đều có các quy định riêng về nội dung phải công khai và hình thức công khai.</p>	<p>tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến này, Bộ Tài chính đã hoàn thiện lại Tờ trình Chính phủ, Báo cáo đánh giá tác động, Tờ trình Chính phủ về nội dung công khai cho phù hợp, thống nhất.</p>
	<p><b>Bộ Tài nguyên và Môi trường:</b></p> <p>- Về việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên: hiện nay, BTNMT đang xây dựng dự thảo Luật Địa chất và Khoáng sản để thay thế Luật Khoáng sản năm 2010; do vậy, đối với quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản đề nghị sửa đổi và bổ sung nội dung thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Tại Tờ trình Chính phủ, Bộ Tài chính đã báo cáo rõ về quy định phạm vi điều chỉnh của Luật như sau:</p> <p>(i) Luật này quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực: quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước; quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên và các nguồn lực khác của nền kinh tế; hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.</p> <p>(ii) Nội dung về tiết kiệm, chống lãng phí đối với lĩnh vực năng lượng không được quy định tại Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả thì thực hiện theo quy định tại Luật này.</p> <p>Theo đó, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật cơ bản</p>



		<p>kê thừa các lĩnh vực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của quy định hiện hành.</p> <p>Đồng thời, có chỉnh sửa bổ sung để làm rõ thêm một số nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm rõ việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư công thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật.</li> <li>- Làm rõ việc tiết kiệm, chống lãng phí đối với việc quản lý, khai thác và sử dụng năng lượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật, trừ những nội dung đã được quy định cụ thể tại Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. Theo đó, đối với lĩnh vực năng lượng cũng phải thực hiện các quy định về chống lãng phí tương tự các lĩnh vực khác (phải quy định cụ thể về hành vi gây lãng phí, chế tài xử lý đối với hành vi gây lãng phí...).</li> <li>- Bổ sung để đảm bảo quát việc quản lý, sử dụng các nguồn lực khác của nền kinh tế cũng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.</li> </ul> <p>Như vậy, việc tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác và sử dụng khoáng sản cũng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Luật này để đảm bảo tính thống nhất.</p>
	<p><b>Bộ Tư pháp:</b></p> <p>Về trình tự, thủ tục lập đề nghị xây dựng Luật, đề nghị tuân thủ theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; trong đó, cần đăng tải báo cáo tổng kết, báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật... trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ đối với đề nghị xây dựng Luật, cổng thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức có đề nghị</p>	<p>Bộ Tài chính đã thực hiện lập đề nghị xây dựng Luật đảm bảo theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL.</p>

	<p>xây dựng Luật, pháp lệnh (thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày); lấy ý kiến Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan, đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và giải pháp thực hiện chính sách trong đề nghị xây dựng Luật, pháp lệnh theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>	
	<p><b>Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam</b>  - Kiến nghị khi rà soát Luật THTK,CLP cần đồng bộ phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành khác như Luật NSNN 2015, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017,...</p>	<p>Tiếp thu ý kiến này, Bộ Tài chính đã rà soát pháp luật có liên quan để đảm bảo tính thống nhất.</p>
	<p>Một số ý kiến tham gia về câu chữ, chính tả, thể thức trình bày của Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Bộ VHTTDL, Bộ KH&amp;CN, Bộ TN&amp;MT, Bộ GTVT, UBND tỉnh Đồng Nai, STC tỉnh Hà Giang, STC tỉnh Bình Định, STC tỉnh Yên Bái, UBND tỉnh Điện Biên</p>	<p>Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật</p>

Số:364/BC-BTC

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO**  
**TỔNG KẾT THI HÀNH**  
**LUẬT THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

*(Phục vụ công tác thẩm định của Bộ Tư pháp)*

Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (Luật THTK, CLP) được Quốc hội khoá XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2013, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2014. Qua hơn 10 năm thực hiện Luật, công tác THTK, CLP nhìn chung đã đạt được một số kết quả nhất định, tạo chuyển biến và nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và nhân dân trên các mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, việc thực hiện Luật cũng đã phát sinh những tồn tại, hạn chế, bất cập nhất định, cần phải nghiên cứu sửa đổi để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao hiệu quả của công tác THTK, CLP.

**I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THI HÀNH**

Ngay sau khi Luật THTK, CLP được ban hành, Bộ Tài chính, các bộ, ngành có liên quan và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã tổ chức triển khai đồng bộ các hoạt động, từ các vấn đề chỉ đạo, quán triệt chấp hành, đến việc phổ biến tuyên truyền, hướng dẫn triển khai thực hiện đến các đối tượng... Qua đó, đưa Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật vào thực tiễn, tạo khuôn khổ pháp lý đồng bộ, thống nhất cho việc thực hiện công tác THTK, CLP của các cấp, các ngành. Cụ thể như sau:

**1. Về việc ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật**

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao tại Điều 68 Luật THTK, CLP năm 2013, Bộ Tài chính đã chủ động, tích cực trong việc xây dựng các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Luật, cụ thể bao gồm các văn bản sau:

- Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 8/9/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THTK, CLP;

- Nghị định số 58/2015/NĐ-CP ngày 16/6/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 192/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định việc xử phạt VPHC trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; THTK, CLP; dự trữ quốc gia; KBNN (nội dung liên quan đến THTK, CLP).

Hiện nay các Nghị định này đã được thay thế bởi Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 của Chính phủ.

- Thông tư số 188/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 84/2014/NĐ-CP

- Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 4/12/2017 của Bộ Tài chính quy định tiêu chí đánh giá kết quả THTK, CLP trong chi thường xuyên.

Nhìn nhận tổng quan cho thấy, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn về THTK, CLP đã được ban hành đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật theo quy định, cũng như tuân thủ quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Việc ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản hướng dẫn thi hành Luật THTK, CLP đã tạo cơ sở pháp lý cho công tác này được thực hiện hiệu quả, thống nhất từ trung ương đến địa phương. Trong quá trình thực hiện, các văn bản quy phạm pháp luật về THTK, CLP đã được Bộ Tài chính cập nhật, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp trong từng giai đoạn và phù hợp, thống nhất với hệ thống pháp luật có liên quan, bảo đảm sự thống nhất, hiệu quả trong áp dụng pháp luật.

## **2. Về công tác phổ biến, tuyên truyền Luật**

Ngay sau khi Luật được ban hành, công tác tổ chức học tập, quán triệt, phổ biến, tuyên truyền được xác định là nhiệm vụ trọng tâm để tổ chức thực hiện Luật và luôn được nhấn mạnh trong các Chương trình tổng thể của Chính phủ về THTK, CLP là một trong các nhiệm vụ, giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả công tác THTK, CLP.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, sau khi Luật được ban hành, Bộ Tài chính đã tập trung vào công tác tuyên truyền, phổ biến Luật để sớm đưa Luật vào thực tiễn. Cụ thể, Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ Tư pháp xây dựng Đề cương giới thiệu Luật đăng trên trang thông tin về phổ biến giáo dục pháp luật của Bộ Tư pháp và phát hành cuốn sách “Tìm hiểu pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí” (xuất bản năm 2014) và gửi cho các Bộ, ngành, địa phương để làm tài liệu phổ biến, tuyên truyền tại đơn vị. Cùng với đó, Bộ Tài chính cũng đã phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng để đưa tin, bài nhằm tuyên truyền, phổ biến Luật đến toàn thể nhân dân (ví dụ như: Thời báo Tài chính, báo mới, VOV...).

Công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật về THTK, CLP đã được triển khai ở tất cả các Bộ, ngành, địa phương dưới nhiều hình thức đa dạng, phong

phủ như: hội nghị phổ biến, tuyên truyền; lồng ghép vào các lớp tập huấn hoặc cuộc họp giao ban, sinh hoạt thường kỳ của các cơ quan, đơn vị..., phù hợp với từng đối tượng từ cán bộ, công chức, viên chức là những người trực tiếp liên quan đến quản lý, sử dụng tiền, tài sản của nhà nước đến các tầng lớp nhân dân. Các phương tiện thông tin đại chúng cũng đã tăng cường đưa tin, bài tuyên truyền, vận động thực hành tiết kiệm và phát hiện, tạo dư luận lên án, phê phán các hành vi lãng phí<sup>1</sup>.

## II. KẾT QUẢ CHỦ YẾU TRONG THI HÀNH LUẬT THPTK, CLP

Sau hơn 10 năm triển khai thực hiện, cùng với sự quyết tâm, nỗ lực của toàn hệ thống chính trị, công tác THPTK, CLP đã có những chuyển biến cơ bản với những kết quả cụ thể như sau:

### 1. Việc ban hành, thực hiện Chương trình THPTK, CLP

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Điều 68 Luật THPTK, CLP năm 2013 và quy định tại Điều 13 Nghị định số 84/2014/NĐ-CP, kể từ khi Luật có hiệu lực thi hành, Bộ Tài chính đã trình Thủ tướng Chính phủ ký các Quyết định ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THPTK, CLP hàng năm và dài hạn<sup>2</sup> trên cơ sở bám sát chủ trương, quan điểm tại các Văn kiện, Nghị quyết của Đảng, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn và hàng năm được Quốc hội thông qua, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trong các lĩnh vực và các văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Việc xây

<sup>1</sup> Theo báo cáo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tại Báo cáo số 299/BC-TLĐ ngày 08/11/2022 thì Báo Người Lao động, Báo Lao động là những tờ báo tích cực trong đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và các vụ việc tiêu cực khác.

<sup>2</sup> (i) Trình Thủ tướng Chính phủ các Chương trình giai đoạn:

- Quyết định số 2544/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của TTCP ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THPTK, CLP giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 1875/QĐ-TTg ngày 2/11/2021 TTCP ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THPTK, CLP giai đoạn 2021-2025.

(ii) Trên cơ sở các Chương trình giai đoạn, Bộ Tài chính đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các Chương trình hàng năm, cụ thể:

- Quyết định số 253/QĐ-TTg ngày 17/2/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THPTK, CLP năm 2016;

- Quyết định số 398/QĐ-TTg ngày 31/3/2017 của TTCP ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THPTK, CLP năm 2017.

- Quyết định số 217/QĐ-TTg ngày 13/2/2018 của TTCP ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THPTK, CLP năm 2018.

- Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 21/2/2019 của TTCP về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THPTK, CLP năm 2019;

- Quyết định số 166/QĐ-TTg ngày 23/01/2020 của TTCP về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THPTK, CLP năm 2020.

- Quyết định số 2276/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của TTCP ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THPTK, CLP năm 2021

- Quyết định số 2262/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THPTK, CLP năm 2022.

- Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THPTK, CLP năm 2023.

- Quyết định số 1764/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THPTK, CLP năm 2024.

dựng, ban hành các Quyết định này kịp thời đã góp phần huy động các nguồn lực trong xã hội, phòng chống, khắc phục hậu quả của thiên tai, dịch bệnh, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu tăng trưởng, phát triển kinh tế, ổn định đời sống của nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội; đồng thời là căn cứ cho công tác xây dựng và triển khai Chương trình THPT, CLP của các Bộ, ngành, địa phương. Qua đó, việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí đã dần trở thành một nội dung trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo công tác thường xuyên của các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức. Hiệu quả, kết quả đấu tranh chống lãng phí trong các lĩnh vực ngày càng cao và rõ nét hơn.

Trên cơ sở quy định pháp luật về THPT,CLP và Chương trình do Thủ tướng Chính phủ ban hành, các bộ, ngành, địa phương, các cấp, các ngành đều ban hành Chương trình THPT,CLP 5 năm giai đoạn 2016-2020, 2021-2025 và hằng năm và tổ chức triển khai thực hiện đến các cơ quan, đơn vị trực thuộc đảm bảo thống nhất. Đặc biệt, từ năm 2019 đến nay, công tác xây dựng và thực hiện Chương trình THPT, CLP đã dần đi vào nề nếp và có những chuyển biến rõ nét, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu phát triển KT-XH được Quốc hội đề ra. Các bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước đã xây dựng chương trình THPT, CLP của bộ, ngành, địa phương mình, tổ chức triển khai, lập và gửi báo cáo kết quả thực hiện cơ bản đảm bảo đúng thời hạn quy định. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cấp, các ngành, chính quyền địa phương đã nghiêm túc, quyết liệt triển khai, thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp tăng cường THPT, CLP trong tất cả các lĩnh vực. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng chương trình THPT, CLP được thực hiện quyết liệt hơn; ý thức, nhận thức về công tác THPT, CLP của các bộ, ngành, địa phương đã có cải thiện rõ rệt.

## **2. Về việc xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, định mức, chế độ**

Theo quy định của Luật THPT, CLP, định mức, tiêu chuẩn, chế độ được xác định là căn cứ THPT, CLP. Trong thời gian qua, công tác ban hành VBQPPL, tiêu chuẩn, định mức chế độ luôn được các cấp, các ngành quan tâm, chú trọng, chất lượng từng bước được nâng cao, góp phần quan trọng trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, ổn định quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ quốc tế của đất nước. Chỉ tính riêng trong giai đoạn 2016-2021, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua 179 luật, pháp lệnh, nghị quyết; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành ở Trung ương đã ban hành theo thẩm quyền 5.978 văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) liên quan đến công tác THPT,CLP<sup>3</sup>.

<sup>3</sup> Báo cáo 330/BC-ĐGSQH giám sát kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về THPT, CLP giai đoạn 2016-2021

Trong đó, các cấp, các ngành tập trung hơn cho công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong các ngành, lĩnh vực; nâng cao năng lực phản ứng chính sách, khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp thời các cơ chế, chính sách, quy định pháp luật đáp ứng yêu cầu thực tiễn phòng, chống dịch, tháo gỡ điểm nghẽn, nút thắt, khó khăn, vướng mắc cho hoạt động sản xuất kinh doanh, khơi thông nguồn lực thúc đẩy phục hồi, phát triển KTXH. Nhờ vậy, hệ thống pháp luật, tiêu chuẩn, định mức chế độ trong các lĩnh vực ngày càng được bổ sung, hoàn thiện, đồng bộ hơn theo hướng minh bạch, dễ tiếp cận, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Trong giai đoạn 2016-2021, các bộ, ngành, địa phương đã ban hành 11.858 văn bản liên quan đến tiêu chuẩn, định mức, chế độ mới; sửa đổi, bổ sung 6.053 văn bản. Mức độ hài hòa với các tiêu chuẩn quốc tế được nâng lên, đến năm 2020 có khoảng 13.000 tiêu chuẩn Việt Nam, tỷ lệ hài hòa khoảng 60%<sup>4</sup>.

Đáng chú ý là hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng từng bước tiếp thu công nghệ tiên tiến trong tất cả các lĩnh vực, nâng cao chất lượng và là chuẩn mực để giải quyết các tranh chấp thương mại, phân định trách nhiệm, là giải pháp kỹ thuật quan trọng cho doanh nghiệp cải tiến công nghệ, đảm bảo chất lượng và nâng cao khả năng cạnh tranh; nhiều định mức ban hành đã phản ánh được năng suất lao động trung bình tiên tiến, trình độ phát triển công nghệ trong giai đoạn hiện nay, đồng thời khắc phục được một số bất cập về phạm vi, đối tượng áp dụng của hệ thống định mức để nâng cao hiệu quả quản lý. Riêng Bộ Xây dựng giai đoạn 2016-2021 đã rà soát 16.005/16.005 định mức do Bộ Xây dựng công bố, loại bỏ khoảng 2.000 định mức quá lạc hậu; sửa đổi 6.500 định mức. Việc hiệu chỉnh trị số định mức một số công tác có khối lượng thi công lớn sử dụng nhân công xây dựng nhiều, như: giảm 5-25% đối với định mức hao phí nhân công và 5- 20% định mức hao phí máy và thiết bị thi công; bổ sung 1.500 định mức mới đáp ứng thực tiễn sử dụng và chính sách khuyến khích phát triển công nghệ xây dựng và ứng dụng các loại vật liệu mới, vật liệu xanh, tái chế. Qua kết quả rà soát bổ sung định mức đã góp phần tiết kiệm giá trị dự toán công trình từ 2,5 đến 4% tùy theo loại hình công trình. Các bộ: Quốc phòng; Công Thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tin và Truyền thông đã rà soát khoảng 13.500 định mức chuyên ngành, loại bỏ gần 1.400 định mức, sửa đổi hơn 8.200 định mức, giữ nguyên 3.800 định mức, công bố và xây dựng bổ sung khoảng gần 6.000 định mức. Tổng số định mức chuyên ngành các bộ, cơ quan trung ương sau khi rà soát đã ban hành khoảng 18.000 định mức mới. Một số địa phương đã rà soát và ban hành khoảng 1.000 định mức xây dựng. Về suất vốn đầu tư xây dựng, đã rà soát, kiểm tra, đánh giá 596 suất vốn đầu tư, giá bộ phận kết cấu công trình; xây dựng và ban hành suất vốn

<sup>4</sup> Báo cáo 330/BC-ĐGSQH giám sát kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP giai đoạn 2016-2021

đầu tư 1km đường cao tốc (khoảng 156,5 tỷ đồng/km dài chưa bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng). Đối với hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn về xây dựng, đã hoàn thành rà soát 44 bộ quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia năm 2016, nghiên cứu rút xuống còn 12 bộ quy chuẩn Việt Nam cốt lõi. Riêng từ 2018 đến tháng 6 năm 2022 đã ban hành, sửa đổi 7/12 bộ quy chuẩn quốc gia. Đối với hệ thống tiêu chuẩn đã rà soát 1.595 tiêu chuẩn quốc gia để xây dựng, định hướng hệ thống tiêu chuẩn lĩnh vực xây dựng với danh mục dự kiến khoảng 1.250 TCVN<sup>5</sup>.

### 3. Về việc THTK, CLP trong các lĩnh vực

Công tác THTK, CLP được triển khai đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực theo quy định của Luật THTK, CLP và đạt được một số kết quả đáng kể như sau:

#### (i) Về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, quản lý nợ công

Kỷ cương, kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước được tăng cường. Công tác quản lý thu, khai thác nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế tiếp tục được chú trọng gắn với đẩy mạnh chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại; quyết liệt xử lý nợ thuế; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế... góp phần bảo đảm tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước cơ bản đạt được mục tiêu đề ra. Đồng thời, nhiều biện pháp giảm chi thường xuyên cũng đã được thực hiện góp phần tiết kiệm NSNN. Một số kết quả cụ thể như sau:

Công tác quản lý thu, chi NSNN được tăng cường, đảm bảo tính minh bạch. Chỉ tính riêng trong giai đoạn 2016-2021, tổng thu cân đối NSNN đạt 8.453 nghìn tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2016-2020 tổng thu và quy mô thu NSNN 5 năm tương ứng là 6.918 nghìn tỷ đồng và bình quân là 25,3% GDP, vượt mục tiêu đề ra và gấp 1,66 lần giai đoạn 2011-2015. Cơ cấu thu chuyên biến tích cực, theo hướng bền vững hơn, tỷ trọng thu nội địa đến năm 2020 đạt 85,6% tổng thu NSNN, vượt mục tiêu đề ra là 84-85%<sup>6</sup>. Tính riêng trong năm 2023, kết quả thu NSNN thực hiện đạt 1.754,1 nghìn tỷ đồng, tăng 133,4 nghìn tỷ đồng (+8,2%) so dự toán và báo cáo Quốc hội, trong đó: Thu ngân sách trung ương (NSTW) đạt 914,5 nghìn tỷ đồng, tăng 50,97 nghìn tỷ đồng (+5,9%) so dự toán; thu ngân sách địa phương (NSDP) về tổng thể đạt 839,6 nghìn tỷ đồng, tăng 82,4 nghìn tỷ đồng (+10,9%) so dự toán<sup>7</sup>.

Công tác chi NSNN được quản lý chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả. Nhiệm vụ chi NSNN được bảo đảm theo dự toán, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã

<sup>5</sup> Báo cáo 330/BC-ĐGSQH giám sát kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP giai đoạn 2016-2021

<sup>6</sup> Báo cáo 330/BC-ĐGSQH giám sát kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP giai đoạn 2016-2021

<sup>7</sup> Báo cáo số 240/BC-CP ngày 17/5/2024 của Chính phủ báo cáo kết quả công tác THTK, CLP năm 2023.



hội, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và phục vụ kịp thời các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh. Cơ cấu chi ngân sách chuyên biến tích cực, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển từ mức 22,9% tổng chi NSNN năm 2016 lên khoảng 29% năm 2020; giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên từ 64,9% tổng chi NSNN năm 2017 xuống dưới 64% năm 2020 theo đúng mục tiêu đề ra, nhưng vẫn bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về an sinh xã hội, các lĩnh vực quan trọng và các chương trình mục tiêu quốc gia. Đáng chú ý một số địa phương đã tiết giảm mạnh dự toán chi thường xuyên để tăng chi đầu tư phát triển với tỷ trọng khá cao, như: Bà Rịa - Vũng Tàu tỷ trọng chi đầu tư phát triển trên tổng dự toán chi NSNN năm 2021 là 50,5%; Hà Nội là 47,2% (cả giai đoạn 2016-2021 số tuyệt đối dự toán và thực hiện chi đầu tư phát triển cơ bản đứng đầu cả nước); Phú Yên là 43,9%; Quảng Ninh là 42,3%; Hải phòng là 42%; Vĩnh Phúc là 34,8%. Các bộ, ngành, địa phương đã nỗ lực thực hiện chủ trương tiết kiệm kinh phí NSNN, cắt giảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết (như: tổ chức hội nghị, hội thảo, lễ hội, khánh tiết, công tác nước ngoài; mua sắm xe ô tô công...) để tạo nguồn tháo gỡ khó khăn trong giai đoạn diễn ra đại dịch COVID-19. Bộ chi NSNN bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 3,37% GDP (mục tiêu là không quá 3,9% GDP), giảm mạnh so với giai đoạn 2011-2015 là 5,4% GDP và năm 2021 là 3,41% GDP. Tỷ lệ nợ công giảm mạnh từ mức 63,7% GDP cuối năm 2016 xuống 55,9% GDP cuối năm 2020 và được cơ cấu lại bền vững, an toàn. Công tác thanh, quyết toán NSNN ở nhiều Bộ, cơ quan trung ương và địa phương đảm bảo thời gian quy định. Tổng số tiết kiệm kinh phí ngân sách, vốn nhà nước giai đoạn 2016-2021 là 350,54 nghìn tỷ đồng<sup>8</sup>. Tính riêng trong năm 2023, chi NSNN ước đạt 2.109,9 nghìn tỷ đồng, bằng 101,6% dự toán, tăng gần 74 nghìn tỷ đồng so báo cáo Quốc hội; trong đó: chi đầu tư phát triển đạt 99,8% dự toán; dự trữ quốc gia đạt 128,3% dự toán; chi trả nợ lãi đạt 86,8% dự toán; chi thường xuyên xấp xỉ đạt dự toán. Tổng số tiết kiệm kinh phí, vốn nhà nước năm 2023 (như: tiết kiệm chi thường xuyên; tiết kiệm chi quản lý hành chính; tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa; tiết kiệm trong đầu tư xây dựng...) theo báo cáo kết quả THTK, CLP năm 2023 của các bộ, ngành, địa phương là 83.087 tỷ đồng<sup>9</sup>.

*(ii) Về quản lý, sử dụng vốn đầu tư công*

Việc tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu, giải pháp về THTK, CLP trong quản lý vốn đầu tư công đã đạt được kết quả tích cực, cụ thể:

- Pháp luật về đầu tư công được sửa đổi và ngày càng hoàn thiện góp phần nâng cao kỷ luật, kỷ cương, hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý hoạt động đầu tư và sử dụng vốn đầu tư công; góp phần chống thất thoát, lãng phí, phân

<sup>8</sup> Báo cáo 330/BC-ĐGSQH giám sát kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP giai đoạn 2016-2021

<sup>9</sup> Báo cáo số 240/BC-CP ngày 17/5/2024 của Chính phủ báo cáo kết quả công tác THTK, CLP năm 2023.

tán nguồn lực và bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quản lý đầu tư công như: ban hành Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14<sup>10</sup>, Luật Xây dựng (sửa đổi), Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14<sup>11</sup>,...; ban hành một số cơ chế, chính sách thu hút vốn đầu tư ngoài nhà nước, thúc đẩy xã hội hóa trong đầu tư công, cải cách thể chế về đầu tư công để góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân vốn đầu tư công, nhất là các công trình kết cấu hạ tầng chiến lược, quan trọng quốc gia, liên vùng<sup>12</sup>....

- Cơ cấu lại đầu tư công được chú trọng; dần khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, phê duyệt dự án nhưng không bảo đảm được nguồn vốn. Đã chủ động rà soát, cắt giảm các dự án đầu tư chưa thực sự cấp thiết, ưu tiên bố trí vốn tập trung cho những dự án cấp bách, hệ thống các cơ sở hạ tầng thiết yếu, các công trình lớn, quan trọng theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, có tính kết nối, lan tỏa, tạo động lực, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội. Đã bố trí đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, ưu tiên hoàn trả các khoản vốn ứng trước từ NSNN.

- Công tác giải ngân vốn đầu tư công được thực hiện quyết liệt. Hàng năm, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đều ban hành các văn bản chỉ đạo liên quan đến công tác giải ngân vốn đầu tư công. Chỉ tính riêng trong năm 2023, đã ban hành 08 nghị quyết, 01 chỉ thị, 06 công điện và nhiều văn bản điều hành, trong đó đề ra các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm yêu cầu các bộ, cơ quan trung ương và địa phương phải tập trung, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện giải ngân vốn đầu tư công; đồng thời đã tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc, thành lập 05 Tổ công tác để kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công của các bộ, ngành, địa phương<sup>13</sup>.

- Công tác kiểm tra, giám sát, bảo đảm chất lượng công trình, phòng, chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong giải ngân đầu tư công được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo sát sao. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phát huy tính chủ động, sáng tạo, hiệu quả trong tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành, vai trò của người đứng đầu và trách nhiệm của mỗi cá nhân; đề cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, chậm tiến độ giao vốn, thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn.

<sup>10</sup> Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được ban hành đã tăng cường cải cách thủ tục hành chính, giảm thiểu các thủ tục đầu tư không cần thiết; rút ngắn quy trình, thời gian thực hiện các thủ tục về đầu tư công; đẩy mạnh phân cấp, giao trách nhiệm, tạo sự chủ động cho các bộ, ngành và địa phương thực hiện nhiệm vụ được giao, bảo đảm tính thống nhất giữa các văn bản pháp luật; quản lý hiệu quả vốn đầu tư công, nâng cao chất lượng công tác lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công góp phần đẩy nhanh tiến độ giao kế hoạch trung hạn và hàng năm.

<sup>11</sup> Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ban hành nhằm thu hút mạnh mẽ hơn nguồn lực tư nhân, nhất là trong lĩnh vực y tế, giáo dục, môi trường và xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông trọng yếu,... góp phần bổ sung và đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho các dịch vụ công, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và an sinh xã hội của đất nước.

<sup>12</sup> Trình Quốc hội thông qua Nghị quyết số 106/2023/QH15 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ.

<sup>13</sup> Báo cáo số 240/BC-CP ngày 17/5/2024 của Chính phủ báo cáo kết quả công tác THTK, CLP năm 2023.

*(iii) Về quản lý, sử dụng tài sản công*

Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 đã bao quát tất cả các loại tài sản công. Trên cơ sở đó, hệ thống tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công, chế độ quản lý, sử dụng các loại tài sản công cơ bản được hoàn thiện góp phần quản lý chặt chẽ tài sản công, khắc phục tình trạng tham nhũng, lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản công và các nguồn lực tài chính quốc gia, tăng cường tiết kiệm chi và đảm bảo nguồn thu NSNN.

Việc mua sắm tài sản đã được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo đúng định mức, tiêu chuẩn theo quy định pháp luật, nhất là đối với tài sản là phương tiện đi lại, trang thiết bị làm việc trong các cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN; đặc biệt đã đẩy mạnh việc thực hiện phương thức tập trung trong mua sắm tài sản, góp phần tiết kiệm chi phí cho NSNN. Đẩy mạnh cơ chế khoán đối với nhà công vụ, xe ô tô để nâng cao hiệu quả sử dụng và tiết kiệm chi phí.

Việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP đã đạt được những kết quả đáng kể. Ý thức trách nhiệm của các ngành, các cấp cũng như các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp trực tiếp sử dụng nhà, đất được Nhà nước giao hoặc cho thuê đã có chuyển biến tích cực, rõ nét. Theo báo cáo của của 47 Bộ, cơ quan trung ương, 21 Hội đặc thù và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã gửi về Bộ Tài chính, tính đến ngày 31/12/2023, tổng số cơ sở nhà, đất do các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên phạm vi cả nước đang quản lý, sử dụng thuộc phạm vi, đối tượng sắp xếp lại, xử lý nhà, đất là 262.320 cơ sở; tổng số cơ sở nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt 183.044 cơ sở (đạt 69,8%); tổng số cơ sở nhà, đất còn phải sắp xếp là 79.404 cơ sở<sup>14</sup>.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công tiếp tục được cập nhật vận hành có hiệu quả, tính đến ngày 31/12/2023, đã cập nhật 2.236.543 tài sản với nguyên giá là 2.329.050,13 tỷ đồng, cụ thể: đối với tài sản là quyền sử dụng đất 1.293.698,62 tỷ đồng; tài sản là nhà 572.787,08 tỷ đồng; tài sản là vật kiến trúc 64.393,17 tỷ đồng; tài sản là ô tô 23.492,94 tỷ đồng; tài sản là phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô) 1.505,54 tỷ đồng; tài sản là máy móc, thiết bị 219.020,43 tỷ đồng; tài sản là cây lâu năm, súc vật làm việc 656,29 tỷ đồng; tài sản cố định hữu hình khác 19.116,36 tỷ đồng; tài sản cố định vô hình 134.346,54 tỷ đồng; tài sản cố định đặc thù 33,17 tỷ đồng<sup>15</sup>.

Tính đến ngày 31/12/2023, tổng số tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đã nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công là 66.644 tài sản, với tổng nguyên giá 3.817.810 tỷ đồng, giá trị còn lại 2.748.279 tỷ đồng;

<sup>14</sup> Báo cáo số 240/BC-CP ngày 17/5/2024 của Chính phủ báo cáo kết quả công tác THTK, CLP năm 2023.

<sup>15</sup> Báo cáo số 240/BC-CP ngày 17/5/2024 của Chính phủ báo cáo kết quả công tác THTK, CLP năm 2023.

tổng chiều dài các tuyến đường, cầu đường đã nhập là 884.380,305 km<sup>16</sup>; tổng số tài sản là công trình nước sạch nông thôn đã nhập là 15.681 công trình, tổng giá trị 38.323 tỷ đồng, giá trị còn lại là 20.041 tỷ đồng<sup>17</sup>.

*(iv) Về quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia*

Việc triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đạt được nhiều kết quả nổi bật, có nhiều đóng góp quan trọng vào thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Trong giai đoạn 2016 – 2020, việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia đã đạt được các kết quả nổi bật như: đã huy động được 2.965.199 tỷ đồng để thực hiện các CTMTQG, trong đó: (1) CTMTQG xây dựng nông thôn mới khoảng 2.323.001 tỷ đồng, gấp khoảng 2,48 lần so với giai đoạn 2011-2015; (2) CTMTQG giảm nghèo bền vững khoảng 642.197,69 tỷ đồng, gấp khoảng 1,5 lần so với giai đoạn 2011-2015<sup>18</sup>; đã đầu tư, hoàn thành nhiều công trình hạ tầng thiết yếu; cơ sở hạ tầng, chuyển giao công nghệ mới vào sản xuất và chế biến sản phẩm nông nghiệp, tăng cường cho công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, đào tạo nghề cho nông dân, đào tạo cán bộ hợp tác xã; giáo dục - đào tạo, dạy nghề và y tế; cân đối đủ để xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản. Việc triển khai thực hiện, thanh toán và giải ngân nguồn vốn cân đối từ ngân sách nhà nước thực hiện các CTMTQG hằng năm trong giai đoạn 2016-2020 ước đạt 360.948,684 tỷ đồng, đạt 99,4%, trong đó: vốn không sử dụng hết đến hết niên độ kế hoạch là 1.344,137 tỷ đồng, chiếm 0,37%<sup>19</sup>.

Đối với giai đoạn 2021-2025, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt cụ thể nội dung, nhiệm vụ, tổng mức vốn và cơ cấu nguồn lực thực hiện 03 CTMTQG giai đoạn 2021-2025<sup>20</sup>, phê duyệt nguyên tắc, tiêu chí, định mức, phân bổ vốn NSTW và tỷ lệ vốn đối ứng của NSDP thực hiện từng CTMTQG<sup>21</sup>. Chính phủ, các bộ, cơ quan Trung ương đã ban hành 69 văn bản quy định cơ chế quản lý, hướng dẫn thực hiện 03 CTMTQG<sup>22</sup> quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các

<sup>16</sup> Gồm: 118,017 km đường cao tốc; 30.235,330 km đường quốc lộ; 143.317,163 km đường tỉnh; 120.710,288 km đường huyện; 109.024,880 km đường xã; 67.852,633 km đường đô thị; 62.212 km đường chuyên dùng; 412.974,454 km đường nông thôn; 85,328 km đường miền núi.

<sup>17</sup> Báo cáo số 240/BC-CP ngày 17/5/2024 của Chính phủ báo cáo kết quả công tác THTK, CLP năm 2023.

<sup>18</sup> Báo cáo 330/BC-ĐGSQH giám sát kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP giai đoạn 2016-2021

<sup>19</sup> Báo cáo 330/BC-ĐGSQH giám sát kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP giai đoạn 2016-2021

<sup>20</sup> Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 đối với CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 đối với CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 đối với CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

<sup>21</sup> Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 đối với CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 đối với CTMTQG giảm nghèo bền vững; Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 đối với CTMTQG xây dựng nông thôn mới.

<sup>22</sup> Bao gồm: 02 Nghị định của Chính phủ; 23 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 44 thông tư, quyết định, văn bản, kế hoạch cấp bộ quy định, hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung, hoạt động các Chương trình.

CTMTQG; 52/52 địa phương được hỗ trợ từ NSTW đã ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ NSNN thực hiện các CTMTQG<sup>23</sup>.

Về cân đối vốn thực hiện các CTMTQG giai đoạn 2021-2025 và năm 2022<sup>24</sup>, năm 2023: Tổng vốn NSTW của 03 CTMTQG đã được Quốc hội quyết nghị thông qua: giai đoạn 2021-2025<sup>25</sup> là 191.956,848 tỷ đồng (gồm: Vốn đầu tư phát triển 100.000 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 91.956,848 tỷ đồng)<sup>26</sup>; năm 2022<sup>27</sup> là 18.049 tỷ đồng (gồm: Vốn ĐTPT 8.000 tỷ đồng, vốn thường xuyên 10.049 tỷ đồng)<sup>28</sup>; năm 2023 là 49.544 tỷ đồng vốn NSTW (bao gồm: 24.400 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển vốn trong nước; 1.025 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển vốn nước ngoài; 24.119 tỷ đồng kinh phí sự nghiệp)<sup>29</sup>.

Việc thực hiện các CTMTQG đã đạt được những kết quả đáng kể. Lũy kế đến hết năm 2023, ước tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2023 còn 2,93%, (giảm 1,1% so với cuối năm 2022); tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo còn khoảng 33% (giảm 5,62%); tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số còn khoảng 17,82% (giảm 3,2%), đạt chỉ tiêu Quốc hội, Chính phủ giao. Đến cuối năm 2023 cả nước có khoảng 6.370/8.167 (78%) xã đạt chuẩn nông thôn mới (NTM); trong đó, có 1.612 xã đạt chuẩn NTM nâng cao và 256 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, bình quân cả nước đạt 16,9 tiêu chí/xã. Có 270 đơn vị cấp huyện được công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM. Trong tổng số 20 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có 100% xã đạt chuẩn NTM<sup>30</sup> có 05 tỉnh (*Nam Định, Đồng Nai, Hà Nam, Hưng Yên và Hải Dương*) đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM<sup>31</sup>. Hệ thống cơ chế, chính sách giảm nghèo ngày càng được bổ sung, hoàn thiện, tạo điều kiện cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, giảm nghèo bền vững, hạn chế tác động của

<sup>23</sup> Trong đó: 05/11 địa phương tự cân đối ngân sách ban hành quy định phân bổ vốn NSĐP; (iii) Có 27/52 địa phương đã ban hành quy định về cơ chế lồng ghép, huy động các nguồn vốn thực hiện các CTMTQG; (iv) Có 20/52 địa phương đã ban hành quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các CTMTQG; (v) Có 28/63 địa phương đã ban hành văn bản thực hiện cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư đối với dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp; (vi) Có 25/63 địa phương đã ban hành cơ chế tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

<sup>24</sup> Báo cáo số 234/BC-CP ngày 17/5/2023 của Chính phủ về kết quả THPT, CLP năm 2022

<sup>25</sup> Các Nghị quyết số: 120/2020/QH14, 24/2021/QH15, 25/2021/QH15, 29/2021/QH15.

<sup>26</sup> Gồm: CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 104.324,848 tỷ đồng, bao gồm: 50.000 tỷ đồng vốn ĐTPT; 54.324,848 tỷ đồng vốn SN; CTMTQG giảm nghèo bền vững là 48.000 tỷ đồng, bao gồm: 20.000 tỷ đồng vốn ĐTPT; 28.000 tỷ đồng vốn SN; CTMTQG xây dựng nông thôn mới là 39.632 tỷ đồng, bao gồm: 30.000 tỷ đồng vốn ĐTPT; 9.632 tỷ đồng vốn SN.

<sup>27</sup> Tại Nghị quyết số 40/2021/QH15.

<sup>28</sup> Gồm: CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 8.429 tỷ, bao gồm: 3.000 tỷ đồng vốn ĐTPT; 5.429 tỷ đồng vốn SN; CTMTQG giảm nghèo bền vững là 4.620 tỷ, bao gồm: 2.000 tỷ đồng vốn ĐTPT; 2.620 tỷ đồng vốn SN; CTMTQG xây dựng nông thôn mới là 5.000 tỷ đồng, bao gồm: 3.000 tỷ đồng vốn ĐTPT; 2.000 tỷ đồng vốn SN.

<sup>29</sup> Báo cáo số 240/BC-CP ngày 17/5/2024 của Chính phủ báo cáo kết quả công tác THPT, CLP năm 2023.

<sup>30</sup> Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Ninh Bình, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Lâm Đồng, Tp. Hồ Chí Minh, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Dương, Đồng Nai, Cần Thơ, Bạc Liêu, Trà Vinh

<sup>31</sup> Báo cáo số 240/BC-CP ngày 17/5/2024 của Chính phủ báo cáo kết quả công tác THPT, CLP năm 2023.

thiên tai, dịch bệnh. Đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào được nâng cao; công tác chăm sóc sức khỏe, giáo dục đào tạo có chuyển biến tích cực.

*(v) Về quản lý, sử dụng tài nguyên*

Hệ thống các quy định pháp luật về đất đai, tài nguyên được bổ sung, hoàn thiện hơn; quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, đất đai, khoáng sản được tăng cường với các kết quả cụ thể như sau:

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về đất đai ngày càng được hoàn thiện, đặc biệt với việc trình Quốc hội thông qua Luật Đất đai (sửa đổi) năm 2024 thay thế Luật Đất đai 2013, có hiệu lực từ ngày 01/8/2024 (riêng Điều 190 và Điều 248 Luật Đất đai 2024 có hiệu lực từ ngày 01/4/2024). Hiện nay Chính phủ và các bộ, ngành đã khẩn trương xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn Luật để đảm bảo Luật sớm đi vào thực tiễn<sup>32</sup>.

Quy hoạch, kế hoạch phân bổ quỹ đất bảo đảm cho thực hiện Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; từng bước khắc phục tình trạng thất thoát, lãng phí. Trong năm 2023, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050<sup>33</sup>; đơn đốc các địa phương trình phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021 - 2025) cấp tỉnh<sup>34</sup>. Các địa phương đã cơ bản hoàn thành việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện.

Công tác giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất cơ bản theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã đề ra. Nguồn thu từ đất góp phần tăng thu đáng kể cho NSNN. Trong giai đoạn 2026-2021, nhiều địa phương đã chú trọng, quyết liệt xử lý thu hồi được nhiều dự án treo, dự án chậm tiến độ, yêu cầu đưa vào sử dụng gần 100 nghìn ha đất của các dự án chậm triển khai. Trong đó đáng chú ý một số địa phương rất quyết liệt việc thu hồi, huỷ bỏ các dự án treo, chậm tiến độ, như: tỉnh Ninh Bình: 725 dự án treo sau 3 năm

<sup>32</sup> Chính phủ đã ban hành một số văn bản như: Nghị định số 12/2024/NĐ-CP ngày 05/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất và Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 quy định Về Quỹ phát triển đất; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 4/10/2024 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

<sup>33</sup> Các Quyết định số: 334/QĐ-TTg ngày 01/4/2023, 680/QĐ-TTg ngày 10/6/2023, 1251/QĐ-TTg ngày 26/10/2023, 95/QĐ-TTg ngày 16/11/2023.

<sup>34</sup> Hiện nay, các địa phương đang tích cực triển khai lập, trình thẩm định Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021 - 2025) cấp tỉnh đồng thời với việc hoàn thiện, trình phê duyệt Quy hoạch tỉnh, thành phố thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2045. Đến nay, có 23 tỉnh, thành phố đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh. Trong đó có 06 tỉnh đã nộp hồ sơ đề nghị thẩm Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025) gồm: Long An, Yên Bái, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Trà Vinh, Bắc Giang.

không triển khai với diện tích 1.795 ha; tỉnh Đồng Nai: 376 dự án với diện tích 3.875 ha; Quảng Ngãi đã chấm dứt hiệu lực thực hiện nghiên cứu, khảo sát, lập hồ sơ đề xuất đầu tư 296 dự án; tỉnh Bình Dương: 289 dự án với diện tích 2.283 ha; tỉnh Kiên Giang: 206 dự án với diện tích 2.075 ha; tỉnh Hậu Giang huỷ bỏ 141 dự án<sup>35</sup>...

Ngoài ra, các địa phương đã triển khai thu hồi quỹ đất đã giao, cho doanh nghiệp thuê nhưng bị giải thể, phá sản, không được gia hạn, do ô nhiễm môi trường cần di dời, chấm dứt hoạt động đầu tư, do thiên tai, người sử dụng tự nguyện trả lại để hạn chế về thất thoát, lãng phí đất đai. Cụ thể: **trong giai đoạn 2016-2021** đã thu hồi 34.135,93 ha đất, gồm: 18.949 ha đất đã giao, cho doanh nghiệp thuê nhưng bị giải thể, phá sản, 2.281,93 ha đất do không được gia hạn, 92,18 ha đất do ô nhiễm môi trường cần di dời, 10.378,32 ha đất chấm dứt hoạt động đầu tư, do thiên tai, 464,19 ha đất do người sử dụng tự nguyện trả lại, 1.030,75 ha đất do thiên tai<sup>36</sup>.

Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện tốt công tác đo đạc, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhờ đó công tác đo đạc lập bản đồ địa chính, kê khai, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận và xây dựng Cơ sở dữ liệu (CSDL) đất đai đạt được những quả tích cực. Tính đến hết năm 2023, cả nước đã cấp được hơn 44 triệu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đã cấp giấy chứng nhận đạt trên 23,6 triệu ha (chiếm tỷ lệ 97,6% diện tích cần cấp). Đến nay, có 455/705 đơn vị hành chính cấp huyện hoàn thành CSDL địa chính với hơn 46 triệu thửa đất đưa vào vận hành phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai; 46/63 tỉnh, thành phố đã kết nối, liên thông giữa cơ quan Đăng ký đất đai với cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai<sup>37</sup>.

- Công tác quản lý khai thác tài nguyên nước được chú trọng; nâng cao dân khả năng bảo đảm an ninh nguồn nước. Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi), ban hành Nghị định<sup>38</sup> hướng dẫn thực hiện luật; triển khai thực hiện Quy hoạch tài nguyên nước quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050, Chiến lược phát triển ngành thủy lợi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Kế hoạch hành động của Chính phủ về bảo đảm An ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước giai đoạn 2022-2030; phê duyệt các quy hoạch tổng hợp một số lưu vực sông<sup>39</sup>; tăng cường thực hiện công tác quản lý, thẩm định và hậu kiểm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử

<sup>35</sup> Báo cáo 330/BC-ĐGSQH giám sát kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP giai đoạn 2016-2021

<sup>36</sup> Báo cáo 330/BC-ĐGSQH giám sát kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP giai đoạn 2016-2021

<sup>37</sup> Báo cáo số 240/BC-CP ngày 17/5/2024 của Chính phủ báo cáo kết quả công tác THTK, CLP năm 2023.

<sup>38</sup> Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

<sup>39</sup> Các Quyết định số: 50/QĐ-TTg ngày 06/02/2023, 174/QĐ-TTg ngày 07/3/2023

dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước. Đến nay (từ năm 2017), Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cấp 2.058 giấy phép về tài nguyên nước; phê duyệt 854 công trình khai thác tài nguyên nước với tổng số tiền cấp quyền khai thác khoảng 12.719 tỷ đồng. Công tác quản lý tài nguyên nước dần đi vào nền nếp, tạo nguồn thu cho NSNN, bình quân thu từ thuế tài nguyên nước khoảng 7,5 nghìn tỷ đồng/năm, từ tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước khoảng 1,5 nghìn tỷ đồng/năm<sup>40</sup>.

Trong giai đoạn 2016-2021, đã hoàn thành việc kết nối giám sát trực tuyến gần 400/1.200 công trình thuộc quy mô cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thông tin, số liệu về nguồn nước, vận hành của khoảng 134 hồ chứa, đập dâng lớn, quan trọng trên 11 lưu vực sông lớn được quản lý, giám sát thông qua hệ thống quản lý thông tin, dữ liệu vận hành đã phục vụ đắc lực trong công tác giám sát, vận hành các hồ chứa. Đồng thời các thông tin, dữ liệu này cũng góp phần quan trọng trong công tác dự báo, cảnh báo khí tượng, thủy văn trên phạm vi cả nước<sup>41</sup>.

- Các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, khai thác khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, nhờ đó công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và hoạt động khoáng sản đã có những chuyển biến rõ nét, tích cực. Phần lớn các địa phương đã có quy hoạch khoáng sản hoặc đang rà soát, bổ sung điều chỉnh các quy hoạch khoáng sản thuộc thẩm quyền, đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác cấp phép hoạt động khoáng sản được thực hiện theo quy định. Tính đến năm 2023, đã đánh giá được tài nguyên khoáng sản cát biển đáp ứng yêu cầu làm vật liệu san lấp cấp 333 + cấp 222 đạt 680 triệu m<sup>3</sup>, trong đó cấp tài nguyên 222 là 145 triệu m<sup>3</sup>, chuyển giao kịp thời để khai thác phục vụ vật liệu đắp nền cho các dự án đường cao tốc và các dự án xây dựng khác ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long<sup>42</sup>.

Công tác khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm cấm hoạt động khoáng sản cơ bản đã được các địa phương thực hiện và hoàn thành. Hoạt động đấu giá quyền khai thác khoáng sản được thực hiện thường xuyên, đem lại nguồn thu cho NSNN. Chỉ tính riêng năm 2023, các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đã nộp 16.479 tỷ đồng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, đóng góp lớn vào NSNN<sup>43</sup>.

- Công tác bảo vệ và phát triển rừng được quan tâm chỉ đạo thực hiện; tích cực triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ nâng cao năng suất, chất lượng rừng, chú trọng quản lý giống, trồng rừng gỗ lớn theo hướng thâm canh, chuyển hóa rừng

<sup>40</sup> Báo cáo số 240/BC-CP ngày 17/5/2024 của Chính phủ báo cáo kết quả công tác THTK, CLP năm 2023.

<sup>41</sup> Báo cáo 330/BC-ĐGSQH giám sát kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP giai đoạn 2016-2021

<sup>42</sup> Báo cáo số 240/BC-CP ngày 17/5/2024 của Chính phủ báo cáo kết quả công tác THTK, CLP năm 2023.

<sup>43</sup> Báo cáo số 240/BC-CP ngày 17/5/2024 của Chính phủ báo cáo kết quả công tác THTK, CLP năm 2023.



kinh doanh gỗ nhỏ sang gỗ lớn; tỷ lệ diện tích rừng trồng từ nguồn giống có kiểm soát đạt 85% - 90%. Năm 2023 diện tích rừng trồng tập trung đạt 281,8 nghìn ha, giảm 6,1% và 116,3 triệu cây phân tán; sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng 20,84 triệu m<sup>3</sup>, tăng 2,8%. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2023 là 42,02%<sup>44</sup>.

- Công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai có nhiều chuyển biến tích cực. Các bộ, ngành, địa phương triển khai nhiều giải pháp cấp bách tăng cường kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường nước lưu vực sông cũng như công tác giám sát, kiểm soát các nguồn thải từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ, khu vực tập trung nhiều nguồn thải tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông để kịp thời ngăn chặn, phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường.

Triển khai quyết liệt các chiến lược, kế hoạch, chương trình hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, chuyển đổi năng lượng, hướng tới mục tiêu đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Tích cực xây dựng tiêu chí môi trường, xác nhận dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh.

*(vi) Về quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp*

Triển khai Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017 về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, tiếp tục hoàn thiện thể chế tài chính đối với khu vực doanh nghiệp nhà nước nhằm quản lý, giám sát chặt chẽ, hiệu quả hơn vốn, tài sản, tài chính của các Tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước theo Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các Nghị quyết của Trung ương.

Đổi mới cơ bản cơ chế đầu tư, cơ chế tài chính đối với các doanh nghiệp nhà nước, qua đó tiếp tục khẳng định các doanh nghiệp nhà nước hoạt động bình đẳng với các thành phần kinh tế khác; quy định việc quản lý nợ chặt chẽ, hạn chế tối đa sự bao cấp nguồn lực của Nhà nước cho các doanh nghiệp nhà nước; bổ sung quy định đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của ban lãnh đạo và doanh nghiệp nhà nước; tăng cường trách nhiệm giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp nhà nước và cơ quan chủ sở hữu gắn với đẩy mạnh công khai, minh bạch thông tin tài chính; với việc ban hành các Nghị định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý vốn, tài sản tại doanh nghiệp, gắn với quy định về tăng cường công tác quản lý nợ tại doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ<sup>45</sup> và hệ thống các tiêu chí, hình thức giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và

<sup>44</sup> Báo cáo số 240/BC-CP ngày 17/5/2024 của Chính phủ báo cáo kết quả công tác THTK, CLP năm 2023.

<sup>45</sup> Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 9/12/2013

công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước<sup>46</sup>...

Công tác đổi mới, sắp xếp lại DNNN được đẩy mạnh, thực chất hơn; số lượng DNNN được thu gọn, tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt. Cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước đạt được những kết quả tích cực, góp phần tăng thu NSNN để đáp ứng nhu cầu chi cho đầu tư phát triển; thu hút vốn từ xã hội cho đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại, đổi mới quản trị, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; góp phần cơ cấu lại các nguồn lực cho doanh nghiệp và xã hội để sử dụng hợp lý và có hiệu quả hơn; hầu hết doanh nghiệp sau cổ phần hóa có hiệu quả sản xuất, kinh doanh, nộp ngân sách và thu nhập của người lao động tăng. Lao động dôi dư trong quá trình tái cơ cấu, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước cơ bản đã được thực hiện theo quy định của pháp luật. Giai đoạn 2016-2020, đã có 180 doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa với tổng giá trị doanh nghiệp là 489.690 tỷ đồng, trong đó giá trị vốn nhà nước là 233.792 tỷ đồng. Giá trị phần vốn nhà nước của các doanh nghiệp cổ phần hóa giai đoạn 2016 – 2020 nhiều hơn gấp 1,2 lần so với giai đoạn 2011 - 2015<sup>47</sup>. Đối với việc thoái vốn, lũy kế tổng số thoái vốn từ năm 2016 – 2020 đã thoái 27.312 tỷ đồng, thu về 177.397 tỷ đồng, gấp 6,5 lần giá trị sổ sách, (cao hơn so với giai đoạn 2011 – 2015 cả về giá trị và hiệu quả thoái vốn<sup>48</sup>). Thông qua đó, lũy kế từ năm 2016 đến năm 2020, đã chuyển 221.700 tỷ đồng từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (Quỹ) vào NSNN (đạt 90% kế hoạch) cả giai đoạn (chưa bao gồm các nhiệm vụ chi khác từ Quỹ theo quyết định của các cơ quan có thẩm quyền), gấp 2,8 lần tổng số thu từ cổ phần hóa, thoái vốn giai đoạn 2011-2015 (khoảng 78.000 tỷ đồng) (theo Nghị quyết số 26/2016/QH14 ngày 10/11/2016 của Quốc hội thì trong giai đoạn 2016-2020, nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nộp về ngân sách nhà nước để phục vụ đầu tư trung và dài hạn là 250.000 tỷ đồng).

Công tác xử lý các dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo quyết liệt, đến nay đã có tiến triển tích cực, đạt nhiều kết quả quan trọng; tính đến hết năm 2023 đã có 08/12 dự án, doanh nghiệp đã được Bộ Chính trị đồng ý chủ trương, định hướng xử lý cụ thể; sau khi có phương án xử lý, một số dự án, doanh nghiệp có lãi, giảm lỗ lũy kế, đã đóng góp cho NSNN, giảm dư nợ trung hạn và dài hạn của các dự án/doanh nghiệp, bảo đảm duy trì việc làm, đời sống cho hàng nghìn lao động, góp phần ổn

<sup>46</sup> Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 26/6/2013; Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015; Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 6/10/2015.

<sup>47</sup> Giai đoạn 2011-2015 đã có 508 doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa với tổng giá trị thực tế là 761.861 tỷ đồng, trong đó giá trị phần vốn nhà nước là 189.378 tỷ đồng.

<sup>48</sup> Giai đoạn 2011-2015 thoái được 9.835 tỷ đồng, thu được 11.086 tỷ đồng.

định chính trị-xã hội tại địa phương<sup>49</sup>.

Cơ chế hoạt động của DNNN đã có bước đổi mới theo hướng tự chủ kinh doanh, cạnh tranh bình đẳng, công khai, minh bạch hơn. Hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh của một số DNNN được nâng lên. Từng bước tách bạch chức năng quản lý nhà nước và đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước, thành lập và đưa vào hoạt động Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Khung khổ pháp lý về cơ cấu lại DNNN ngày càng được hoàn thiện với nhiều văn bản pháp luật được ban hành hướng dẫn về các cơ chế, chính sách quản lý, sử dụng vốn, quản trị DNNN và sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước.

*(vii) Quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách*

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội<sup>50</sup>; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, cơ quan Trung ương tập trung thực hiện rà soát, tổng kết, đánh giá hiệu quả hoạt động các quỹ, đẩy nhanh hoàn thiện căn cứ pháp lý, sắp xếp, đổi mới cơ chế hoạt động, sáp nhập, giải thể các quỹ hoạt động không hiệu quả, tăng cường kiểm tra, giám sát, công khai, nâng cao hiệu quả hoạt động các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (TCNN). Các bộ, cơ quan trung ương cũng đã chủ động rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các Quỹ TCNN thuộc phạm vi quản lý; xây dựng lộ trình cơ cấu lại, sáp nhập, dừng hoạt động, hoặc giải thể đối với các quỹ hoạt động không hiệu quả, không đúng mục tiêu đề ra, hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển KTXH, trùng lặp về mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ, hoặc không có khả năng độc lập về tài chính, trùng lặp nguồn thu, nhiệm vụ chi với NSNN; rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trong việc quản lý, sử dụng các Quỹ TCNN để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

Đến cuối năm 2023, có 22 Quỹ TCNN do các Bộ, cơ quan trung ương thành lập hoặc được giao quản lý, trong đó: 20 quỹ đã đi vào hoạt động<sup>51</sup> (có 9 quỹ quy mô vốn, nguồn thu và nhiệm vụ chi lớn<sup>52</sup>, các quỹ còn lại quy mô nhỏ, phạm vi hoạt động hẹp). Từ năm 2017 (năm Luật NSNN 2015 có hiệu lực) đến

<sup>49</sup> Báo cáo số 240/BC-CP ngày 17/5/2024 của Chính phủ báo cáo kết quả công tác THTK, CLP năm 2023.

<sup>50</sup> Nghị quyết số 792/NQ-UBTVQH14 ngày 22/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý, sử dụng các quỹ TCNN ngoài ngân sách; Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về kế hoạch tài chính quốc gia vay, trả nợ công 5 năm 2021-2025.

<sup>51</sup> Gồm: Quỹ bảo hiểm xã hội, Quỹ bảo hiểm thất nghiệp, Quỹ bảo hiểm y tế, Quỹ tích lũy trả nợ, Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, Quỹ quốc gia về việc làm, Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam, Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước, Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ hỗ trợ phụ nữ nghèo, Quỹ phòng chống tội phạm trung ương, Quỹ hỗ trợ nông dân trung ương, Quỹ đền đáp nghĩa, Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam, Quỹ vắc-xin phòng chống Covid-19 và Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch.

<sup>52</sup> Gồm: Quỹ bảo hiểm xã hội; Quỹ bảo hiểm thất nghiệp; Quỹ bảo hiểm y tế; Quỹ tích lũy trả nợ; Quỹ dịch vụ viễn thông công ích; Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá; Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam; Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; Quỹ vắc-xin phòng Covid-19.

nay, đã quyết định thành lập mới 03 Quỹ TCNN do Trung ương quản lý<sup>53</sup>, đang xây dựng, hoàn thiện các thủ tục để thành lập 01 quỹ<sup>54</sup>; giải thể, sáp nhập được 6 quỹ TCNN<sup>55</sup>.

Tổng số dư đầu năm 2023 của các quỹ khoảng 1.326,1 nghìn tỷ đồng, trong đó chủ yếu là số dư của 03 quỹ<sup>56</sup> do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý (chiếm 90,5% tổng số dư các Quỹ), Quỹ tích lũy trả nợ (chiếm 8%), các quỹ còn lại chiếm tỷ trọng nhỏ dưới 2%<sup>57</sup>. Năm 2023, tổng số thu của các quỹ ước là 548,4 nghìn tỷ đồng<sup>58</sup>; tổng số chi các quỹ ước là 448,6 nghìn tỷ đồng; chênh lệch thu - chi các quỹ năm 2023 ước là 99,8 nghìn tỷ đồng; dự kiến số dư các quỹ cuối năm 2023 khoảng 1.425,9 nghìn tỷ đồng, tăng 7,5% (99,8 nghìn tỷ đồng) so cuối năm 2022, trong đó số dư của 03 quỹ do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý chiếm 91% tổng số dư các quỹ<sup>59</sup>.

*(viii) Về quản lý lao động và thời gian lao động*

- Sắp xếp tinh gọn bộ máy, quản lý biên chế, tinh giản biên chế, cải cách thủ tục hành chính đạt được nhiều kết quả tích cực. Tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị từng bước được đổi mới, sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, giảm tầng nấc trung gian. Tính đến cuối năm 2021 đã giảm 13,85% số đơn vị sự nghiệp công lập; biên chế công chức giảm 10,01%; viên chức giảm 11,12% so với năm 2015, vượt mục tiêu đề ra<sup>60</sup>.

Đến 31/12/2021, số lượng đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) trong các Bộ, ngành, địa phương là 47.744 đơn vị, giảm 7.469 đơn vị, tương ứng giảm 13,85% so với năm 2015 (55.213 đơn vị), vượt mục tiêu đề ra. Nhiều Bộ, ngành, địa phương đã chủ động rà soát, phê duyệt Đề án tự chủ đối với các ĐVSNCL thuộc phạm vi quản lý để làm cơ sở thực hiện mục tiêu có 10% ĐVSNCL tự chủ tài chính theo yêu cầu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW. Đến 31/12/2021: (1) Có 287 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (chiếm tỷ lệ 0,6%); (2) Có 2.848 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (chiếm tỷ lệ 5,9%); (3) Có 8.922 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (chiếm tỷ lệ 18,6%); (4) Có

<sup>53</sup> Gồm: Quỹ vắc-xin phòng Covid-19, Quỹ phòng chống thiên tai, Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch.

<sup>54</sup> Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

<sup>55</sup> Gồm: Quỹ bảo trì đường bộ, Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp, Quỹ hỗ trợ các hoạt động ngoại giao phục vụ kinh tế, Quỹ hỗ trợ vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, Quỹ hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS, Quỹ bảo hộ công dân và pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài.

<sup>56</sup> Gồm: Quỹ bảo hiểm xã hội chiếm khoảng 81,2%; Quỹ bảo hiểm thất nghiệp chiếm 4,5%; Quỹ bảo hiểm y tế chiếm 4,8%.

<sup>57</sup> Như: Quỹ dịch vụ viễn thông công ích (chiếm 0,54%), Quỹ quốc gia về việc làm (chiếm 0,34%), Quỹ vắc-xin phòng Covid-19 (chiếm 0,23%), Quỹ phòng chống tác hại của thuốc lá (chiếm 0,13%),...

<sup>58</sup> Trong đó, kinh phí NSNN cấp và hỗ trợ cho các quỹ là 48,4 nghìn tỷ đồng, gồm: Quỹ bảo hiểm xã hội (47,8 nghìn tỷ đồng), Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (252,5 tỷ đồng), Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia (100 tỷ đồng), Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch (201,3 tỷ đồng).

<sup>59</sup> Theo Báo cáo số 37/BC-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ kết 03 năm thực hiện Kế hoạch tài chính quốc gia 05 năm 2021-2025.

<sup>60</sup> Báo cáo 330/BC-ĐGSKH giám sát kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP giai đoạn 2016-2021

35.687 đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (chiếm tỷ lệ 74,9%). Như vậy, số ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên của Bộ, ngành, địa phương là 3.135 đơn vị, tương ứng tỷ lệ 6,6% tổng số ĐVSNCL của Bộ, ngành, địa phương<sup>61</sup>. Tính đến hết năm 2023 đã giảm 7.867 đơn vị SNCL (năm 2023 giảm 236 đơn vị), còn 46.385 đơn vị SNCL<sup>62</sup>.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 quy định về tinh giản biên chế; các bộ, ngành, địa phương chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện lộ trình tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm. Tổng số đối tượng tinh giản biên chế từ năm 2015 đến ngày 15/12/2023 là 84.140 người (Trung ương là 5.740 người, địa phương là 78.400 người); năm 2023, tổng số đối tượng tinh giản biên chế là 7.151 người (Trung ương là 146 người, địa phương là 7.005 người). Điển hình các tỉnh: An Giang 50 người, Bắc Giang 482 người, Đồng Tháp 207 người,<sup>63</sup> ...

- Công tác kiểm soát TTHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, rà soát, cắt giảm các điều kiện kinh doanh được đẩy mạnh, nhất là việc triển khai hiệu quả Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025 và Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Chỉ tính trong năm 2023, các bộ, cơ quan đã ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành 30 văn bản QPPL để cắt giảm, đơn giản hóa 341 quy định kinh doanh, đơn giản hóa 528 TTHC/1.086 TTHC (đạt 49%)<sup>64</sup>, có 05 bộ, ngành (Công an, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Bảo hiểm xã hội Việt Nam) đã hoàn thành thực thi 100% phương án đơn giản hóa TTHC, có 06 bộ (Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Quốc phòng, Giao thông vận tải) đạt tỷ lệ trên 50%. Đến nay, cả nước có 6.348 TTHC<sup>65</sup>. Kết quả xếp hạng môi trường kinh doanh của Việt Nam năm 2023 tăng 12 bậc<sup>66</sup>.

*(ix) Về THTK, CLP trong sản xuất và tiêu dùng của nhân dân*

Trong sản xuất và tiêu dùng của nhân dân, qua báo cáo kết quả tổng kết,

<sup>61</sup> Báo cáo 330/BC-ĐGSQH giám sát kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP giai đoạn 2016-2021

<sup>62</sup> Báo cáo số 240/BC-CP ngày 17/5/2024 của Chính phủ báo cáo kết quả công tác THTK, CLP năm 2023.

<sup>63</sup> Báo cáo số 240/BC-CP ngày 17/5/2024 của Chính phủ báo cáo kết quả công tác THTK, CLP năm 2023.

<sup>64</sup> Đến nay, đã cắt giảm, đơn giản hóa hơn 2.600 quy định kinh doanh tại 205 VBQPPL; Thủ tướng đã phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa hơn 1,2 nghìn quy định thuộc phạm vi quản lý của 14 bộ, cơ quan, công khai hơn 15 nghìn quy định kinh doanh đang có hiệu lực thi hành trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ và thực thi phương án phân cấp 156 TTHC tại 39 VBQPPL theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ

<sup>65</sup> trong đó 3.827 TTHC thực hiện tại bộ, cơ quan Trung ương, 1.337 TTHC thực hiện tại địa phương và 1.708 TTHC ngành dọc tại địa phương.

<sup>66</sup> Báo cáo số 240/BC-CP ngày 17/5/2024 của Chính phủ báo cáo kết quả công tác THTK, CLP năm 2023.

đánh giá thi hành Luật THTK, CLP của các địa phương cho thấy đã có sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của nhân dân về THTK, CLP. Nhiều địa phương đã tích cực đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh và THTK, CLP trong sản xuất, sinh hoạt, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Đồng thời, các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cũng được các địa phương hết sức chú trọng và cụ thể hóa bằng các hành động thiết thực như hưởng ứng chiến dịch Giờ Trái đất, thực hiện tiết kiệm nước...

Các chương trình kích cầu tiêu dùng, tháng khuyến mại tập trung được tổ chức đồng loạt ở các địa phương trên cả nước, đã góp phần đẩy nhu cầu mua sắm tăng. Công tác kết nối cung cầu được thực hiện tốt, giá cả tương đối ổn định; gắn kết tạo nguồn hàng ổn định giữa các nhà sản xuất trong nước với các hệ thống phân phối lớn trên toàn quốc. Hoạt động thương mại điện tử Việt Nam tiếp tục phát triển trở thành kênh phân phối quan trọng<sup>67</sup>. Tăng cường quản lý giá cả, bình ổn thị trường, phòng, chống nạn hàng giả, hàng nhái, gian lận thương mại, kể cả trên môi trường thương mại điện tử.

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội tiếp tục được quan tâm đầu tư, phát triển, qua đó, nhận thức về vai trò của văn hóa trong các cơ quan và đời sống xã hội ngày càng toàn diện và sâu sắc hơn; giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa dân tộc được bảo tồn và phát huy, sản phẩm văn hóa ngày càng đa dạng, phong phú. Về công tác văn hóa, xã hội, góp phần thay đổi tư duy từ “làm văn hóa” sang “quản lý nhà nước về văn hóa”. Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực văn hóa tiếp tục được quan tâm<sup>68</sup>. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” được các địa phương triển khai đồng bộ, đạt nhiều kết quả tích cực.

Trong thời gian bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, việc triển khai các hoạt động lễ hội đã được hạn chế tổ chức. Các địa phương giảm hẳn tổ chức các hoạt động lễ hội, đặc biệt là các lễ hội có số lượng lớn người dân và du khách tham gia tập trung đông người để phòng, chống dịch, qua đó, cũng cắt giảm được đáng kể nguồn kinh phí. Sau thời gian dài chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, từ đầu năm 2022, các tỉnh/thành trên cả nước đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa nghệ thuật sôi nổi, phục vụ các nhiệm vụ chính trị và nhu cầu hưởng thụ văn hóa, nghệ thuật nhân dân trong điều kiện cả nước bước vào giai đoạn bình

<sup>67</sup> Năm 2022, quy mô thị trường TMĐT bán lẻ Việt Nam ước đạt 16,4 tỷ USD, chiếm 7,5% doanh thu hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng của cả nước.

<sup>68</sup> Chính phủ đã ban hành các Nghị định: quy định chi tiết Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; quy định về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; quy định về Khung tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”; quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể và tiếp tục chỉ đạo triển khai xây dựng Dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi); đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo;...

thường mới, đặc biệt là trong các dịp lễ, kỷ niệm lớn của đất nước.

#### 4. Về việc thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP

Công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường và đạt nhiều kết quả tích cực. Trong công tác xây dựng định hướng chương trình thanh tra, kế hoạch thanh tra hàng năm, đã lồng ghép nội dung thanh tra THTK,CLP vào nội dung thanh tra trách nhiệm, thanh tra hành chính. Nội dung thanh tra, kiểm tra tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm, như: đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý tài chính ngân sách,... nhằm phát hiện, ngăn chặn và phòng ngừa các hành vi thất thoát, lãng phí. Qua đó đã phát hiện nhiều vi phạm trong quản lý, sử dụng nguồn vốn nhà nước, tài sản nhà nước và quản lý, sử dụng lao động. Đã kịp thời thu hồi được nhiều tài sản, kinh phí nhà nước và xử lý nghiêm các vi phạm.

Chỉ tính trong giai đoạn 2016-2021, Thanh tra Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương đã triển khai 48.947 cuộc thanh tra, kiểm tra THTK,CLP hoặc có nội dung liên quan THTK,CLP tại 73.253 đơn vị. Qua thanh tra, kiểm tra phát hiện vi phạm về kinh tế 150.167 tỷ đồng, 63.200 ha đất, trong đó: kiến nghị thu hồi 71.790 tỷ đồng, 31.287 ha đất; kiến nghị xử lý khác 78.377 tỷ đồng, 31.913 ha đất; kiến nghị xử lý hành chính trực tiếp đối với 12.416 tổ chức, 42.455 cá nhân; kiến nghị trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị về xử lý hành chính 1.853 người, xử lý hình sự 53 người; kiến nghị chuyên cơ quan điều tra 330 vụ, 431 đối tượng; chấn chỉnh quản lý, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật trên nhiều lĩnh vực<sup>69</sup>. Toàn ngành Thanh tra đã đôn đốc thực hiện 49.440 kết luận thanh tra, kiểm tra; đã hoàn thành 47.793 kết luận (đạt tỷ lệ 97%)<sup>70</sup>.

Đặc biệt, các bộ, ngành, địa phương đã tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật về THTK, CLP theo Nghị quyết 74/2022/QH15 của Quốc hội. Trong công tác xây dựng định hướng chương trình, kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm đã lồng ghép nội dung thanh tra, kiểm tra THTK, CLP vào nội dung thanh tra, kiểm tra trách nhiệm, hành chính<sup>71</sup>. Trong đó, chú trọng lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng, tài chính công, tài nguyên, khoáng sản... với tinh thần quyết liệt, sai đến đâu kiến nghị xử lý tới đó, áp dụng kịp thời các biện pháp theo thẩm quyền nhằm phát hiện, ngăn chặn, phòng ngừa, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, tham nhũng, tiêu cực, lãng

<sup>69</sup> Báo cáo 330/BC-ĐGSQH giám sát kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP giai đoạn 2016-2021

<sup>70</sup> Báo cáo 330/BC-ĐGSQH giám sát kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP giai đoạn 2016-2021

<sup>71</sup> Năm 2023 Thanh tra Bộ Tài chính đã thực hiện thanh tra việc chấp hành pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại 03 tỉnh, thành phố: Bắc Ninh, Hải Dương, Hải Phòng. Qua thanh tra đã kiến nghị các địa phương chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc tổ chức, triển khai, thực hiện Luật THTK, CLP và Chương trình tổng thể về THTK, CLP của Chính phủ. Theo Quyết định số 2626/QĐ-BTC ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2024 của Bộ Tài chính, Thanh tra Bộ Tài chính sẽ thực hiện thanh tra việc chấp hành pháp luật về THTK, CLP đối với 03 tỉnh: Ninh Bình, Hưng Yên và Thái Nguyên.

phí; thu hồi tiền, tài sản nhà nước do các tổ chức, cá nhân, cơ quan, đơn vị gây ra. Trong năm 2023, ngành Thanh tra cả nước đã triển khai 7.689 cuộc thanh tra hành chính và 193.774 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành (đã lồng ghép nội dung thanh tra THPTK, CLP vào nội dung thanh tra trách nhiệm, thanh tra hành chính); phát hiện vi phạm về kinh tế 257.703 tỷ đồng, 616 ha đất; kiến nghị thu hồi 188.607 tỷ đồng (trong đó thu hồi về NSNN 57.397 tỷ đồng, thu hồi về tổ chức, đơn vị 131.209 tỷ đồng) và thu hồi 166 ha đất; xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán do chưa thực hiện đúng quy định và đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét xử lý 69.096 tỷ đồng, 450 ha đất; ban hành 126.158 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân, với số tiền 6.452 tỷ đồng; kiến nghị xem xét, xử lý hành chính đối với 7.524 tập thể và 7.944 cá nhân; chuyên cơ quan điều tra xem xét, xử lý 497 vụ, 490 đối tượng; kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý, hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật trên nhiều lĩnh vực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý, sử dụng NSNN, tài sản công, vốn nhà nước,... Tập trung đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện 8.691 kết luận thanh tra và quyết định xử lý về thanh tra, thu hồi 2.350 tỷ đồng (đạt tỷ lệ 64,1%), 32.523 ha đất; xử lý hành chính 7.972 tổ chức, 9.735 cá nhân; chuyên cơ quan điều tra 152 vụ, 201 đối tượng; khởi tố 18 vụ, 30 đối tượng; ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ 332 văn bản về cơ chế, chính sách, pháp luật<sup>72</sup>.

### 5. Về việc công khai THPTK, CLP

Theo báo cáo của các Bộ ngành, địa phương thì việc công khai THPTK, CLP theo quy định tại Luật và Nghị định số 84/2014/NĐ-CP đã được các cơ quan, đơn vị quan tâm thực hiện, đảm bảo nguyên tắc cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin phải công khai và phù hợp với đối tượng tiếp nhận thông tin công khai; tuân thủ các quy định về nội dung, thời hạn và hình thức công khai.

Đối với các lĩnh vực THPTK, CLP, việc công khai được thực hiện thống nhất theo các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan. Việc công khai Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kết quả thực hành tiết kiệm; hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí đã được các cơ quan, đơn vị chủ động thực hiện theo một trong các hình thức như: Công bố tại cuộc họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức; Đưa lên Trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử (nếu có) của cơ quan, tổ chức; Thông báo trên các ấn phẩm báo chí của cơ quan, tổ chức hoặc trên phương tiện thông tin đại chúng.

Nhận định chung cho thấy, các Bộ, ngành địa phương đã nhận thức được về trách nhiệm trong việc công khai THPTK, CLP, làm tiền đề, cơ sở để các cơ quan, tổ chức và nhân dân thực hiện giám sát về THPTK, CLP, tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị nói chung và trong công tác THPTK, CLP nói riêng.

<sup>72</sup> Báo cáo số 240/BC-CP ngày 17/5/2024 của Chính phủ báo cáo kết quả công tác THPTK, CLP năm 2023.



## **6. Về phát hiện lãng phí và trách nhiệm xử lý thông tin phát hiện lãng phí**

Quy định về phát hiện lãng phí và trách nhiệm xử lý thông tin phát hiện lãng phí tại Luật THTK, CLP đã tạo cơ chế khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia phát hiện và cung cấp kịp thời các thông tin về lãng phí góp phần ngăn chặn lãng phí cũng như để xác định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc để xảy ra lãng phí.

Thực hiện các quy định tại Luật THTK, CLP, trong thời gian qua, các Bộ, ngành, địa phương đã nghiêm túc thực hiện việc xử lý thông tin phát hiện lãng phí, qua đó đã thu hồi tiền, tài sản về cho Nhà nước và xử lý các tổ chức, cá nhân có liên quan. Cụ thể như: tại TP Hải Phòng trong năm 2017 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp nhận thông tin và xử lý 01 vụ việc xảy ra lãng phí, tiến hành xử lý với hình thức kỷ luật và thu về ngân sách nhà nước 357.925.000 đồng<sup>73</sup>; tại Bắc Kạn, đã tiếp nhận thông tin phát hiện lãng phí 12 vụ việc, tiến hành xử lý hành chính 15 người, xử lý kỷ luật 02 người, số tiền bồi thường thiệt hại thu được là 414,131 triệu đồng<sup>74</sup>; Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã tiếp nhận 01 thông tin phát hiện lãng phí, tiến hành xử lý xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 15.000.000 đồng<sup>75</sup>.

## **7. Về khen thưởng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

Qua báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương thấy rằng, kể từ khi Luật THTK, CLP năm 2013 có hiệu lực thi hành, các cơ quan, đơn vị đã quan tâm, biểu dương các tấm gương người tốt, việc tốt, có đóng góp trong công tác THTK, CLP.

Công tác thi đua, khen thưởng về THTK, CLP thường gắn với công tác thi đua, khen thưởng hàng năm và các đợt phát động thi đua, khen thưởng theo chuyên đề. Kết quả THTK, CLP hàng năm được xem là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại thi đua khen thưởng và đánh giá kết quả hoạt động của các phong trào.

Qua các đợt phát động đã kịp thời phát hiện, tuyên dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân làm tốt công tác THTK, CLP, xử lý kịp thời đối với các hành vi lãng phí, vi phạm các quy định về THTK, CLP. Nguồn kinh phí dùng để khen thưởng chủ yếu được lấy từ kinh phí Quỹ khen thưởng và nguồn kinh phí được giao tự chủ của các cơ quan, đơn vị. Kết quả cụ thể tại một số Bộ, ngành, địa phương như: tại Bến Tre, tỉnh đã biểu dương, khen thưởng đối với 01 cá nhân có thành tích trong thực hiện quy định về phòng chống tham nhũng,

<sup>73</sup> Báo cáo số 336/BC-UBND ngày 18/11/2022 của UBND TP Hải Phòng

<sup>74</sup> Báo cáo số 670/BC-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn

<sup>75</sup> Báo cáo kèm theo công văn số 350/LĐTĐ-BXH-KHTC ngày 10/02/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

THTK, CLP với tổng số tiền khen thưởng là 11,5 triệu đồng từ nguồn ngân sách nhà nước<sup>76</sup>; tại Đà Nẵng, đã khen thưởng về THTK, CLP đối với 44 tập thể, cá nhân (28 tập thể, 03 cá nhân Bằng khen Thủ tướng Chính phủ; 07 tập thể, 06 cá nhân Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố) từ nguồn Quỹ thi đua khen thưởng với tổng số tiền là 330.585.000 đồng<sup>77</sup>.

### 8. Về báo cáo kết quả THTK, CLP

Qua báo cáo triển khai thi hành Luật THTK, CLP của các Bộ, ngành, địa phương thấy rằng, về cơ bản các Bộ, ngành, địa phương đều nghiêm túc thực hiện các quy định về báo cáo kết quả THTK, CLP theo đúng quy định của Luật THTK, CLP và Nghị định số 84/2014/NĐ-CP. Các báo cáo gửi về Bộ Tài chính để tổng hợp chung kể từ sau năm 2019 đã cơ bản đúng hạn và đầy đủ các nội dung theo yêu cầu, trong đó có việc đánh giá kết quả THTK, CLP trong chi thường xuyên theo quy định tại Thông tư số 127/2017/TT-BTC quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên.

Báo cáo kết quả THTK, CLP của một số bộ, ngành, địa phương đã đi sâu phân tích khá đầy đủ kết quả THTK, CLP đạt được, thẳng thắn chỉ ra những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân để khắc phục, đồng thời đề xuất các phương hướng nhiệm vụ của công tác THTK, CLP cho năm sau.

### III – MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, trong thời gian qua việc thi hành Luật THTK, CLP cũng đã bộc lộ một số hạn chế, tồn tại nhất định, thể hiện ở 02 nhóm sau: (i) Tồn tại, hạn chế trong chính các quy định của Luật; (ii) Tồn tại, hạn chế trong khâu tổ chức thi hành Luật.

#### 1. Tồn tại, hạn chế trong các quy định của Luật THTK, CLP

*Thứ nhất*, các khái niệm "tiết kiệm", "lãng phí", "hành vi gây lãng phí" còn chưa rõ ràng, chưa bao quát hết các trường hợp, hành vi phát sinh trên thực tiễn.

Luật THTK, CLP 2013 đã đưa ra các khái niệm về "tiết kiệm"<sup>78</sup>, "lãng phí"<sup>79</sup> tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 của Luật. Tuy nhiên, nhiều ý kiến cho rằng

<sup>76</sup> Báo cáo số 549/BC-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh Bến Tre

<sup>77</sup> Báo cáo số 6063/UBND-STC ngày 08/11/2022 của UBND thành phố Đà Nẵng

<sup>78</sup> Tiết kiệm là việc giảm bớt hao phí trong sử dụng vốn, tài sản, lao động, thời gian lao động và tài nguyên nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã định. Đối với việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên ở những lĩnh vực đã có định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì tiết kiệm là việc sử dụng ở mức thấp hơn định mức, tiêu chuẩn, chế độ nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã định hoặc sử dụng đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ nhưng đạt cao hơn mục tiêu đã định.

<sup>79</sup> Lãng phí là việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản, lao động, thời gian lao động và tài nguyên không hiệu quả. Đối với lĩnh vực đã có định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì lãng phí là việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ hoặc không đạt mục tiêu đã định.

các khái niệm này khó áp dụng trên thực tiễn để xác định từng trường hợp là tiết kiệm hay lãng phí, đặc biệt là trong các lĩnh vực không có tiêu chuẩn, định mức, chế độ. Đồng thời, bản thân nội hàm của từng khái niệm cũng chưa thật sự rõ ràng thống nhất, ví dụ: Khái niệm chung xác định tiết kiệm là giảm bớt hao phí trong sử dụng các nguồn lực nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã định nhưng trong một số lĩnh vực cụ thể thì kể cả trường hợp sử dụng đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ (không giảm bớt hao phí trong sử dụng nguồn lực) nhưng đạt cao hơn mục tiêu đã định cũng được xác định là tiết kiệm (về bản chất đây là đánh giá về hiệu quả).

Luật THTK, CLP 2013 cũng đã có quy định cụ thể các hành vi gây lãng phí trong một số lĩnh vực bao gồm: (i) lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ, giao dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; (ii) mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại, phương tiện, thiết bị làm việc và phương tiện thông tin, liên lạc; (iii) đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng; (iv) quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên; (v) quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước; (vi) quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Tuy nhiên, chưa bao quát hết một số hành vi gây lãng phí trên thực tế như các hành vi gây lãng phí trong việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, hành vi gây lãng phí trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công...; chưa có sự phân biệt giữa hành vi gây lãng phí và hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí; một số hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí lại chưa được quy định tại Luật như hành vi không ban hành hoặc chậm ban hành tiêu chuẩn, định mức, chế độ trong từng lĩnh vực làm cơ sở để thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí; không rà soát để sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, định mức, chế độ thuộc ngành lĩnh vực không còn phù hợp với thực tế; chậm/không ban hành các Chương trình THTK, CLP trong từng lĩnh vực; không thực hiện việc đánh giá hiệu quả, đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí được giao...

Mặt khác, việc quy định quá cụ thể các hành vi gây lãng phí như tại Luật THTK, CLP hiện hành có thể dẫn đến việc chậm/không xử lý được các hành vi gây lãng phí mới phát sinh trên thực tế trong từng thời kỳ, thường xuyên phải sửa đổi Luật, không đảm bảo tính ổn định lâu dài của văn bản.

*Thứ hai*, còn thiếu các quy định về chế tài xử lý đủ mạnh để răn đe, phòng ngừa các trường hợp lãng phí có thể xảy ra. Chế tài xử lý đối với các trường hợp có hành vi vi phạm trong lĩnh vực TK, CLP tại Luật THTK, CLP hiện hành mới chỉ ở mức dẫn chiếu đến các quy định về xử phạt vi phạm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự và xử lý kỷ luật theo quy định pháp luật chuyên ngành. Theo đó, chưa có các quy định riêng về xử lý kỷ luật tương ứng với từng hành vi vi phạm, đặc biệt là vi phạm của người đứng đầu cơ quan, tổ

chức, đơn vị.

**Thứ ba** Luật TK, CLP hiện hành chưa có quy định về việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia công khai về tiết kiệm, chống lãng phí để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể, nhân dân thực hiện giám sát, kiểm tra phát hiện lãng phí.

Tại khoản 5 Điều 4 Luật TK, CLP hiện hành đã quy định cụ thể nguyên tắc tiết kiệm, chống lãng phí là “*bảo đảm vai trò giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Nhân dân trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí*”. Tuy nhiên, lại chưa có thêm các cơ chế để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Nhân dân có điều kiện tham gia giám sát tiết kiệm, chống lãng phí.

**Thứ tư**, còn thiếu các cơ chế khuyến khích tổ chức, cá nhân, người lao động sẵn sàng và thực sự tham gia có trách nhiệm đối với công tác tiết kiệm, chống lãng phí.

Luật THPT, CLP năm 2013 đã có một số quy định về khen thưởng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tuy nhiên, thực tế triển khai cho thấy các quy định này là chưa đủ mạnh để khuyến khích tổ chức, cá nhân thực sự tham gia vào công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chưa trở thành văn hóa, mong muốn của người lao động.

Bên cạnh đó, thực tế vẫn còn tình trạng một bộ phận cán bộ, công chức có tâm lý né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, sơ sai không dám làm do điểm nghẽn, nút thắt trong cơ chế, chính sách, tập trung vào những vấn đề chưa được quy định hoặc đã có quy định nhưng không phù hợp với thực tiễn dẫn tới lãng phí các nguồn lực của nền kinh tế, chậm triển khai nhiệm vụ, đề án, dự án làm mất cơ hội, chậm sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Luật THPT, CLP hiện hành chưa có các quy định để góp phần bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung theo Kết luận số 14-KL/TW ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Ban chấp hành Trung ương.

**Thứ năm**, cơ chế Chương trình TK, CLP hiện hành đã phát sinh một số điểm chưa phù hợp, cụ thể:

+ Luật TK, CLP hiện hành còn thiếu các quy định để tổ chức triển khai TK, CLP trong dài hạn, tương xứng với mức độ quan trọng của công tác phòng chống lãng phí (hiện hành mới chỉ quy định Chính phủ ban hành Chương trình TK, CLP theo giai đoạn 5 năm, chưa có quy định về việc ban hành Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí).

+ Việc quy định các Bộ, ngành, địa phương phải chờ Chương trình tổng thể về TK, CLP hàng năm của Chính phủ mới ban hành Chương trình TK, CLP của ngành, lĩnh vực, địa phương mình làm giảm tính chủ động của các Bộ ngành, địa phương đối với công tác này trong khi thực tế Chính phủ đã có Chương trình

tổng thể về TK, CLP cho cả giai đoạn, từng Bộ, ngành, địa phương trên cơ sở theo dõi đã nắm bắt được các vấn đề bất cập, các điểm nóng về lãng phí của ngành, lĩnh vực của địa phương mình để có các giải pháp xử lý phù hợp.

*Thứ sáu*, một số quy định tại Luật TK, CLP không còn đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các quy định pháp luật chuyên ngành.

Kể từ khi Luật TK, CLP năm 2013 được ban hành và có hiệu lực (1/7/2014), Quốc hội đã ban hành nhiều Luật mới có liên quan, trong đó có nhiều luật chuyên ngành được ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung như Luật Ngân sách nhà nước (năm 2015), Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (năm 2017), Luật Đầu tư công (năm 2014 và năm 2019), Luật Tài nguyên môi trường biển và hải đảo (năm 2015), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức (năm 2019) theo đó, đã có nhiều sự thay đổi cả về khái niệm cũng như chính sách trong từng lĩnh vực. Chính vì vậy đã làm cho một số quy định tại Luật TK, CLP không còn phù hợp, chưa đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các quy định pháp luật chuyên ngành.

Mặt khác, một số quy định hiện tại của Luật TK, CLP về tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực chủ yếu đưa ra một số nguyên tắc chung đối với việc quản lý, sử dụng các nguồn lực (vốn, tài sản, tài nguyên, nguồn nhân lực...) trùng lặp với quy định cụ thể tại các Luật chuyên ngành. Do đó, cần thiết phải rà soát với các Luật có liên quan để làm rõ mối quan hệ giữa Luật TK, CLP và các Luật này, đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp đồng thời đảm bảo hiệu quả của công tác TK, CLP.

## **2. Một số tồn tại, hạn chế về công tác triển khai thi hành Luật**

*Thứ nhất*, một số bộ, ngành địa phương chưa thực sự tự giác trong việc xây dựng các giải pháp để triển khai việc TK, CLP trong lĩnh vực, phạm vi được giao quản lý. Công tác tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật về TK, CLP có nơi còn chưa được chú trọng, chủ yếu thực hiện lồng ghép với các hoạt động tuyên truyền khác, nên hiệu quả chưa cao. Trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các biện pháp TK, CLP có nơi, có lúc chưa được đề cao. Công tác giám sát của các cơ quan dân cử, của các tổ chức xã hội và hiệp hội nghề nghiệp, nhất là giám sát của nhân dân chưa được phát huy, hiệu quả thấp.

*Thứ hai*, một số bộ ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty chưa tuân thủ nghiêm quy định về thời hạn lập, gửi Chương trình và Báo cáo kết quả TK, CLP; nội dung một số báo cáo chưa đánh giá đầy đủ kết quả TK, CLP, chưa đánh giá so sánh với chỉ tiêu đề ra, một số đánh giá còn chung chung, ảnh hưởng đến công tác tổng hợp, báo cáo... Tại báo cáo số 330/BC-ĐGS của Đoàn Giám sát Quốc hội khóa XV đã cũng đã chỉ ra tồn tại, hạn chế trong công tác xây dựng Chương trình, báo cáo kết quả TK, CLP như sau: "*Công tác tham mưu, xây dựng, ban hành Chương trình tổng thể THPT,CLP của Chính phủ và Chương*

*trình THTK, CLP 5 năm và hằng năm của các bộ, ngành, địa phương, các cấp, các ngành còn chậm theo quy định tại Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 8/4/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THTK, CLP; thậm chí một số bộ, ngành, địa phương không ban hành Chương trình một số năm theo quy định."*

*Thứ ba*, việc thực hiện công khai TK, CLP tại một số cơ quan, đơn vị còn chưa đảm bảo về thời gian cũng như nội dung, hình thức theo quy định làm hạn chế hiệu quả công tác theo dõi, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền, các tổ chức và người dân; chưa kịp thời tuyên dương, khen thưởng người thực hiện tiết kiệm hoặc phát hiện lãng phí làm cho việc tuân thủ các quy định của pháp luật còn chưa nghiêm, ảnh hưởng lớn tới hiệu quả của công tác chống lãng phí.

*Thứ tư*, công tác thanh tra, kiểm tra về TK, CLP tại các cấp các ngành chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục và có hiệu quả; kết quả xử lý các hành vi vi phạm về TK, CLP chưa rõ nét.

### **3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

Qua đánh giá sau hơn 10 năm thực hiện Luật TK, CLP, kết quả thực hiện tiết kiệm đã khá rõ nét, song lãng phí vẫn còn bức xúc, chưa đáp ứng được yêu cầu thực thi Luật là do những nguyên nhân sau:

#### *a) Nguyên nhân khách quan*

Nền kinh tế ngày càng hội nhập sâu, rộng, độ mở của nền kinh tế lớn trong điều kiện kinh tế toàn cầu có nhiều biến động nhanh, khó lường, gây khó khăn cho khả năng phân tích, dự báo, khả năng cạnh tranh và tính tự chủ. Tác động của dịch bệnh, nhất là đại dịch Covid-19, thiên tai, biến đổi khí hậu có xu hướng ngày càng nghiêm trọng, xảy ra trên quy mô lớn. Do đó, cũng ảnh hưởng đến việc TK, CLP trong các lĩnh vực.

#### *b) Nguyên nhân chủ quan*

*Thứ nhất*, nhận thức, ý thức về TK, CLP có lúc, có nơi còn hình thức, chiếu lệ; chống lãng phí chưa được xác định là khâu trọng tâm, then chốt để có giải pháp quyết liệt nên hiệu quả phòng chống lãng phí không đáp ứng được yêu cầu.

*Thứ hai*, chính sách, pháp luật quản lý kinh tế xã hội trên nhiều lĩnh vực vẫn còn thiếu chặt chẽ, đồng bộ, chưa phù hợp với thực tiễn. Một số bất cập trọng cơ chế, chính sách tuy đã được phát hiện nhưng còn chậm được sửa đổi, bổ sung, chưa đáp ứng yêu cầu. Hệ thống định mức kinh tế, kỹ thuật và tiêu chuẩn, chế độ trong việc sử dụng vốn và tài sản công đã được cập nhật, sửa đổi, bổ sung khá thường xuyên tuy nhiên vẫn còn chưa sát với thực tế dẫn đến ý thức chấp hành còn hạn chế, thực hiện chưa nghiêm, gây lãng phí vốn và tài sản nhà

nước trong nhiều lĩnh vực.

*Thứ ba*, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đôn đốc thực hiện trong thực thi công vụ còn hạn chế, chưa phát huy hết hiệu quả, chưa gắn với việc xử lý, biểu dương, khen thưởng một cách kịp thời.

*Thứ tư*, sự phối hợp giữa các cơ quan ở cả trung ương, địa phương nhiều trường hợp còn chưa chặt chẽ, không kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh.

#### IV – ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN LUẬT THTK, CLP

##### 1. Chủ trương, định hướng của Đảng, Quốc hội về hoàn thiện pháp luật về THTK, CLP

- Tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng đã xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ Đại hội XIII là *"Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, "lợi ích nhóm", những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ."*

- Tại Thông báo kết luận của Bộ Chính trị số 12-TB/TW ngày 06/4/2022 về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã đặt ra nhiệm vụ trọng tâm là: *"sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật Thanh tra, Luật Thực hành dân chủ ở xã, phường, thị trấn, Luật Tiếp công dân và các dự án luật khác liên quan trực tiếp đến phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực."*

- Tại điểm 2 Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, trong đó có nhiệm vụ: *"Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo hướng lấy tiết kiệm là mục tiêu, chống lãng phí là nhiệm vụ, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi; tập trung xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu; quy định cụ thể hành vi vi phạm, hình thức xử lý; chú trọng các lĩnh vực dễ xảy ra thất thoát, lãng phí tài sản công như đấu thầu, đấu giá, quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, tín dụng, quản lý tài sản công, đầu tư công, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp."*

- Tại Bài viết "Chống lãng phí" của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Tô Lâm đã xác định một trong các giải pháp trọng tâm là: *"tập trung hoàn thiện và tổ chức triển khai có hiệu quả thể chế phòng, chống lãng phí; xử lý nghiêm các cá nhân, tập thể có hành vi, việc làm gây thất thoát, lãng phí tài sản công. Ban hành quy định của Đảng nhận diện cụ thể những biểu hiện lãng phí"*

*trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên; quy định vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác phòng, chống lãng phí; xây dựng và tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí. Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo hướng tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, đồng bộ cho giám sát, kiểm tra, phát hiện, xử lý mạnh, có tính răn đe cao đối với các hành vi lãng phí; xây dựng cơ chế thực sự hữu hiệu cho giám sát, phát hiện lãng phí của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân.”*

- Tại Nghị quyết số 74/2022/QH15 của Quốc hội về tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP đặt ra nhiệm vụ trước năm 2025 phải đề xuất sửa Luật THTK, CLP.

- Tại Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14/4/2023 về thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 của Quốc hội về tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP, Chính phủ đã giao Bộ Tài chính chủ trì rà soát, tổng kết và đề xuất sửa đổi Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với thời hạn thực hiện, hoàn thành là 2023-2025 (điểm 6.1 Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-CP).

Theo đó, việc nghiên cứu sửa đổi Luật THTK, CLP là cần thiết và đảm bảo chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước.

## **2. Mục đích, quan điểm xây dựng chính sách**

### **2.1. Mục đích xây dựng chính sách**

Xây dựng khung khổ pháp lý về TK, CLP rõ ràng, hiệu quả, đảm bảo các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng các nguồn lực của đất nước nhận thức rõ hơn vai trò, tầm quan trọng của công tác TK, CLP, thực sự tham gia có trách nhiệm vào công tác này. Từ đó, phát huy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác TK, CLP, công tác quản lý, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế đưa đất nước tiến vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

### **2.2. Quan điểm xây dựng chính sách**

*Một là* bám sát chủ trương, đường lối, quan điểm đã được xác định trong Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về việc tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; Kết luận số 12-KL/TW ngày 6 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.



*Hai là bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất đồng bộ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL). Xác định rõ phạm vi, nguyên tắc áp dụng pháp luật trong Luật TK, CLP (sửa đổi) để tránh chồng chéo, mâu thuẫn, nâng cao hiệu quả công tác TK, CLP.*

*Ba là kế thừa, phát huy và hoàn thiện những quy định tại Luật TK, CLP còn phù hợp với thực tiễn. Đồng thời sửa đổi, bổ sung những quy định chưa rõ, còn bất cập, chưa thống nhất. Loại bỏ những quy định không còn phù hợp, chồng chéo, vướng mắc.*

### **3. Các đề xuất hoàn thiện chính sách**

**3.1. Hoàn thiện các quy định liên quan đến nhận diện “tiết kiệm”, “lãng phí”, “hành vi gây lãng phí” và “hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí”.**

- Cụ thể hóa khái niệm “tiết kiệm”, “lãng phí” làm căn cứ định hướng xây dựng các quy định có liên quan tại Luật TK, CLP, đặc biệt là các quy định liên quan đến xác định “hành vi gây lãng phí”. Theo đó, sửa đổi lại khái niệm “tiết kiệm”, “lãng phí” theo hướng:

+ “*Tiết kiệm là việc sử dụng ở mức thấp hơn định mức, tiêu chuẩn, chế độ nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã định trong các lĩnh vực quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên, năng lượng, các nguồn lực khác của nền kinh tế*”.

+ “*Lãng phí là việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên, năng lượng, các nguồn lực khác của nền kinh tế vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc việc quản lý, sử dụng không hiệu quả, không đạt được mục tiêu đã định hoặc tạo rào cản phát triển kinh tế, xã hội, bỏ lỡ thời cơ phát triển của đất nước*”.

Nội dung sửa đổi khái niệm vừa đảm bảo xác định rõ ràng các tiêu chí để xác định “tiết kiệm”, “lãng phí”, vừa đảm bảo tính bao quát, phù hợp với cả trường hợp lĩnh vực có hoặc không có quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ.

- Quy định cụ thể tại Luật các nhóm “hành vi gây lãng phí” và các “hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí”. Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết các hành vi gây lãng phí trong từng lĩnh vực; giao các Bộ ngành theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm ban hành các quy định cụ thể về xác định hành vi gây lãng phí (về tiêu chí, mức độ của hành vi) đảm bảo rõ ràng, rõ tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm đối với từng hành vi.

- Hành vi gây lãng phí bao gồm các nhóm hành vi sau:

(1) Hành vi gây lãng phí trong lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ, giao dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước;

(2) Hành vi gây lãng phí trong đầu tư xây dựng, mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công, nhà ở thuộc tài sản công;

(3) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, năng lượng;

(4) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước;

(5) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

(6) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công (*hành vi bổ sung mới*).

(7) Hành vi gây lãng phí các nguồn lực khác của nền kinh tế theo quy định của Chính phủ (*hành vi bổ sung mới*).

Giao Chính phủ quy định chi tiết các hành vi gây lãng phí trong từng lĩnh vực.

Giao các Bộ ngành theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm ban hành các quy định cụ thể để xác định hành vi gây lãng phí (tiêu chí, mức độ của hành vi).

- Hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng chống lãng phí bao gồm:

(1) Hành vi vi phạm trong ban hành, thực hiện và kiểm tra định mức, tiêu chuẩn, chế độ;

(2) Hành vi vi phạm trong ban hành các Chương trình TK, CLP (*hành vi bổ sung mới*);

(3) Hành vi vi phạm trong thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ, chỉ tiêu, yêu cầu TK, CLP đã ban hành (*hành vi bổ sung mới*);

(4) Hành vi vi phạm trong báo cáo kết quả công tác TK, CLP (*hành vi bổ sung mới*);

(5) Hành vi vi phạm trong công khai về tiết kiệm, chống lãng phí (*hành vi bổ sung mới*);

(6) Hành vi vi phạm trong việc lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trước khi quyết định đối với các biện pháp TK, CLP tại cơ quan, đơn vị (*hành vi bổ sung mới*);

(7) Hành vi cản trở việc thanh tra, kiểm tra, giám sát TK, CLP của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (*hành vi bổ sung mới*);

(8) Hành vi bao che, cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong xử lý khiếu nại, tố cáo, xử lý người vi phạm pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí;

Nội dung sửa đổi đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc Luật được xây dựng là Luật khung, quy định cụ thể rõ ràng nhóm hành vi gây lãng phí để đảm bảo tính ổn định của Luật trong thời gian dài. Trên cơ sở nhóm hành vi quy định tại Luật, Chính phủ sẽ quy định chi tiết danh sách các hành vi gây lãng phí trong từng lĩnh vực và có thể bổ sung thêm để kịp thời điều chỉnh các hành vi gây lãng phí mới phát sinh từng thời kỳ. Các Bộ, ngành chịu trách nhiệm quy định chi tiết cụ thể hóa các tiêu chí, điều kiện để xác định hành vi gây lãng phí dựa trên cơ sở các nguyên tắc, quy định cơ bản tại Luật và Nghị định đảm bảo rõ ràng, rõ tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm đối với từng hành vi. Đồng thời, tại dự thảo Luật đã bổ sung thêm một số hành vi vi phạm trong thực tiễn tổ chức thực hiện phòng chống lãng phí để làm cơ sở xem xét, xử lý trách nhiệm của các tổ chức cá nhân có liên quan đối với công tác này như là: (i) Hành vi vi phạm trong ban hành các Chương trình TK, CLP; (ii) Hành vi vi phạm trong thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ, chỉ tiêu, yêu cầu TK, CLP đã ban hành; (iii) Hành vi vi phạm trong báo cáo kết quả công tác TK, CLP; (iv) Hành vi vi phạm trong công khai về tiết kiệm, chống lãng phí; (v) Hành vi vi phạm trong việc lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trước khi quyết định đối với các biện pháp TK, CLP tại cơ quan, đơn vị; (vi) Hành vi cản trở việc thanh tra, kiểm tra, giám sát TK, CLP của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

**3.2** Tiếp tục hoàn thiện quy định về chế tài xử lý đối với *“hành vi gây lãng phí”* và *“hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí”*.

Kế thừa các quy định hiện hành về việc tùy thuộc vào hành vi vi phạm mà tổ chức, cá nhân thực hiện mà có thể áp dụng các chế tài về xử phạt vi phạm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự và xử lý kỷ luật theo pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức tương ứng.

Bổ sung quy định giao Chính phủ quy định cụ thể việc áp dụng các hình thức kỷ luật trong trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người đứng đầu cơ quan tổ chức đơn vị có các *“hành vi gây lãng phí”* và *“hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí”*.

Việc giao Chính phủ quy định cụ thể nội dung này cũng đảm bảo đồng bộ, thống nhất về thẩm quyền theo pháp luật về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, tương đồng với quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng, đảm bảo rõ ràng, công khai, minh bạch khi áp dụng trên thực tiễn.

**3.3.** Bổ sung cơ sở để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể, nhân dân thực hiện giám sát, kiểm tra, phát hiện lãng phí thông qua việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia công khai về tiết kiệm, chống lãng phí.

Bổ sung tại Luật TK, CLP quy định nguyên tắc về việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP công khai làm cơ sở theo dõi, quản lý, kiểm tra, giám sát chặt chẽ các nguồn lực của nền kinh tế.

Trên cơ sở nguyên tắc cho phép xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP được quy định tại Luật, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông đề trình Chính phủ bổ sung các quy định cụ thể về cơ sở dữ liệu quốc gia về TK, CLP cho phù hợp (Cơ quan chủ quản, Mục tiêu xây dựng;...).

Việc bổ sung chính sách cho phép xây dựng cơ sở dữ liệu về TK, CLP công khai là công cụ hữu hiệu, nhanh nhất để các tổ chức cá nhân thực hiện quyền giám sát, kiểm tra và phát hiện lãng phí hiệu quả nhất bên cạnh các phương thức thực hiện giám sát, kiểm tra đã có theo quy định pháp luật hiện hành.

3.4. Tiếp tục hoàn thiện chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia có trách nhiệm vào công tác tiết kiệm chống lãng phí, trong đó có người lao động, người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý, viên chức quản lý, người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có tư duy đổi mới, sáng tạo, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

Theo đó, cần thiết nghiên cứu sửa đổi Luật THTK, CLP theo hướng:

- Bổ sung quy định cho phép doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được trích lại một tỷ lệ % nhất định phần lợi nhuận vượt mức kế hoạch để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp và trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên. Chính phủ quy định chi tiết việc trích lại để lập các Quỹ.

- Bổ sung các quy định cho phép: (i) Cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; viên chức quản lý trong các đơn vị sự nghiệp công lập; người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ **được đề xuất đổi mới, sáng tạo** trong quá trình thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn nhằm tháo gỡ, giải quyết những điểm nghẽn, nút thắt trong cơ chế, chính sách theo quy định pháp luật; (ii) Cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý, viên chức quản lý, người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ có tư duy đổi mới, sáng tạo, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao trong các lĩnh vực có liên quan đến tiết kiệm, chống lãng phí, xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn đề xuất giải pháp nhằm tháo gỡ, giải quyết những điểm nghẽn, nút thắt trong cơ chế, chính sách chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật

của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, mang lại giá trị, hiệu quả thiết thực, tạo được chuyển biến mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung, vì lợi ích chung thì **có thể không bị xử lý trách nhiệm, được loại trừ, miễn hoặc giảm nhẹ trách nhiệm theo quy định pháp luật có liên quan.**

**3.5.** Tiếp tục hoàn thiện các quy định để thực hiện phòng, chống lãng phí, tiêu cực từ cơ sở, trong đó tập trung tăng tính chủ động, tự chịu trách nhiệm các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức đối với việc xây dựng, ban hành Chương trình TK, CLP hàng năm của đơn vị mình

Theo đó, cần thiết nghiên cứu sửa đổi Luật THTK, CLP theo hướng:

Bỏ quy định về việc Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình TK, CLP tổng thể hàng năm của Chính phủ.

Thay vào đó, các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức chủ động đối chiếu với Chương trình TK, CLP tổng thể theo giai đoạn của Chính phủ và của Bộ, ngành, địa phương và thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ, vấn đề phát sinh trong ngành, lĩnh vực, địa phương, cơ quan, đơn vị mình để xây dựng Chương trình TK, CLP hàng năm của riêng mình.

**3.6.** Tiếp tục hoàn thiện các quy định đảm bảo đồng bộ, thống nhất giữa Luật Tiết kiệm, chống lãng phí với các văn bản quy phạm pháp luật trong từng lĩnh vực có liên quan.

Theo đó, cần thiết nghiên cứu sửa đổi Luật THTK, CLP theo hướng:

- Bổ sung vào Điều 1 về phạm vi điều chỉnh của Luật theo hướng loại nội dung về TK, CLP đối với lĩnh vực năng lượng chưa được quy định tại Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả thì thực hiện theo quy định tại Luật này.

- Bỏ 7 Mục (từ Mục 1 đến Mục 7) Chương II của Luật về TK, CLP trong một số lĩnh vực cụ thể.

- Chính lý các thuật ngữ tại dự thảo Luật đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các quy định pháp luật chuyên ngành như thuật ngữ “*tài sản công*”, “*tài nguyên*”...

Trên đây là tổng hợp, báo cáo của Bộ Tài chính về việc tổng kết thi hành Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC (04b).



**QUỐC HỘI**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Luật số: .../20.../QH...

Hà Nội, ngày... tháng ....năm ...

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

### **LUẬT TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;  
Quốc hội ban hành Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí*

#### **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Luật này quy định về tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước; quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên và các nguồn lực khác của nền kinh tế; hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

2. Nội dung tiết kiệm, chống lãng phí đối với lĩnh vực năng lượng không được quy định tại Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả thì thực hiện theo quy định tại Luật này.

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Luật này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sau đây:

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên và các nguồn lực khác của nền kinh tế.

3. Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước, quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên.

##### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Tiết kiệm*” là việc sử dụng ở mức thấp hơn định mức, tiêu chuẩn, chế độ nhưng vẫn đạt được mục tiêu đã định trong các lĩnh vực quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên, năng lượng, các nguồn lực khác của nền kinh tế.

2. “*Lãng phí*” là việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên, năng lượng, các nguồn lực khác của nền kinh tế vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc việc quản lý, sử dụng không hiệu quả, không đạt được mục tiêu đã định hoặc tạo rào cản phát triển kinh tế, xã hội, bỏ lỡ thời cơ phát triển của đất nước.

...

#### **Điều 4. Nguyên tắc tiết kiệm, chống lãng phí**

1. Tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ thường xuyên từ chủ trương, đường lối, cơ chế chính sách đến tổ chức thực hiện gắn với kiểm tra, giám sát.

2. Tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện ngay từ khâu xây dựng chính sách, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật. Trong quá trình xây dựng chính sách, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực thuộc phạm vi tiết kiệm, chống lãng phí, cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng, soạn thảo văn bản phải xác định cụ thể các biện pháp chống lãng phí, đánh giá tác động và nêu rõ tại các dự thảo Tờ trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản.

3. Tiết kiệm, chống lãng phí phải căn cứ vào định mức, tiêu chuẩn, chế độ và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Tiết kiệm, chống lãng phí phải gắn với cải cách hành chính và bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao, không để ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức.

5. Thực hiện phân cấp quản lý, phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, cơ quan, tổ chức trong thực hiện nhiệm vụ được giao gắn với trách nhiệm của người đứng đầu, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, tổ chức để tiết kiệm, chống lãng phí.

6. Bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; bảo đảm vai trò giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Nhân dân trong việc tiết kiệm, chống lãng phí.

#### **Điều 5. Quyền và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức**

1. Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch tiết kiệm, chống lãng phí gắn với nhiệm vụ cải cách hành chính, xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong phạm vi lĩnh vực, trong cơ quan, tổ chức được giao quản lý; xây dựng các giải pháp để thực hiện nhằm đạt được mục tiêu tiết kiệm, chống lãng phí. Chịu trách nhiệm đối với việc để xảy ra việc chậm ban hành

chương trình, kế hoạch tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi lĩnh vực, trong cơ quan, tổ chức được giao quản lý.

2. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, chịu trách nhiệm về việc ban hành các văn bản cá biệt không phù hợp thực tiễn hoặc trái pháp luật gây lãng phí.

3. Chịu trách nhiệm cá nhân về việc tổ chức thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí; định kỳ đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện chương trình, kế hoạch và giải trình về việc để xảy ra lãng phí trong cơ quan, tổ chức mình.

4. Tổng hợp, báo cáo tình hình và kết quả tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mà mình phụ trách đúng thời hạn, đầy đủ nội dung theo quy định và chịu trách nhiệm đối với việc không báo cáo hoặc chậm báo cáo, báo cáo không đầy đủ các thông tin theo quy định, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Bảo đảm việc thực hiện quyền giám sát tiết kiệm, chống lãng phí của công dân, cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 6 của Luật này. Khi nhận được phản ánh về các hành vi lãng phí xảy ra, người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải chỉ đạo kiểm tra, xem xét để có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời và trả lời bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã phát hiện.

6. Tạo điều kiện cần thiết cho hoạt động thanh tra nhân dân; tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ, kiểm tra, thanh tra theo thẩm quyền; xử lý hoặc phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật đối với người trong cơ quan, tổ chức mình có hành vi gây lãng phí; thực hiện công khai việc xử lý hành vi gây lãng phí trong cơ quan, tổ chức.

7. Chỉ đạo xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, định mức, chế độ trong ngành, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách theo đúng thẩm quyền, thời hạn, nội dung theo quy định pháp luật và chịu trách nhiệm đối với việc để xảy ra việc chậm ban hành các văn bản này.

8. Thực hiện việc lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trước khi quyết định đối với các biện pháp THTK, CLP tại cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

### **Điều 6. Quyền và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức**

1. Thực hiện chương trình, kế hoạch, mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí được giao.

2. Quản lý, sử dụng vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công được giao đúng mục đích, định mức, tiêu chuẩn, chế độ; giải trình và chịu trách nhiệm cá nhân về việc để xảy ra lãng phí thuộc phạm vi quản lý, sử dụng.

3. Tham gia hoạt động thanh tra nhân dân, tham gia giám sát, đề xuất các biện pháp, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức và trong lĩnh vực công tác được phân công; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi gây lãng phí theo thẩm quyền.



4. Cho ý kiến đối với các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, tổ chức khi được người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị lấy ý kiến.

5. Cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; viên chức quản lý trong các đơn vị sự nghiệp công lập; người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ được đề xuất đổi mới, sáng tạo trong quá trình thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn nhằm tháo gỡ, giải quyết những điểm nghẽn, nút thắt trong cơ chế, chính sách theo quy định pháp luật.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Mục 1**

### **CHƯƠNG TRÌNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

#### **Điều 7. Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí**

Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí được xây dựng hàng năm, bao gồm:

1. Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương.

2. Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm của cơ quan, tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, tài nguyên thiên nhiên, lao động trong khu vực nhà nước.

#### **Điều 8. Nội dung chương trình tiết kiệm, chống lãng phí**

Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí có các nội dung chủ yếu sau:

1. Các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí, trong đó có mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm.

3. Biện pháp bảo đảm thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí đề ra.

4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí.

#### **Điều 9. Trách nhiệm xây dựng, ban hành chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí và chương trình tiết kiệm, chống lãng phí**

1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành có liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương dự báo nhiệm vụ trọng tâm thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của năm tiếp theo để ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm của cơ quan, tổ chức trước ngày 31/12 của năm trước.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, căn cứ Chiến lược quốc gia về phòng chống lãng phí, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua và thực tế hoạt động của địa phương để ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm của địa phương trước ngày 31/12 của năm trước.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công, tài nguyên thiên nhiên, năng lượng, lao động trong khu vực nhà nước có trách nhiệm xây dựng, ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi, lĩnh vực được phân công phụ trách theo hướng dẫn của Bộ, ngành, địa phương chủ quản.

5. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức không thực hiện quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều này bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về xử lý kỷ luật đối với công chức.

#### **Điều 10. Trách nhiệm tổ chức, thực hiện, kiểm tra, thanh tra việc xây dựng và thực hiện chương trình tiết kiệm, chống lãng phí**

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao trong chương trình tổng thể tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ và Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan mình; chỉ đạo cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí đã xây dựng.

b) Bổ sung hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền bổ sung vào Chương trình các nội dung, biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí để bảo đảm thực hiện có hiệu quả mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí đề ra.

c) Kiểm tra theo định kỳ hoặc đột xuất các nội dung tiết kiệm, chống lãng phí.

d) Xử lý theo thẩm quyền đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về xây dựng, ban hành, thực hiện chương trình tiết kiệm, chống lãng phí.

#### **2. Bộ Tài chính có trách nhiệm:**

a) Kiểm tra, thanh tra việc xây dựng và thực hiện chương trình tiết kiệm, chống lãng phí của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề xử lý theo thẩm quyền đối với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không thực hiện đúng quy định về xây dựng, ban hành và thực hiện chương trình tiết kiệm, chống lãng phí.

### **Mục 3**

## **CÔNG KHAI VỀ TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

#### **Điều 11. Nội dung công khai về tiết kiệm, chống lãng phí**

Nội dung công khai về tiết kiệm, chống lãng phí bao gồm:

1. Chương trình, kế hoạch tiết kiệm, chống lãng phí; kết quả tiết kiệm; hành vi gây lãng phí và kết quả xử lý hành vi gây lãng phí. Trong đó, việc công khai về hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi gây lãng phí phải có đủ các thông tin về tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức có hành vi gây lãng phí, hành vi gây lãng phí, biện pháp đã xử lý đối với người có hành vi gây lãng phí.

2. Thông tin trong các lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này phải công khai theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin và các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan, trừ lĩnh vực, hoạt động thuộc bí mật nhà nước.

#### **Điều 12. Hình thức công khai**

1. Tùy theo quy mô cơ quan, tổ chức, phạm vi ảnh hưởng của lĩnh vực, địa bàn hoạt động, việc công khai Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí; kết quả tiết kiệm; hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí thực hiện theo một trong các hình thức sau:

- a) Công bố tại cuộc họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức;
- b) Đưa lên Trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử (nếu có) của cơ quan, tổ chức;
- c) Thông báo trên các ấn phẩm báo chí của cơ quan, tổ chức hoặc trên phương tiện thông tin đại chúng.

2. Hình thức công khai đối với các thông tin quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật này thực hiện theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin và các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan.

#### **Điều 13. Thời điểm công khai**

1. Thời điểm công khai đối với thông tin quy định tại Khoản 1 Điều 11 Luật này được thực hiện như sau:

- a) Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí; kết quả tiết kiệm được công khai chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày Chương trình, Báo cáo được ban hành;

b) Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí phải được công khai chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý.

2. Thời điểm công khai đối với các thông tin quy định Khoản 2 Điều 11 Luật này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 14. Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí**

1. Quy định cụ thể nội dung, phạm vi của cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Việc xây dựng, vận hành, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí thực hiện theo quy định của Chính phủ.

### **Mục 4**

## **THANH TRA, KIỂM TRA, KIỂM TOÁN, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

#### **Điều 15. Kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí**

1. Kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ thường xuyên, bao gồm việc tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức; kiểm tra của cơ quan, tổ chức cấp trên với cơ quan, tổ chức cấp dưới và cá nhân có liên quan.

2. Kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí bao gồm:

a) Kiểm tra việc xây dựng, ban hành thực hiện chương trình tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định tại Điều 7 Luật này.

b) Kiểm tra việc thực hiện chế độ báo cáo.

c) Kiểm tra việc ban hành, thực hiện tiêu chuẩn, định mức, chế độ trong từng lĩnh vực cụ thể theo quy định pháp luật chuyên ngành.

#### **Điều 16. Thanh tra tiết kiệm, chống lãng phí**

Thanh tra tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện thông qua hoạt động thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành hoặc qua việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân.

#### **Điều 17. Kiểm soát chi các khoản chi ngân sách nhà nước**

Kho bạc nhà nước thực hiện kiểm tra, kiểm soát các khoản chi ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan do Nhà nước quy định để bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí.

#### **Điều 18. Kiểm toán tiết kiệm, chống lãng phí**

Kiểm toán tiết kiệm, chống lãng phí bao gồm kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động đối với việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, vốn đầu tư công, tài sản công và tài nguyên của các cơ quan, tổ chức.

### **Điều 19. Giám sát về tiết kiệm, chống lãng phí**

1. Công dân có quyền giám sát việc tiết kiệm, chống lãng phí thông qua hình thức tố giác, khiếu nại, tố cáo hoặc thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; phát hiện và kịp thời phản ánh cho tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về các hành vi gây lãng phí.

2. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội giám sát việc tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội.

3. Hội đồng nhân dân các cấp, đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc tiết kiệm, chống lãng phí tại địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng giám sát việc tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật.

## **Mục 5**

### **TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ TIÊU DÙNG CỦA NHÂN DÂN**

#### **Điều 20. Nguyên tắc tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân**

1. Bảo đảm quyền và lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng.

2. Không làm cản trở giao thông và các hoạt động công cộng; không gây mất trật tự, an ninh xã hội; không gây ô nhiễm môi trường.

3. Giữ gìn thuần phong, mỹ tục, xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh, lành mạnh; tránh lãng phí làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cộng đồng.

#### **Điều 21. Tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng, sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân**

1. Các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh phải thực hiện đúng quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định về bảo vệ cảnh quan môi trường do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Việc sử dụng vốn, lao động, tài nguyên thiên nhiên và các nguồn lực khác trong đầu tư xây dựng, sản xuất, kinh doanh phải trên cơ sở tiết kiệm và hiệu quả.

3. Nhà nước khuyến khích tổ chức và cá nhân tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng để dành vốn đầu tư vào sản xuất, kinh doanh và các hình thức đầu tư khác mà pháp luật không cấm.

**Điều 22. Tiết kiệm, chống lãng phí trong tổ chức lễ hội và các hoạt động khác có sử dụng nguồn lực đóng góp của cộng đồng**

1. Việc tổ chức lễ hội và các hoạt động khác có sử dụng nguồn lực đóng góp của cộng đồng phải bảo đảm tiết kiệm, đúng mục đích, hiệu quả, công khai, minh bạch, giữ gìn thuần phong, mỹ tục, xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh, lành mạnh, tránh lãng phí.

2. Tổ chức, cá nhân không thực hiện, thực hiện không đúng quy định tại khoản 1 Điều này để xảy ra lãng phí phải thực hiện giải trình trước cộng đồng dân cư, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan thông tin đại chúng và cơ quan quản lý chuyên ngành nơi diễn ra hoạt động tổ chức.

3. Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội bảo đảm tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân; quy định chính sách khuyến khích toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí trong việc cưới, việc tang.

**Điều 23. Tổ chức thực hiện quy định về tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân**

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ vào quy định của Thủ tướng Chính phủ, theo thẩm quyền quyết định quy mô lễ hội và các hoạt động văn hóa khác trên địa bàn; quy định về chính sách khuyến khích tiết kiệm, chống lãng phí trong việc cưới, việc tang; có trách nhiệm tổ chức triển khai phong trào tiết kiệm, chống lãng phí trong Nhân dân, quy định các hình thức biểu dương, khen thưởng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện tốt quy định của pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng tiêu chuẩn gia đình văn hóa gắn với việc khuyến khích, động viên Nhân dân tiết kiệm, chống lãng phí, góp phần xây dựng xã hội văn minh, lành mạnh.

3. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm đưa nội dung tiết kiệm, chống lãng phí vào điều lệ, quy chế, quy định của cơ quan, tổ chức; yêu cầu cán bộ, công chức, viên chức và thành viên của tổ chức mình phải gương mẫu thực hiện quy định của pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí; căn cứ kết quả tiết kiệm, chống lãng phí để xem xét, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và thành viên của tổ chức.

4. Cơ quan thông tin đại chúng kịp thời tuyên truyền, cổ vũ, biểu dương gương người tốt, việc tốt trong việc tiết kiệm, chống lãng phí, lên án, phê phán hành vi gây lãng phí.

**Chương III**

## TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

### **Điều 24. Trách nhiệm của Chính phủ**

1. Trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, biện pháp cụ thể tiết kiệm, chống lãng phí theo yêu cầu quản lý, phù hợp với từng thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ để bảo đảm tiết kiệm, chống lãng phí; xây dựng và thực hiện chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý, quyết định chỉ tiêu tiết kiệm cụ thể của ngành, lĩnh vực trọng yếu trong chương trình tiết kiệm, chống lãng phí của các bộ, ngành và địa phương.

3. Quy định chế độ báo cáo việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tổng hợp báo cáo Quốc hội kết quả tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm tại kỳ họp đầu năm sau.

4. Tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra việc tiết kiệm, chống lãng phí; xử lý kịp thời, nghiêm minh và công khai việc xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật.

5. Phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc giám sát tiết kiệm, chống lãng phí và chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh tuyên truyền, vận động toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí.

### **Điều 25. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

1. Giúp Chính phủ thống nhất triển khai, hướng dẫn các quy định của Luật này; xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí; triển khai thực hiện, kiểm tra và định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật này.

3. Hướng dẫn và giao chỉ tiêu tiết kiệm chi tiết theo từng lĩnh vực quản lý gắn với lập kế hoạch ngân sách hàng năm; tổ chức triển khai thực hiện, chịu trách nhiệm về kết quả tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

4. Tổng hợp, báo cáo kết quả tiết kiệm, chống lãng phí chung trong phạm vi cả nước trình Chính phủ.

5. Thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm việc chấp hành, tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý; tổ chức triển khai công tác kiểm soát chi của Kho bạc nhà nước theo đúng quy định.

## **Điều 26. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ**

1. Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách và biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý theo thẩm quyền gắn với xác định mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và tổ chức thực hiện bảo đảm tiến độ và chất lượng công việc.

2. Rà soát hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn, chế độ thuộc thẩm quyền quản lý; sửa đổi, bổ sung, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành kịp thời, phù hợp với tình hình thực tiễn, tiến bộ khoa học và công nghệ, bảo đảm tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Xây dựng và thực hiện chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm, trong đó xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá tiết kiệm cho ngành, lĩnh vực và cho các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Tài chính để tổng hợp.

4. Tổ chức triển khai thực hiện, chịu trách nhiệm về kết quả tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý. Tổng hợp kết quả tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý hành vi gây lãng phí trong phạm vi ngành, lĩnh vực được giao quản lý, gửi Bộ Tài chính tổng hợp để báo cáo Chính phủ.

5. Thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và công khai việc xử lý vi phạm về tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý và đối với các cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý.

6. Thực hiện công khai đối với các lĩnh vực, hoạt động theo quy định của Luật này theo thẩm quyền, Luật Tiếp cận thông tin và quy định pháp luật có liên quan.

## **Điều 27. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân các cấp**

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn ban hành quy định để thực hiện các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi địa phương.

2. Quyết định các chủ trương, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí gắn với thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí, mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm được giao phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, điều kiện cụ thể của địa phương.

3. Giám sát việc tổ chức thực hiện các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí ở địa phương; giám sát việc thực hiện công khai các lĩnh vực, hoạt động quy định tại Luật này và kết quả thanh tra, kiểm tra thực hiện quy định về tiết kiệm, chống lãng phí tại địa phương.

## **Điều 28. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp**

1. Xây dựng và thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm, trong đó xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, biện pháp, tiêu chí đánh giá tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm.



2. Tổ chức, triển khai thực hiện các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi địa phương; tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan tài chính cấp trên kết quả tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý hành vi lãng phí ở địa phương.

3. Thực hiện thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm minh, kịp thời theo đúng thẩm quyền và thực hiện công khai việc xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí tại địa phương.

4. Thực hiện công khai đối với các lĩnh vực, hoạt động theo quy định của Luật này theo thẩm quyền, theo phân cấp tại địa phương và theo quy định pháp luật có liên quan; bảo đảm việc thực hiện quyền giám sát tiết kiệm, chống lãng phí của công dân và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

### **Điều 29. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam**

1. Giám sát việc tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, tổ chức của nhà nước; giám sát việc xử lý hành vi gây lãng phí theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức tuyên truyền, vận động và hướng dẫn Nhân dân tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn hướng dẫn Ban thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng; Ban Chấp hành công đoàn cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước chỉ đạo Ban thanh tra nhân dân tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước tổ chức hoạt động giám sát tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Hàng năm, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hành động giám sát và phản biện xã hội trong việc tiết kiệm, chống lãng phí.

### **Điều 30. Trách nhiệm của cơ quan thanh tra**

1. Cơ quan thực hiện chức năng thanh tra có trách nhiệm triển khai, tổ chức, chỉ đạo việc thanh tra tiết kiệm, chống lãng phí theo các nguyên tắc sau đây:

a) Thanh tra tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện trên cơ sở quy định của pháp luật và định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

b) Việc thanh tra tiết kiệm, chống lãng phí không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức được thanh tra.

c) Thanh tra việc tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện theo chương trình, kế hoạch và thanh tra đột xuất, gắn với hoạt động thanh tra trong từng lĩnh vực bảo đảm khách quan, trung thực.

d) Hoạt động thanh tra tiết kiệm, chống lãng phí phải theo đúng quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

## 2. Phương thức thanh tra tiết kiệm, chống lãng phí:

a) Thanh tra tiết kiệm, chống lãng phí phải gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ thanh tra của các cơ quan, tổ chức và phải đúng trình tự, thủ tục thanh tra theo quy định của pháp luật về thanh tra. Các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành phải đưa việc thanh tra về tiết kiệm, chống lãng phí vào nội dung các cuộc thanh tra thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành;

b) Tổ chức thanh tra chuyên đề về tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Kết luận thanh tra về tiết kiệm, chống lãng phí phải được công khai theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí, cơ quan thanh tra có trách nhiệm kiến nghị kịp thời và chuyển hồ sơ tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

### **Điều 31. Trách nhiệm của Kiểm toán nhà nước**

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm thực hiện kiểm toán nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Thực hiện công khai các kết quả kiểm toán liên quan đến tiết kiệm, chống lãng phí, trừ trường hợp thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí, cơ quan Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm kiến nghị kịp thời và chuyển hồ sơ tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

### **Điều 32. Trách nhiệm của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân**

1. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân khi nhận được tố giác, tin báo của cá nhân, cơ quan, tổ chức, kiến nghị khởi tố của cơ quan nhà nước về vụ việc lãng phí có dấu hiệu tội phạm phải thụ lý, giải quyết theo trình tự của pháp luật về tố tụng hình sự. Kết quả giải quyết kiến nghị khởi tố phải được thông báo cho cơ quan đã kiến nghị bằng văn bản; trường hợp không khởi tố, phải nêu rõ lý do.

2. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xử lý kịp thời, nghiêm minh hành vi vi phạm pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí.

## **Chương IV KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

### **Điều 33. Khen thưởng**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích dưới đây thì được khen thưởng:

a) Hoàn thành, hoàn thành vượt mức mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí được giao;

b) Có giải pháp, sáng kiến trong tiết kiệm, chống lãng phí mang lại kết quả cụ thể;

c) Phát hiện, có thông tin phát hiện, ngăn chặn kịp thời không để lãng phí xảy ra.

## 2. Nguồn khen thưởng:

a) Nguồn tiền thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng;

b) Nguồn kinh phí tiết kiệm do áp dụng giải pháp, sáng kiến mang lại;

c) Nguồn kinh phí do ngăn chặn được lãng phí khi được phát hiện và khắc phục kịp thời;

d) Nguồn kinh phí được giao tự chủ của cơ quan, tổ chức.

Việc tính toán, xác định và sử dụng các nguồn tiền thưởng quy định tại khoản này do Chính phủ quy định.

3. Doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được trích lại một tỷ lệ % nhất định phần lợi nhuận vượt mức kế hoạch để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp và trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên. Chính phủ quy định chi tiết việc trích lại để lập các Quỹ quy định tại khoản này.

## **Điều 34. Hành vi gây lãng phí**

1. Hành vi gây lãng phí bao gồm các loại hành vi sau:

a) Hành vi gây lãng phí trong lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ, giao dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước;

b) Hành vi gây lãng phí trong đầu tư xây dựng, mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công, nhà ở thuộc tài sản công;

c) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, năng lượng;

d) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước;

đ) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

e) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công;

g) Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước trong các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

h) Hành vi gây lãng phí khác theo quy định của Chính phủ.

2. Chính phủ quy định cụ thể các hành vi gây lãng phí quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Các Bộ, ngành hướng dẫn cụ thể hành vi gây lãng phí tại Nghị định của Chính phủ.

**Điều 35. Hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí**

Hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí bao gồm:

1. Hành vi vi phạm trong ban hành, thực hiện và kiểm tra định mức, tiêu chuẩn, chế độ;

2. Hành vi vi phạm trong ban hành các chương trình tiết kiệm, chống lãng phí;

3. Hành vi vi phạm trong thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ, chỉ tiêu, yêu cầu tiết kiệm, chống lãng phí đã ban hành;

4. Hành vi vi phạm trong báo cáo kết quả công tác tiết kiệm, chống lãng phí;

5. Hành vi vi phạm trong công khai về tiết kiệm, chống lãng phí;

6. Hành vi vi phạm trong việc lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trước khi quyết định đối với các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, đơn vị;

7. Hành vi cản trở việc thanh tra, kiểm tra, giám sát tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

8. Hành vi bao che, cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong xử lý khiếu nại, tố cáo, xử lý người vi phạm pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí.

**Điều 36. Xử lý vi phạm và bồi thường thiệt hại**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại các điều 34 và 35 của Luật này; không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của Luật này để xảy ra lãng phí thì bị xử lý như sau:

a) Có trách nhiệm giải trình theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý trực tiếp, cơ quan cấp trên, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành;

b) Bồi thường một phần hoặc toàn bộ thiệt hại theo quy định của pháp luật;

c) Tùy theo mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức không trực tiếp vi phạm nhưng để xảy ra lãng phí trong cơ quan, tổ chức, để xảy ra hành vi lãng phí của người do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ hoặc không xử lý hành vi lãng phí theo thẩm quyền thì bị xử lý như sau:

a) Có trách nhiệm giải trình theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân cấp trên, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành;

b) Tùy theo mức độ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp phải chịu trách nhiệm liên đới về việc để xảy ra lãng phí trong cơ quan, tổ chức cấp dưới và trong cơ quan, tổ chức do cấp phó của mình trực tiếp phụ trách và bị xử lý như sau:

a) Có trách nhiệm giải trình theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân cấp trên, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành;

b) Tùy theo mức độ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức được xem xét giảm trách nhiệm pháp lý quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này nếu đã thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi lãng phí; xử lý nghiêm minh, báo cáo kịp thời với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về hành vi lãng phí.

5. Cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý, viên chức quản lý, người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ có tư duy đổi mới, sáng tạo, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao trong các lĩnh vực có liên quan đến tiết kiệm, chống lãng phí, xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn đề xuất giải pháp nhằm tháo gỡ, giải quyết những điểm nghẽn, nút thắt trong cơ chế, chính sách chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, mang lại giá trị, hiệu quả thiết thực, tạo được chuyển biến mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung, vì lợi ích chung thì có thể không bị xử lý trách nhiệm, được loại trừ, miễn hoặc giảm nhẹ trách nhiệm theo quy định pháp luật có liên quan.

6. Chính phủ quy định chi tiết việc áp dụng hình thức kỷ luật đối với từng hành vi gây lãng phí và hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện phòng, chống lãng phí.

### **Điều 37. Phát hiện lãng phí và trách nhiệm xử lý thông tin phát hiện lãng phí, bảo vệ người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí**

1. Thông tin phát hiện lãng phí bao gồm:

a) Tin, bài trên các phương tiện thông tin đại chúng;

b) Phản ánh dưới hình thức khác của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Người phát hiện lãng phí có quyền cung cấp thông tin cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi để xảy ra lãng phí, thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp, cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước để xem xét giải quyết hoặc cung cấp cho các phương tiện thông tin đại chúng để đưa tin theo quy định và phải chịu

trách nhiệm về tính trung thực, tính chính xác của thông tin phát hiện. Trường hợp cố ý cung cấp thông tin sai sự thật, lợi dụng thông tin gây ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan, tổ chức, uy tín của người khác thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi có phát hiện đề xảy ra lãng phí có trách nhiệm kiểm tra, làm rõ thông tin phát hiện lãng phí khi được cung cấp; trường hợp có lãng phí xảy ra phải ngăn chặn, khắc phục kịp thời; xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý sai phạm và thông báo công khai kết quả; giải trình trước cơ quan chức năng về việc đề xảy ra lãng phí.

4. Cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp khi nhận được thông tin về lãng phí có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức làm rõ theo chức năng, nhiệm vụ của mình, ngăn chặn và kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Cơ quan thông tấn, báo chí thực hiện trách nhiệm của mình trong việc phát hiện, phản ánh hành vi lãng phí.

6. Nghiêm cấm mọi hành vi cản trở việc thực hiện quyền cung cấp thông tin phát hiện lãng phí; đe dọa, trả thù, trù dập, xúc phạm người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí.

7. Chính phủ quy định chi tiết việc xử lý thông tin và biện pháp bảo vệ người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí.

## **Chương V** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 38. Hiệu lực thi hành**

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày      tháng      năm .
2. Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

### **Điều 39. Quy định chi tiết**

Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật.

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa ....., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm ...*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**BẢNG RÀ SOÁT MỘT SỐ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN  
DỰ ÁN LUẬT TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ (SỬA ĐỔI)**

*(kèm theo Tờ trình số 360/TTr-BTC ngày 16/12/2024 của Bộ Tài chính)*

NHÓM VẤN ĐỀ	QUY ĐỊNH TẠI LUẬT THTK, CLP HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TẠI LUẬT CÓ LIÊN QUAN	NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ
<p><b>Về phạm vi điều chỉnh</b></p>	<p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b> Luật này quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước;</li> <li>2. Quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên;</li> <li>3. Hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật QLSDTSC hiện nay đã thay khái niệm “<i>tài sản nhà nước</i>” bằng khái niệm “<i>tài sản công</i>”</li> <li>- Luật Đầu tư công năm 2014 và 2019 đã bổ sung khái niệm “<i>vốn đầu tư công</i>”</li> </ul>	<p>Chưa thống nhất về khái niệm với Luật QLSDTSC.</p> <p>Chưa thể hiện rõ lĩnh vực “<i>vốn đầu tư công</i>” tại phạm vi điều chỉnh.</p>
<p><b>Về khái niệm vốn nhà nước</b></p>	<p><b>Tại khoản 3 Điều 3 quy định:</b></p> <p>3. Vốn nhà nước bao gồm vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước và các vốn khác do Nhà nước quản lý.</p>	<p>Luật Ngân sách nhà nước hiện hành không có khái niệm “vốn nhà nước”</p> <p><b>Khoản 19 Điều 3 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư quy định:</b> “19. Vốn nhà nước bao gồm vốn ngân sách nhà nước, vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để chi đầu tư, chi thường xuyên thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.”</p> <p><b>Khoản 8 Điều 3 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp quy định:</b> “8. Vốn nhà</p>	<p>Việc giải thích nội hàm khái niệm “vốn nhà nước” chưa đảm bảo thống nhất với khái niệm “vốn nhà nước” theo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và khái niệm “vốn nhà nước tại doanh nghiệp” theo Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.</p>

		<p>nước tại doanh nghiệp bao gồm vốn từ ngân sách nhà nước, vốn tiếp nhận có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; vốn từ quỹ đầu tư phát triển tại doanh nghiệp, quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp; vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và vốn khác được Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp."</p> <p><b>Tại khoản 22 Điều 4 Luật Đầu tư công quy định:</b></p> <p>"22. Vốn đầu tư công quy định tại Luật này bao gồm: vốn ngân sách nhà nước; vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật."</p>	
<p><b>Về khái niệm tài sản nhà nước</b></p>	<p><b>Tại khoản 5 Điều 3 quy định:</b></p> <p>5. Tài sản nhà nước là tài sản hình thành từ ngân sách nhà nước hoặc do pháp luật quy định thuộc sở hữu, quản lý của Nhà nước, bao gồm: trụ sở làm việc, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; máy móc, phương tiện vận tải, trang thiết bị làm việc; tài sản từ nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước cho Nhà nước và các tài sản khác do pháp luật quy định.</p>	<p><b>Tại khoản 1 Điều 3 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định:</b></p> <p>"1. Tài sản công là tài sản thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, bao gồm: tài sản công phục vụ hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; tài sản công tại doanh nghiệp; tiền thuộc ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, dự trữ ngoại hối nhà nước; đất đai và các loại tài nguyên khác."</p>	<p>Chưa thống nhất về nội hàm tài sản công với Luật QLSDTSC</p>



<p><b>Về khái niệm tài nguyên</b></p>	<p><b>Tại khoản 6 Điều 3 quy định:</b></p> <p>6. Tài nguyên bao gồm đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, thềm lục địa, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác.</p> <p>Tài nguyên và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.</p>	<p><b>Tại khoản 7 Điều 4 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định tài sản công bao gồm:</b></p> <p>“7. Đất đai; tài nguyên nước, tài nguyên rừng, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, kho số viễn thông và kho số khác phục vụ quản lý nhà nước, tài nguyên Internet, phổ tần số vô tuyến điện, quỹ đạo vệ tinh và các tài nguyên khác do Nhà nước quản lý theo quy định của pháp luật.”</p> <p><b>Tại khoản 1 Điều 3 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo quy định</b></p> <p>“1. Tài nguyên biển và hải đảo bao gồm tài nguyên sinh vật và tài nguyên phi sinh vật thuộc khối nước biển, đáy biển, lòng đất dưới đáy biển, vùng đất ven biển và quần đảo, đảo, bãi cạn lúc chìm lúc nổi, bãi ngầm (sau đây gọi chung là hải đảo) thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam.”</p>	<p>Chưa thống nhất về nội hàm tài nguyên với Luật QLSDTSC và Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.</p>
<p><b>Về công khai về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</b></p>	<p><b>Điều 5. Công khai về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</b></p> <p>1. Công khai các hoạt động quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động và tài nguyên là biện pháp để bảo đảm thực hành tiết kiệm, ngăn chặn, phòng ngừa lãng phí.</p> <p>2. Trừ lĩnh vực, hoạt động thuộc bí mật nhà nước, các lĩnh vực, hoạt động sau đây phải</p>	<p><b>Tại Điều 17, Điều 18 Luật tiếp cận thông tin quy định</b></p> <p><b>Điều 17. Thông tin phải được công khai</b></p> <p>1. Các thông tin sau đây phải được công khai rộng rãi:</p> <p>a) Văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung; điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế mà Việt</p>	<p>Việc công khai về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cơ bản đã được quy định đầy đủ, chi tiết tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và Luật Tiếp cận thông tin. Theo đó, việc quy định về công khai một số thông tin tại dự thảo Luật có phần trùng lặp, chưa đảm bảo thống nhất với quy định pháp luật chuyên</p>

<p>thực hiện công khai:</p> <p>a) Dự toán, phân bổ, điều chỉnh dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước của các cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước; các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước;</p> <p>b) Đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản trong cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước;</p> <p>c) Các khoản thu vào ngân sách nhà nước, huy động vốn cho ngân sách nhà nước và cho tín dụng nhà nước; các quỹ có nguồn huy động đóng góp trong và ngoài nước; nợ công theo quy định tại Luật Quản lý nợ công;</p> <p>d) Các quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch phát triển ngành, vùng; kế hoạch sử dụng đất; danh mục dự án đầu tư, nguồn vốn đầu tư; kế hoạch và hoạt động khai thác tài nguyên;</p> <p>đ) Định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan, tổ chức quy định hoặc áp dụng thực hiện; quy chế quản lý tài chính, chi tiêu nội bộ của cơ quan, tổ chức; quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành, lĩnh vực;</p> <p>e) Phân bổ, sử dụng nguồn lực lao động;</p> <p>g) Chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kết quả thực hành tiết kiệm; hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành</p>	<p>Nam là một bên; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc của cơ quan nhà nước;</p> <p>b) Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước;</p> <p>c) Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung và kết quả trưng cầu ý dân, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước mà đưa ra lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của pháp luật; đề án và dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính;</p> <p>d) Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước;</p> <p>đ) Thông tin về dự toán ngân sách nhà nước; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách đối với các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước; thủ tục ngân sách nhà nước;</p> <p>e) Thông tin về phân bổ, quản lý, sử dụng</p>	<p>ngành.</p> <p>Chỉ có nội dung "<i>Chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kết quả thực hành tiết kiệm; hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí;</i>" tại các văn bản quy phạm pháp luật khác chưa có quy định cụ thể việc công khai.</p>
---	---	--

<p>vi lãng phí;</p> <p>h) Quy trình, thủ tục giải quyết công việc giữa cơ quan nhà nước với tổ chức, cá nhân;</p> <p>i) Lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Hình thức công khai bao gồm:</p> <p>a) Phát hành ấn phẩm;</p> <p>b) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng;</p> <p>c) Thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;</p> <p>d) Đưa lên trang thông tin điện tử;</p> <p>đ) Công bố tại cuộc họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức;</p> <p>e) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.</p> <p>4. Ngoài các hình thức công khai bắt buộc theo quy định của pháp luật, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm lựa chọn áp dụng một hoặc một số hình thức công khai cho từng lĩnh vực hoạt động phù hợp quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>5. Chính phủ quy định chi tiết hình thức, nội dung, thời điểm công khai.</p>	<p>nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi chính phủ theo quy định; thông tin về quản lý, sử dụng các khoản cứu trợ, trợ cấp xã hội; quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân, các loại quỹ;</p> <p>g) Thông tin về danh mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công; thông tin về đấu thầu; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thu hồi đất; phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn;</p> <p>h) Thông tin về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; báo cáo đánh giá kết quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp; báo cáo giám sát tình hình thực hiện công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp và cơ quan nhà nước đại diện chủ sở hữu; thông tin về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp nhà nước;</p> <p>i) Thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có tác động tiêu cực đến sức khỏe, môi trường; kết luận kiểm tra, thanh tra, giám sát liên quan đến việc bảo vệ môi trường, sức khỏe của cộng đồng, an toàn thực phẩm, an toàn lao động;</p> <p>k) Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan và của đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ,</p>	
--	--	--

công chức trực tiếp giải quyết các công việc của Nhân dân; nội quy, quy chế do cơ quan nhà nước ban hành;

l) Báo cáo công tác định kỳ; báo cáo tài chính năm; thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực quản lý; cơ sở dữ liệu quốc gia ngành, lĩnh vực; thông tin về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; thông tin về danh mục và kết quả chương trình, đề tài khoa học;

m) Danh mục thông tin phải công khai theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 34 của Luật này; tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước hoặc người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin;

n) Thông tin liên quan đến lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng;

o) Thông tin về thuế, phí, lệ phí;

p) Thông tin khác phải được công khai theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài thông tin quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước chủ động công khai thông tin khác do mình tạo ra hoặc nắm giữ.

**Điều 18. Hình thức, thời điểm công khai thông tin**

1. Các hình thức công khai thông tin bao gồm:

a) Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang

		<p>thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;</p> <p>b) Công khai trên phương tiện thông tin đại chúng;</p> <p>c) Đăng Công báo;</p> <p>d) Niêm yết tại trụ sở cơ quan nhà nước và các địa điểm khác;</p> <p>đ) Thông qua việc tiếp công dân, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật;</p> <p>e) Các hình thức khác thuận lợi cho công dân do cơ quan có trách nhiệm công khai thông tin xác định.</p> <p>2. Trường hợp pháp luật có quy định về hình thức công khai đối với thông tin cụ thể thì áp dụng quy định đó.</p> <p>Trường hợp pháp luật không quy định cụ thể hình thức công khai thông tin thì căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin có thể lựa chọn một hoặc một số hình thức công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này bảo đảm để công dân tiếp cận được thông tin.</p> <p>3. Đối với đối tượng là người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, ngoài các hình thức quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan nhà nước xác định hình thức công khai thông tin phù</p>	
--	--	--	--

hợp với khả năng, điều kiện tiếp cận thông tin của công dân.

4. Thời điểm công khai thông tin đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp pháp luật chưa có quy định thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày tạo ra thông tin, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải công khai thông tin.

**Tại Điều 8 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định:**

**“Điều 8. Công khai tài sản công**

1. Việc công khai tài sản công phải được thực hiện đầy đủ, kịp thời, chính xác theo quy định của pháp luật; trường hợp không thực hiện công khai hoặc công khai không đầy đủ, kịp thời, chính xác thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung công khai bao gồm:

a) Văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, định mức, thủ tục hành chính về tài sản công;

b) Tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng, thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi công năng, bán, thanh lý, tiêu hủy và hình thức xử lý khác đối với tài sản công;

c) Tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công.

3. Hình thức công khai bao gồm:

a) Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của

		<p>Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</p> <p>b) Niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công;</p> <p>c) Công bố tại cuộc họp của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công;</p> <p>d) Hình thức công khai khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Trách nhiệm công khai được quy định như sau:</p> <p>a) Bộ Tài chính có trách nhiệm công khai đối với tài sản công của cả nước;</p> <p>b) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm công khai đối với tài sản công thuộc phạm vi quản lý;</p> <p>c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm công khai đối với tài sản công thuộc phạm vi quản lý, sử dụng;</p> <p>d) Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm công khai kết quả kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài sản công và các hoạt động liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước.”</p>	
--	--	--	--

**Tại Điều 15 Luật Ngân sách nhà nước quy định:**

**Điều 15. Công khai ngân sách nhà nước**

1. Dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân; dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước được Quốc hội, Hội đồng nhân dân phê chuẩn; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước được công khai theo quy định sau đây:

a) Nội dung công khai bao gồm: số liệu và báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân, dự toán đã được cấp có thẩm quyền quyết định, tình hình thực hiện ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước; kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước; trừ số liệu chi tiết, báo cáo thuyết minh thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dự trữ quốc gia;

b) Việc công khai ngân sách nhà nước được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức: công bố tại kỳ họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát hành ấn phẩm; thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; đưa lên trang thông tin điện tử; thông báo trên



		<p>các phương tiện thông tin đại chúng;</p> <p>c) Báo cáo dự toán ngân sách nhà nước phải được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày Chính phủ gửi đại biểu Quốc hội, Ủy ban nhân dân gửi đại biểu Hội đồng nhân dân.</p> <p>Báo cáo dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê chuẩn, kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước, kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước phải được công khai chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày văn bản được ban hành.</p> <p>Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước hằng quý, 06 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng.</p> <p>Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước hằng năm được công khai khi Chính phủ trình Quốc hội vào kỳ họp giữa năm sau.</p> <p>2. Công khai thủ tục ngân sách nhà nước:</p> <p>a) Đối tượng phải thực hiện công khai gồm các cơ quan thu, cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước;</p> <p>b) Nội dung công khai bao gồm: các quy định về quy trình, thủ tục kê khai, thu, nộp, miễn giảm, gia hạn, hoàn lại các khoản thu; tạm ứng, cấp phát, thanh toán ngân sách nhà nước;</p>	
--	--	---	--

c) Việc công khai được thực hiện bằng các hình thức niêm yết tại nơi giao dịch và công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan.

3. Nội dung công khai phải bảo đảm đầy đủ theo các chỉ tiêu, biểu mẫu do Bộ Tài chính quy định.

4. Các đối tượng có trách nhiệm phải thực hiện công khai theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu không thực hiện công khai đầy đủ, đúng hạn thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

**Tại Điều 75 Luật Đất đai quy định:**

**Điều 75. Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**

1. Việc công bố công khai quy hoạch sử dụng đất quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Kế hoạch sử dụng đất quốc gia; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt phải được công bố công khai.

3. Trách nhiệm công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được quy định như sau:

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia tại trụ sở cơ quan và trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và

		<p>Môi trường;</p> <p>b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh tại trụ sở cơ quan và trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</p> <p>c) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện tại trụ sở cơ quan, trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện và công bố công khai nội dung quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện có liên quan đến xã, phường, thị trấn tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm công bố công khai đến người dân, người sử dụng đất tại địa bàn xã.</p> <p>4. Thời điểm, thời hạn phải công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định sau đây:</p> <p>a) Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt thì quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải được công bố công khai;</p> <p>b) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải được công khai trong suốt kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.</p> <p>5. Tài liệu công bố công khai quy hoạch, kế</p>	
--	--	---	--

		<p>hoạch sử dụng đất bao gồm:</p> <p>a) Văn bản phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;</p> <p>b) Báo cáo thuyết minh về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;</p> <p>c) Bản đồ về quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.</p> <p><b>Tại khoản 7 Điều 46 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định nội dung người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải công khai</b></p> <p>7. Kết luận của cấp có thẩm quyền về vụ việc tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong cơ quan, đơn vị.</p>	
<p><b>Về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, chức</b></p>	<p><b>Điều 7. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức</b></p> <p>1. Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gắn với nhiệm vụ cải cách hành chính, xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong phạm vi lĩnh vực, trong cơ quan, tổ chức được giao quản lý; xây dựng các giải pháp để thực hiện nhằm đạt được mục tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>2. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, chịu trách nhiệm về việc ban hành các văn bản cá biệt không phù hợp thực tiễn hoặc trái pháp luật gây lãng</p>	<p><b>Tại Điều 10 Luật Cán bộ, công chức quy định</b></p> <p><b>“Điều 10. Nghĩa vụ của cán bộ, công chức là người đứng đầu</b></p> <p>Ngoài việc thực hiện quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật này, cán bộ, công chức là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị còn phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;</p> <p>2. Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thi hành công vụ của cán bộ, công chức;</p> <p>3. Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng,</p>	<p>Đã đảm bảo đồng bộ, thống nhất với Luật Cán bộ, công chức</p>

	<p>phí.</p> <p>3. Chịu trách nhiệm cá nhân về việc tổ chức thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; định kỳ đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện chương trình, kế hoạch và giải trình về việc để xảy ra lãng phí trong cơ quan, tổ chức mình.</p> <p>4. Tổng hợp, báo cáo tình hình và kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan, tổ chức.</p> <p>5. Bảo đảm việc thực hiện quyền giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của công dân, cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 6 của Luật này. Khi nhận được phản ánh về các hành vi lãng phí xảy ra, người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải chỉ đạo kiểm tra, xem xét để có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời và trả lời bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã phát hiện.</p> <p>6. Tạo điều kiện cần thiết cho hoạt động thanh tra nhân dân; tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ, kiểm tra, thanh tra theo thẩm quyền; xử lý hoặc phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật đối với người trong cơ quan, tổ chức mình có hành vi gây lãng phí; thực hiện công khai việc xử lý hành vi gây lãng phí trong cơ quan, tổ chức.</p>	<p>chống quan liêu, tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm về việc để xảy ra quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;</p> <p>4. Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ cơ sở, văn hóa công sở trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; xử lý kịp thời, nghiêm minh cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm kỷ luật, pháp luật, có thái độ quan liêu, hách dịch, cửa quyền, gây phiền hà cho công dân;</p> <p>5. Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cá nhân, tổ chức;</p> <p>6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.”</p>	
<p><b>Về trách nhiệm của</b></p>	<p><b>Điều 8. Trách nhiệm của cán bộ, công</b></p>	<p><b>Tại Điều 9 Luật Cán bộ, công chức quy</b></p>	<p><b>Đảm bảo đồng bộ, thống nhất</b></p>

<p><b>cán bộ, công chức, viên chức</b></p>	<p><b>chức, viên chức</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thực hiện chương trình, kế hoạch, mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí được giao.</li> <li>2. Quản lý, sử dụng vốn nhà nước, tài sản nhà nước được giao đúng mục đích, định mức, tiêu chuẩn, chế độ; giải trình và chịu trách nhiệm cá nhân về việc để xảy ra lãng phí thuộc phạm vi quản lý, sử dụng.</li> <li>3. Tham gia hoạt động thanh tra nhân dân, tham gia giám sát, đề xuất các biện pháp, giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức và trong lĩnh vực công tác được phân công; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi gây lãng phí theo thẩm quyền.</li> </ol>	<p><b>định:</b></p> <p><b>Điều 9. Nghĩa vụ của cán bộ, công chức trong thi hành công vụ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thực hiện đúng, đầy đủ và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</li> <li>2. Có ý thức tổ chức kỷ luật; nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị; báo cáo người có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; bảo vệ bí mật nhà nước.</li> <li>3. Chủ động và phối hợp chặt chẽ trong thi hành công vụ; giữ gìn đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.</li> <li>4. Bảo vệ, quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài sản nhà nước được giao.</li> <li>5. Chấp hành quyết định của cấp trên. Khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật thì phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với người ra quyết định; trường hợp người ra quyết định vẫn quyết định việc thi hành thì phải có văn bản và người thi hành phải chấp hành nhưng không chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành, đồng thời báo cáo cấp trên trực tiếp của người ra quyết định. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.</li> <li>6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp</li> </ol>	<p>với Luật Cán bộ, công chức.</p> <p>Chưa có nội dung ghi nhận trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia ý kiến trước khi người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, đơn vị theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.</p>
--	---	---	---

		<p><u>luật.</u></p> <p><b>Tại khoản 5 Điều 53 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở quy định nội dung cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia ý kiến trước khi người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định</b></p> <p>5. Các biện pháp cải tiến tổ chức, hoạt động và lề lối làm việc; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống quan liêu, phiền hà, sách nhiễu Nhân dân.</p>	
<p><b>Về THTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước</b></p>	<p><b>Điều 17. Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước</b></p> <p>1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán ngân sách nhà nước phải đúng thẩm quyền, trình tự, nội dung, đối tượng và thời gian theo quy định của pháp luật; đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.</p> <p>2. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quyết toán ngân sách nhà nước phải bảo đảm tính chính xác, trung thực; phải căn cứ vào định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.</p>	<p><b>Tại Điều 42 Luật Ngân sách nhà nước quy định:</b></p> <p><b>Điều 42. Yêu cầu lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm</b></p> <p>1. Dự toán ngân sách nhà nước phải tổng hợp theo từng khoản thu, chi và theo cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi dự trữ quốc gia, chi trả nợ và viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách.</p> <p>2. Dự toán ngân sách của đơn vị dự toán ngân sách các cấp được lập phải thể hiện đầy đủ các khoản thu, chi theo đúng biểu mẫu, thời hạn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Trong đó:</p> <p>a) Dự toán thu ngân sách được lập trên cơ sở dự báo các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và các chỉ tiêu có liên quan, các quy định của pháp luật</p>	<p>Luật Ngân sách nhà nước hiện hành đã quy định đầy đủ, chi tiết các yêu cầu đối với việc lập dự toán, phân bổ, giao dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước.</p> <p>Quy định tại Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hiện hành cơ bản nhắc lại mang tính nguyên tắc, không có nội hàm cụ thể.</p>

về thuế, phí, lệ phí và chế độ thu ngân sách;

b) Dự toán chi đầu tư phát triển được lập trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước, khả năng cân đối các nguồn lực trong năm dự toán, quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Dự toán chi thường xuyên được lập trên cơ sở nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Việc lập dự toán ngân sách của các cơ quan nhà nước thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính thực hiện theo quy định của Chính phủ;

d) Dự toán chi ngân sách nhà nước đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Dự toán chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia được lập căn cứ vào danh mục các chương trình, tổng mức kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trong từng giai đoạn do Quốc hội quyết định, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và chi tiết các dự án thành



		<p>phân đối với từng chương trình mục tiêu quốc gia;</p> <p>e) Dự toán chi trả nợ được lập trên cơ sở bảo đảm trả các khoản nợ đến hạn của năm dự toán ngân sách;</p> <p>g) Dự toán vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước phải căn cứ vào cân đối ngân sách nhà nước, khả năng từng nguồn vay, khả năng trả nợ và trong giới hạn an toàn về nợ theo nghị quyết của Quốc hội.</p> <p><b>Tại Điều 50 Luật NSNN quy định:</b></p> <p>"Điều 50. Yêu cầu và thời hạn về phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước</p> <p>1. Việc phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải bảo đảm:</p> <p>a) Đúng với dự toán ngân sách được giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ thu, chi được giao;</p> <p>b) Đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi;</p> <p>c) Phân bổ đủ vốn, kinh phí để thu hồi các khoản đã ứng trước dự toán đến hạn thu hồi trong năm, vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của các nhà tài trợ nước ngoài theo cam kết;</p> <p>d) Đối với phân bổ vốn đầu tư phát triển phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và quy định</p>	
--	--	---	--

		<p>khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>đ) Đối với phân bổ các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới phải bảo đảm đúng mục tiêu, đúng đối tượng và thực hiện đúng các cam kết hoặc quy định về bố trí ngân sách địa phương cho mục tiêu đó.</p> <p>2. Thời hạn phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước:</p> <p>a) Đối với dự toán ngân sách được giao theo quy định tại khoản 5 và khoản 7 Điều 44 của Luật này, các đơn vị dự toán cấp I phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc trước ngày 31 tháng 12 năm trước theo quy định tại khoản 8 Điều 44 của Luật này;</p> <p>b) Trường hợp được giao bổ sung dự toán, chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao dự toán bổ sung, đơn vị dự toán cấp trên, Ủy ban nhân dân cấp dưới phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán theo quy định."</p> <p><b>Tại Điều 65 Luật NSNN quy định:</b></p> <p><b>“Điều 65. Yêu cầu quyết toán ngân sách nhà nước</b></p> <p>1. Số liệu quyết toán ngân sách nhà nước phải chính xác, trung thực, đầy đủ.</p> <p>2. Số quyết toán thu ngân sách nhà nước là số thu đã thực nộp và số thu đã hạch toán thu ngân sách nhà nước theo quy định. Các khoản</p>	
--	--	---	--

		<p>thu thuộc ngân sách các năm trước nộp ngân sách năm sau phải hạch toán vào thu ngân sách năm sau. Số quyết toán chi ngân sách nhà nước là số chi đã thực thanh toán và số chi đã hạch toán chi ngân sách nhà nước theo quy định.</p> <p>3. Số liệu quyết toán ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách, của chủ đầu tư và của ngân sách các cấp phải được đối chiếu, xác nhận với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.</p> <p>4. Nội dung báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước phải theo đúng các nội dung ghi trong dự toán ngân sách nhà nước được giao và theo mục lục ngân sách nhà nước.</p> <p>5. Báo cáo quyết toán của ngân sách cấp huyện, cấp xã không được quyết toán chi ngân sách lớn hơn thu ngân sách.</p> <p>6. Báo cáo quyết toán của đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán cấp trên, ngân sách các cấp phải kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả chi ngân sách gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, địa phương, lĩnh vực, chương trình, mục tiêu được giao phụ trách.</p> <p>7. Báo cáo quyết toán của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách phải kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của quỹ.</p> <p>8. Những khoản thu ngân sách nhà nước không đúng quy định của pháp luật phải được</p>	
--	--	--	--

hoàn trả cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đã nộp; những khoản thu ngân sách nhà nước nhưng chưa thu phải được truy thu đầy đủ cho ngân sách; những khoản chi ngân sách nhà nước không đúng với quy định của pháp luật phải được thu hồi đủ cho ngân sách.”

**Tại khoản 2 Điều 67 Luật NSNN quy định:**

"2. Cơ quan tài chính các cấp thẩm định quyết toán năm của các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp mình theo các nội dung sau:

a) Kiểm tra tính đầy đủ và khớp đúng giữa các số liệu quyết toán theo quy định; bảo đảm khớp đúng giữa số liệu quyết toán của đơn vị dự toán cấp I với các thông báo duyệt quyết toán của cơ quan, đơn vị trực thuộc và xác nhận số liệu của Kho bạc Nhà nước;

b) Xem xét, xác định tính chính xác và hợp pháp của số liệu quyết toán của các khoản tăng, giảm so với dự toán được giao;

c) Nhận xét về quyết toán năm.

3. Cơ quan tài chính cấp tỉnh, cấp huyện thẩm định quyết toán ngân sách cấp dưới theo các nội dung sau:

a) Kiểm tra tính đầy đủ và khớp đúng giữa các số liệu quyết toán theo quy định;

b) Xem xét, xác định tính chính xác và hợp pháp của số liệu quyết toán của các khoản tăng, giảm so với dự toán được giao;

		c) Nhận xét về quyết toán năm."	
<p><b>Về THTK, CLP trong quản lý kinh phí NSNN</b></p>	<p><b>Điều 18. Quản lý kinh phí ngân sách nhà nước</b></p> <p>1. Quản lý kinh phí ngân sách nhà nước phải căn cứ vào dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gắn với kết quả, tiến độ thực hiện nhiệm vụ, phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức quản lý kinh phí ngân sách nhà nước có trách nhiệm:</p> <p>a) Xây dựng Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, xác định cụ thể mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí để giao cho cơ quan, tổ chức sử dụng thực hiện, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả;</p> <p>b) Trong phạm vi thẩm quyền quy định chế độ, chính sách đồng bộ để bảo đảm thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí;</p> <p>c) Thực hiện kiểm tra, thanh tra, kiểm toán việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này; thường xuyên đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí được giao; xử lý các sai phạm, lãng phí qua kết quả kiểm toán nội bộ và các trường hợp vi phạm theo kết luận của Kiểm toán nhà nước, cơ</p>	<p><b>Tại Điều 8 Luật NSNN quy định:</b></p> <p><b>Điều 8. Nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước</b></p> <p>1. Ngân sách nhà nước được quản lý thống nhất, tập trung dân chủ, hiệu quả, tiết kiệm, công khai, minh bạch, công bằng; có phân công, phân cấp quản lý; gắn quyền hạn với trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước các cấp.</p> <p>2. Toàn bộ các khoản thu, chi ngân sách phải được dự toán, tổng hợp đầy đủ vào ngân sách nhà nước.</p> <p>3. Các khoản thu ngân sách thực hiện theo quy định của các luật thuế và chế độ thu theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Các khoản chi ngân sách chỉ được thực hiện khi có dự toán được cấp có thẩm quyền giao và phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Ngân sách các cấp, đơn vị dự toán ngân sách, đơn vị sử dụng ngân sách không được thực hiện nhiệm vụ chi khi chưa có nguồn tài chính, dự toán chi ngân sách làm phát sinh nợ khối lượng xây dựng cơ bản, nợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên.</p> <p>5. Bảo đảm ưu tiên bố trí ngân sách để thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng,</p>	<p>Luật Ngân sách nhà nước hiện hành đã quy định đầy đủ, chi tiết nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước.</p> <p>Quy định tại Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hiện hành cơ bản nhắc lại mang tính nguyên tắc và không có nội hàm cụ thể.</p>

	<p>quan thanh tra, kiểm tra.</p>	<p>Nhà nước trong từng thời kỳ về phát triển kinh tế; xóa đói, giảm nghèo; chính sách dân tộc; thực hiện mục tiêu bình đẳng giới; phát triển nông nghiệp, nông thôn, giáo dục, đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ và những chính sách quan trọng khác.</p> <p>6. Bố trí ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh phí hoạt động của bộ máy nhà nước.</p> <p>7. Ngân sách nhà nước bảo đảm cân đối kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.</p> <p>8. Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được thực hiện theo nguyên tắc tự bảo đảm; ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ cho các nhiệm vụ Nhà nước giao theo quy định của Chính phủ.</p> <p>9. Bảo đảm chi trả các khoản nợ lãi đến hạn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.</p> <p>10. Việc quyết định đầu tư và chi đầu tư chương trình, dự án có sử dụng vốn ngân sách nhà nước phải phù hợp với Luật đầu tư công và quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>11. Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Trường hợp được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì phải phù hợp với khả năng của</p>	
--	----------------------------------	--	--

		ngân sách nhà nước và chỉ thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; có khả năng tài chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.	
<b>VỀ THTK, CLP trong sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước</b>	<p><b>Điều 19. Sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước</b></p> <p>1. Sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước phải bảo đảm đúng mục đích, đối tượng, định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong phạm vi dự toán được giao, gắn với việc hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, biện pháp và tổ chức thực hiện nhằm đạt được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí được giao, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ.</p> <p>3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức thường xuyên đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí được giao, bảo đảm việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đúng mục đích, đối tượng, định mức, tiêu chuẩn, chế độ.</p>	<p><b>Tại Điều 12 Luật Ngân sách nhà nước quy định:</b></p> <p><b>Điều 12. Điều kiện thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước</b></p> <p>1. Thu ngân sách nhà nước phải được thực hiện theo quy định của Luật này, các luật về thuế và các quy định khác của pháp luật về thu ngân sách nhà nước.</p> <p>2. Chi ngân sách nhà nước chỉ được thực hiện khi đã có trong dự toán ngân sách được giao, trừ trường hợp quy định tại Điều 51 của Luật này; đã được thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư hoặc người được ủy quyền quyết định chi và đáp ứng các điều kiện trong từng trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với chi đầu tư xây dựng cơ bản phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và xây dựng;</p> <p>b) Đối với chi thường xuyên phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; trường hợp các cơ quan, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện theo cơ</p>	<p>Luật Ngân sách nhà nước hiện hành đã quy định đầy đủ, chi tiết điều kiện thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước.</p> <p>Quy định tại Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hiện hành cơ bản nhắc lại mang tính nguyên tắc và không có nội hàm cụ thể.</p>

		<p>chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí thì thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ và phù hợp với dự toán được giao tự chủ;</p> <p>c) Đối với chi dự trữ quốc gia phải bảo đảm các điều kiện theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia;</p> <p>d) Đối với những gói thầu thuộc các nhiệm vụ, chương trình, dự án cần phải đấu thầu để lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;</p> <p>đ) Đối với những khoản chi cho công việc thực hiện theo phương thức Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch phải theo quy định về giá hoặc phí và lệ phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành.</p>	
<p>Về THPT, CLP trong quản lý, sử dụng kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia</p>	<p><b>Điều 20. Quản lý, sử dụng kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia</b></p> <p>1. Kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia phải được sử dụng đúng mục đích, nội dung và tiến độ đã được phê duyệt; đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ được ban hành và quy định của pháp luật.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia có trách nhiệm:</p> <p>a) Xác định mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và</p>	<p><b>Tại Điều 4 Nghị định 27/2022/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia:</b></p> <p><b>Điều 4. Nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia</b></p> <p>1. Phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Thực hiện đúng trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương, chính quyền địa phương ở các cấp, người đứng đầu cơ quan, đơn vị và</p>	<p>Nghị định 27/2022/NĐ-CP đã quy định đầy đủ, chi tiết nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện, huy động và sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.</p> <p>Quy định tại Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hiện hành cơ bản nhắc lại mang tính nguyên tắc và không có nội hàm cụ thể.</p>



	<p>yêu cầu chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia;</p> <p>b) Xây dựng kế hoạch, biện pháp và tổ chức thực hiện nhằm đạt được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí;</p> <p>c) Kiểm tra, kiểm toán nội bộ, đánh giá tình hình thực hiện chương trình và mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí hàng năm; kịp thời phát hiện các trường hợp lãng phí để xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia chỉ được quyết toán sau khi đã được nghiệm thu kết quả thực hiện; đối với nội dung không được nghiệm thu thì người có trách nhiệm quản lý, chỉ đạo thực hiện chương trình phải làm rõ nguyên nhân và xác định trách nhiệm cụ thể để xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.</p>	<p>các tổ chức có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình.</p> <p>3. Đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp chính quyền trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát các chương trình mục tiêu quốc gia.</p> <p>4. Thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý và tăng cường lồng ghép các nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, đảm bảo sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm, hiệu quả; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, trùng lặp; tránh thất thoát, lãng phí và không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.</p> <p>5. Đảm bảo công khai, minh bạch trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.</p> <p><b>Điều 9. Huy động và sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia</b></p> <p>1. Vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch tài chính 5 năm và được cân đối, bố trí trong kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách hằng năm theo từng nguồn vốn.</p> <p>a) Ngân sách trung ương đảm bảo cân đối, bố</p>	
--	---	--	--

trí để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo tổng mức đã được Quốc hội phê duyệt trong chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm.

b) Ngân sách địa phương đảm bảo cân đối, bố trí vốn đối ứng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Nguyên tắc phân bổ và giao vốn nguồn ngân sách trung ương cho các cơ quan chủ quản chương trình

a) Tuân thủ quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Phù hợp tiến độ thực hiện kế hoạch giai đoạn 5 năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Trên cơ sở kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao, kết quả huy động vốn đối ứng từ ngân sách địa phương, kết quả giải ngân vốn năm thực hiện.

3. Phân bổ vốn ngân sách nhà nước tại địa phương thực hiện theo quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước của cơ quan có thẩm quyền tại

		<p>địa phương.</p> <p>4. Các nội dung được ngân sách nhà nước bảo đảm thực hiện</p> <p>a) Thực hiện nội dung, hoạt động, dự án đầu tư theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia. Ưu tiên thực hiện hoạt động đầu tư, bảo trì công trình xây dựng, hỗ trợ phát triển sản xuất được quy định tại Chương IV, Chương V Nghị định này.</p> <p>b) Xây dựng và duy trì hệ thống giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia.</p> <p>c) Hoạt động của Ban Chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia ở trung ương và địa phương.</p> <p>5. Thanh toán, quyết toán vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, các quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p>	
<p>Về THTK, CLP trong quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ</p>	<p><b>Điều 21. Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b></p> <p>1. Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải đúng mục đích, không trùng lặp với các nguồn kinh phí khác và bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.</p>	<p><b>Luật Khoa học và công nghệ</b></p> <p><b>Điều 52. Áp dụng khoán chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ</b></p> <p>1. Việc áp dụng khoán chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà</p>	<p>Luật KHCN và các văn bản quy định chi tiết các vấn đề liên quan đến khoán chi nhiệm vụ KH&amp;CN sử dụng NSNN; việc hoàn trả NSNN trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được khoán chi đến</p>

<p><b>nghệ</b></p>	<p>2. Thực hiện cơ chế khoán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cơ sở định mức nghiên cứu khoa học, công nghệ và kết quả đầu ra. Chi quyết toán kinh phí đã cấp khi kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ đã được nghiệm thu. Đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ không được nghiệm thu thì phải hoàn trả một phần hoặc toàn bộ kinh phí đã cấp cho những nội dung, hạng mục không hoàn thành theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>	<p>nước được quy định như sau:</p> <p>a) Khoán chi được áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật và công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt mục tiêu, nội dung, yêu cầu về sản phẩm nghiên cứu và dự toán kinh phí;</p> <p>b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã xác định được rõ tiêu chí đối với sản phẩm cuối cùng trên cơ sở thẩm định thuyết minh và dự toán kinh phí thì được áp dụng khoán chi đến sản phẩm cuối cùng;</p> <p>c) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thể khoán chi đến sản phẩm cuối cùng và những nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tính rủi ro cao thì thực hiện việc khoán chi đối với từng phần công việc đã xác định rõ tiêu chí.</p> <p><b>Tại khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định 95/2014/NĐ-CP cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ quy định:</b></p> <p>“3. Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được khoán chi đến sản phẩm cuối cùng bị dừng thực hiện hoặc đánh giá không đạt yêu cầu thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền chịu trách nhiệm kiểm tra, xác định nguyên nhân dẫn đến việc dừng thực hiện hoặc đánh giá không đạt yêu cầu, ra quyết định xử lý.</p> <p>a) Người trực tiếp phê duyệt nhiệm vụ khoa</p>	<p>sản phẩm cuối cùng bị dừng thực hiện hoặc đánh giá không đạt yêu cầu.</p> <p>Nội dung quy định tại Luật THTK, CLP cơ bản trùng lặp với quy định tại Luật KHCV và không có nội hàm khác.</p>
--------------------	---	--	--

		<p>học và công nghệ thiếu trách nhiệm gây thất thoát, lãng phí nguồn lực và ngân sách nhà nước phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những tổn thất, lãng phí đối với nguồn lực và ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và phải bị xử lý theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm:</p> <p>Nộp hoàn trả ngân sách nhà nước toàn bộ kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp nhưng chưa sử dụng.</p> <p>Trường hợp do nguyên nhân khách quan thì không phải hoàn trả kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng.</p> <p>Trường hợp do nguyên nhân chủ quan thì tổng mức hoàn trả tối thiểu 40% kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng.</p> <p>4. Việc quyết toán kinh phí được thực hiện sau khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hoàn thành và các bên tiến hành thanh lý hợp đồng khoa học và công nghệ, theo phương thức quyết toán toàn bộ.</p> <p>Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện trong nhiều năm, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm có trách nhiệm tổng hợp báo cáo theo niên độ ngân sách đối với số kinh phí thực nhận và thực chi.”</p>	
--	--	---	--

<p><b>Về THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ y tế</b></p>	<p><b>Điều 23. Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ y tế</b></p> <p>1. Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ y tế phải đúng mục đích, đạt mục tiêu, đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, 05 năm, hàng năm và các dự án, công trình về y tế phải trên cơ sở nghiên cứu, khảo sát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực và hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo đảm tính đồng bộ trong hệ thống cơ sở y tế trong cả nước.</p> <p>3. Việc đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh phục vụ hoạt động của các cơ sở y tế do ngân sách nhà nước cấp kinh phí phải bảo đảm đúng quy hoạch, kế hoạch, đúng mục đích, đối tượng và quy trình về xây dựng, mua sắm, phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế về cơ sở vật chất và nguồn nhân lực của cơ sở y tế.</p> <p>4. Việc cấp giấy phép đăng ký mở cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải căn cứ vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển quy định tại khoản 2 Điều này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>	<p>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh không có quy định cụ thể đối với việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, 05 hàng năm; đồng thời không có yêu cầu phải trên cơ sở nghiên cứu, khảo sát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực và hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo đảm tính đồng bộ trong hệ thống cơ sở y tế trong cả nước.</p> <p>- Tại Chương III Nghị định 96/2023/NĐ-CP quy định về cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.</p> <p>Không có quy định về việc cấp giấy phép hoạt động cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải căn cứ vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển.</p>	<p>Chưa đảm bảo đồng bộ, thống nhất với quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh và Nghị định 96/2023/NĐ-CP.</p>
<p><b>Về THPTK,</b></p>	<p><b>Điều 24. Thành lập, quản lý, sử dụng quỹ</b></p>	<p><b>Tại khoản 17, 18, 19 Điều 4 Luật NSNN</b></p>	<p>Chưa thống nhất về thuật ngữ</p>

<p><b>CLP trong thành lập, quản lý, sử dụng quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước</b></p>	<p><b>có nguồn từ ngân sách nhà nước</b></p> <p>1. Việc thành lập các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước phải đáp ứng đủ các yêu cầu, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có đề án thành lập quỹ, trong đó nêu rõ cơ sở pháp lý, sự cần thiết, ý nghĩa kinh tế - xã hội và tính không thay thế được bằng các hình thức cấp phát ngân sách;</p> <p>b) Phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước;</p> <p>c) Không trùng lặp về mục đích, tôn chỉ của quỹ;</p> <p>d) Bảo đảm thành lập theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền.</p> <p>2. Việc quản lý, sử dụng quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:</p> <p>a) Tuân thủ các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;</p> <p>b) Thực hiện đúng quy chế hoạt động và cơ chế tài chính của quỹ;</p> <p>c) Bảo đảm đúng mục đích, tôn chỉ của quỹ;</p> <p>d) Thực hiện đầy đủ các quy định về thông tin báo cáo;</p> <p>đ) Công khai theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước phải công khai các nội dung sau đây:</p>	<p><b>hiện nay chỉ quy định 03 loại Quỹ:</b></p> <p>17. Quỹ dự trữ tài chính là quỹ của Nhà nước, hình thành từ ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>18. Quỹ ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản tiền của Nhà nước, kể cả tiền vay có trên tài khoản của ngân sách nhà nước các cấp tại một thời điểm.</p> <p>19. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là quỹ do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, nguồn thu, nhiệm vụ chi của quỹ để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.</p>	<p>với Luật NSNN cũng như trình tự thủ tục thành lập Quỹ.</p> <p>Theo đó quy định tại Luật THTK, CLP hiện hành chưa phù hợp với quy định tại Luật Ngân sách nhà nước.</p>
--	---	---	---

	<p>a) Quy chế hoạt động và cơ chế tài chính của quỹ;</p> <p>b) Kế hoạch tài chính hàng năm, trong đó chi tiết các khoản thu, chi có quan hệ với ngân sách nhà nước theo quy định của cấp có thẩm quyền;</p> <p>c) Kết quả hoạt động của quỹ;</p> <p>d) Quyết toán tài chính năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>4. Quỹ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và các quỹ thành lập theo quy định của pháp luật nếu hoạt động không đúng tôn chỉ, mục đích hoặc đã hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ hoặc không hiệu quả thì người có thẩm quyền thành lập quỹ có trách nhiệm giải thể hoặc trình cấp có thẩm quyền giải thể theo quy định của pháp luật.</p>		
<p>Về THPTK, CLP trong mua sắm, trang bị, sửa chữa phương tiện đi lại</p>	<p><b>Điều 28. Mua sắm, trang bị, sửa chữa phương tiện đi lại</b></p> <p>1. Mua sắm, trang bị phương tiện đi lại phải đúng đối tượng, phục vụ thiết thực cho công việc; không vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.</p> <p>2. Sửa chữa, thay thế phương tiện đi lại phải căn cứ vào định mức, tiêu chuẩn, chế độ và các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật của cơ</p>	<p><b>Tại Điều 31 Luật Quản lý sử dụng tài sản công quy định:</b></p> <p><b>Điều 31. Mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước</b></p> <p>1. Việc mua sắm trụ sở làm việc và tài sản công khác được áp dụng trong trường hợp cơ quan nhà nước chưa có tài sản hoặc còn thiếu tài sản so với tiêu chuẩn, định mức nhưng Nhà nước không có tài sản để giao và không thuộc trường hợp được thuê, khoán kinh phí sử dụng tài sản công.</p>	<p>Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đã quy định cụ thể đối với việc mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.</p> <p>Quy định tại Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hiện hành cơ bản không có nội hàm cụ thể và có một số khái niệm chưa thật sự rõ để xác định như "<i>Mua sắm, trang bị phương tiện đi lại phải đúng đối tượng, phục vụ thiết thực cho công</i></p>



	<p>quan, tổ chức có thẩm quyền.</p> <p>3. Cơ quan, tổ chức được giao quản lý, sử dụng phương tiện đi lại có trách nhiệm:</p> <p>a) Xác định mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong mua sắm, sửa chữa, thay thế phương tiện đi lại;</p> <p>b) Hàng năm, xây dựng kế hoạch mua sắm, trang bị mới, sửa chữa phương tiện đi lại hoặc thực hiện điều chuyển từ nơi thừa sang nơi thiếu để thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm được giao, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ.</p>	<p>2. Việc mua sắm tài sản công được thực hiện theo phương thức mua sắm tập trung hoặc mua sắm phân tán.</p> <p>3. Phương thức mua sắm tập trung được áp dụng bắt buộc đối với tài sản thuộc danh mục tài sản mua sắm tập trung theo quy định của pháp luật về đấu thầu.</p> <p>Đối với tài sản không thuộc danh mục tài sản mua sắm tập trung nhưng nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu mua sắm tài sản cùng loại thì có thể thống nhất gộp thành một gói thầu để giao cho một trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị mua sắm hoặc giao cho đơn vị mua sắm tập trung thực hiện việc mua sắm.</p> <p>4. Việc lựa chọn nhà thầu cung cấp tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.</p> <p><b>Điều 39. Bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công tại cơ quan nhà nước</b></p> <p>1. Cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công hoặc cơ quan, đơn vị quản lý vận hành tài sản công có trách nhiệm thực hiện việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này ban hành.</p> <p>2. Nhà nước bảo đảm kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công tại cơ quan nhà nước theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ</p>	<p><i>việc"</i></p>
--	---	---	---------------------

		<p>thuật.</p> <p>3. Thẩm quyền ban hành chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công:</p> <p>a) Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa đối với tài sản công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ;</p> <p>b) Đối với tài sản công chưa có chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại điểm a khoản này, căn cứ vào hướng dẫn của nhà sản xuất và thực tế sử dụng tài sản, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hoặc phân cấp thẩm quyền quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa áp dụng đối với tài sản công tại các cơ quan thuộc phạm vi quản lý.</p>	
<p><b>Về THPT, CLP trong quản lý, sử dụng phương tiện đi lại</b></p>	<p><b>Điều 29. Quản lý, sử dụng phương tiện đi lại</b></p> <p>1. Sử dụng phương tiện đi lại của cơ quan, tổ chức phải đúng mục đích, đối tượng và không vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng phương tiện đi lại có trách nhiệm:</p> <p>a) Xác định mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong sử dụng</p>	<p><b>Điều 34, 48 Luật QLSD TSC quy định:</b></p> <p><b>Điều 34. Sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước</b></p> <p>1. Việc sử dụng tài sản công phải tuân thủ nguyên tắc quy định tại Điều 6 của Luật này.</p> <p>2. Không được cho mượn, sử dụng tài sản công vào mục đích cá nhân.</p> <p>3. Cơ quan nhà nước được sử dụng hội trường, phương tiện vận tải chưa sử dụng hết công suất cho cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng</p>	<p>Luật QLSDTSC đã quy định cụ thể về việc quản lý sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước (trong đó có phương tiện đi lại), và việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản công tại cơ quan nhà nước.</p> <p>Theo đó quy định tại Luật THPT, CLP cơ bản trùng lặp với nội dung đã được quy định tại Luật QLSDTSC.</p>

<p>phương tiện đi lại;</p> <p>b) Thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc bảo quản phương tiện đi lại, sử dụng nhiên liệu theo đúng định mức tiêu hao để thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm được giao.</p> <p>3. Phương tiện đi lại không còn sử dụng được phải được thanh lý và nộp tiền thu được vào ngân sách nhà nước kịp thời theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Chính phủ quy định và tổ chức thực hiện chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại theo các phương thức sau đây:</p> <p>a) Trang bị phương tiện đi lại theo chức danh, chức vụ, địa bàn, ngành nghề công tác;</p> <p>b) Thuê phương tiện đi lại của doanh nghiệp dịch vụ để phục vụ công việc;</p> <p>c) Khoản kinh phí cho người có tiêu chuẩn, chế độ sử dụng phương tiện đi lại.</p>	<p>vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội sử dụng chung theo đúng công năng của tài sản, bảo đảm an ninh, an toàn và được thu một khoản kinh phí để bù đắp chi phí trực tiếp liên quan đến vận hành tài sản trong thời gian sử dụng theo quy định của Chính phủ.</p> <p>4. Cơ quan nhà nước được sử dụng nhà ở công vụ, quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu và tài sản công khác để khai thác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan; việc quản lý, sử dụng số tiền thu được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p> <p><b>Điều 48. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản công tại cơ quan nhà nước</b></p> <p>1. Số tiền thu được từ xử lý tài sản công được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước, sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến xử lý tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.</p> <p>2. Chi phí có liên quan đến xử lý tài sản công phải được lập dự toán và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Chi phí có liên quan đến xử lý tài sản công bao gồm:</p> <p>a) Chi phí kiểm kê, đo vẽ;</p> <p>b) Chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ, tiêu hủy;</p> <p>c) Chi phí định giá và thẩm định giá tài sản;</p> <p>d) Chi phí tổ chức bán đấu giá;</p>	<p>Riêng nội dung “Phương tiện đi lại không còn sử dụng được phải được thanh lý và nộp tiền thu được vào ngân sách nhà nước kịp thời theo quy định của pháp luật” thì chưa thực sự đồng bộ với quy định về quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản công tại cơ quan nhà nước.</p>
---	--	--

		d) Chi phí hợp lý khác có liên quan.	
<p><b>Về THTK, CLP trong mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc</b></p>	<p><b>Điều 30. Mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc</b></p> <p>1. Mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc phải đúng mục đích, đối tượng; không vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phục vụ thiết thực, hiệu quả cho công việc, đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ và phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc có trách nhiệm:</p> <p>a) Bố trí, phân công người quản lý, sử dụng; bảo trì, bảo dưỡng và mở sổ theo dõi các loại phương tiện, thiết bị làm việc;</p> <p>b) Ban hành quy chế nội bộ về sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc; giao mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí đến từng bộ phận, cá nhân sử dụng để thực hiện;</p> <p>c) Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý phương tiện, thiết bị làm việc không cần sử dụng, sử dụng không hiệu quả hoặc không còn sử dụng được bằng hình thức điều chuyển, thu hồi, thanh lý hoặc bán theo quy định của</p>	<p><b>Luật QLSDTSC quy định</b></p> <p><b>Điều 29. Nhà nước giao tài sản bằng hiện vật cho cơ quan nhà nước</b></p> <p>1. Nhà nước giao tài sản bằng hiện vật cho cơ quan nhà nước trong trường hợp thiếu tài sản so với tiêu chuẩn, định mức.</p> <p>2. Tài sản giao cho cơ quan nhà nước sử dụng bao gồm:</p> <p>a) Tài sản do Nhà nước đầu tư xây dựng, mua sắm;</p> <p>b) Tài sản thu hồi theo quy định tại Điều 41 của Luật này;</p> <p>c) Tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước quy định tại Mục 1 Chương VI của Luật này;</p> <p>d) Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân quy định tại Mục 2 Chương VI của Luật này;</p> <p>đ) Đất được giao để xây dựng trụ sở theo quy định của pháp luật về đất đai;</p> <p>e) Tài sản khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Thẩm quyền quyết định giao tài sản công được thực hiện theo phân cấp của Chính phủ và các quy định sau đây:</p> <p>a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định giao tài sản công quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 2 Điều này cho Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ tài sản quy định</p>	<p>Luật QLSDTSC đã có quy định cụ thể về giao tài sản bằng hiện vật cho cơ quan nhà nước, mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước.</p> <p>Theo đó, quy định tại Luật THTK, CLP cơ bản trùng lặp với quy định đã có tại Luật QLSDTSC, không có nội hàm khác.</p>

	<p>pháp luật.</p>	<p>tại điểm b và điểm c khoản này;</p> <p>b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định giao tài sản công quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 2 Điều này do Bộ, cơ quan trung ương đầu tư xây dựng, mua sắm hoặc quản lý cho cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý;</p> <p>c) Ủy ban nhân dân các cấp quyết định giao tài sản công quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 2 Điều này do cấp mình đầu tư xây dựng, mua sắm hoặc quản lý cho cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý;</p> <p>d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao tài sản công quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>4. Cơ quan đang quản lý tài sản công thực hiện bàn giao tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều này.</p> <p><b>Điều 31. Mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước</b></p> <p>1. Việc mua sắm trụ sở làm việc và tài sản công khác được áp dụng trong trường hợp cơ quan nhà nước chưa có tài sản hoặc còn thiếu tài sản so với tiêu chuẩn, định mức nhưng Nhà nước không có tài sản để giao và không thuộc trường hợp được thuê, khoán kinh phí sử dụng tài sản công.</p> <p>2. Việc mua sắm tài sản công được thực hiện</p>	
--	-------------------	--	--

		<p>theo phương thức mua sắm tập trung hoặc mua sắm phân tán.</p> <p>3. Phương thức mua sắm tập trung được áp dụng bắt buộc đối với tài sản thuộc danh mục tài sản mua sắm tập trung theo quy định của pháp luật về đấu thầu.</p> <p>Đối với tài sản không thuộc danh mục tài sản mua sắm tập trung nhưng nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu mua sắm tài sản cùng loại thì có thể thống nhất gộp thành một gói thầu để giao cho một trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị mua sắm hoặc giao cho đơn vị mua sắm tập trung thực hiện việc mua sắm.</p> <p>4. Việc lựa chọn nhà thầu cung cấp tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.</p>	
<p>Về THPT, CLP trong mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện thông tin, liên lạc</p>	<p><b>Điều 31. Mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện thông tin, liên lạc</b></p> <p>1. Mua sắm, trang bị phương tiện thông tin, liên lạc tại trụ sở làm việc phải theo yêu cầu công việc, không vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Phương tiện thông tin, liên lạc tại trụ sở làm việc chỉ được sử dụng vào mục đích công vụ.</p> <p>2. Việc trang bị, sử dụng phương tiện thông tin, liên lạc cho cá nhân hoặc tại nhà riêng của cán bộ, công chức phải theo định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có</p>	<p>Luật QLSDTSC đã có quy định cụ thể về mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng tài sản công (trong đó có phương tiện thông tin, liên lạc) tại cơ quan nhà nước.</p>	<p>Theo đó, quy định tại Luật THPT, CLP cơ bản trùng lặp với quy định đã có tại Luật QLSDTSC, không có nội hàm khác.</p>

	<p>thẩm quyền ban hành và dự toán được duyệt; thực hiện khoán đến người sử dụng khoán kinh phí này.</p> <p>3. Cơ quan, tổ chức được giao quản lý, sử dụng phương tiện thông tin, liên lạc có trách nhiệm:</p> <p>a) Ban hành và tổ chức thực hiện quy chế nội bộ về sử dụng phương tiện thông tin, liên lạc; giao mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí đến từng bộ phận, cá nhân sử dụng để thực hiện;</p> <p>b) Rà soát toàn bộ phương tiện thông tin, liên lạc thuộc phạm vi quản lý, thu hồi những phương tiện được trang bị không đúng đối tượng và lập kế hoạch trang bị, điều chuyển phương tiện thông tin, liên lạc phù hợp với yêu cầu công việc, tiết kiệm và hiệu quả.</p>		
<p><b>Về THTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch và danh mục dự án đầu tư</b></p>	<p><b>Điều 33. Lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch và danh mục dự án đầu tư</b></p> <p>1. Việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch trong hệ thống quy hoạch quốc gia; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch phát triển ngành, vùng, lĩnh vực và sản phẩm; kế hoạch sử dụng đất phải phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và khả năng của nền kinh tế.</p> <p>2. Việc lập, thẩm định và phê duyệt danh</p>	<p><b>Tại Điều 21 Luật Quy hoạch quy định</b></p> <p><b>Điều 21. Yêu cầu về nội dung quy hoạch</b></p> <p>1. Bảo đảm yêu cầu hoạch định và phát triển trên toàn bộ không gian lãnh thổ quốc gia, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa, di sản văn hóa, di sản thiên nhiên cho các thế hệ hiện tại và tương lai.</p>	<p>- Luật Quy hoạch đã quy định cụ thể về nội dung quy hoạch làm cơ sở để lập, thẩm định và phê duyệt Quy hoạch.</p> <p>Quy định tại Luật THTK, CLP hiện hành chỉ mang tính nguyên tắc và cũng không có nội hàm khác.</p> <p>- Chưa đảm bảo đồng bộ, thống nhất với Luật Đầu tư về việc ban hành Danh mục dự án đầu</p>

	<p>mục dự án đầu tư phải phù hợp với quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch phát triển ngành, vùng, lĩnh vực và sản phẩm; kế hoạch sử dụng đất.</p>	<p>2. Việc phân bổ phát triển không gian trong quá trình lập quy hoạch phải bảo đảm thống nhất giữa kết cấu hạ tầng, phân bổ đất đai và bảo vệ môi trường, dịch vụ hệ sinh thái.</p> <p>3. Bảo đảm sự liên kết, tính đồng bộ và hệ thống giữa các ngành và các vùng trong cả nước, giữa các địa phương trong vùng và khai thác, sử dụng tối đa kết cấu hạ tầng hiện có; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương gắn với tiến bộ công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.</p> <p>4. Bảo đảm sự cân bằng giữa các yếu tố kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường trong quá trình lập quy hoạch.</p> <p>5. Bảo đảm giảm thiểu các tác động tiêu cực do kinh tế - xã hội, môi trường gây ra đối với sinh kế của cộng đồng, người cao tuổi, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, phụ nữ và trẻ em. Quá trình lập quy hoạch phải được kết hợp với các chính sách khác thúc đẩy phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn và bảo đảm sinh kế bền vững của người dân trong khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn.</p> <p>6. Bảo đảm kết hợp hài hòa giữa lợi ích của nhà nước và lợi ích của cộng đồng; giữa lợi ích của các vùng, các địa phương.</p> <p>7. Bảo đảm quyền tham gia ý kiến của cơ quan, tổ chức, cộng đồng và cá nhân trong quá trình lập quy hoạch.</p>	<p>tu.</p>
--	--	---	------------



		<p>8. Bảo đảm tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại trong quá trình lập quy hoạch; đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.</p> <p>9. Nội dung của từng loại quy hoạch phải thống nhất, liên kết với nhau và được thể hiện bằng báo cáo quy hoạch và hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.</p> <p><b>Luật Đầu tư hiện hành chỉ có quy định về ban hành Danh mục dự án thu hút vốn đầu tư của ngành và của địa phương (không có quy định về việc lập, thẩm định và phê duyệt danh mục dự án đầu tư nói chung).</b></p>	
<p><b>Về THTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư</b></p>	<p><b>Điều 34. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư</b></p> <p>1. Lập, thẩm định dự án đầu tư phải phù hợp với quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch phát triển ngành, vùng; kế hoạch sử dụng đất; danh mục dự án đầu tư theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn trong xây dựng.</p> <p>2. Phê duyệt dự án đầu tư phải phù hợp với khả năng bố trí nguồn vốn; bảo đảm cân đối giữa nguồn vật tư, nguyên liệu với năng lực sản xuất và thị trường tiêu thụ; đạt hiệu quả kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.</p>	<p><b>Luật Đầu tư hiện hành chỉ có quy định về ban hành Danh mục dự án thu hút vốn đầu tư của ngành và của địa phương (không có quy định về việc lập, thẩm định và phê duyệt danh mục dự án đầu tư nói chung).</b></p>	<p>Chưa đảm bảo đồng bộ, thống nhất với Luật Đầu tư đối với yêu cầu việc lập, thẩm định dự án đầu tư <u>phải phù hợp với quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch phát triển ngành, vùng; kế hoạch sử dụng đất; danh mục dự án đầu tư theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn trong xây dựng.</u></p>

	<p>3. Dự án đầu tư trước khi quyết định đầu tư phải chứng minh rõ nguồn vốn đầu tư, bảo đảm cân đối đủ nguồn vốn để thực hiện dự án đúng tiến độ.</p>		
<p><b>Về THPTK, CLP trong khảo sát, thiết kế xây dựng công trình</b></p>	<p><b>Điều 35. Khảo sát, thiết kế xây dựng công trình</b></p> <p>1. Việc khảo sát, thiết kế xây dựng công trình phải theo đúng quy trình, quy phạm khảo sát, thiết kế do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.</p> <p>2. Việc thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng công trình phải theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.</p>	<p><b>Tại Điều 74, 79 Luật Xây dựng quy định:</b></p> <p><b>Điều 74. Yêu cầu đối với khảo sát xây dựng</b></p> <p>1. Nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng phải được lập phù hợp với loại, cấp công trình xây dựng, loại hình khảo sát, bước thiết kế và yêu cầu của việc lập thiết kế xây dựng.</p> <p>2. Phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng phải đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ khảo sát xây dựng và tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về khảo sát xây dựng được áp dụng.</p> <p>3. Công tác khảo sát xây dựng phải tuân thủ phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng, bảo đảm an toàn, bảo vệ môi trường, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ khảo sát xây dựng được duyệt và được kiểm tra, giám sát, nghiệm thu theo quy định.</p> <p>4. Kết quả khảo sát xây dựng phải được lập thành báo cáo, bảo đảm tính trung thực, khách quan, phản ánh đúng thực tế và phải được phê duyệt.</p> <p>5. Nhà thầu khảo sát xây dựng phải đủ điều kiện năng lực phù hợp với loại, cấp công trình xây dựng, loại hình khảo sát.</p>	<p>Luật Xây dựng đã có quy định cụ thể về yêu cầu đối với khảo sát, thiết kế xây dựng.</p> <p>Quy định tại Luật THPTK, CLP hiện hành cơ bản không có nội hàm mới.</p>

**Điều 79. Yêu cầu đối với thiết kế xây dựng**

1. Đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế; phù hợp với nội dung dự án đầu tư xây dựng được duyệt, quy hoạch xây dựng, cảnh quan kiến trúc, điều kiện tự nhiên, văn hóa - xã hội tại khu vực xây dựng.

2. Nội dung thiết kế xây dựng công trình phải đáp ứng yêu cầu của từng bước thiết kế.

3. Tuân thủ tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng, đáp ứng yêu cầu về công năng sử dụng, công nghệ áp dụng (nếu có); bảo đảm an toàn chịu lực, an toàn trong sử dụng, mỹ quan, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống cháy, nổ và điều kiện an toàn khác.

4. Có giải pháp thiết kế phù hợp và chi phí xây dựng hợp lý; bảo đảm đồng bộ trong từng công trình và với các công trình liên quan; bảo đảm điều kiện về tiện nghi, vệ sinh, sức khỏe cho người sử dụng; tạo điều kiện cho người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em sử dụng công trình. Khai thác lợi thế và hạn chế tác động bất lợi của điều kiện tự nhiên; ưu tiên sử dụng vật liệu tại chỗ, vật liệu thân thiện với môi trường.

5. Thiết kế xây dựng phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này.

6. Nhà thầu thiết kế xây dựng phải có đủ điều

		<p>kiện năng lực phù hợp với loại, cấp công trình và công việc do mình thực hiện.</p> <p>7. Thiết kế xây dựng nhà ở riêng lẻ được quy định như sau:</p> <p>a) Thiết kế xây dựng nhà ở riêng lẻ phải đáp ứng yêu cầu thiết kế quy định tại khoản 3 Điều này;</p> <p>b) Hộ gia đình được tự thiết kế nhà ở riêng lẻ có tổng diện tích sàn xây dựng nhỏ hơn 250 m<sup>2</sup> hoặc dưới 3 tầng hoặc có chiều cao dưới 12 mét, phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng thiết kế, tác động của công trình xây dựng đến môi trường và an toàn của các công trình lân cận.</p>	
<p><b>Về THTK, CLP trong phê duyệt tổng dự toán, dự toán công trình</b></p>	<p><b>Điều 36. Lập, thẩm định, phê duyệt tổng dự toán, dự toán công trình</b></p> <p>1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt tổng dự toán, dự toán công trình phải căn cứ vào định mức, đơn giá, tiêu chuẩn xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và phải phù hợp với thiết kế xây dựng công trình đã được phê duyệt.</p> <p>2. Việc điều chỉnh tổng dự toán, dự toán công trình phải căn cứ vào thực tế thực hiện, làm rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan, trách nhiệm liên quan đến việc phải điều chỉnh và tuân thủ quy trình, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư,</p>	<p><b>Tại Điều 134, 135 Luật Xây dựng quy định Điều 134. Tổng mức đầu tư xây dựng</b></p> <p>1. Tổng mức đầu tư xây dựng là toàn bộ chi phí đầu tư xây dựng của dự án được xác định phù hợp với thiết kế cơ sở và các nội dung của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Trường hợp phải lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng thì việc xác định sơ bộ tổng mức đầu tư theo thiết kế sơ bộ là cơ sở để</p> <p>2. Nội dung tổng mức đầu tư xây dựng gồm chi phí xây dựng, thiết bị, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, quản lý dự án, tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí dự phòng</p>	<p>Luật Xây dựng đã có quy định cụ thể về tổng mức đầu tư xây dựng và dự toán xây dựng.</p> <p>Quy định tại Luật THTK, CLP hiện hành cơ bản chỉ mang tính nguyên tắc, không có nội hàm mới.</p>

	<p>xây dựng, đấu thầu và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>	<p>cho khối lượng phát sinh và trượt giá. Đối với dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, tổng mức đầu tư xây dựng bao gồm các chi phí trong dự toán xây dựng công trình theo quy định tại Điều 135 của Luật này, chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí khác.</p> <p>3. Tổng mức đầu tư xây dựng được xác định từ khối lượng xây dựng tính theo thiết kế cơ sở và các yêu cầu cần thiết khác của dự án hoặc được xác định theo suất vốn đầu tư xây dựng hoặc từ dữ liệu về chi phí của các công trình tương tự đã thực hiện.</p> <p>4. Tổng mức đầu tư xây dựng phải được thẩm định, phê duyệt và là cơ sở để quản lý chi phí của dự án. Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, tổng mức đầu tư xây dựng được phê duyệt là mức chi phí tối đa mà chủ đầu tư được phép sử dụng để thực hiện dự án.</p> <p>5. Tổng mức đầu tư xây dựng được phê duyệt của dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công chỉ được điều chỉnh khi điều chỉnh dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 61 của Luật này. Đối với dự án sử dụng vốn khác, việc điều chỉnh tổng mức đầu tư do người quyết định đầu tư quyết định.</p> <p><b>Điều 135. Dự toán xây dựng</b></p> <p>1. Dự toán xây dựng là chi phí cần thiết để xây dựng công trình, thực hiện gói thầu, công việc</p>	
--	--	---	--

xây dựng được xác định trên cơ sở khối lượng tính toán từ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, yêu cầu công việc phải thực hiện và định mức, giá xây dựng.

2. Nội dung dự toán xây dựng gồm chi phí về xây dựng, thiết bị, quản lý dự án, tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và dự phòng.

3. Dự toán xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công được phê duyệt theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 82 của Luật này là cơ sở xác định giá gói thầu và đàm phán, ký kết hợp đồng xây dựng.

4. Dự toán xây dựng được phê duyệt của dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

a) Điều chỉnh tổng mức đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 61 của Luật này;

b) Được phép thay đổi, bổ sung thiết kế không trái với thiết kế cơ sở hoặc thay đổi cơ cấu chi phí dự toán xây dựng nhưng không vượt tổng mức đầu tư xây dựng được phê duyệt;

c) Việc điều chỉnh dự toán xây dựng công trình phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng.

5. Việc điều chỉnh dự toán xây dựng các dự án sử dụng vốn khác do người quyết định đầu tư, chủ đầu tư quyết định.

<p><b>Về THTK, CLP trong lựa chọn nhà thầu, tổ chức tư vấn giám sát thực hiện dự án đầu tư</b></p>	<p><b>Điều 37. Lựa chọn nhà thầu, tổ chức tư vấn giám sát thực hiện dự án đầu tư</b></p> <p>1. Chủ đầu tư phải thực hiện thông báo công khai việc mời thầu trên phương tiện thông tin đại chúng và tổ chức đấu thầu theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu để lựa chọn nhà thầu, tổ chức tư vấn giám sát.</p> <p>2. Nhà thầu, tổ chức tư vấn giám sát được lựa chọn phải có đủ điều kiện, năng lực thực hiện, giám sát thực hiện dự án đầu tư; có phương án tiết kiệm, chống lãng phí.</p>	<p><b>Khoản 7 Điều 12 Luật Xây dựng quy định:</b></p> <p>7. Chủ đầu tư lựa chọn nhà thầu không đủ điều kiện năng lực để thực hiện hoạt động xây dựng.</p> <p><b>Tại điểm a khoản 2 Điều 85 Luật Xây dựng quy định</b></p> <p>“2. Chủ đầu tư có các nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Lựa chọn nhà thầu thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, năng lực hành nghề phù hợp với loại, cấp công trình xây dựng;”</p> <p><b>Tại điểm a khoản 2 Điều 112 Luật Xây dựng quy định</b></p> <p>“2. Chủ đầu tư có các nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Lựa chọn nhà thầu có đủ điều kiện năng lực hoạt động thi công xây dựng phù hợp với loại, cấp công trình và công việc thi công xây dựng;“</p>	<p>Luật Xây dựng hiện hành đã có quy định đầy đủ về lựa chọn nhà thầu thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng.</p> <p>Quy định tại Luật THTK, CLP hiện hành cơ bản chỉ mang tính nguyên tắc, không có nội hàm mới.</p>
<p><b>Về THTK, CLP trong thực hiện dự án đầu tư, thi công công trình</b></p>	<p><b>Điều 38. Thực hiện dự án đầu tư, thi công công trình</b></p> <p>1. Dự án đầu tư chỉ được thực hiện, công trình chỉ được thi công khi đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Dự án đầu tư, công trình không nằm trong quy hoạch, kế hoạch, không bảo đảm các điều kiện quy định, không đúng quy trình, thủ tục đầu tư phải bị đình chỉ hoặc hủy bỏ.</p>	<p><b>Khoản 39 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi 2020 quy định</b></p> <p>39. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 107 như sau:</p> <p>“1. Việc khởi công xây dựng công trình phải bảo đảm các điều kiện sau:</p> <p>a) Có mặt bằng xây dựng để bàn giao toàn bộ hoặc từng phần theo tiến độ xây dựng;</p> <p>b) Có giấy phép xây dựng đối với công trình phải có giấy phép xây dựng theo quy định tại</p>	<p>Luật Xây dựng cơ bản đã có đầy đủ các quy định về điều kiện đối với việc khởi công xây dựng công trình, chuẩn bị mặt bằng xây dựng, các yêu cầu đối với việc thi công công trình xây dựng, quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư trong việc thi công xây dựng công trình.</p> <p>Quy định tại Luật THTK, CLP</p>

	<p>2. Giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng phải bảo đảm tiến độ thực hiện dự án. Việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng phải bảo đảm dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, kịp thời và đúng quy định của pháp luật.</p> <p>3. Thi công công trình phải đúng thiết kế, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng; đúng tiến độ đã được phê duyệt. Chủ đầu tư, chủ dự án phải chịu trách nhiệm kiểm tra, yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng thời gian thi công, thi công đúng thiết kế, sử dụng nguyên liệu, vật liệu theo đúng tiêu chuẩn chất lượng, yêu cầu kỹ thuật, bảo đảm chất lượng công trình và tiến độ thi công.</p> <p>4. Tổ chức tư vấn giám sát thi công công trình có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với chủ đầu tư, chủ dự án; phát hiện và ngăn chặn kịp thời hành vi tiêu cực, gây lãng phí trong quá trình thi công.</p> <p>5. Chủ đầu tư, chủ dự án có trách nhiệm:</p> <p>a) Xác định cụ thể mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí để giao cho nhà thầu thực hiện;</p> <p>b) Không được tự ý thay đổi thiết kế, dự toán công trình hoặc giá trúng thầu đã được duyệt; tiến hành nghiệm thu và quyết toán công trình theo đúng quy định.</p>	<p>Điều 89 của Luật này;</p> <p>c) Có thiết kế bản vẽ thi công của hạng mục công trình, công trình khởi công đã được phê duyệt;</p> <p>d) Chủ đầu tư đã ký kết hợp đồng với nhà thầu thực hiện các hoạt động xây dựng liên quan đến công trình được khởi công theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Có biện pháp bảo đảm an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng;</p> <p>e) Chủ đầu tư đã gửi thông báo về ngày khởi công xây dựng đến cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương trước thời điểm khởi công xây dựng ít nhất là 03 ngày làm việc.”.</p> <p><b>Điều 108. Chuẩn bị mặt bằng xây dựng</b></p> <p>1. Việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng xây dựng được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai. Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư đối với dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Thời hạn giải phóng mặt bằng xây dựng phải đáp ứng yêu cầu tiến độ thực hiện dự án đã được phê duyệt hoặc quyết định của người có thẩm quyền.</p> <p>3. Việc bàn giao toàn bộ hoặc một phần mặt bằng xây dựng để thi công theo thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây</p>	<p>cơ bản mang tính nguyên tắc, trùng lặp với quy định đã có tại Luật Xây dựng.</p>
--	--	---	---



		<p>dụng.</p> <p><b>Điều 111. Yêu cầu đối với thi công xây dựng công trình</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Tuân thủ thiết kế xây dựng được duyệt, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng; bảo đảm an toàn chịu lực, an toàn trong sử dụng, mỹ quan, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ và điều kiện an toàn khác theo quy định của pháp luật.</li><li>2. Bảo đảm an toàn cho công trình xây dựng, người, thiết bị thi công, công trình ngầm và các công trình liền kề; có biện pháp cần thiết hạn chế thiệt hại về người và tài sản khi xảy ra sự cố gây mất an toàn trong quá trình thi công xây dựng.</li><li>3. Thực hiện các biện pháp kỹ thuật an toàn riêng đối với những hạng mục công trình, công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, phòng, chống cháy, nổ.</li><li>4. Sử dụng vật tư, vật liệu đúng chủng loại quy cách, số lượng theo yêu cầu của thiết kế xây dựng, bảo đảm tiết kiệm trong quá trình thi công xây dựng.</li><li>5. Thực hiện kiểm tra, giám sát và nghiệm thu công việc xây dựng, giai đoạn chuyên bước thi công quan trọng khi cần thiết, nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng hoàn thành để đưa vào khai thác, sử dụng.</li></ol>	
--	--	--	--

		<p>6. Nhà thầu thi công xây dựng công trình phải có đủ điều kiện năng lực phù hợp với loại, cấp công trình và công việc xây dựng.</p> <p><b>Điều 112. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư trong việc thi công xây dựng công trình</b></p> <p>1. Chủ đầu tư có các quyền sau:</p> <p>a) Tự thực hiện thi công xây dựng công trình khi có đủ năng lực hoạt động thi công xây dựng công trình phù hợp hoặc lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng;</p> <p>b) Đàm phán, ký kết hợp đồng thi công xây dựng; giám sát và yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết; xem xét, chấp thuận biện pháp thi công, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường do nhà thầu trình</p> <p>c) Đình chỉ thực hiện hoặc chấm dứt hợp đồng với nhà thầu thi công xây dựng theo quy định của pháp luật và của hợp đồng xây dựng;</p> <p>d) Dừng thi công xây dựng công trình, yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng khắc phục hậu quả khi vi phạm các quy định về chất lượng công trình, an toàn và bảo vệ môi trường;</p> <p>đ) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan phối hợp để thực hiện các công việc trong quá trình thi công xây dựng công trình;</p> <p>e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.</p>	
--	--	--	--

		<p>2. Chủ đầu tư có các nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>a) Lựa chọn nhà thầu có đủ điều kiện năng lực hoạt động thi công xây dựng phù hợp với loại, cấp công trình và công việc thi công xây dựng;</li><li>b) Phối hợp, tham gia với Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện việc bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng xây dựng để bàn giao cho nhà thầu thi công xây dựng;</li><li>c) Tổ chức giám sát và quản lý chất lượng trong thi công xây dựng phù hợp với hình thức quản lý dự án, hợp đồng xây dựng;</li><li>d) Kiểm tra biện pháp thi công, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường;</li><li>đ) Tổ chức nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình;</li><li>e) Thuê tổ chức tư vấn có đủ năng lực hoạt động xây dựng để kiểm định chất lượng công trình khi cần thiết;</li><li>g) Xem xét, quyết định các đề xuất liên quan đến thiết kế của nhà thầu trong quá trình thi công xây dựng;</li><li>h) Lưu trữ hồ sơ xây dựng công trình;</li><li>i) Chịu trách nhiệm về chất lượng, nguồn gốc của vật tư, nguyên liệu, vật liệu, thiết bị, sản phẩm xây dựng do mình cung cấp sử dụng vào công trình;</li><li>k) Bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng và hành vi vi phạm khác do mình gây ra;</li></ul>	
--	--	---	--

		1) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.	
<p><b>THTK, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp</b></p>	<p><b>Điều 42. Quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp</b></p> <p>1. Cơ quan, tổ chức được giao quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với diện tích đất thuộc trụ sở làm việc hoặc cơ sở hoạt động sự nghiệp phải quản lý, sử dụng theo đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>Việc xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa hoặc thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước phải phù hợp với định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.</p> <p>2. Trụ sở làm việc sử dụng không đúng mục đích hoặc không sử dụng phải bị thu hồi và xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và pháp luật về ngân sách nhà nước.</p>	<p><b>Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định</b></p> <p><b>Điều 34. Sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước</b></p> <p>1. Việc sử dụng tài sản công phải tuân thủ nguyên tắc quy định tại Điều 6 của Luật này.</p> <p>2. Không được cho mượn, sử dụng tài sản công vào mục đích cá nhân.</p> <p>3. Cơ quan nhà nước được sử dụng hội trường, phương tiện vận tải chưa sử dụng hết công suất cho cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội sử dụng chung theo đúng công năng của tài sản, bảo đảm an ninh, an toàn và được thu một khoản kinh phí để bù đắp chi phí trực tiếp liên quan đến vận hành tài sản trong thời gian sử dụng theo quy định của Chính phủ.</p> <p>4. Cơ quan nhà nước được sử dụng nhà ở công vụ, quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu và tài sản công khác để khai thác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan; việc quản lý, sử dụng số tiền thu được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p> <p><b>Điều 54. Sử dụng, quản lý vận hành tài sản</b></p>	<p>Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đã có quy định cụ thể về việc sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước; sử dụng, quản lý vận hành tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập</p>

		<p><b>công tại đơn vị sự nghiệp công lập</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Việc sử dụng tài sản công phải tuân thủ nguyên tắc quy định tại Điều 6 của Luật này.</li><li>2. Không được cho mượn, sử dụng tài sản công vào mục đích cá nhân.</li><li>3. Việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết được thực hiện theo quy định tại các điều 55, 56, 57 và 58 của Luật này và quy định của pháp luật có liên quan.</li><li>4. Đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng nhà ở công vụ, quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu và tài sản công khác để khai thác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan; việc quản lý, sử dụng số tiền thu được thực hiện theo quy định của pháp luật.</li><li>5. Đơn vị sự nghiệp công lập không được sử dụng tài sản công để thế chấp hoặc thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự khác trong các trường hợp sau đây:<ol style="list-style-type: none"><li>a) Tài sản công do Nhà nước giao;</li><li>b) Tài sản công được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước;</li><li>c) Quyền sử dụng đất, trừ trường hợp quyền sử dụng đất được sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết mà tiền thuê đất đã trả một lần cho cả thời gian thuê không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước</li></ol></li></ol>	
--	--	--	--

		<p>sau khi được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương cho phép đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc trung ương quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý.</p> <p>6. Việc quản lý vận hành, lập, quản lý hồ sơ về tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định áp dụng đối với cơ quan nhà nước tại Điều 35 và Điều 37 của Luật này.</p>	
<p><b>THTK, CLP trong quản lý, sử dụng nhà ở công vụ</b></p>	<p><b>Điều 43. Quản lý, sử dụng nhà ở công vụ</b></p> <p>1. Nhà ở công vụ được bố trí cho cán bộ, công chức để ở trong thời gian thực thi công vụ theo đúng đối tượng, định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Nhà ở công vụ bố trí không đúng đối tượng, sử dụng không đúng mục đích, không sử dụng hoặc đã hết thời hạn sử dụng theo hợp đồng phải bị thu hồi.</p> <p>2. Cơ quan quản lý nhà ở công vụ phải xây dựng và ban hành quy chế quản lý nhà ở công vụ, thực hiện ký hợp đồng với người được giao sử dụng nhà ở công vụ, định kỳ kiểm tra việc thực hiện hợp đồng, kiểm tra thu hồi nhà khi hết hạn hợp đồng.</p> <p>3. Người được giao sử dụng nhà ở công vụ phải thực hiện đúng quy chế quản lý nhà ở công vụ, sử dụng đúng mục đích, giữ gìn nhà ở và tài sản khác theo hồ sơ giao nhận;</p>	<p><b>Luật Nhà ở quy định</b></p> <p><b>Điều 45. Đối tượng và điều kiện được thuê nhà ở công vụ</b></p> <p>1. Đối tượng được thuê nhà ở công vụ bao gồm:</p> <p>a) Cán bộ lãnh đạo của Đảng, Nhà nước thuộc trường hợp ở nhà ở công vụ trong thời gian đảm nhận chức vụ;</p> <p>b) Cán bộ, công chức thuộc cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này được điều động, luân chuyển, biệt phái từ địa phương về cơ quan trung ương công tác giữ chức vụ từ Phó Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và tương đương trở lên; được điều động, luân chuyển, biệt phái từ cơ quan trung ương về địa phương công tác hoặc từ địa phương này đến địa phương khác để giữ chức</p>	<p>Chưa có sự đồng bộ, thống nhất giữa quy định tại Luật THTK, CLP với Luật Nhà ở</p> <p>- Theo Luật THTK, CLP, nhà ở công vụ chỉ được bố trí cho 02 đối tượng: cán bộ và công chức</p> <p>Theo Luật Nhà ở, đối tượng được thuê nhà ở công vụ ngoài cán bộ, công chức còn có các đối tượng khác: như sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, viên chức, giáo viên, nhân viên y tế,...</p> <p>- Theo Luật THTK, CLP, cơ quan quản lý nhà ở công vụ phải xây dựng và ban hành quy chế quản lý nhà ở công vụ. Tuy nhiên Luật Nhà ở không có quy</p>

	<p>không được tự ý cải tạo, sửa chữa, làm thay đổi kết cấu, công năng của nhà ở công vụ; không được chuyển đổi hoặc cho thuê lại dưới bất kỳ hình thức nào và phải trả lại cho cơ quan quản lý khi không còn thuộc đối tượng được thuê nhà ở công vụ hoặc khi không còn nhu cầu thuê nhà ở công vụ.</p>	<p>vụ từ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phó Giám đốc Sở và tương đương trở lên;</p> <p>c) Cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này được điều động, luân chuyển, biệt phái đến công tác tại xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, hải đảo;</p> <p>d) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân được điều động, luân chuyển, biệt phái theo yêu cầu quốc phòng, an ninh; công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc lực lượng vũ trang nhân dân được điều động, luân chuyển, biệt phái đến công tác tại xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, hải đảo; trừ trường hợp pháp luật quy định đối tượng thuộc điểm này phải ở trong doanh trại của lực lượng vũ trang nhân dân;</p> <p>đ) Giáo viên, bác sĩ, nhân viên y tế đến công tác tại khu vực nông thôn, xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, hải đảo;</p> <p>e) Nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ</p>	<p>định về nội dung này.</p>
--	---	--	------------------------------

khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ; nhân tài có đóng góp quan trọng cho quốc gia được cấp có thẩm quyền công nhận theo quy định của pháp luật;

g) Căn cứ điều kiện thực tế, Thủ tướng Chính phủ quyết định đối tượng không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này được bố trí nhà ở công vụ theo đề nghị của Bộ Xây dựng trên cơ sở tổng hợp đề xuất của các Bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**Điều 47. Quyền và nghĩa vụ của người thuê nhà ở công vụ**

2. Người thuê nhà ở công vụ có nghĩa vụ sau đây

a) Sử dụng nhà ở công vụ vào mục đích đề ở và phục vụ nhu cầu sinh hoạt cho bản thân và thành viên trong gia đình trong thời gian thuê nhà ở công vụ;

b) Giữ gìn nhà ở và trang thiết bị kèm theo; không được tự ý cải tạo, sửa chữa, phá dỡ nhà ở công vụ; trường hợp sử dụng căn hộ chung cư thì còn phải tuân thủ các quy định về quản lý, sử dụng nhà chung cư;

c) Không được cho thuê lại, cho mượn, ủy quyền quản lý nhà ở công vụ;

d) Trả tiền thuê nhà ở theo hợp đồng thuê nhà ở ký với bên cho thuê và thanh toán chi phí



		<p>phục vụ sinh hoạt khác theo quy định của bên cung cấp dịch vụ;</p> <p>đ) Trả lại nhà ở cho cơ quan, tổ chức được giao quản lý nhà ở công vụ trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nghỉ hưu theo chế độ quy định tại quyết định nghỉ hưu hoặc kể từ ngày chuyển công tác đến địa phương khác theo quyết định chuyển công tác hoặc không còn thuộc đối tượng được thuê nhà ở công vụ hoặc không còn đủ điều kiện được thuê nhà ở công vụ theo quy định tại Điều 45 của Luật này. Quá thời hạn quy định tại điểm này mà người thuê không trả lại nhà ở thì cơ quan có thẩm quyền cho thuê nhà ở công vụ quyết định thu hồi và cưỡng chế bàn giao nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 127 của Luật này. Việc thu hồi, cưỡng chế bàn giao nhà ở công vụ phải được thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng;</p> <p>e) Khi trả lại nhà ở công vụ, người thuê phải bàn giao nhà ở và trang thiết bị kèm theo nhà ở theo thỏa thuận trong hợp đồng thuê nhà ở công vụ;</p> <p>g) Nghĩa vụ khác về nhà ở theo quy định của pháp luật và thỏa thuận trong hợp đồng thuê nhà ở công vụ.</p>	
THTK, CLP trong quản lý, sử dụng công	<p><b>Điều 44. Quản lý, sử dụng công trình phúc lợi công cộng</b></p> <p>1. Công trình phúc lợi công cộng phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích. Công trình</p>	<p>Luật Đất đai 2024, Luật Xây dựng hiện hành không có khái niệm "<i>Công trình phúc lợi công cộng</i>".</p> <p><b>Khoản 2 Điều 6 Luật Đất đai 2024 quy</b></p>	<p>Chưa đảm bảo đồng bộ, thống nhất với Luật Đất đai, Luật Xây dựng về thuật ngữ.</p> <p>Bên cạnh đó, chủ thể được giao</p>

<p><b>trình lợi công</b></p> <p><b>phúc công</b></p>	<p>phúc lợi công cộng không đưa vào sử dụng, sử dụng kém hiệu quả phải bị thu hồi, giao cho cơ quan, tổ chức khác quản lý, sử dụng.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức được giao quản lý, sử dụng công trình phúc lợi công cộng có trách nhiệm:</p> <p>a) Xây dựng và ban hành quy chế quản lý công trình; xây dựng kế hoạch bảo quản, khai thác, tu bổ và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả;</p> <p>b) Xác định mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong quản lý, sử dụng công trình phúc lợi công cộng;</p> <p>c) Thực hiện giám sát, kiểm tra, quản lý việc sử dụng công trình phúc lợi công cộng.</p>	<p><b>định:</b></p> <p>"2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đối với việc sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích công ích; đất phi nông nghiệp đã giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã để sử dụng vào mục đích xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân, các công trình công cộng phục vụ hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí, chợ, nghĩa trang và công trình công cộng khác của xã, phường, thị trấn; đất tôn giáo, đất tín ngưỡng chưa giao quản lý, sử dụng."</p> <p><b>Điểm b khoản 1 Điều 143 Luật Đất đai 2024 quy định:</b></p> <p>"b) Đối với phần diện tích đất sử dụng vào mục đích xây dựng công trình công cộng phục vụ cho lợi ích chung của cộng đồng trong và ngoài khu đô thị, khu dân cư nông thôn theo dự án đầu tư và quy hoạch xây dựng chi tiết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì bản giao cho địa phương quản lý mà không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;"</p>	<p>quản lý, sử dụng công trình công cộng phục vụ hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí, chợ, nghĩa trang và công trình công cộng khác của xã, phường, thị trấn và công trình công cộng phục vụ cho lợi ích chung của cộng đồng trong và ngoài khu đô thị, khu dân cư nông thôn đều là cơ quan nhà nước ở địa phương nên không phát sinh việc thu hồi, giao cho cơ quan, tổ chức khác quản lý, sử dụng.</p>
<p><b>THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên</b></p>	<p><b>Điều 46. Nguyên tắc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên</b></p> <p>1. Phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch liên quan đến khai thác và bảo vệ tài nguyên đã được cấp có thẩm quyền phê</p>	<p><b>Luật Tài nguyên nước quy định:</b></p> <p><b>Điều 3. Nguyên tắc quản lý, bảo vệ, điều hoà, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra</b></p> <p>1. Bảo đảm chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích quốc gia, công bằng, hợp lý</p>	<p>Luật Tài nguyên nước, Luật Lâm nghiệp và các Luật chuyên ngành khác cơ bản đã có đầy đủ các quy định về nguyên tắc THTK, CLP trong quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên.</p> <p>Quy định tại Luật THTK, CLP cơ bản mang tính nguyên tắc</p>

	<p>duyet.</p> <p>2. Phải đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội và yêu cầu phát triển bền vững của quốc gia gắn với bảo vệ môi trường.</p> <p>3. Phải sử dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong khai thác, chế biến tài nguyên; bảo đảm quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm, đúng mục đích. Chỉ cấp phép khai thác, chế biến tài nguyên khi việc khai thác, chế biến tài nguyên đáp ứng được yêu cầu sử dụng tiến bộ khoa học, công nghệ.</p> <p>4. Bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, bảo vệ và phát triển rừng, các loại tài nguyên khác.</p>	<p>trong bảo vệ, điều hoà, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra; bảo đảm an ninh nguồn nước để mọi người dân được tiếp cận, sử dụng nước công bằng, hợp lý.</p> <p>2. Tài nguyên nước phải được quản lý tổng hợp, thống nhất về số lượng và chất lượng; giữa nước mặt và nước dưới đất; giữa thượng lưu và hạ lưu, kết hợp với quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác.</p> <p>3. Quản lý tài nguyên nước phải bảo đảm thống nhất theo lưu vực sông, theo nguồn nước, kết hợp với quản lý theo địa giới hành chính; phân công, phân cấp rõ trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước, nguồn nước với trách nhiệm quản lý nhà nước về quy hoạch, xây dựng, vận hành công trình thủy lợi, thủy điện, cấp nước đô thị, cấp nước nông thôn.</p> <p>4. Bảo vệ tài nguyên nước phải lấy phòng ngừa là chính, gắn với việc bảo vệ số lượng, chất lượng nước; bảo vệ, nâng cao chất lượng rừng gắn liền với bảo vệ, phát triển nguồn sinh thủy, chức năng nguồn nước.</p> <p>5. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải được kê khai, đăng ký, cấp phép, phù hợp với khả năng đáp ứng của nguồn nước, theo phương án điều hoà, phân phối tài nguyên nước và phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước; bảo đảm sử dụng tổng hợp, đa mục tiêu,</p>	<p>trùng lặp với quy định tại các Luật có liên quan.</p>
--	--	---	--

		<p>tiết kiệm, hiệu quả.</p> <p>6. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải phù hợp với quy luật, điều kiện tự nhiên; văn hóa, lịch sử, tôn giáo, tín ngưỡng; cơ chế thị trường, trình độ phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>7. Phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra phải có kế hoạch và biện pháp chủ động; bảo đảm kết hợp hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, địa phương, ngành, lĩnh vực; kết hợp giữa khoa học, công nghệ tiên tiến với kinh nghiệm truyền thống và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội.</p> <p>8. Quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có nội dung khai thác, sử dụng tài nguyên nước; kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt; kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh phải gắn với khả năng, chức năng nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước, bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu, không vượt quá ngưỡng khai thác nước dưới đất và phải phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước.</p> <p>9. Bảo vệ, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân.</p> <p><b>Luật Lâm nghiệp quy định:</b></p>	
--	--	---	--

		<p><b>Điều 3. Nguyên tắc hoạt động lâm nghiệp</b></p> <p>1. Rừng được quản lý bền vững về diện tích và chất lượng, bảo đảm hài hòa các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo tồn đa dạng sinh học, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng, giá trị dịch vụ môi trường rừng và ứng phó với biến đổi khí hậu.</p> <p>2. Xã hội hóa hoạt động lâm nghiệp; bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước với lợi ích của chủ rừng, tổ chức, cá nhân hoạt động lâm nghiệp.</p> <p>3. Bảo đảm tổ chức liên kết theo chuỗi từ bảo vệ rừng, phát triển rừng, sử dụng rừng đến chế biến và thương mại lâm sản để nâng cao giá trị rừng.</p> <p>4. Bảo đảm công khai, minh bạch, sự tham gia của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư liên quan trong hoạt động lâm nghiệp.</p> <p>5. Tuân thủ điều ước quốc tế liên quan đến lâm nghiệp mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này hoặc văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam chưa có quy định thì thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế đó.</p>	
<p><b>THTK, CLP trong</b></p>	<p><b>Điều 47. Quản lý, sử dụng đất</b> 1. Việc quản lý, sử dụng đất của cơ quan, tổ</p>	<p><b>Điều 31 Luật Đất đai quy định</b> <b>Điều 31. Nghĩa vụ chung của người sử dụng</b></p>	<p>Luật Đất đai đã quy định đầy đủ các nội dung về nghĩa vụ</p>

<p><b>quản lý, sử dụng đất</b></p>	<p>chức, hộ gia đình và cá nhân phải bảo đảm:</p> <p>a) Đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;</p> <p>b) Đúng mục đích sử dụng đất;</p> <p>c) Tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường và không làm tổn hại đến lợi ích chính đáng của người sử dụng đất có liên quan.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức được giao quản lý, sử dụng đất có trách nhiệm:</p> <p>a) Quản lý, sử dụng đất theo đúng quy định tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, quyết định giao đất, hợp đồng thuê đất và các quy định khác của pháp luật về đất đai;</p> <p>b) Xác định mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong quản lý, sử dụng đất và xây dựng kế hoạch, biện pháp để thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong quản lý, sử dụng đất; thực hiện quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>c) Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng đất; phát hiện và xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi sử dụng đất không đúng mục đích, các hành vi gây lãng phí đất.</p>	<p><b>đất</b></p> <p>1. Sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới thửa đất, đúng quy định về sử dụng độ sâu trong lòng đất và chiều cao trên không, bảo vệ các công trình công cộng trong lòng đất và tuân thủ quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Thực hiện kê khai đăng ký đất đai; thực hiện đầy đủ thủ tục khi chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Thực hiện biện pháp bảo vệ đất; xử lý, cải tạo và phục hồi đất đối với khu vực đất bị ô nhiễm, thoái hóa do mình gây ra.</p> <p>5. Tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường, không làm tổn hại đến tài sản và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất có liên quan.</p> <p>6. Tuân thủ quy định của pháp luật về việc tìm thấy vật trong lòng đất.</p> <p>7. Bàn giao lại đất khi Nhà nước có quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật</p>	<p>chung của người sử dụng; quyền hạn, trách nhiệm đối với việc thực hiện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đất đai đối với người sử dụng đất.</p> <p>Quy định tại Luật THTK, CLP cơ bản mang tính nguyên tắc trùng lặp với các quy định tại Luật Đất đai.</p>
------------------------------------	---	---	--

<p><b>THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước</b></p>	<p><b>Điều 48. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước</b></p> <p>1. Việc quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân phải bảo đảm:</p> <p>a) Đúng quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch tài nguyên nước;</p> <p>b) Đúng mục đích, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững;</p> <p>c) Không gây cản trở hoặc làm thiệt hại đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức được giao quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước có trách nhiệm:</p> <p>a) Xác định mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước;</p> <p>b) Xây dựng kế hoạch, biện pháp để thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước;</p> <p>c) Bảo vệ tài nguyên nước đang sử dụng;</p> <p>d) Thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước và</p>	<p><b>Luật Tài nguyên nước quy định:</b></p> <p><b>Điều 3. Nguyên tắc quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra</b></p> <p>4. Bảo vệ tài nguyên nước phải lấy phòng ngừa là chính, gắn với việc bảo vệ số lượng, chất lượng nước; bảo vệ, nâng cao chất lượng rừng gắn liền với bảo vệ, phát triển nguồn sinh thủy, chức năng nguồn nước.</p> <p>5. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải được kê khai, đăng ký, cấp phép, phù hợp với khả năng đáp ứng của nguồn nước, theo phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước và phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước; bảo đảm sử dụng tổng hợp, đa mục tiêu, tiết kiệm, hiệu quả.</p> <p><b>Điều 42. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước</b></p> <p>2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước có các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>b) Sử dụng nước đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và an toàn;</p> <p>c) Không gây cản trở hoặc làm thiệt hại đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước hợp</p>	<p>Luật Tài nguyên nước cơ bản đã quy định đầy đủ đối với việc quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước.</p> <p>Quy định tại Luật THTK, CLP cơ bản mang tính nguyên tắc, trùng lặp với quy định đã có tại Luật Tài nguyên nước.</p>
---	--	--	--

	<p>quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>đ) Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phát hiện và kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý hành vi làm ô nhiễm, hủy hoại, gây thất thoát, lãng phí tài nguyên nước.</p>	<p>pháp của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>d) Bảo vệ nguồn nước do mình trực tiếp khai thác, sử dụng;</p> <p>đ) Thực hiện nghĩa vụ về tài chính; bồi thường thiệt hại do mình gây ra trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật;</p> <p>e) Cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước, nghiên cứu khoa học và công nghệ về tài nguyên nước;</p> <p>g) Khi điều chỉnh, bổ sung quy mô khai thác, mục đích sử dụng tài nguyên nước thì phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp không phải đăng ký, cấp phép theo quy định tại Điều 52 của Luật này;</p> <p>h) Cắt, giảm hoặc tăng lượng nước khai thác hoặc điều chỉnh chế độ vận hành, khai thác nước của công trình khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>i) Tuân thủ hạn ngạch khai thác tài nguyên nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tài nguyên nước quy định;</p> <p>k) Thực hiện đúng các nội dung quy định trong giấy phép khai thác tài nguyên nước;</p> <p>l) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	
--	---	--	--



<p><b>THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản</b></p>	<p><b>Điều 49. Quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản</b></p> <p>1. Việc quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân phải bảo đảm:</p> <p>a) Phù hợp với chiến lược thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản, quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;</p> <p>b) Bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững;</p> <p>c) Theo đúng giấy phép khai thác khoáng sản do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp;</p> <p>d) Thực hiện tận thu triệt để trong khai thác khoáng sản và sử dụng hiệu quả các sản phẩm phụ hữu ích của hoạt động khai thác khoáng sản.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản có trách nhiệm:</p> <p>a) Xác định mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản;</p> <p>b) Xây dựng kế hoạch, biện pháp để thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản;</p>	<p><b>Điều 4, Điều 55 Luật Khoáng sản quy định Điều 4 Nguyên tắc hoạt động khoáng sản</b></p> <p>1. Hoạt động khoáng sản phải phù hợp với chiến lược, quy hoạch khoáng sản, phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản trong quy hoạch tỉnh, gắn với bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các tài nguyên thiên nhiên khác; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>2. Chỉ được tiến hành hoạt động khoáng sản khi được cơ quan quản lý thẩm quyền cho phép</p> <p>3. Thăm dò khoáng sản phải đánh giá đầy đủ trữ lượng, chất lượng các loại khoáng sản có trong khu vực thăm dò</p> <p>4. Khai thác khoáng sản phải lấy hiệu quả kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường làm tiêu chuẩn cơ bản để quyết định đầu tư; áp dụng công nghệ khai thác tiên tiến, phù hợp với quy mô, đặc điểm từng mỏ, loại khoáng sản để thu hồi tối đa khoáng sản</p> <p><b>Điều 55 Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản</b></p> <p>2. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính</p>	<p>Luật Khoáng sản cơ bản đã quy định đầy đủ về quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản.</p> <p>Quy định tại Luật THTK, CLP cơ bản mang tính nguyên tắc, trùng lặp với nội dung đã được quy định tại Luật Khoáng sản.</p>
--	---	--	--

	<p>c) Thực hiện khai thác đúng chủng loại, kỹ thuật, trữ lượng khoáng sản ghi trong giấy phép; ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường sau khi khai thác khoáng sản;</p> <p>d) Thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản và quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>đ) Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc khai thác, sử dụng khoáng sản; phát hiện và kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý hành vi làm ô nhiễm, hủy hoại môi trường, gây thất thoát, lãng phí khoáng sản.</p>	<p>khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ;</p> <p>c) Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện;</p> <p>d) Khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm; bảo vệ tài nguyên khoáng sản; thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động và các biện pháp bảo vệ môi trường;</p> <p>đ) Thu thập, lưu giữ thông tin về kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản;</p> <p>e) Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>g) Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra;</p> <p>h) Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khác tiến hành hoạt động nghiên cứu khoa học được Nhà nước cho phép trong khu vực khai thác khoáng sản;</p> <p>i) Đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường và đất đai khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực;</p>	
--	--	--	--

		k) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật	
<p><b>THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên rừng</b></p>	<p><b>Điều 50. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên rừng</b></p> <p>1. Việc quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên rừng của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân phải bảo đảm:</p> <p>a) Phù hợp với chiến lược phát triển lâm nghiệp, quy hoạch lâm nghiệp và kế hoạch phát triển lâm nghiệp, quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;</p> <p>b) Bảo vệ, chống cháy rừng và phát triển bền vững tài nguyên rừng;</p> <p>c) Kết hợp bảo vệ và phát triển rừng với khai thác hợp lý để phát huy hiệu quả tài nguyên rừng;</p> <p>d) Bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước với chủ rừng, giữa lợi ích kinh tế của rừng với lợi ích phòng hộ, bảo vệ môi trường và bảo tồn tài nguyên.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được giao quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên rừng có trách nhiệm:</p> <p>a) Xác định mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên rừng;</p> <p>b) Xây dựng kế hoạch, biện pháp để thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu</p>	<p><b>Luật Lâm nghiệp</b></p> <p><b>Điều 14 Nguyên tắc giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng</b></p> <p>1. Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.</p> <p><b>Điều 3 Nguyên tắc hoạt động lâm nghiệp</b></p> <p>2. Xã hội hóa hoạt động lâm nghiệp; bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước với lợi ích của chủ rừng, tổ chức, cá nhân hoạt động lâm nghiệp.</p> <p>3. Bảo đảm tổ chức liên kết theo chuỗi từ bảo vệ rừng, phát triển rừng, sử dụng rừng đến chế biến và thương mại lâm sản để nâng cao giá trị rừng.</p> <p><b>Điều 39. Phòng cháy và chữa cháy rừng</b></p> <p>1. Chủ rừng phải lập và thực hiện phương án phòng cháy và chữa cháy rừng; chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>2. Mọi trường hợp sử dụng lửa trong rừng, gần rừng để dọn nương rẫy, dọn đồng ruộng, chuẩn bị đất trồng rừng, đốt trước mùa khô hanh hoặc dùng lửa vì mục đích khác, người sử dụng lửa phải thực hiện các biện pháp phòng cháy và chữa cháy rừng.</p>	<p>Luật Lâm nghiệp cơ bản đã có đầy đủ các quy định về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên rừng.</p> <p>Quy định tại Luật THTK, CLP cơ bản mang tính nguyên tắc, không có thêm nội hàm khác.</p>

	<p>chống lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên rừng;</p> <p>c) Sử dụng đúng mục đích, đúng ranh giới đã quy định trong quyết định giao, cho thuê rừng và theo quy chế quản lý rừng;</p> <p>d) Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc khai thác, sử dụng tài nguyên rừng; phát hiện và kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý hành vi làm ô nhiễm, hủy hoại, gây thất thoát, lãng phí tài nguyên rừng.</p>	<p>3. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tiến hành hoạt động trong rừng, xây dựng công trình ở trong rừng, ven rừng phải chấp hành quy định về phòng cháy và chữa cháy; thực hiện biện pháp phòng cháy và chữa cháy rừng của chủ rừng.</p> <p>4. Khi xảy ra cháy rừng, chủ rừng phải kịp thời chữa cháy rừng, thông báo ngay cho cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; khắc phục hậu quả sau cháy rừng và báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp chữa cháy rừng kịp thời.</p> <p>5. Trường hợp cháy rừng xảy ra trên diện rộng có nguy cơ gây thảm họa dẫn đến tình trạng khẩn cấp, việc chữa cháy rừng phải thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.</p> <p>6. Kiểm lâm chủ trì, phối hợp với lực lượng cảnh sát phòng cháy và chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn hướng dẫn chủ rừng xây dựng phương án phòng cháy và chữa cháy rừng.</p>	
<p><b>THTK, CLP trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong cơ quan nhà nước</b></p>	<p><b>Điều 55. Quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong cơ quan nhà nước</b></p> <p>1. Tuyển dụng công chức trong cơ quan, tổ chức phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và trong phạm vi biên chế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định; bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, khách quan và theo quy định của pháp luật</p>	<p><b>Luật Cán bộ, công chức</b></p> <p><b>Điều 25. Đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ</b></p> <p>1. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phải căn cứ vào tiêu chuẩn, chức vụ, chức danh cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ và phù hợp với quy hoạch cán bộ.</p> <p><b>Điều 35 Căn cứ tuyển dụng công chức</b></p>	<p>Luật Cán bộ, công chức cơ bản đã có đầy đủ các quy định về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng viên chức tại cơ quan nhà nước.</p> <p>Quy định tại Luật THTK, CLP cơ bản trùng lặp, không có nội hàm khác.</p>

	<p>về cán bộ, công chức.</p> <p>2. Đào tạo nguồn lực, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức phải căn cứ vào kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, yêu cầu của vị trí công việc, trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn, ngạch cán bộ, công chức. Việc nâng ngạch, chuyển ngạch, bổ nhiệm cán bộ, công chức phải theo đúng quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.</p> <p>3. Việc sử dụng lao động, thời gian lao động phải trên cơ sở tổ chức công việc hợp lý, khoa học, hiệu quả và gắn với cải cách hành chính.</p> <p>4. Cơ quan, tổ chức, người đứng đầu cơ quan, tổ chức phải xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; xây dựng kế hoạch sử dụng thời gian lao động, xử lý công việc phù hợp; xây dựng quy định về kỷ luật lao động phù hợp với quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về cán bộ, công chức.</p>	<p>Việc tuyển dụng công chức phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế</p> <p><b>Điều 38 Nguyên tắc tuyển dụng công chức</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.</li> <li>2. Bảo đảm tính cạnh tranh</li> <li>3. Tuyển chọn đúng người đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và vị trí việc làm</li> <li>4. Ưu tiên tuyển chọn người có tài năng, người có công với nước, người dân tộc thiểu số</li> </ol> <p><b>Điều 47 Chế độ đào tạo, bồi dưỡng công chức</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nội dung, chương trình, hình thức, thời gian đào tạo, bồi dưỡng công chức phải căn cứ vào tiêu chuẩn chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý, tiêu chuẩn của ngạch công chức và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.</li> </ol>	
<p><b>THTK, CLP trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong đơn vị sự</b></p>	<p><b>Điều 56. Quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tuyển dụng viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập phải trên cơ sở tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm và yêu cầu công việc; bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, khách quan; đề cao trách</li> </ol>	<p><b>Luật Viên chức</b></p> <p><b>Điều 20 Căn cứ tuyển dụng</b></p> <p>Việc tuyển dụng viên chức phải căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp và quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp công lập</p>	<p>Luật Viên chức cơ bản đã có đầy đủ các quy định về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <p>Quy định tại Luật THTK, CLP cơ bản trùng lặp, không có nội</p>

<p><b>ng nghiệp công lập</b></p>	<p>nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và theo quy định của pháp luật về viên chức.</p> <p>2. Đào tạo, bồi dưỡng lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập phải căn cứ vào tiêu chuẩn chức vụ quản lý, chức danh nghề nghiệp, yêu cầu cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp.</p> <p>3. Đơn vị sự nghiệp công lập phải tổ chức công việc hợp lý, khoa học, gắn với yêu cầu nâng cao chất lượng phục vụ và hiệu quả hoạt động sự nghiệp.</p> <p>4. Đơn vị sự nghiệp công lập phải xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại viên chức theo đúng quy định của pháp luật về viên chức; xây dựng kế hoạch sử dụng thời gian lao động, xử lý công việc phù hợp; xây dựng quy định về kỷ luật lao động phù hợp với quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về viên chức.</p>	<p><b>Điều 21 Nguyên tắc tuyển dụng</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, khách quan và đúng pháp luật</li> <li>2. Bảo đảm tính cạnh tranh</li> <li>3. Tuyển chọn đúng người đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm</li> <li>4. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập</li> <li>5. Ưu tiên người có tài năng, người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số</li> </ol> <p><b>Điều 33 Chế độ đào tạo, bồi dưỡng viên chức</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Việc đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện đối với viên chức trước khi bổ nhiệm chức vụ quản lý, thay đổi chức danh nghề nghiệp hoặc nhằm bổ sung, cập nhật kiến thức, kỹ năng phục vụ hoạt động nghề nghiệp.</li> <li>2. Nội dung, chương trình, hình thức, thời gian đào tạo, bồi dưỡng viên chức phải căn cứ vào tiêu chuẩn chức vụ quản lý, chức danh nghề nghiệp, yêu cầu bổ sung, cập nhật kiến thức, kỹ năng phục vụ hoạt động nghề nghiệp.</li> <li>3. Hình thức đào tạo, bồi dưỡng viên chức gồm: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ quản lý;</li> <li>b) Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề</li> </ol> </li> </ol>	<p>hàm khác.</p>
----------------------------------	---	--	------------------

		<p>nghiệp;</p> <p>c) Bồi dưỡng nhằm bổ sung, cập nhật kiến thức, kỹ năng phục vụ hoạt động nghề nghiệp.</p> <p>4. Các bộ, cơ quan ngang bộ được giao quản lý nhà nước về các lĩnh vực hoạt động của viên chức quy định chi tiết về nội dung, chương trình, hình thức, thời gian đào tạo, bồi dưỡng viên chức làm việc trong ngành, lĩnh vực được giao quản lý.</p> <p><b>Điều 34. Trách nhiệm đào tạo, bồi dưỡng viên chức</b></p> <p>1. Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức.</p> <p>2. Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm tạo điều kiện để viên chức được tham gia đào tạo, bồi dưỡng.</p> <p>3. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức do viên chức, nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các nguồn khác bảo đảm.</p>	
<p><b>THTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp</b></p>	<p><b>Điều 59. Quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp</b></p> <p>1. Việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp phải trên cơ sở hiệu quả sử dụng, đa dạng hóa nguồn vốn, có cơ cấu vốn hợp lý, tiết kiệm; đúng mục đích, chế độ theo quy định của pháp luật và điều lệ doanh</p>	<p><b>Luật Quản lý vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp</b></p> <p><b>Điều 48. Quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước</b></p> <p>2. Báo cáo kịp thời về việc công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả</p>	<p>Quy định về THTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại Luật THTK, CLP cơ bản trùng lặp với quy định tại Luật Quản lý vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, không có nội</p>

	<p>nghiệp.</p> <p>2. Người đại diện theo ủy quyền phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp có trách nhiệm theo dõi, giám sát tình hình hoạt động, kinh doanh của doanh nghiệp liên quan đến hiệu quả của vốn góp, kịp thời phát hiện các sai phạm phát sinh, tình trạng sử dụng vốn kém hiệu quả, nguy cơ mất vốn, báo cáo kịp thời chủ sở hữu.</p>	<p>năng thanh toán, không hoàn thành nhiệm vụ được giao và những trường hợp sai phạm khác.</p> <p>3. Định kỳ hằng quý, hằng năm và đột xuất theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu, người đại diện phần vốn nhà nước tổng hợp, báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh, tình hình tài chính và kiến nghị giải pháp.</p>	hàm khác.
<p><b>THTK, CLP trong quản lý, sử dụng đất và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp</b></p>	<p><b>Điều 60. Quản lý, sử dụng đất và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp</b></p> <p>1. Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại doanh nghiệp phải trên cơ sở nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sử dụng tài sản. Việc quản lý, sử dụng đất phải bảo đảm đúng mục đích ghi trong quyết định giao đất, hợp đồng cho thuê đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>2. Người quản lý doanh nghiệp có trách nhiệm:</p> <p>a) Xây dựng quy chế quản lý, sử dụng hiệu quả đất và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp;</p> <p>b) Hàng năm, tổ chức công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ, đánh giá tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong doanh</p>	<p><b>Luật Quản lý sử dụng tài sản công quy định Điều 97. Tài sản công tại doanh nghiệp</b></p> <p>1. Tài sản công do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý và đã được tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.</p> <p>2. Tài sản công do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.</p> <p><b>Điều 98. Quản lý, sử dụng tài sản công do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý và đã được tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp</b></p> <p>1. Việc quản lý, sử dụng tài sản công do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý và đã được tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.</p>	<p>Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp cơ bản đã có đầy đủ quy định về quản lý, sử dụng đất và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.</p> <p>Quy định tại Luật THTK, CLP cơ bản mang tính nguyên tắc, không có nội hàm cụ thể.</p>



	<p>ngành; kịp thời phát hiện các trường hợp sai phạm để xử lý theo quy định của pháp luật.</p>	<p>2. Việc trang bị, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh lãnh đạo tại doanh nghiệp nhà nước được thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức do Chính phủ quy định.</p> <p><b>Điều 99. Quản lý, sử dụng tài sản công do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp</b></p> <p>1. Việc quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>a) Doanh nghiệp có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản được giao đúng mục đích, công năng sử dụng của tài sản; không được sử dụng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự, góp vốn hoặc chuyển giao quyền sở hữu cho tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>b) Kinh phí sửa chữa, bảo trì tài sản do doanh nghiệp bảo đảm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;</p> <p>c) Doanh nghiệp có trách nhiệm hạch toán, tính hao mòn tài sản được giao theo quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền khi giao tài sản;</p> <p>d) Số tiền thu được từ khai thác tài sản công được sử dụng để chi trả các chi phí có liên quan, trả nợ vốn vay, vốn huy động (nếu có), thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước</p>	
--	--	---	--

		<p>theo quy định của pháp luật, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước;</p> <p>đ) Số tiền thu được từ xử lý tài sản công được sử dụng để chi trả các chi phí có liên quan, trả nợ vốn vay, vốn huy động (nếu có), phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.</p> <p>2. Các nội dung về hình thành, quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp không được quy định tại khoản 1 Điều này được áp dụng theo các quy định có liên quan tại Mục 5 Chương III, Chương IV, Mục 1 Chương VI, Chương VII của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p><b>Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp đã có đầy đủ các quy định về quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.</b></p>	
<p><b>THTK, CLP tại doanh nghiệp nhà nước</b></p>	<p><b>Điều 61. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại doanh nghiệp nhà nước</b></p> <p>1. Ngoài việc thực hiện quy định tại Điều 59 và Điều 60 của Luật này, doanh nghiệp nhà nước còn phải thực hiện các quy định sau đây:</p> <p>a) Thực hiện chế độ về quản lý tài chính, quy định về giám sát tài chính theo quy định của pháp luật;</p>	<p><b>Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp quy định:</b></p> <p><b>Điều 42. Quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ</b></p> <p>...2. Đối với doanh nghiệp do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập:</p> <p>...k) Giám sát, kiểm tra, thanh tra việc quản</p>	<p>Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp đã có đầy đủ các quy định về quản lý tài chính, giám sát tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.</p> <p>Quy định tại Luật THTK, CLP cơ bản mang tính nguyên tắc,</p>

<p>b) Xác định và xây dựng đồng bộ các giải pháp thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn, các quỹ, tài sản trong doanh nghiệp;</p> <p>c) Kiểm tra, phát hiện kịp thời các hành vi gây lãng phí phát sinh tại doanh nghiệp;</p> <p>d) Thực hiện khuyến khích đối với những cơ quan, tổ chức, cá nhân đã có các phát hiện lãng phí xảy ra trong doanh nghiệp, khen thưởng đối với những người có thành tích trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.</p> <p>2. Người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm:</p> <p>a) Xây dựng, đăng ký với chủ sở hữu mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về tiết kiệm, tiết giảm chi phí sản xuất, kinh doanh hàng năm và dài hạn của doanh nghiệp;</p> <p>b) Đề ra các biện pháp, giải pháp để thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, tiết giảm chi phí, công khai đến người lao động trong doanh nghiệp;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm đã đăng ký, định kỳ hàng năm báo cáo chủ sở hữu và cơ quan quản lý có liên quan về kết quả thực hiện;</p> <p>d) Tổ chức kiểm tra, kiểm soát nội bộ, thực hiện tự kiểm tra, rà soát, báo cáo giám sát tài chính để phát hiện kịp thời các sai phạm</p>	<p>lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển, việc tuyển dụng lao động, thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp; có ý kiến về việc giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền đối với hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp;</p> <p><b>Điều 43. Quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên</b></p> <p>...3. Giám sát việc thu hồi vốn đầu tư, thu lợi nhuận, cổ tức được chia từ công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.</p> <p>...5. Kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động của người đại diện phần vốn nhà nước.</p> <p>6. Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn nhà nước.</p>	<p>không có thêm nội hàm khác.</p>
--	---	------------------------------------

	trong quản lý, sử dụng vốn và các quỹ của doanh nghiệp.		
<b>Về xử lý hành vi vi phạm</b>	<p><b>Điều 78. Xử lý vi phạm và bồi thường thiệt hại</b></p> <p>1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại các điều 27, 32, 45, 53 và 58 của Luật này; không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của Luật này để xảy ra lãng phí thì bị xử lý như sau:</p> <p>a) Có trách nhiệm giải trình theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý trực tiếp, cơ quan cấp trên, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành;</p> <p>b) Bồi thường một phần hoặc toàn bộ thiệt hại theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Tùy theo mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức không trực tiếp vi phạm nhưng để xảy ra lãng phí trong cơ quan, tổ chức, để xảy ra hành vi lãng phí của người do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ hoặc không xử lý hành vi lãng phí theo thẩm quyền thì bị xử lý như sau:</p> <p>a) Có trách nhiệm giải trình theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân cấp trên, cơ quan</p>	<p><b>Tại khoản 4 Điều 8 Nghị định 112/2020/NĐ-CP của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức, quy định:</b></p> <p><b>Điều 8. Áp dụng hình thức kỷ luật khiển trách đối với cán bộ, công chức</b></p> <p>Hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với cán bộ, công chức có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả ít nghiêm trọng, trừ các hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này, thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>...4. Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống tội phạm; phòng, chống tệ nạn xã hội; trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;</p> <p><b>Điều 9. Áp dụng hình thức kỷ luật cảnh cáo đối với cán bộ, công chức</b></p> <p>Hình thức kỷ luật cảnh cáo áp dụng đối với cán bộ, công chức có hành vi vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách theo quy định tại Điều 8 Nghị định này mà tái phạm;</p> <p>2. Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 8 Nghị định này;</p>	<p>Luật THTK, CLP không quy định cụ thể chế tài xử lý mà dẫn chiếu việc xử lý đến các quy định pháp luật chuyên ngành (xử lý kỷ luật theo Luật cán bộ công chức, XPVPHC theo Luật XLVPHC, truy cứu trách nhiệm hình sự theo Bộ Luật hình sự).</p>

<p>thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành;</p> <p>b) Tùy theo mức độ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp phải chịu trách nhiệm liên đới về việc để xảy ra lãng phí trong cơ quan, tổ chức cấp dưới và trong cơ quan, tổ chức do cấp phó của mình trực tiếp phụ trách và bị xử lý như sau:</p> <p>a) Có trách nhiệm giải trình theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân cấp trên, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành;</p> <p>b) Tùy theo mức độ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức được xem xét giảm trách nhiệm pháp lý quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này nếu đã thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi lãng phí; xử lý nghiêm minh, báo cáo kịp thời với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về hành vi lãng phí.</p> <p>5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>3. Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả ít nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý không thực hiện đúng, đầy đủ chức trách, nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công;</p> <p>b) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong phạm vi phụ trách mà không có biện pháp ngăn chặn.</p> <p><b>Điều 10. Áp dụng hình thức kỷ luật hạ bậc lương đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý</b></p> <p>Hình thức kỷ luật hạ bậc lương áp dụng đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo theo quy định tại Điều 9 Nghị định này mà tái phạm;</p> <p>2. Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 8 Nghị định này.</p> <p><b>Điều 11. Áp dụng hình thức kỷ luật giáng chức đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý</b></p> <p>Hình thức kỷ luật giáng chức áp dụng đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc</p>	
--	--	--

		<p>một trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo theo quy định tại Điều 9 Nghị định này mà tái phạm;</li> <li>2. Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này;</li> <li>3. Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 8 Nghị định này.</li> </ol> <p><b>Điều 12. Áp dụng hình thức kỷ luật cách chức đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý</b></p> <p>Hình thức kỷ luật cách chức áp dụng đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức giáng chức theo quy định tại Điều 11 Nghị định này mà tái phạm hoặc cán bộ đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo theo quy định tại Điều 9 Nghị định này mà tái phạm;</li> <li>2. Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này;</li> <li>3. Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 8 Nghị định này nhưng chưa đến mức buộc thôi việc, người vi</li> </ol>	
--	--	--	--

		<p>phạm có thái độ tiếp thu, sửa chữa, chủ động khắc phục hậu quả và có nhiều tinh tiết giảm nhẹ;</p> <p>4. Sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm vào chức vụ.</p> <p><b>Điều 13. Áp dụng hình thức kỷ luật buộc thôi việc đối với công chức</b></p> <p>Hình thức kỷ luật buộc thôi việc áp dụng đối với công chức có hành vi vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc hạ bậc lương đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý mà tái phạm;</li> <li>2. Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 8 Nghị định này;</li> <li>3. Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp để được tuyển dụng vào cơ quan, tổ chức, đơn vị;</li> <li>4. Nghiện ma túy; đối với trường hợp này phải có kết luận của cơ sở y tế hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền;</li> <li>5. Ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này, hình thức kỷ luật buộc thôi việc còn được áp dụng đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả đặc biệt nghiêm</li> </ol>	
--	--	--	--

trọng thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này.

**Bộ Luật Hình sự quy định**

**Điều 179. Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp**

1. Người nào có nhiệm vụ trực tiếp trong công tác quản lý tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, vì thiếu trách nhiệm mà để mất mát, hư hỏng, lãng phí gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt cảnh cáo hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

**Điều 219. Tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí**

1. Người nào được giao quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước mà vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản, gây thất thoát, lãng phí từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 12 năm:

a) Vi vụ lợi;



		<p>b) Có tổ chức;</p> <p>c) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;</p> <p>d) Gây thất thoát, lãng phí từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng.</p> <p>3. Phạm tội gây thất thoát, lãng phí 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p> <p><b>Nghị định 63/2019/NĐ-CP đã có quy định cụ thể về việc XPVPHC đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực THTK, CLP</b></p>	
--	--	--	--



## **PHỤ LỤC DỰ KIẾN MỘT SỐ HÀNH VI GÂY LÃNG PHÍ**

### **I/ Hành vi gây lãng phí trong lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ, giao dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước**

1. Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ và giao dự toán không đúng thẩm quyền, trình tự, nội dung và thời gian, không đúng đối tượng, vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ.
2. Sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước không đúng mục đích, đối tượng, dự toán được giao; vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ, không hiệu quả.
3. Quyết toán chi ngân sách nhà nước không đúng thủ tục, sai nội dung, đối tượng, vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ; duyệt quyết toán chậm, trì hoãn quyết toán sai quy định của pháp luật.
4. Quản lý, sử dụng quỹ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và các quỹ thành lập theo quy định của pháp luật không đúng mục đích, tôn chỉ của quỹ; không đúng quy chế hoạt động và cơ chế tài chính của quỹ.
5. Thực hiện vay trái với quy định của pháp luật; vay vượt quá khả năng cân đối của ngân sách.
6. Sử dụng ngân sách nhà nước để cho vay, tạm ứng, góp vốn trái với quy định của pháp luật.
7. Trì hoãn việc chi ngân sách khi đã bảo đảm các điều kiện chi theo quy định của pháp luật.
8. Một số hành vi gây lãng phí cụ thể khác trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, đào tạo...

### **II/ Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công**

1. Quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án không phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; không xác định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; không đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.
2. Quyết định đầu tư chương trình, dự án khi chưa được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định; quyết định đầu tư hoặc quyết định điều chỉnh chương trình, dự án không đúng với các nội dung về mục tiêu, địa điểm, cơ cấu nguồn vốn, vượt tổng mức đầu tư trong chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Quyết định điều chỉnh tổng vốn đầu tư của

chương trình, tổng mức đầu tư của dự án trái với quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. Chủ chương trình, chủ đầu tư thông đồng với tổ chức tư vấn, nhà thầu dẫn tới quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình, dự án gây thất thoát, lãng phí vốn, tài sản của Nhà nước, tài nguyên của quốc gia

4. Yêu cầu tổ chức, cá nhân tự bỏ vốn đầu tư khi chương trình, dự án chưa được quyết định chủ trương đầu tư, chưa được phê duyệt, gây nợ đọng xây dựng cơ bản

5. Sử dụng vốn đầu tư công không đúng mục đích, không đúng đối tượng, vượt tiêu chuẩn, định mức theo quy định của pháp luật.

6. Chậm giải ngân vốn đầu tư công.

7. Không quyết toán, chậm quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

### **III/ Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước trong dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư**

1. Quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP có sử dụng vốn nhà nước không phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; không xác định được nguồn vốn nhà nước trong dự án PPP đối với dự án có yêu cầu sử dụng vốn nhà nước; không đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Phê duyệt dự án PPP có sử dụng vốn nhà nước khi chưa có chủ trương đầu tư; không phù hợp với chủ trương đầu tư; không đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật này.

3. Sử dụng vốn nhà nước không đúng mục đích theo quy định.

### **IV/ Hành vi gây lãng phí trong đầu tư xây dựng, mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công, nhà ở thuộc tài sản công**

1. Đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng tài sản công không đúng mục đích, đối tượng, chế độ, vượt tiêu chuẩn, định mức.

2. Giao tài sản công cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân vượt tiêu chuẩn, định mức, không đúng đối tượng hoặc giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân không có nhu cầu sử dụng.

3. Sử dụng xe ô tô và tài sản công khác do tổ chức, cá nhân tặng cho không đúng mục đích, chế độ, vượt tiêu chuẩn, định mức.

4. Sử dụng hoặc không sử dụng tài sản công được giao gây lãng phí; sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết không phù hợp với mục đích sử dụng của tài sản, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ do Nhà nước giao; sử dụng tài sản công để kinh doanh trái pháp luật.
5. Xử lý tài sản công trái quy định của pháp luật.
6. Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản công.
7. Chiếm đoạt, chiếm giữ, sử dụng trái phép tài sản công.
8. Quyết định cho thuê, thuê mua, mua nhà ở thuộc tài sản công không đúng đối tượng, điều kiện.
9. Không thực hiện thu hồi đối với các trường hợp thuộc diện thu hồi, cưỡng chế thu hồi nhà ở thuộc tài sản công.
10. Không xử lý theo thẩm quyền hoặc không báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý kịp thời đối với tài sản công thuộc đối tượng sắp xếp lại, xử lý mà không sử dụng được, không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng hiệu quả thấp, không đạt mục tiêu đã định.
11. Không xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời đối với phương tiện đi lại, phương tiện, thiết bị làm việc và phương tiện thông tin, liên lạc không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả.
12. Thiếu trách nhiệm trong việc bảo quản phương tiện đi lại, phương tiện, thiết bị làm việc và phương tiện thông tin, liên lạc gây hư hỏng, thất thoát tài sản.

#### **V/ Hành vi gây lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, năng lượng**

1. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên không đúng quy hoạch, kế hoạch, quy trình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
2. Gây ô nhiễm, hủy hoại tài nguyên, năng lượng quốc gia; không thực hiện các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường.
3. Giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất không đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; sử dụng đất không đúng mục đích, không hiệu quả; chậm đưa vào sử dụng theo quyết định giao đất, hợp đồng thuê đất; không thực hiện đúng thời hạn trả lại đất theo quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; bỏ hoang, không khai thác hết diện tích được giao.

4. Giải phóng mặt bằng, thực hiện dự án chậm so với tiến độ đã được phê duyệt do nguyên nhân chủ quan; thực hiện dự án, khởi công công trình trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
5. Quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng nhà ở không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở đã được phê duyệt.
6. Không thực hiện phân loại, xử lý tái chế chất thải theo quy định của pháp luật; gây khó khăn, cản trở cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, thực hiện các dự án sử dụng tài nguyên tái chế.
7. Cấp phép khai thác, chế biến tài nguyên không đáp ứng được yêu cầu sử dụng tiến bộ khoa học, công nghệ.
8. Cấp giấy phép xây dựng cho công trình xây dựng không tuân thủ định mức về sử dụng năng lượng, quy chuẩn kỹ thuật nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
9. Không áp dụng các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong quy hoạch hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không;
10. Không xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch hệ thống thủy lợi tại địa phương;
11. Không thực hiện quy hoạch vùng trồng cây nguyên liệu cho sản xuất nhiên liệu sinh học đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

## **VI/ Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước**

1. Tuyển dụng công chức không căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế; tuyển dụng sai đối tượng, không đúng quy định hoặc thẩm quyền.
2. Tuyển dụng vào biên chế, ký hợp đồng lao động xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động không xác định thời hạn đối với những công việc có thể áp dụng hình thức hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng hoặc tuyển dụng theo hình thức ngược lại.
3. Tuyển dụng viên chức không căn cứ vào yêu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp công lập.
4. Bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức không căn cứ vào yêu cầu công việc, trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn, ngạch, chức danh theo quy định.

5. Đào tạo, bồi dưỡng không đúng kế hoạch, không căn cứ vào yêu cầu cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và năng lực của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.
6. Sử dụng thời gian lao động vào việc riêng, sử dụng thời gian lao động không hiệu quả.
7. Giao biên chế cao hơn so với nhu cầu thực tế, không phù hợp với tiến bộ khoa học, trình độ tay nghề của người lao động.

## **VII/ Hành vi gây lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp**

1. Quản lý, sử dụng vốn nhà nước kém hiệu quả, gây thất thoát;
2. Quyết định đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp không đúng thẩm quyền, phạm vi, trình tự, thủ tục.
3. Thực hiện không đúng quy định về quản lý, sử dụng vốn, tài sản của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và quản lý phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.
4. Thực hiện không đúng quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước trong việc đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
5. Quản lý nợ dẫn đến thất thoát vốn chủ sở hữu hoặc bán nợ dẫn đến doanh nghiệp bị thua lỗ, mất vốn, mất khả năng thanh toán, giải thể, phá sản
6. Trích lập và quản lý, sử dụng các quỹ không đúng mục đích, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;
7. Không ban hành quy chế hoạt động và quản lý, sử dụng vốn, tài sản của doanh nghiệp tại nước ngoài
8. Không thực hiện giám sát, đánh giá thường xuyên về hiệu quả đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp;
9. Không thực hiện báo cáo định kỳ 06 tháng và hằng năm cho cơ quan đại diện chủ sở hữu về tiến độ thực hiện đối với dự án đang trong quá trình đầu tư; về hiệu quả đầu tư đối với dự án đang hoạt động